

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

LỜI CÁCH-NGÔN CỦA VUA MARC-AURÈLE (1)

II

71. — Dù thiên-hạ chửi rủa ta thế nào mặc lòng, dù ta bị giống ác-thù nó cắn xé thân-thể ta thế nào mặc lòng, — thân-thể chẳng qua là cái vỏ bọc bên ngoài mà thôi. — ta vẫn có thể sống một cách bình-tĩnh yên-ổn, không phải miễn-cưỡng khó lòng chi. Vì cho dầu gặp những nông-nổ ấy, có gì ngăn được tư-tưởng ta không giữ được bình-thường, không phán - đoán mọi vật quanh mình được đích-đáng, không hưởng-dụng mọi vật thuộc mình được dung-dĩ? Phải làm thế nào cho trí phán-đoán (*le jugement*) có thể bảo vệ bị phán-đoán (*l'objet*) rằng: « Chính mày là thế này, chứ không phải như thiên-hạ cho mày là thế kia đâu; » lại phải làm thế nào cho quyền hưởng-dụng (*l'Usage*) có thể bảo cái cơ-hội ngoài (*la Circonstance*) rằng: « Ta vẫn tìm mĩ, nay mới gặp. Vì sự hiện-tại đối với ta vẫn đủ khiến cho ta biết phải-chăng và biết hòa-hợp, biết cư-xử cho hợp với đạo người và đạo Trời. Bất-cứ cái gì xảy đến cũng là mối liên-lạc ta với Trời và với người cả, cho nên không cái gì là khó, không cái gì là lạ, gì cũng dễ, gì cũng quen cả. »

72. — Cái xấu của mình, có thể tránh được, lại không tránh; cái xấu của người, không thể tránh được, lại cố tránh; thật cũng nực cười !

73. — Đã làm ơn cho người, người đã được ơn mình, sao còn cưỡng-dại mà cầu cái gì nữa: muốn tỏ là mình đã

làm ơn, hay muốn đòi cho người phải biết ơn ?

74. — Sự ích-lợi không ai chán; ích-lợi là hợp với lẽ thiên-nhiên. Vậy việc ích-lợi cho mình, lại ích-lợi cho người, không nên chán.

75. — Những bậc vua-chúa như ALEXANDRE, CÉSAR, POMPÉE, sánh với những bậc hiền-triết như DIOGÈNE, HÉRACLITE, SOCRATE, có vào đâu? Vì bậc hiền-triết biết sự-vật, biết nguyên-nhân, bản-tính của sự-vật; chứ bậc vua chúa kia thì biết bao nhiêu sự cần phải suy-tính, biết bao nhiêu vật mình phải nô-lệ !

76. — Được, không kiêu-căng; bỏ, không miễn-cưỡng.

77. — Thu-quát cả cuộc đời mà xét, đừng có rối trí mà làm gì; đừng nghĩ đến những nỗi bức mình về sau này thế nào; nhưng gặp sự gì bức mình ngay bây giờ, nên tự hỏi rằng: « Việc ấy có gì là cực-khổ, khổ-nạn không? » chắc không trả lời rằng có bao giờ. Rồi nên tự nghĩ rằng phạm lụy cho mình không phải là việc sau này hay việc đã qua, chính là việc hiện-tại. Nay nếu chỉ lấy một việc hiện-tại mà xét, thời việc hiện-tại có là bao, thật không đáng để bận lòng rối trí vậy.

78. — Ai có cái thù của người ấy; cái thù của tôi là giữ cho tâm-hồn được bình-chính, không hề ghen-ghét một người nào, không hề yếm-ố một việc gì, lấy con mắt khoan-dung mà quan-

(1) Tiếp kỳ trước, Nam-Phong số 128.

sát hết - thấy, thuận-nhận hết-thấy, dùng mọi vật tùy cái giá-trị của mỗi vật.

79. — Hoặc có kẻ dùng cạnh cái suối nước trong và ngọt mà chửi rửa cái suối, cái suối nó vẫn chảy không dừng; ném đất bùn, ném nhơ-bẩn vào, nó cuốn sạch đi ngay, không còn chút bợn lại. Làm sao cho trong người ta cũng có một cái suối trong vô-tận như thế? Là lúc nào cũng giữ cho trong mình được tự-do, được êm-ái, được giản-dị, được khiêm-nhường.

80. — Người nào sợ chết là sợ hoặc tiêu-diệt hết cảm-giác, hoặc lại có cảm-giác khác. Nhưng nếu không có cảm-giác gì nữa, thì còn có khổ gì. Mà nếu có cảm-giác khác, thời sẽ là một giống khác mà vẫn còn sống mãi.

81. — Người ta sinh ra là vị lẫn nhau mà sinh ra; vậy thời phải răn dạy cho nhau, không thời chịu đựng lấy nhau vậy.

82. — Phải thấu-hiểu tâm-tinh mỗi người; lại phải để cho mỗi người cũng thấu-hiểu được tâm-tinh mình.

83. — Sự bất-công không những ở việc làm, nhiều khi ở không làm.

84. — Đừng nên võng-tưởng, đừng nên xung-dộng, đừng nên dục-vọng; nên biết tự-chủ lấy tâm-hồn mình.

85. — Có thể răn-dạy họ được thì răn-dạy cho họ; bằng không thì nên nhớ rằng trời cho tấm lòng nhân-ái là để đối với những kẻ như thế đó. Đối với những kẻ ấy, thần-minh cũng còn có bụng nhân-ái, phù-hộ cho được cái nọ cái kia, như: sức khỏe, của-cải, danh-giá, vì thần-minh là nhân-từ vô-cùng. Ta đây cũng có thể nhân-từ được; nếu không thì thử nói có gì ngăn-trở mà không được.

86. — Nên gia-công làm việc, không phải làm miễn-cưỡng như kẻ khốn-nạn, cũng không phải làm để muốn cho người ta thương hay người ta khen đến mình đâu. Chỉ nên quyết chí một điều, là lấy người ta là một giống sinh-trưởng

trong xã-hội, biết lẽ phải lẽ trái, thì tùy lẽ phải nên làm thì làm, nên thôi thì thôi.

87. — Hết-thấy những vật ấy là những vật dùng lầm đã nhàm, dòi nó không bền, mà chất nó hủy-hoại. Ngày nay như thế cả, cũng như đời ông cha ta đã qua đi.

88. — Nên xét cho thấu đến tâm-lý họ, bấy giờ mới biết mình sợ họ xét-đoán mình có đáng không, và tự họ xét-đoán họ thế nào.

89. — Hết-thấy biến-hóa luôn; tự mình cũng thay đổi luôn, mà có phần hủy - hoại luôn; mà cả thế-gian cũng vậy.

90. — Nên trực-tiếp với tâm - hồn mình, trực-tiếp với tâm-hồn Vũ-trụ, trực-tiếp với tâm-hồn người kia; — với tâm-hồn mình, để trở nên người hiểu-ngĩa; — với tâm - hồn Vũ-trụ, cho nhớ mình thuộc về đâu; — với tâm-hồn kẻ kia, cho biết kẻ ấy ngu-tối hay thông-minh, và lại tự nghĩ rằng kẻ ấy là kẻ thân-thuộc của mình vậy.

91. — Thân ta là một phần-tử trong đoàn-thể xã-hội; vậy thời mỗi việc của ta làm cũng phải giúp được một phần cho sự sinh - hoạt chung của xã-hội. Nếu làm một việc gì mà hoặc trực-tiếp hoặc gián-tiếp không có bổ-ích gì cho sự sinh-hoạt chung, thời tức là phương-hại cho xã-hội, làm mất thể - thống của xã-hội, tức là làm một việc phản-ngịch xã-hội, cũng như người dân kia tự mình muốn biệt-lập mà làm trái cái hiệp-ước chung vậy.

92. — Nếu biết đem tư-tưởng mà bao-quát cả Vũ-trụ; — nếu biết nghĩ đến cái thời - gian thiên-cổ vô-cùng-tận; — nếu biết xét đến mỗi vật biến-thiên mau chóng là đường nào, xét từng phần một: từ khi sinh ra đến khi diệt đi, gần - gũi là đường nào, mà cái thời-gian trước khi sinh ra với cái thời-gian sau khi diệt đi bất-ngắt mạch-mông, vô-cùng vô-tận; — nếu biết thế

thời khỏi được lắm nỗi phiền lòng vô-ích, vì những nỗi ấy chỉ bởi ý-kiến mình sai-lầm mà thôi; biết thế thời cuộc đời sẽ được thanh-thản.

93 — Những vật mắt trông thấy bây giờ, rồi sẽ tiêu-diệt ngay; — mà những người trông thấy những vật ấy tiêu-diệt, rồi tự mình cũng tiêu-diệt ngay; — mà người nào sống lâu đến nỗi đầu cũng chẳng hơn gì người non yếu.

94. — Ôi! tâm-hồn họ là tâm-hồn gì! Những vật họ cầu-khẩn là những vật gì! Mà họ yêu-chuộng kính-mến là vì sao! Thử đem cái tâm-hồn nhỏ-nhen của họ lột trần ra mà xét xem. Thế mà họ tưởng lời chê của họ hại được cho người ta, lời khen của họ ích được cho người ta; họ tự-phụ quá!

95. — Gặp phải kẻ vô-liêm-sĩ, nên tự hỏi ngay trong bụng rằng: « Ở đời này có lẽ đâu lại không có những kẻ vô-liêm-sĩ? Không có lẽ thế được. » Cái không có lẽ được thời không nên cầu làm chi; vì ở đời tất phải có kẻ vô-liêm-sĩ, thời cái kẻ ta gặp đó cũng là một kẻ trong những kẻ ấy mà thôi. Nay đối với kẻ biền-trá, kẻ phản-bội, hay là bất-cứ kẻ hư, kẻ xằng-nào khác nữa, cũng nên cứ nghĩ trong bụng như thế. Vì nếu nhớ rằng ở đời không lẽ không có những hạng người như thế, thời đối với mỗi người sẽ có bụng khoan-dung hơn.

Lại còn một điều như sau này cũng nên tập lấy, là hễ gặp phải cái tật xấu gì thời liền nghĩ ngay đến cái đức tốt Trời đã phú cho người ta để đối lại; vì đối với cái thói bạc-ác thì Trời đã cho cái tính khoan-nhân để chế lại, và mỗi cái tật xấu đều có một cái đức tốt chế lại cả. — Và lại, kẻ sai-lầm, ta vẫn có thể sửa dạy lại cho họ được, vì người nào phạm điều lỗi, là người ấy đi lầm đường cả.

Vả việc gì thấy người hư mà phải phiền lòng? Cái người ta tức-giận ấy nó có làm gì tổn-hại đến tâm-tính ta

đâu. Mà có tổn-hại đến tâm-tính mới là tổn-hại thật. Vậy thời một kẻ ngu làm việc ngu, có gì là xấu có gì là lạ? Có lẽ nên tự trách mình sao không biết nghĩ rằng kẻ ấy tất là phải, phạm lỗi ấy mới là phải. Vì cứ lẽ phải có thể đoán chắc là kẻ ấy sẽ phạm lỗi ấy, thế mà lại quên đi không nghĩ tới, thấy người ta phạm lỗi lại lấy làm lạ. — Nhất là khi nào trách người nham-hiềm bội-bạc, lại càng phải nghĩ lại mình lắm. Vì lỗi ấy quyết là ở mình, đã làm mà tin rằng một người như thế còn có bụng trung-thành, hay là đã làm ơn cho người ta mà không biết làm ơn cho trọn, để cho người ta có thể lợi-dụng ngay cái ơn của mình. Vì làm ơn cho người, còn mong gì nữa? Thuận theo cái thiên-tính của mình, thế còn chưa đủ sao, lại còn muốn được trả ơn nữa hay sao? Thế có khác gì con mắt cũng muốn được trả công mới trông, hay cái chân cũng muốn được trả công mới đi hay sao? Mắt dễ trông, chân dễ đi, là Trời sinh ra cái đặc-tính nó, cái bòn-phận nó phải trông phải đi; người ta cũng vậy, Trời sinh ra người dễ làm lành, khi làm điều lành, hay khi giúp việc ích, chẳng qua là thuận theo cái thiên-tính của mình, và làm cái phận-sự mình đó mà thôi.

96. — Ôi, linh-hồn ta! có ngày nào linh-hồn ta sẽ được giản-dị, chất-phác, thuần-túy, hoàn-toàn, rõ-rệt hơn là cái thân-thể bao-bọc ở ngoài không? Ngày nào sẽ được hưởng cái tự - cách biết thương-yêu, biết qui - chuộng? Ngày nào được biết tự mình yên phận mình, không cầu gì, không tiếc gì, không ham gì, — dù vật hữu-hình hay vật vô-hình để cầu khoái-lạc cho mình, dù cái thời giờ để cho được hưởng lâu dài, dù phong-cảnh đẹp, khí-hậu tốt hay nhân-dân thuần, cũng là không thiết cả? Có ngày nào được thế không, hay là cứ yên-ôn như bây giờ, việc gì xảy đến cũng vui-vẻ, cam-tâm rằng

được đủ cả, được hay cả, nhất-thiết tự thần-minh khiến nên cả, thần-minh muốn sao là nên vậy, mà thần-minh thác-sinh ra ta là để tròn hạnh-phúc cho đấng Tuyệt-dịch, là nơi tốt-đẹp, công-bằng, sản ra muôn vật, gồm cả muôn vật, vật này tiêu-diệt đi, thời lại phát-sinh ra vật khác, có phải thế hay không? Hay là có ngày nào sẽ được đồng-sinh cộng-tồn với thần, với người, mà không phải oán người, không bị thần trách?

97. — Dù xảy ra sự gì, cũng là sự đã tiền-định tự thiên-cổ vậy. Sự ấy với đời ta cũng là cùng một cái giây nhân-duyên nó kết nên cả.

98. — Trong trời đất có các phần-tử, có lẽ thiên-nhiên, muốn biết điều đó thời trước nhất phải biết cả Vũ-trụ là thuộc lẽ thiên-nhiên cái-quần, chính thân ta là một phần-tử trong Vũ-trụ, mà ta đối với các phần-tử khác, khác nào như bà con thân-thuộc của ta vậy. Nếu nhớ được điều đó thời ta đã là một phần-tử trong Vũ-trụ, không bao giờ ta phản-đối lại những việc xảy ra trong Vũ-trụ; vì việc hay cho Vũ-trụ không có lẽ hại cho một phần-tử trong Vũ-trụ, và mọi việc xảy ra trong Vũ-trụ, không gì là không hay cho Vũ-trụ cả. Nhưng vạn-vật đều có cái bản-tính chung như thế cả, mà bản-tính của Vũ-trụ lại là không bị cái nguyên-nhân gì ở ngoài bắt-buộc, phải phát-sinh ra điều gì không lợi cho mình; như vậy thời cứ nhớ rằng ta là một phần-tử của Vũ-trụ, thế là phạm việc xảy ra, sẽ hoan-ngheh được hết. — Lại nghĩ đến mình đối với các phần-tử khác cùng là bà-con thân-thuộc cả, thời tất không làm điều gì phương-hại đến xã-hội, mà lại đem lòng ân-cần đối với kẻ đồng-loại, gia-công gắng sức giúp sự ích-lợi chung, không hề dụng-tâm làm điều gì trái với sự ích-lợi ấy.

99. — Nếu biết ở đời như thế thời đời người tất được vui-sướng, vui-sướng

như người công-dân trong nước kia, cả đời lo việc công-ích cho đồng-bào, mà về phần mình thời xã-hội đãi sao cũng vui nhận.

99. — Phải cố cho xứng-dáng cái tên là người lương thiện, khiêm-tốn, thành-thực, tri-thức, nhẫn-nại, quảng-dại, mà phải cần-thận cho khỏi sai mất; nếu sai mất thời phải phục-hồi lại ngay. Phải nhớ rằng « tri-thức » nghĩa là đem tri-tuệ chuyên-chủ về một việc, xem xét cho kỹ-càng, không cầu-thả; « nhẫn-nại » nghĩa là Trời dành cho cái số-phận thế nào thời sẵn lòng mà thuận-nhận như thế; « quảng-dại » nghĩa là biết khiến cho phần hồn siêu-việt lên trên phần xác, trên cả sự hư-danh, trên cả cái chết, cùng mọi sự khác nữa. Vậy thời nếu giữ được cho xứng-dáng bấy nhiêu cái tên như trên kia, mà lại không cầu gì cho thiên-hạ gọi mình bằng những tên ấy, thời sẽ nghiêm-nhiên đời thành người khác mà bước vào một cõi đời khác vậy. Vì nếu cứ giữ như từ trước đến giờ, bị cái đời lao-lực nó làm cho ô-uế khổn-nạn, thời thật là tâng-thất mất cái lương-tri đi quá, thật là ham-mê sự sống quá, có khác gì những phường lực-sĩ kia, cho ra đánh nhau với ác-thú, bị nó cào nó cắn, thương-tích máu-me đầy người, thế mà còn tỉnh-nguyên ngày mai ra đánh nữa, để chịu lấy cái nanh cái vuốt của con vật nữa.

Vậy thì ta phải nên cố mà giữ lấy cho xứng-dáng mấy tên đó, giữ được rồi thời nên cố-thủ ở đấy, như là ở nơi Bồng-lai Tiên-đảo vậy. Nếu xem ra không giữ được, và xét mình không tự-chủ được, thời nên quả-quyết lánh mình vào một nơi nào để giữ lấy quyền tự-chủ; hay là nên thoát bỏ hẳn cõi đời, không phải giận-dữ gì mà bỏ, nhưng bỏ một cách giản-dĩ, một cách tự-do, một cách đoan-chính; ở đời như thế cũng còn được một

điều, là biết thoát-ly cõi đời một cách như thế. Nay muốn giúp cho nhớ đến những tên ấy, thời nên nhớ đến thần-minh, nhớ đến rằng thần-minh không cầu cho người ta siêng-mị dẫu, chỉ cầu cho những kẻ biết lẽ phải bắt-chước mà theo thời, cầu cho vật nào làm hết bôn-phận vật ấy, cây và làm hết bôn-phận cây và, con chó làm hết bôn-phận con chó, con ong làm hết bôn-phận con ong, mà người ta làm hết bôn-phận người ta vậy.

100. — Phải nên đặt lấy một cái phương pháp cho hiểu các sự-vật biến-hóa thế nào; phải nên chăm-chỉ mà nghiên-cứu cho kỹ. Vì không gì làm cho tâm-hồn được khoáng-dạt bằng cách ấy. Người quân-tử đã thoát-ly được ra ngoài thân-thể; biết rằng chẳng mấy nổi sẽ phải dời cõi đời mà đi, thời là bỏ lại hết-thảy; nên phạm việc làm chỉ chuyên theo về đường công-chính, và gặp việc gì xảy ra cũng chỉ vụ cho thuận với lẽ thiên-nhiên trong vũ-trụ mà thôi. Thiên-hạ nói gì, thiên-hạ ngờ gì, thiên-hạ làm gì, cũng không để bận đến trong trí, chỉ bằng lòng vì hai điều sau này: là việc làm ngày nay, làm cho công-chính, và phạm mình thế nào, cứ việc yên phận; thế là được thanh-thời, không lo-lắng, không phiền-bận việc gì, cứ theo đường thẳng mà đi, vâng mệnh Trời đã định.

101. — Người nào biết việc gì cũng theo lẽ phải, thời vẫn bình-yên vô-sự mà vẫn sẵn lòng hoạt-động, vẫn ung-hi mà vẫn vui-vẻ.

102. — Đối với Tạo-vật có quyền ban cho và có quyền lấy lại hết-thảy, người đạt-nhân nói một cách khiêm-nhường rằng: « Muốn ban cho cũng xin vâng, muốn lấy lại cũng xin vâng. » Không phải là ngoan-man mà nói thế, chỉ là vâng theo Tạo-vật và cảm ơn Tạo-vật đó mà thôi.

103. — Không cần phải nghị-luận cho biết thế nào là người lương-thiện, chỉ

phải làm ngay người lương-thiện mà thôi.

104. — Bao giờ cũng phải tưởng-tượng đến toàn-thể thời-gian, đến toàn-thể vật-chất, và phải nhớ rằng phạm sự-vật cứ dãn-cứ ra thời sánh với vật-chất chỉ là một hạt kê, và sách với thời-gian chỉ là một giây-phút.

105. — Mỗi khi xét riêng một vật gì, thời phải nghĩ rằng vật ấy đã đương tiêu-diệt đó, đương biến-hóa bại-hoại đương đó; và phải nhớ rằng vật nào có hình đó, là vật ấy đương diệt đó.

106. — Kể nào trốn chủ, là kẻ phản-bội; nay chủ là phép thiên-nhiên, kể nào làm sai phép thiên-nhiên cũng là kẻ phản-bội. Kể nào buồn-rầu, hay là giận-dữ, hay là sợ-hãi, hay là đối với những việc mệnh Trời đã định, — mà Mệnh trời đã định là ai có phạm nấy — lại muốn việc nọ hay việc kia đừng xảy đến mình, thời những kẻ ấy cũng vậy. Vậy thời kẻ sợ-hãi, kẻ buồn-rầu, kẻ tức-giận, đều là phản-đối lẽ thiên-nhiên cả.

107. — Bao giờ cũng phải xét rằng phạm các sự xảy ra ngày nay thế nào thời xưa kia cũng thế và sau này cũng thế mãi. Bao nhiêu những cái bi-kịch mà tự ta đã kinh-nghiệm biết, hay là sử-sách đã ghi truyền lại, thời cứ trông-tượng như ở trước mắt, sẽ thấy bao giờ cũng như bao giờ, bài kịch vẫn là một, duy có vai đóng khác nhau mà thôi.

108. — Người nào phiến-não hay tức-giận về việc gì, không khác con lợn phải đem chộc tiết mà còn dẫy, còn kêu. Người nào nằm trên giường một mình mà lăm-nhắm than cái nổi phiền-lụy ở đời cũng vậy. Phải biết rằng duy kẻ có trí khôn biết lẽ phải, mới biết đem ý-nguyên vâng theo những việc xảy ra, chứ còn kẻ khác thì là sự tất-nhiên, không theo không được.

109. — Làm một việc gì, nên tự xét mình, và tự hỏi có phải sợ không làm được việc ấy mà sợ chết không.

110. — Khi nào gặp sự lầm-lỗi của kẻ khác, nên hồi-tưởng đến mình mà nghĩ lại những sự lầm-lỗi chính mình đã mắc : thí-dụ như coi tiền-bạc, sự vui-thú, sự hư-danh, cùng những sự hão-huyền khác làm cái của báu ở đời. Hồi-tưởng như thế thời quên ngay mà không giận nữa, nghĩ bụng rằng : « Kẻ ấy bị bắt-buộc như thế, làm sao được ? » ; hay là sức mình có thể giải được sự cưỡng-bách ấy cho người ta, thì lại càng hay lắm.

111. — Người nào đã cảm-nhiệm được đạo-lý, thời nghe một câu thường cũng đủ nhớ rằng ở đời không nên buồn-rầu mà cũng không nên sợ-hãi. Thí-dụ như đọc thấy câu này trong sách *Iliade* : « Gió thời là rặng .. Loài người cũng vậy. »

Ôi, lá rặng leon ta dễ ra cũng là lá rặng ; những lời hoan-hỉ, ngợi-khen, những tiếng thị-phi mai-mĩa, cũng là lá rặng cả ; cho đến những kẻ lưu-truyền cái thanh-danh cho ta về sau này, cũng là lá rặng cả. Lá đến mùa xuân thì mọc ; rồi gió đánh lá rặng, trong rừng lại mọc lớp lá khác. Vạn-vật đều cùng một số-phận mong-manh như cái lá rặng cả ; thế mà ta đây, ta lại muốn cầu hay muốn tránh sự nọ vật kia như là những sự-vật ấy thiên-nhiên bất-dịch vậy ! Chẳng mấy nổi nữa mà ta cũng đến nhắm mắt thôi, mà kẻ đưa khóc ta, rồi chẳng bao lâu lại có kẻ khác đưa khóc lại.

112. — Con mắt lành thời vật gì cũng phải trông được, chứ không thể nói : « Tôi chỉ trông một sắc xanh thôi » ; vì thế là con mắt hư. Cái tai lành, cái mũi lành, cũng phải nghe được mọi tiếng, ngửi được mọi mùi. Tí-vị tốt thời đồ ăn nào cũng phải tiên được, như cái cối đề xay lúa, thứ lúa nào cũng phải xay được. Vậy thời cái óc thông-minh bao giờ cũng phải sẵn-sàng mà tiếp-nhận lấy các vật xảy ra. Chứ cái óc chỉ biết cầu-nguyện rằng :

« Ước gì cho con-cái ta được sống lâu ! » hay là : « Ước gì cho việc gì ta làm cũng được thiên-hạ khen ! » thời có khác gì con mắt chỉ muốn nhìn sắc xanh, cái răng chỉ muốn nhai vật mềm.

113. — Không có người nào có phúc mà đến khi chết không có kẻ bên cạnh mình mừng thăm vì mình chết. Người chết ấy là người đạo-đức khôn-ngoa chẳng ? Tất có kẻ mừng thăm rằng : « Thôi, anh đồ ấy chết đi là rảnh cho ta ! Anh ấy cũng không phiền gì chúng ta ; nhưng ta biết rằng riêng trong bụng anh ấy vẫn phán-đoán ta đó. » Ấy người đạo-đức còn có kẻ nói thế. Huống-hồ chúng ta, thiên-hạ thiếu gì cơ mà nguyện cho ta chết đi cho xong ! Lúc nhắm mắt, ta nên suy-nghĩ như thế ; nếu trong bụng tự-nghĩ như sau này, thì chết cũng được dễ-dàng : « Ta sắp đời cõi đời ; bấy lâu ta đã bao công khó-nhọc, lo-lắng, cầu-nguyện cho những kẻ cùng sống với ta ở đời, mà nay chính những kẻ ấy cũng muốn cho ta đi đi, thời ta đi vậy, mong rằng những kẻ ấy sẽ được an-ủi trong lòng » Đã vậy thời còn cầu cho sống thêm làm gì ?

Tuy vậy, lúc đi cũng đừng có oán-hận gì những kẻ ấy, cứ nên giữ lấy cái tính bình-thường, một lòng khoan-dung hữu-ái với họ.

Mà cũng đừng ra mặt miễn-cưỡng mà đi : người ta ung-dung mà chết, thời linh-hồn phiêu-nhiên đời xác thật, vậy lúc ta vĩnh-biệt với họ cũng vậy. Vẫn biết rằng Tạo-vật buộc ta với họ đời với nhau ; nhưng nay Tạo-vật đã định lìa ta ra, thời làm thế nào ? Vậy cũng từ-biệt họ, như từ-biệt với kẻ bạn-bè, nhưng không phải là miễn-cưỡng bắt-buộc mà phải dời ra : đó là một điều trong lẽ thiên-nhiên vậy.

114. — Thấy một việc gì của kẻ khác làm cũng nên tập lấy thói quen tự-hồi mình rằng : « Họ làm thế là cái ý thế nào ? » Nhưng bao giờ cũng phải nghĩ

đến mình trước, tự xét mình trước.

115. — Ta làm được việc có ích-lợi cho xã-hội ư? Thế là tự ta làm ơn cho ta đấy. Bao giờ cũng phải nghĩ đến câu ấy, đừng có quên bao giờ.

116. — Những sự-vật ta cầu hay ta tránh không được mà nó làm cho ta phiền, thời phải tự-nghĩ rằng không phải chính nó chạy lại tìm ta mà thật là chính ta chạy lại tìm nó; cứ đem một cái trí bình-tĩnh mà phán-đoán thì thấy tự-khắc nó đứng yên cả, mà tự ta cũng không theo đuổi hay trốn tránh nữa.

117. — Thiên-hạ họ khinh nhau như rác, thế mà vẫn tán-tụng nhau! Thiên-hạ họ chỉ muốn đoạt lẫn nhau, thế mà vẫn nịnh-nọt nhau!

118. — Nói rằng: « Tôi định xử thành-thực với anh, » thế là nói giả-đối. Cái phận-sự làm người phải thế nào? Không nên chỉ nói mà thôi: thực hay hư rồi sẽ biết ngay. Lời nói ấy phải vạch ngay vào trán trước đã; thế thời nhìn con mắt cũng biết; gay, khác nào như hai người có tình với nhau, nhìn mắt nhau là biết được bụng nghĩ thế nào. Nói tóm lại, người thành-thực, đạo-đức, phải như người có cái mũi riêng, kẻ khác đến gần là biết ngay, không muốn biết cũng không được. Chứ làm giả ra thành-thực, tức là giấu thanh gươm ở trong mình đó. Còn có gì xấu-sa bằng cái cách « bạn-bè lang-thú » (*amitié de loup*); phải nên giữ điều đó trước nhất. Người thành-thực tốt bụng thời nhìn con mắt cũng biết, không làm được.

119. — Thượng-đế chỉ thấy phần linh-hồn trội, không nhìn đến thân-thể là cái vỏ bọc ngoài, cái vật nhơ bẩn. Vì Thượng-đế dùng sức tri-tuệ chỉ tiếp-xúc với linh-hồn mà thôi, là phần thuộc về tri-tuệ, tức là thuộc về Thượng-đế. Nếu ta đây cũng tập quen

như thế, thời sẽ giải-thoát được nhiều sự phiền-não; vì người nào đã không nhìn đến cái đồng thịt nó bao-bọc mình kia, không thiết đến quần áo, của nhà danh-giá, cùng mọi sự phở-trương ở ngoài, thời trong óc còn phải phiền-bận nỗi gì nữa?

120. — Ta thường lấy làm lạ thiên-hạ ai cũng yêu mình hơn kẻ khác, vậy mà không trọng sự xét-đoán của mình đối với mình bằng sự xét-đoán của người đối với mình. Nếu có bậc thần-minh hay ông minh-chủ nào truyền cho được mỗi người hễ trong bụng tư-tưởng nghĩ-ngợi riêng điều gì liền phải nói ra miệng ngay, thời không người nào chịu được đến một ngày; cho hay ta vẫn trọng ý-kiến của kẻ khác hơn là ý-kiến của ta.

121. — Lúc chết, đối với thân-thể, đối với linh-hồn, cái thái-dộ phải nên thế nào; phải nghĩ đến cuộc đời ngắn-ngủi, nghĩ đến cái thiên-cổ trước ta và sau ta, nghĩ đến phạm vật-chất là hủy-hoại cả...

122. — Phải xét đến nguyên-hình cốt-cách, mà đừng xét cái vỏ bọc bề ngoài; — phải xét đến nguyên-nhân mọi việc; — phải xét cái khổ là gì, cái sướng là gì, sự chết là gì, sự vinh sự nhục là gì; — phải xét kẻ nào là kẻ làm khổ lấy thân; — lại phải xét cho biết không ai là bị người ngoài ngăn-trở được, và hết-thảy toàn là cái ý-kiến phát-phơ cả.

123. — Kẻ nào ở đời mà còn có điều lấy làm lạ, thì kẻ ấy thực-thà và đáng cười thật!

124. — Chẳng bao lâu rồi ta sẽ không còn nữa, không còn ở chốn nào nữa, mà các vật ta trông thấy bây giờ cũng vậy, các người cùng sống với ta cũng vậy. Vì phạm vật có sinh là có biến, biến-hóa luôn, hủy-hoại luôn, để cho giống khác lại kế-tiếp.

125. — Hết-thấy là ý-kiến phát-phơ cả, mà ý-kiến là ở tự ta. Vậy thời mỗi khi có thể làm được, nên diệt cái ý-kiến đi, bấy giờ thời như người thủy-thủ đã vượt qua được chỗ nguy-hiểm, sẽ được sóng êm gió tạnh, đến bến đến nơi.

126. — Mỗi lần ta bị phiền-não vì một sự gì, là ta quên rằng sự gì xảy đến cũng là do lẽ Trời đã định cả; — dù sự lầm-lỗi cũng không phải tại ta; — mà sự gì xảy ra thời trước kia xảy ra cũng thế, sau này xảy ra cũng thế, mà hiện nay xảy ra đâu-dâu cũng thế; — người ta đối với cả nhân-loại là có cái nghĩa thân-thuộc với nhau, không phải rằng có họ-hàng máu-mủ gì với nhau cả, nhưng là cùng có cái trí thông-minh như nhau. — Lại quên rằng lý-tính của mỗi người là nguồn-gốc tự Thượng-đế; — không gì là của riêng của ai cả, con-cái ta, thân-thể ta, linh-hồn ta, cũng là tự nơi Thượng-đế mà ra cả; — hết-thấy là ý-kiến phát-phơ cả; — mỗi người chỉ sống trong một khoảnh-khắc hiện-tại, và cũng chỉ mất trong một khoảnh-khắc hiện-tại mà thôi.

127. — Nên tưởng-tượng luôn đến những người đời trước đã qua những cái cảnh-huống kịch-liệt, đã được tuyệt-phẩm vinh-hoa, đã phải vô-cùng khổ-nạn, đã phải những sự thù-hằn khổ-sở, những cái số-phận đảo-diện; rồi tự hỏi rằng: « Nào bây giờ đâu cả? » — Ra tro, ra khói cả, như truyện thần-truyền cả, mà dễ cũng không thành câu truyện gì nữa !

128. — Đạo cả ở đời là vật gì thế nào biết rõ như thế, biết hình nó thế

nào, chất nó thế nào, rồi hết sức làm điều nghĩa, nói sự thực. — Ngoại giả không còn gì nữa, duy chỉ còn làm lành mà hưởng sống, tích thiện cho tròn quả phúc, đừng để khuyết-hám một chút nào.

129. — Trong thời-gian vô-cùng vô-tận, cái khoảng phù-dữ cho mỗi người ta, ngắn-ngủi biết dường nào ! Chẳng bao lâu mà tiêu-trầm vào trong cõi thiên-cổ. Lại cái chất của mỗi người ở trong đại-khối của Vũ-trụ, cái hồn của mỗi người ở trong đại-hồn của Vũ-trụ, cái miếng đất của mỗi người sinh-trưởng ở trong cõi đại-địa mênh-mông, chỉ là một chút mây-may, nhỏ-mọn biết dường nào ! — Nghĩ như thế mới biết ở đời không có gì là to-tát cả, duy chỉ nên mỗi người ăn ở theo cái thiên-tính của mình, và chịu đặng lấy mọi sự do lẽ thiên-nhiên của Vũ-trụ khiến nên.

130. — Tâm-hồn phải tác-dụng thế nào ? Ấy chỉ có điều đó là trọng. Còn ngoại-giả, dầu sự ở trong ý-chỉ hay ở ngoài ý-chỉ, chẳng qua là thịt nát khối mờ cả.

131. — Không gì cồ-lệ cho cái lòng khinh sự chết bằng nghĩ đến có kẻ vẫn ham vui-thú, ghét khổ-não mà cũng biết khinh cái chết.

132. — Kẻ nào biết sự-vật có hợp-thời mới cho là hay; — biết làm được nhiều việc hay ít việc hợp với lẽ phải cũng chẳng quản gì; — biết sống ở đời lâu hay chóng cũng thế mà thôi; — thời kẻ ấy đối với sự chết có sợ gì.

KHẢO VỀ CÂU ĐỐI CHỮ HÁN

Thề vãn câu đối nguyên là theo thể thơ thề phò mã chỉ đặt có hai vế đối nhau, nên gọi là *đối-liên* 對聯. Còn như không đối mà chỉ đề có hai chữ hoặc ba chữ bốn chữ viết đại-tự đề treo ngang thì gọi là *hoành-biên* 橫匾.

Câu đối bốn chữ là theo lối thơ tứ ngôn 四言, năm chữ là theo lối thơ ngũ ngôn 五言, bảy chữ là theo lối thơ thất ngôn 七言, tám chữ là theo lối thơ bát ngôn 八言. Còn như đặt dài cách-cú là theo lối câu đối phú 賦.

Mỗi câu đối có hai vế đối nhau, không những là phải đối từng chữ cho chính, thí-dụ như *mã* 馬 đối với *xa* 車, *bach-nhật* 白日 đối với *thanh-thiên* 青天, v. v. như thế là chính-đối; mà lại còn phải đặt câu cho chải-chuốt, tránh cho khỏi thất-luật, nghĩa là câu đối muốn đặt dài ngắn thế nào mặc lòng, nhưng về trên bao giờ chữ sắp-cước(chữ đứng cuối câu) cũng phải dùng tiếng trắc, mà về dưới bao giờ chữ sắp-cước cũng phải dùng tiếng bằng, thì mới không thất-luật.

Hoành-biên

Hoành-biên dùng chữ nhiều nhất là bốn chữ, mà ít nhất đến ba chữ hoặc hai chữ là cùng. Trường đại-tự dùng về việc mừng phúng, người ta cũng thường đặt hai chữ, ba chữ, hoặc bốn chữ.

Mừng thọ thì hay dùng những chữ: *Tùng bách trường xuân* 松栢長春; *Xuân huyên tịnh mậu* 椿萱並茂; *Hoa đường giai lão* 華堂偕老; *Xuân tửu giới mi* 春酒介眉; *Bàn đào hiến thọ* 蟠桃獻壽. Đó là những chữ mừng chung hai ông bà song-thọ.

Còn như mừng một thọ-ông, thì dùng chữ: *Lão-nhân tinh* 老人星;

Nam-cực tinh huy 南極星輝; *Kỳ-anh vọng trọng* 耆英望重; v. v.

Mừng một thọ-bà thì dùng chữ: *Vụ-tinh huy* 婺星輝; *Dao-tri xuân vĩnh* 瑤池春永; *Huyền-đường nhật lệ* 萱堂日麗; v. v.

Những chữ thông-thường như chữ: *Thượng xỉ* 尚齒; *Tề mi* 齊眉. Song *thọ* 雙壽, *Bằng thọ* 朋壽, đều là dùng hai chữ đề mừng thọ được cả.

Mừng cưới thì thường viết những chữ: *Loan phụng hòa minh* 鸞鳳和鳴; *Sắt cầm tĩnh hảo* 瑟琴靜好; *Quan-thư chí hỉ* 關雎誌喜; *Bách niên hảo hợp* 百年好合, v. v.

Mừng thiên-cư nhà mới thì thường viết những chữ: *Oanh thiên chí hỉ* 鸞遷誌喜; *Đường cầu đình tấn* 堂構鼎新; *Hoán luân tăng mĩ* 奩輪增美; *Giáp đệ hoàng khai* 甲第宏開.

Đề nhà từ-đường thì thường viết những chữ: *Chiêu cách liệt tổ* 昭格烈祖; *Khai hựu hậu nhân* 嚮佑後人; *Di mưu gien dực* 貽謀燕翼; *Minh đức duy hình* 明德惟馨; *Tế như tại* 祭如在; *Nghiêm nhước tư* 儼若思, v. v.

Còn những chữ mừng nhà khoa-hoạn thì thường viết: *Văn-chương hoa quốc* 文章華國; *Thi-lễ truyền gia* 詩禮傳家. Mừng nhà buôn bán thì viết: *Hồng đồ đại-khai* 鴻圖大啓; *Tuấn nghiệp hoàng khai* 駿業宏開; v. v, đều là những chữ tán-tụng cả.

Lễ phúng cũng thường dùng trường đại-tự ba bốn chữ như những chữ: *Phúc thọ toàn qui* 福壽全歸; *Âm dung uyên tại* 音容宛在; *Lãng-uyên qui-chân* 闕垂歸真; thì phúng dàn ông đàn bà khi thọ-chung cũng được cả.

Phúng các ông già thì dùng những chữ: *Điển hình thượng tại* 典型尚在; *Đại nhã vãn vong* 大雅云亡; *Ngọc*

lầu ững triệu 玉樓應召: Hoàng-hạc
lầu không 黃鶴樓空; *Linh xuân châu*
lão 靈椿株老; v. v. Phụng bà già thì
 dùng những chữ: *Bảo-vụ tình trầm*
寶婺星沈; *Giao-tri tây vọng* 嘉池
西望; *Khôn-phạm trường lưu* 靈範
長留. *Phượng lưu đồng-quản* 芳留
 彤管 v. v.

Trở lên là những chữ tam-ngôn, tứ-ngôn thường dùng để làm trưởng, làm hoành-biên, nghĩa cũng đã rõ không phải cần chú-thích lắm thêm phiền. Vả trên này là kể qua những chữ thông-thường mà thôi, chứ kể ra làm cho hay, đình-dám nào ra đình-dám ấy, thì còn nhiều lắm không thể kể sao cho xiết được.

CÂU-ĐỐI

Lời câu đối ngũ-ngôn theo luật bằng

Luật bằng

Bằng bằng bằng trắc trắc,
Trắc trắc trắc bằng bằng.

Thí dụ như câu đối đề mùa xuân:
Hoàng kim (b) tân (b) tuế nguyệt (tr),
 黃金新歲月.

Cầm tú (tr) hảo (tr) sơn hà (b).
 錦繡好山河.

Câu thí-dụ trên này là đặt theo lối thơ ngũ-ngôn luật bằng. Hai vế đối nhau, vế trên chữ sáp-cước (*nguyệt*) trắc thì vế dưới đối lại chữ sáp-cước (*hà*) phải dùng tiếng bằng, như thế mới không thất-luật. Suy ra câu đối thơ đối phú chữ sáp-cước cũng phải tiếng trắc đối với bằng như thế cả, mới không thất-luật.

Câu trên này là tả cảnh mùa xuân năm mới ở cõi đời quý-báu như hoàng-kim, non sông tốt đẹp như gấm vóc.

Cứ kể về luật bằng thì phải theo đúng tiếng bằng tiếng trắc như đã kể ở trên. Song chữ thứ nhất ở đầu câu có khi không cần theo đúng bằng trắc cũng được, đó là theo lệ « nhất bất luận », thí-dụ như câu:

Hữu thiên giai lệ nhật,
 有天皆麗日.
Vô địa bất xuân phong.
 無地不春風.

Đang lẽ chữ đứng đầu câu vẽ trên phải dùng tiếng bằng mới hợp, song dùng chữ « Hữu 有 » là tiếng trắc cũng được, chữ đứng đầu câu vẽ dưới phải dùng tiếng trắc mới hợp, song dùng chữ « Vô 無 » là tiếng bằng cũng được. Vì chữ thứ nhất đứng đầu câu đầu đặt sai chữ bằng mà làm ra trắc, chữ trắc mà làm ra bằng, nhưng khi đọc lên vẫn không trúc-trắc khó đọc gì cả.

Câu trên này cũng là tả về cảnh xuân, nghĩa là trong gầm trời đất đâu đâu cũng đều bóng trời đẹp-đẽ, gió xuân mát-mẽ

Lời câu đối ngũ-ngôn theo luật trắc

Luật trắc

Trắc trắc bằng bằng trắc,
Bằng bằng trắc trắc bằng.

Thí-dụ như câu đề mùa xuân:
Tứ tự (tr) khai tân (b) luật (tr),
 四序開新律.

Tam dương (b) ứng khánh (tr) kỳ (b)
 三陽應慶期.

Câu thí-du trên này là đặt theo luật trắc, cũng tả về cảnh xuân, nghĩa là bốn mùa mới mở luật đầu, ba khi dương mới ứng vào kỳ khánh-tiết.

Lời câu đối thất ngôn theo luật bằng

Luật bằng

Bằng bằng trắc trắc bằng bằng trắc,
Trắc trắc bằng bằng trắc trắc bằng.

Thí-dụ như câu tả cảnh xuân:
Xuân-phong (b) yểm ánh (tr) thiên môn
 [(b) liễu (tr)].

Noãn-vũ (tr) tình khai (b) nhất kính (tr)
 [hoa (b)].

暖雨晴開一徑花.

Câu thí-dụ trên này là đặt theo lối thơ thất-ngôn luật bằng. Nghĩa là gió xuân phấp-phới bóng liễu ngoài trước cửa, mưa tạnh rồi nở đầy một ngõ hoa.

Lối câu đối thất-ngôn làm theo luật trắc

Luật trắc

Trắc trắc bằng bằng trắc trắc,
 Bằng bằng trắc trắc bằng bằng,
 Thí-dụ như câu sau này :

Châu thụ (tr) tự nhiều (b) thiên-(b)
 [cổ sắc (tr').

珠樹自饒千古色。

Bút hoa (b) khai biến (tr) tứ (tr) thi
 [xuân (b).

筆花開遍四時春。

Câu thí-dụ trên này là làm theo luật trắc, về trên lẽ ra thì chữ thứ nhất thứ nhì đều dùng tiếng trắc cả, song chữ nhất dùng chữ « châu 珠 » là tiếng bằng cũng được. Chữ thứ ba thứ tư lẽ ra phải tiếng bằng cả, song chữ thứ ba dùng chữ « tự 自 » là tiếng trắc cũng được. Về dưới chữ thứ nhất nhì lẽ ra phải dùng tiếng bằng cả, song chữ thứ nhất dùng chữ « bút 筆 » là tiếng trắc cũng được. Chữ thứ ba thứ tư lẽ ra dùng tiếng trắc cả, song chữ thứ ba dùng chữ « khai 開 » là tiếng bằng cũng được. Đó là theo cái lệ « nhất tam bất luận », nghĩa là chữ thứ nhất thứ ba không cần phải theo đúng như luật cũng được.

Nghĩa câu trên này là nói cái cây ngọc châu vẫn có sắc tươi thiên-cổ, cái ngọn bút hoa vẫn thường nở khắp cả bốn mùa xuân, cũng là một câu xuân-liên tá-cảnh.

Câu đối tám chữ

Câu đối tám chữ thì không cần theo luật, không phải nệ tiếng bằng tiếng trắc lắm, cứ viết cho chỉnh-đối là được, như những câu sau này :

Hải nạp bách xuyên, hữu dung nãi đại.

海納百川。有容乃大。

Bích lập thiên nhận, vô dục tắc cương.

壁立千仞。無欲則剛。

Nghĩa là bụng rộng như bể thân cả trăm ngọn sông, có dung thụ như thế mới to lớn được. Khí-tượng cao như vách đá đứng nghìn nhận, có dĩnh-dặc không tư-dục như thế, thì mới cương-ngạnh được.

Lại như câu :

Nhất đình chi nội, tự hữu chí-lạc,

一庭之內。自有至樂。

Lục kinh dĩ ngoại, biệt vô kỳ thư.

六經以外。別無奇書。

Nghĩa là trong một nhà tự có cảnh rất vui, ngoài sách lục-kinh ra không có sách gì lạ cả.

Lối câu đối phú đặt cách-cú

Cách-cú là trong một vế câu đối có hai đoạn : Đoạn trên đặt ngắn độ 4, 5 chữ, đoạn dưới đặt dài độ 7 chữ. Hoặc là trên dài độ 7, 8 chữ, mà dưới ngắn độ 4 chữ cũng được. Như thế gọi là câu cách-cú, tức là câu đối phú.

Trong câu cách-cú về trên chữ sắp-cước tiếng trắc thì những chữ đầu-câu phải dùng tiếng bằng. Về dưới chữ sắp-cước tiếng bằng, thì những chữ đầu-câu phải dùng tiếng trắc. Thí-dụ như sau :

Câu cách-cú trên ngắn dưới dài bảy chữ

Thí dụ như câu cảnh xuân.

Về trên

Thả hỉ tân niên (chữ đầu câu niên bằng), nhật noãn phong hòa vô tục-sự (chữ sắp-cước (sự) trắc).

且喜新年。日暖風和無俗事。

Về dưới

Nhân tâm cụ-ân (chữ đầu câu ân trắc) ; hoa hương điều ngữ nhất ban xuân (chữ sắp-cước xuân bằng).

閒尋舊隱。花香鳥語一般春。

Câu trên này nghĩa là mừng năm mới trời hòa gió mát không vương bận tục-sự gì cả, thông-thả tìm về nơi ăn cũ, vui thú hoa thơm chim hót là hơn.

Câu cách-củ trên dài dưới ngắn bốn chữ.

Thí-dụ như câu sau này :

Về trên

Cồ kim lai, hừa đa thể gia, (chữ đậu-câu gia bằng), vô phi tích đức (sáp-cước đức trắc).

古今來，許多世家。無非修德。

Về dưới

Vũ trụ nội, đệ nhất nhân-phẩm, (chữ đậu-câu phẩm trắc), hoàn thị độc thư (sáp-cước thư bằng).

宇宙內，第一人品。還是讀書。

Câu trên này là nói thuyết-lý, nghĩa là xưa nay bao nhiêu nhà thế-gia đều là nhà có tích-đức. Trong vũ-trụ bậc nhân-phẩm thứ nhất, đều là người đọc sách cả.

Lối đặt câu dài.

Câu đối mà đặt dài, thì trong một vế có nhiều chỗ đậu-câu, về trên chữ sáp-cước trắc thì những chữ đậu câu đều phải dùng tiếng bằng cả, dồn đến chữ sáp-cước cuối cùng mới hạ tiếng trắc. Về dưới chữ sáp-cước bằng thì những chữ đậu-câu đều phải dùng tiếng trắc cả, dồn đến chữ sáp-cước cuối cùng mới hạ tiếng bằng. Đặt theo như thế thì câu đối đọc lên mới có âm-hưởng, dẫu dài mà không trúc-trắc khó đọc. Thí-dụ như câu sau này :

Về trên những chữ đậu câu bằng, chữ sáp-cước trắc.

Danh-sĩ bất nghi quan (b), tảo niên khiêu ngạo hồ sơn (b), chỉ doanh đắc lương tự phong thanh (b) nhất nang thi phú (sáp cước tr).

名士不宜官。頻年嘯傲湖山。祇贏得雨袖風清。一囊詩富。

Về dưới những chữ đậu-câu trắc, chữ sáp-cước bằng.

Thông-lài năng tồn phúc (tr), bản-thể tiêu ma bản bệnh (tr), tối thâm tuyết lâu trung nguyệt lãnh (tr), chương thượng tinh cô (sáp-cước b).

通才能損福。半世消磨貧病。最慘絕樓中月冷。掌上星孤。

Câu trên này đặt dài đến ba bốn đoạn, mà đọc lên không trúc-trắc, là vì những chữ đậu-câu tiếng bằng trắc theo đúng từ-diệu, nên đọc lên âm-hưởng vẫn êm-ái dễ nghe.

Đó là câu đối phùng một người danh-sĩ, về trên nói một người danh-sĩ không được làm quan, trong hàng năm ngạo-nghe chơi chốn hồ-sơn, chỉ sênh-sang đôi tay áo gió mát và giàu có một túi thơ mà thôi. Về dưới nói kẻ có tài thì hay kèm phúc, phần nửa đời phải tiêu-ma về nghèo-ngặt ốm đau, rất thâm là nay mất đi, thì nguyệt lạnh trong lầu, sao trơ trên bản tay một bóng, là nói về cái cảnh vợ góa con côi.

Trở lên là kể qua những lối hoành-biên và câu đối thơ đối phú, câu cách-củ đặt dài, dùng tiếng bằng trắc đại-lược như thế. Nhưng đặt câu hoặc dài hoặc ngắn cũng còn nhiều giọng, suy ra mà làm, cú-diệu cũng chẳng qua tương-tự như các lối trên này mà thôi.

Còn như lời lẽ và ý-từ, hoặc mừng hoặc phụng, hoặc là ngẫu-dề, thuật-chỉ, đình đám nào thì phải tả rõ ra đình đám ấy, giọng nào đều ra giọng ấy, sẽ trích-lục một ít câu hay chia ra từng loại lần lượt kể như sau.

Câu tả cảnh xuân

1

Oanh thiên kim cốc hữu,

鶯遷金谷曉。

Hoa mãn cầm thành xuân.

花滿錦城春。

Nói về cảnh xuân buổi sớm chim
oanh bay nhẩy ở hang Kim-ốc, trăm
hoa thì đua nở đầy thành như gấm.

II

Thục-khi dâng giai-tiết,

淑氣騰佳節。

Hòa-phong phỉn tảo-xuân.

和風扇早春。

Đương mùa xuân là kỳ giai-tiết, khi tốt
bốc lên, gió hòa thổi quạt lúc buổi sớm.

III

Bào hạnh mãn viên xuân tự cầm,

桃杏滿園春似錦。

Chi lan nhiều sể tọa ngưng hương.

芝蘭繞砌座凝香。

Nghĩa là cây đào cây hạnh đầy vườn
xuân tươi như gấm, cỏ chi cỏ lan
quanh thềm, chốn ngồi ngát lừng hương.

IV

Phương thảo xuân hồi y cựu lục,

芳草春回依舊綠。

Mai hoa thì đáo tự-nhiên hương.

梅花時到自然香。

Cỏ thơm xuân về lại y cũ xanh biếc,
hoa mai tới thì tự-nhiên lại thơm.

V

Thụy nhật chi lan quang giáp đệ,

瑞日芝蘭光甲第。

Xuân phong đường lệ chấn gia thanh

春風棠棣振家聲。

Mặt trời diễm tốt lồng bóng chi lan,
sáng quang cả cửa nhà, nghĩa bóng là
nói về con cháu khá; gió xuân thổi
hoa đường-lệ nở ra, tiếng nhà lừng lẫy,
nghĩa bóng là nói về nhà có anh em
hiền - đạt.

VI

Kỷ xứ hi xuân câu-lạc-bộ,

幾處嬉春俱樂部。

Nhất thanh báo hiệu tự-do-chung.

一聲報曉自由鐘。

Mấy xứ chơi xuân vui như bộ câu-lạc
(là nơi nhà cercle), một tiếng báo sớm
là tiếng chuông tự-do.

VII

Đại tạo vô tư, xư xư đào-hoa tần

[tổng noãn.

大造無私。處處桃花頻送暖。

Tam dương hữu cựu, niên niên

[xuân sắc khứ hoàn lai.

三陽有舊。年年春色去還來。

Đại-tạo không riêng gì xư nào, chỗ
nào hoa đào cũng đưa khi ấm đến.
Tam-dương là tiết xuân có ba khi
dương, thì hằng năm vẫn đưa xuân-
sắc đi lại trở về.

VIII

Bất thị hiếu đệ hữu cung, cảnh hữu

[hà sự khả lạc.

不是孝悌友恭。更有何事可樂。

Chỉ thử khiêm hòa ung mục, tự-

[nhiên đạo xư giai xuân.

只此謙和雍睦。自然到處皆春。

Không giữ được hiếu thảo kính
thuận, thì còn việc gì đáng vui nữa;
chỉ cốt khiêm tốn hòa mục, tự-nhiên
đến đâu cũng đều xuân cả.

Mừng thọ

I

Danh-sơn mai hạc nhiều thanh phúc.

名山梅鶴饒清福。

Lục địa thần tiên chiếm đại xuân.

陸地神仙占大春。

Cây mai con hạc ở nơi danh-sơn
vẫn nhiều thanh-phúc, bậc thần-tiên ở
đất cạn có phần chiếm được tuổi thọ.
Đó là mượn cảnh mai hạc và thần tiên
mà ví với người thọ.

II

Chi lan khí-vị tùng quân thảo.

芝蘭氣味松筠操。

Long mã tinh-thần hải hạc tư.

龍馬精神海鶴姿。

Khí-vị như cỏ chi lan, tiết-thảo như cây tùng trúc; tinh-thần như long-mã, tư-chất như hạc bề, đều là nói về cách thọ.

III

Tiền đài điệp chú trường sinh tự.

仙臺牒註長生字。

Bồng đảo xuân khai phú quý hoa.

蓬島春開富貴花。

Chữ trường-sinh đã chua vào sớ ở trên đài tiên; hoa phú-quý gặp xuân lại nở ở trên Bồng-dảo; là ý nói thọ mà lại giàu sang.

IV

Hồ-phách chẩn châm thiên tuế tửu.

琥珀盞斟千歲酒。

Lưu-ly bình sáp tứ thì hoa.

琉璃瓶插四時花。

Chén hồ-phách rót rượu chúc nghìn năm, bình lưu-ly cắm hoa cả bốn mùa.

Trở lên là những câu mừng thọ thông-thường.

V

Phẩm học thế nho tôn, Lạc-xã y-quân, kỷ đức cánh suy Khang-tiết lão.

品學世儒宗。洛社衣冠。耆德更推康節老。

Hồ sơn tiên quuyến thuộc, Mạn-dinh phong-nguyệt, tặng tôn la báí Võ-di quân.

湖山仙眷屬。幔亭風月。曾孫羅拜武夷君。

Về trên là nói một bậc nho-tôn có học-thức phẩm-hạnh người đời tôn trọng. Hội Lạc-xã là hội các ông kỳ-lão, áo mũ chỉnh-tề, đều suy-tôn ông Khang-tiết già. Về dưới là nói về vui thú hồ-sơn cùng là quuyến-thuộc với tiên, cũng như khi xưa ông Võ-di-quân về ngày rằm tháng tám sai căng màn ở trên núi bày tiệc mừng thọ, để cho con cháu lạ mừng. Câu này là mừng bậc lão-thành ăn-dật có học-thức.

VI

Hồng án tề mi, hàm xưng tứ trật,

鴻案齊眉。咸稱四秩。

Lai y vũ thái, cộng khánh tam đa.

萊衣舞彩。共慶三多。

Hồng án là tích hai vợ chồng Lương Hồng kính tòng nhau, mà đều hưởng thọ bốn mươi tuổi. Lai y là tích Lão-Lai mặc áo ban-y làm vui cho cha mẹ mà chúc tam-da. Đó là mừng thọ tứ-tuần cha mẹ song-toàn.

VII

Đại-diễn hồng khai quang Vũ-phạm,

大衍宏開光禹範。

Tri phi y thủy học Cừ-niên.

知非伊始學蓬年。

Tính theo trù Hồng-phạm của vua Vũ thì số đại-diễn năm mươi, là nói 50 tuổi. Ông Cừ Bá-Ngọc khi năm mươi tuổi, nghĩ lại hồi bốn mươi chín tuổi mới biết còn nhiều điều sai lầm, nên mới cho tuổi ngũ-thập là tuổi tri-phi.

VIII

Sồ bách tuế chỉ tang hồ, quá khứ ngũ thập, tái lai ngũ thập.

數百歲之桑弧。過去五十再來五十。

Vấn đại niên ư hải ốc, xuân hoa bát thiên, thu thực bát thiên.

問大年於海屋。春華八千。秋實八千。

Cứ kể từ lúc sơ-sinh, ngoài cửa treo cung dậu, cho đến khi trăm tuổi, thì nay đã qua năm mươi tuổi rồi, lại còn năm mươi tuổi nữa. Hải ốc là cái nhà ở ngoài bể, xưa có ông lão cứ mỗi lần nương dậu bãi bể dời dời thì lại chứa cái thẻ vào cái nhà ấy để tính năm. Nay chúc tuổi thọ còn mong sống lâu như cây đào-tiên tám nghìn năm mới nở hoa, tám nghìn năm mới kết quả.

Trở lên hai câu là mừng thọ năm mươi.

IX

Bồi khuy nh bắc-hải thời sơ độ,
杯傾北海時初度。
Tụng hiến nam-sơn giáp tái chu.
頌獻南山甲再週。

Người ta sống qua một giáp là sơ-độ sáu mươi tuổi, gọi là chu-giáp, thì mở tiệc bồi-bàn mừng thọ sáu mươi.

X

Nguyên hiệu tụng hô ca đại thọ,
願效嵩呼歌大壽。
Hoàn tùy Lai vũ chúc kỳ di.
還隨萊舞祝期頤。

Câu này là chúc thọ tám - mươi, ý nói muốn bắt - chúc tụng - hô đề chúc thọ, theo hàng con làm như Lão Lai mùa hát đề chúc tuổi kỳ-di, là mong cho sống lâu trăm tuổi.

XI

Bảo vụ tinh huy diên lục đại,
寶婺星輝延六秩。

Bàn đào thụ hiến chúc thiên thu.
蟠桃瑞獻祝千秋。

Sao Bảo-vụ sáng là vì như người đàn bà thọ, sống lâu đến sáu-mươi, thì dâng quả bàn-đào chúc thọ nghìn thu.

Câu này là chúc về thọ-bà sáu-mươi tuổi.

XII

Bồng-đảo chân-nhân, dao-tri tiên-tử,
蓬島真人瑤池仙子。
Gia-đình toàn phúc, thiên thượng
[song tinh.]

家庭全福。天上雙星。

Câu này nói vì người thọ là bậc chân-nhân ở Bồng-đảo, tiên-tử ở Dao-tri; được sống lâu như thế là nhờ về toàn-phúc trong gia-đình, cũng như hai ngôi sao ở trên trời, là ý mừng hai ông bà song-thọ.

Mừng cưới

I

Đương môn hoa tịnh đế.
當門花並蒂。
Nghênh hộ thụ giao kha.
迎戶樹交柯。

Hoa tịnh-đế nở ở trước cửa, cây giao-cành đón ở trước ngõ, là nói về cảnh lứa đôi tươi tốt.

II

Cầm đường song bích hợp.
錦堂雙璧合。

Ngọc thụ vạn chi vinh.
玉樹萬枝榮。

Chốn Cầm-đường hai ngọc bích giao-hợp, cây ngọc-thụ muôn cành đều tươi tốt.

III

Ngũ thế kỳ xương hải phượng bốc,
五世其昌諧鳳卜。

Nhị Nam chi hóa triệu lân tường.
二南之化兆麟祥。

Năm đời thịnh-vượng, đã hải bói phượng, là tích cổ xưa khi sắp cưới vợ có bói xem được điềm tốt thịnh-vượng mới cưới. Hai thơ Nam là thơ nói về phong-hóa trong đạo vợ chồng, sẽ gây ra điềm tốt sinh con cháu nhân-hậu như con kỳ-lân.

IV

Đãi kỳ cát hê, cốt ngã sĩ nữ.
迨其吉兮。穀我士女。

Thức tương hảo hĩ, nghi nhi thất gia.
式相好矣。宜爾室家。

Kịp đến ngày tốt, trai gái đều được tốt lành. Cùng hảo - hợp với nhau để cho hòa thuận cửa nhà.

V

Cảnh lệ tam xuân, Thiên-thai đào
[thực,
景麗三春天台桃熟。

Tường khai bách thế, kim-cốc hoa kiều.

祥開百世金谷花嬌。

Đương mùa xuân cảnh đẹp, trong núi Thiên-thai mùa đào đã chín, là lúc Lưu Nguyễn gặp nàng tiên. Điềm tốt đã mở đến trăm đời, vườn Kim-cốc hoa đương nở đẹp. Câu này là mừng cưới vợ về mùa xuân.

VI

Nhật lệ hoa đường, oanh ca yến tiểu,

日麗華堂。鶯歌燕笑。

Xuân dung tú mạc, phượng vũ loan
[tường.

春融繡幕。鳳舞鸞翔。

Mặt trời lồng chồn hoa-duơng, chim oanh chim yến vui hót; gió xuân dung-hòa trong màn vóc, chim phượng chim loan bay liêng. Đó cũng là đề về tiệc cưới cảnh xuân.

VII

Cổ sắt cồ cầm, huyền cánh trương
thi phong cánh vận;

鼓瑟鼓琴。絃更張時風更韻。

Nghi gia nghi thất, kính nhưng hợp
xư nguyệt nhưng viên.

宜家宜室。鏡仍合處月仍圓。

Gảy đàn cầm sắt, lại trăng đầy lên thì lại phong-vận lắm, hòa-thuận nhà cửa, lại hợp kính lại thì mặt trăng lại tròn. Đây là mừng người tục-huyền, tức là lấy vợ kẻ.

Mừng sinh con cháu.

I

Thu nguyệt vãn sinh dan quế bảo.

秋月晚生丹桂寶。

Xuân phong tân trưởng tử lan nha.

春風新長紫蘭芽。

Trăng thu là nói về vãn-cảnh mới sinh ra cây đàn quế quý báu. Gió xuân

mới nẩy ra mầm tử-lan. Ý là nói sinh con cháu muộn.

II

Đồng hữu tôn chi khan mẫn thu,

桐有孫枝看滿樹。

Đình bồi âm đức chủng tam hoè.

庭培陰德種三槐。

Cây ngô-dồng nẩy ra nhánh cháu xem đã đầy cành. Trước sân bồi âm đức trồng được ba cây hoè. Ý là mừng sinh được nhiều cháu.

Mừng thiên-cư nhà mới

I

Oanh thiên nhân thị lý,

鶯遷仁是里。

Yến hỉ đức vị lân,

燕喜德爲鄰。

Chim oanh bay lên cây cao, ý là nói người thiên-cư đến chỗ xóm mới nhiều người tử-tế; yến vui mừng rõ làng diềng với người có đức.

II

Lý hữu nhân phong xuân sắc phồ,
里有仁風春色溥。

Gia dư đức trạch phúc tinh lâm.
家餘德澤福星臨。

Xóm có thói nhân, xuân sắc khắp cả mọi nơi; nhà thừa phúc-trạch, phúc-tinh soi tới.

III

Nhân kiệt địa linh, tử môn đại khai;
人傑地靈。驕門大開。

Phong hòa nhật lệ, oanh cốc cao thiên.
風和日麗。鶯谷高遷。

Người giỏi đất thiêng, mở rộng cửa ra dung được xe tử-mã, là nói nhà hiển-đạt. Gió hòa trời đẹp, chim oanh từ trong hang bay lên đậu cây cao, là nói thiên đến nhà mới.

IV

Hà tu ngọc vũ quỳnh lâu, phương
vị kiết cấu.

何須玉宇瓊樓。方爲傑構。

Tức thử đức môn nhân lý, tiện thị
an cư.

卽此德門仁里。便是安居。

Hà-tất phải nhà ngọc lâu quỳnh,
mới là nhà đẹp; chỉ ở nơi cửa đức
xóm nhân, thì mới là an-cư.

V

Kiệt cấu địa thiên u, thủy như bích
ngọc sơn như đại;

傑構地偏幽。水如碧玉山如黛。

Cao nhân cư bất tục, phương hữu
thương ngộ hạc hữu tùng.

高人居不俗。鳳有蒼梧鶴有松。

Nhà lớn ở vào nơi đất tĩnh, nước
như ngọc biếc núi như màu thiên-
thanh. Người hiền ở không tục, cây
ngô-đồng có con phượng đậu, cây
thông có con hạc ở. Đó là nói về cảnh-
trí một nhà cao-hiền.

Đề cảnh nhà

I

Kinh thụ hữu hoa huynh đệ lạc;

荆樹有花兄弟樂。

Thư điền vô thuế tử tôn canh.

書田無稅子孫耕。

Ngày xưa có nhà anh em chia cửa,
thì hoa cây Kinh rụng, đến lúc lại
đồng-cư thì hoa cây Kinh lại tươi tốt,
là nói về cảnh anh em hòa-thuận.
Nhà có con cháu cho theo học,
thế là lấy sách làm ruộng cây, mà
không phải đóng thuế, là nói về nhà
có con cháu học-hành.

II

Thư-diễn thục túc giai chân vị;

書田菽粟皆眞味。

Tâm địa chi lan hữu dị hương.

心地芝蘭有異香。

Đây là nói bóng người di học lấy
sách vở làm ruộng thì thóc gạo đều là
chân-vị cả. Cái tâm-địa tốt thì vị như
cỏ chi lan có mùi thơm lạ.

III

Chân học vấn, tùng ngũ luân tổ khởi;

眞學問從五倫做起。

Đại văn-chương, tự lục kinh đắc lai.

大文章自六經得來。

Nói về chân học - vấn thì phải tự
trong đạo ngũ-luân làm ra; đại văn-
chương thì cũng học được tự trong
sáu kinh.

IV

Biểu minh thiên hộ trúc;

鳥鳴千戶竹。

Thư trâm nhất sàng phòng.

書枕一床幽。

Đây là nói về cảnh chim hót ngoài
khóm trúc, sách dầy trên một giường,
là tả về cảnh trong nhà thư-viện.

V

Văn-chương thiên-cổ sự;

文章千古事。

Hoa liễu nhất viên xuân.

花柳一園春。

Văn-chương là việc thiên-cổ, hoa-
liễu đua xuân trong một vườn.

VI

Danh giáo tự hữu lạc địa;

名教自有樂地。

Thi Thư thị ngã lương điền.

詩書是我良田。

Trong chốn danh giáo vốn tự có
cái cảnh vui, sách Thi Thư cũng
là thửa ruộng tốt của ta.

VII

Hảo thư ngộ hậu tam canh nguyệt;
好書悟後三更月。
Lương hữu lai thời tứ tọa xuân.
良友來時四座春。

Xem sách lúc canh khuya trăng sáng
tự-nhiên tỉnh-ngộ, khi có bạn tốt lại
chơi thì tứ-tọa đều vui.

VIII

An đắc khai môn thường đối nguyệt;
安得開門常對月。
Cánh tư trúc thất vị tàng thư.
更思築室為藏書。

Sao được mở cửa ra thường đối mặt
trăng, lại nghĩ xây thêm nhà là vì chứa
sách.

Trở lên là những câu dân trong
nhà chỗ xem sách học-hành.

IX

Giang-sơn cung chỉ cổ;
江山供指顧。
Phong-nguyệt trợ đăng lâm.
風月助登臨。

Non sông cung trước mắt chỉ trở,
trăng gió giúp hưng-thú đăng - lâm.

X

Trưởng kiếm nhất bôi tửu;
長劍一杯酒。
Cao lâu vạn lý tâm.
高樓萬里心。

Thanh kiếm dài với một chén rượu,
lên lầu cao tưởng xa đến muôn dặm.

XI

Trục vân sơ khởi nhật trầm các;
岫雲初起日沈閣。
Sơn vũ dục lai phong mãn lâu.
山雨欲來風滿樓。

Mây núi sắp dùn lên mặt trời lặn
xuống đầu gác, mưa rừng sắp kéo lại
gió thổi đầy lầu.

XII

Đằng thân chuyển giác tam thiên cận;
騰身轉覺三天近。
Cử bộ hồi khan vạn lĩnh đề.
舉步回看萬嶺低。

Nhắc nổi thân lên tưởng như trời
gần, cất bước đi nhìn xuống muôn
ngọn núi đều thấp.

Trở lên bốn câu (từ 9 đến 12) là
những câu đề nhà gác cao.

XIII

Thủy sắc sơn quang giai họa bản;
水色山光皆畫本。
Hoa hương điều ngữ thị thi tình.
花香鳥語是詩情。

Sắc nước bóng núi đều là bức tranh
vẽ, hoa thơm chim hót là cái thú làm
thơ.

XIV

Thụ ảnh bất tùy minh nguyệt khứ;
樹影不隨明月去。
Hà hương thời dĩ hảo phong lai.
荷香時與好風來。

Bóng cây không theo bóng trăng đi,
hương sen thường cùng gió mát đưa lại.

XV

Vũ dư thiên điệp mộ sơn lục;
雨餘千疊暮山綠。
Hoa lạc nhất khe xuân thủy hương.
花落一溪春水香。

Sau lúc mưa thì nghìn điệp núi về
buổi chiều xanh biếc, hoa rụng xuống
thì một khe nước mùa xuân thơm lừng.

XVI

Đối lũng dĩ hứa thành tri kỷ;
對松已許成知己。
Khán trúc hà tu vấn chủ nhân.
看竹何須問主人。

Đối cây thông đã hứa cho là bạn tri-
kỷ, trông cây trúc không cần hỏi đến
chủ-nhân nữa.

Trở lên bốn câu (từ 13-16) là những
câu đề cảnh vườn.

XVII

Bích sa ánh nguyệt phản tân đình ;

碧紗映月烹新茗。

Hồng tu thêm hương độc dị thư.

紅袖添香讀異書。

Bóng trắng lồng màu sa biếc, pha trè
mời đề thưởng trăng ; vén tay áo hồng
thêm hương vào lư, rồi ta ngồi
đọc sách lạ chơi.

XVIII

Châu liềm dạ quyền yêu minh nguyệt ;

珠簾夜捲邀明月。

Từ thất xuân thâm hộ thái vân.

繡闥春深護彩雲。

Rèm châu đêm cuốn lên đề đón mặt
trăng, buồng gấm xuân tĩnh, đã có
bóng mây che mát.

XIX

Xuân nhập thủy vi hoa hữu sắc ;

春入翠幃花有色。

Phong lai tử các ngọc sinh hương.

風來繡閣玉生香。

Xuân lọt vào màn biếc, làm cho hoa
thêm sắc đẹp ; gió lại tới gác gấm làm
cho ngọc thêm hương.

Ba câu trên (từ 17-19) này là tả
cảnh nhà phong-lưu lịch-sự.

XX

Nhất địch thanh phong cô dạ vãn ;

一笛清風孤嶼晚。

Bán xoa hàn vũ cựu giang thu.

半簑寒雨舊江秋。

Gió đưa một tiếng địch ở bên gò
khí buổi chiều ; mưa lạnh nửa mảnh
áo tơi ở trên sông lúc trời thu.
Đó là tả về cảnh nhà thuyền chài.

XXI

Thời dũ lão nông đàm giá sắc ;

時與老農談稼穡。

Bất nhân nhàn khách bãi cầm thư.

不因閒客罷琴書。

Thường cùng kẻ lão-nông bàn việc
cấy gặt, không vì những người khách
hảo mà bỏ việc dân sách. Đó là tả cái
cảnh ở chốn thôn quê.

Đề nhà từ-đường.

I

Nhất đường hiếu hữu dôn ung mục ;

一堂孝友敦雍睦。

Thiên tài Chung Thường báo bản
nguyên.

千載蒸嘗報本源。

Một nhà hiếu thuận cùng đức lòng
hòa vui ; nghìn năm lễ Chung lễ
Thường là báo đền cho nguồn gốc.

II

Ái kiến khai văn, hiếu tư bất quĩ ;

愛見開聞。孝思不匱。

Thu Thường xuân Thước, tự sự
khổng minh.

秋嘗春酌。祀事孔明。

Tưởng tượng hình như có nghe có
trông thấy thật là bởi bụng hiếu, tư-
tưởng vô-cùng, mùa xuân lễ Thường
mùa thu lễ Thước, việc lễ-tự rất
là sạch sẽ.

III

Phàm kim chi nhân, bất như ngã
đồng tính ;

凡今之人。不如我同姓。

Đuật tu quyết đức, vô thiềm nhĩ sở
[sinh.

聿修厥德。無忝爾所生。

Phàm người đời này, không bằng
người cùng họ ; phải nên sửa lấy đức,
chớ để thẹn đến người sinh mày.

IV

Phủ qui hiền nhiên, tất trung hiếu
tiết liêm, tự nhiệm kỷ doan, phương
khả vô tâm tôn tổ;

富貴顯然. 必忠孝節廉. 自任
幾端. 方可無慚宗祖.

Thi thư mĩ hĩ, dân nông công
thương cổ, các chuyên nhất nghiệp,
tiện phi bất tiểu tử tôn.

詩書美矣. 但農工商賈. 各專一
業. 便非不肖子孫.

Giàu sang rõ-ràng, nhưng tất phải
trung-hiếu tiết-nghĩa liêm-khiết, tự-
nhiệm lấy vài điều, thì mới không thẹn
với tôn tổ. Giữ nghiệp Thi Thư thì
tốt thật, nhưng nghề công nghề nông
nghề thương-cổ phải nên chuyên lấy
một nghề, thì mới không phải là
con cháu bất-tiểu.

Đề nhà quan-sảnh

I

Bách lý xuân phong hồi thảo dã ;
百里春風回草野.

Tứ thời hòa khí cập thương sinh.
四時和氣及蒼生.

Trăm dặm gió xuân thổi về chốn
đồng cỏ nhà quê, bốn mùa hòa-khí
thấu kịp đến kẻ thương-sinh, là cho
dân được nhờ.

II

Món ngoại tứ thời xuân, hòa phong
cam vũ.

門外四時春. 和風甘雨.

Ấn đầu tam xích pháp, liệt nhật
nghiêm sương.

案頭三尺法. 烈日嚴霜.

Ngoài cửa bốn mùa xuân, gió hòa
mưa ngọt, ý là nói ơn trạch chan-chứa
nhân-dân vui-vẻ. Trên án ba thước
phép luật, thì rất là nghiêm như sương
nóng như nhật. — Câu này đề vào
nhà-môn pháp-luật thì hay.

III

Hoa trúc nhất đình, diệc thị trung
nhân thập gia sản ;

花竹一庭. 亦是中人十家產.

Hiền song tứ diện, khả vô quảng hạ
vạn gian tâm.

軒窗四面. 可無廣廈萬間心.

Một sân cảnh hoa trúc ở nhà quan,
cũng là một cái gia-sản trung-thường
của dân. Bốn mặt mở hiên song rộng-
rãi như thế, há lại không có bụng rộng
như muốn gian nhà để dung những
kẻ hàn - sĩ.

Đề nhà buồn

I

Tài như hiền nhật đằng vân khởi ;
財如曉日騰雲起.

Lợi tựa xuân trào dải vũ lai.
利似春潮帶雨來.

Của như mặt trời buổi sớm vượt
mây mọc lên, lợi như nước trào mùa
xuân theo mưa dồn lại.

II

Kinh doanh bất nhượng Đào Chu
phú ;

經營不讓陶朱富.

Mãi dịch thường tồn Quán Bão
phong.

貿易常存管鮑風.

Kinh-doanh không nhường muốn
giàu hơn Đào Chu. Đồi chắc vẫn giữ
cái thói chia vàng như Quán Trọng với
Đào Thúc.

Mừng đỗ tốt-nghiệp

I

Hợp đức dục, tri dục, thề dục liêm
tu, hữu chí cánh thành, khảo tích ứng
suy đồng học quán ;

合德育智育體育兼修. 有志
更成. 考績應推同學冠.

Tự lý-hiệu hương-hiệu quốc-hiệu
tiệm tiến, thừa thời trí dụng, thông tài
bất phụ đại-phương trí.

自里校鄉校國校漸進。乘時
致用。通才不負大方知。

Hợp cả đức-dục, trí-dục, thể-dục, cổ
chi tu-tiến cho thành, các kỳ thi khảo
công-khóa vẫn hơn cả bạn đồng học.
Tự trường lý-hiệu, hương-hiệu, quốc-
hiệu tiến dần lên, gặp thời ra ứng-dụng,
tài giỏi không phụ nhà đại-gia biết.

II

Vì học thi dăng sơn, thập cấp trung
đồ, hội kiến nhiếp y lãng tuyết đỉnh ;
爲學登山。拾級中途。
會見攝衣凌絕頂。

Thiết khoa như quan hải, tài chiêm
tiền lộ, dự kỳ phá lãng triển hùng tâm.
設科如觀海。載瞻前路。
預期破浪展雄心。

Theo học ví như lên núi, đếm bậc
lên đến giữa đường, có ngày sẽ vén áo
lên đến tuyết-đỉnh. Đặt ra từng khoa
thi rộng như bể, trông lên đường trước,
sẽ mong vượt sóng cho thỏa hùng-tâm.

Hai câu trên này là mừng người thi
đỗ tốt-nghiệp lên đến trung - học.

Câu đối phúng

I

Bị cửu ngũ phúc khảo chung, hồng
phạm trần trù, đoan tư hảo đức ;

備九五福考終。洪範陳
疇。端資好德。

Hưởng (lục thập) linh thương thọ,
tương hiên (hữu tử), định bốc khắc gia.

享六十齡上壽。衆賢有
子。定卜克家。

Hưởng đủ ngũ-phúc rồi mất, linh
trù Hồng-phạm mà kẻ, thì là nhờ về có
đức tốt. Hưởng sáu mươi tuổi thượng
thọ, mà được có con hiền, chắc rằng
sau này đương được việc nhà.

Câu này thông-thường là phúng
ông cụ sáu mươi tuổi mà có con trai
khá. Nếu phúng ông bảy mươi thì đối
chữ lục thập làm chữ thất thập 七十
Nếu có cháu khá, thì đối chữ hữu tử
làm chữ trưởng võ 武, nghĩa là có
cháu nối gót theo được kịp ông.

II

Hà xú khả chiêu hồn, án độc trần
phong, trụ tư dư trạch ;

何處可招魂。案牘塵封。
追思餘澤。

Vì quân không quải kiếm, nhân cầm
phong lân, trường vọng mộ vân.

爲君空掛劍。人琴風冷。
悵望暮雲。

Không biết chốn nào tìm thấy hồn
phách, chỉ thấy còn sổ sách bỏ bụi, lại
càng nhớ đến cái ơn trạch xưa. Nay treo
gươm trước mồ đề thăm viếng ông, thì
người khuất đàn bỏ không gió lạnh,
buồn trông cảnh mây buổi chiều. Đó là
viếng người làm việc quan giữ về việc
văn thơ. Nếu chữ « Án độc » đối là chữ
« Thao lược 韜略 » thì viếng người
quan võ cũng được. Đối ra chữ
« giả sách 簡冊 » thì viếng người
trong học-giới ; đối làm chữ « trường
lịch 帳籍 » thì viếng người trong
thương-giới cũng được.

III

Thức hảo vịnh linh nguyên, tần thời
vạn họa xuy huân), chiêm hỉ thiên
luân đa lạc sự ;

式好詠鶴原。頻時韻和
吹埤。輒喜天倫多樂事。

Phân phi tồ nhạn vũ, thử hậu sàng
không cộng bị, hội tư thủ túc kích
thương tâm.

分飛摧雁羽。此後床空
共被。回思手足劇傷心。

Linh nguyên là chim lách-lách ở
ngoài đồng hay cứu nạn cho nhau,

nên người làm thơ mới vì như anh em; thời thường thỗi ống huân họa vắn với nhau, mừng rằng trong đạo thiên-luân nhiều sự vui-vẻ. Nay cánh nhận bay rẽ ra là anh mất đi, sau này ai nắm cùng chấn nữa, nghĩ đến tình anh em như chân tay lại càng thương-tâm. Câu này là viếng anh, nếu đổi chữ (huân) làm chữ (tri 篋) thì lại dễ viếng em. Nguyên kinh 1 hi có câu: «Người anh thỗi ống huân, em thỗi ống tri», là ý anh em hòa vui cùng nhau.

IV

Thiên bất ngạn di, (ngũ) tuần hoàn
ngạn (nhị) linh, vị cập xưng trảng tiền
vĩnh thế ;

天不慙遺。五旬還斬二
齡。未及稱觴先永逝。

Công thành tri-kỷ, lưỡng địa cân
khuyết (nhất) nguyệt, trùng giao bả li dĩ
vô duyên.

公誠知已。兩地僅睽一
月。重教把臂已無緣。

Trời không hãy để sót lại, mà khiến người năm mươi kém hai tuổi, chưa kịp mở tiệc thọ đã chết đi. Ông thực là tri-kỷ, hai nơi mới cách nhau một tháng. mà đã vô-duyên không được bắt tay nhau nữa rồi. Câu này là phúng người bạn tri-kỷ, những chữ (ngũ, nhị, nhất) nếu gặp người khác tuổi khác tháng thì tùy-liệu nã thay đổi chữ số khác cho hợp cũng được.

V

Tích niên giăng-xá đồng du, bả tửu
lượn vắn, mắc vắn phần nhuận ;

昔年講名同遊。把酒論
文。壘裏分潤。

Kim nhật cổ nhân an tại, bằng quan
sái lệ, phỉ lộ sinh hàn.

今日故人安在。憑棺洒
淚。薤露生寒。

Năm trước cùng vui chơi ở nhà học, có khi uống rượu bàn văn, cùng nhau

xan-xẻ bút mực, là nói ý thân-thiết, Bây giờ cổ-nhân đâu vắng, đưa quan-tài rõ nước mắt, trông cái cảnh sương móc trên ngọn cỏ mà sinh buồn.

VI

Văn gien tích ngón hoan, tồn niên
bắc-hải khai tôn, kỷ kinh súc tất ;

文譔昔言歡。頻年北海
開樽。幾經促膝。

Nhân cầm kim đồn điều, thử hậu
tây song tiễn chúc, thùy cộng đàm tâm?

人琴今頓杳。此後西窗
剪燭。誰共談心。

Khi xưa cuộc văn chương cùng vui chơi, trải bao năm Bắc-hải cùng chén, đã từng thân-thiết kẻ gối với nhau. Ngày nay người và đàn đều vắng cả, sau này tây-song nổi sấp, biết cùng ai mà đàm-tâm được.

VII

Sồ tảo đình thần giao, vũ hồi kê minh,
thành tích ưu trường siêu nhược bối ;

數載訂神交。兩晦鷄鳴。
成績優長超若輩。

Nhất chiếu thành vịnh quyết, trần
phong đồ giản, di thư linh lạc phó hà
nhân.

一朝成永訣。塵封蠹簡。
遺書零落付何人。

Mấy năm đình thần-giao, khi mua tối lúc gà gáy, học-hành khó nhọc, công-khóa vẫn giỏi hơn cả các bằng-bối. Một sớm quyết-biệt đi, bụi dầy cả đồng sách một, những di-thư linh-lạc ấy giao phó cho người nào bây giờ ?

Trở lên ba câu (từ 5-7) đều là phúng về những người bạn văn-chương cùng du-học với nhau.

VIII

Bảo-vu âm vô quang, diễn tưởng từ
dung, hóa ái khả thân nhân cộng kiến ;

寶婺黯無光。緬想慈容。
和謁可親人共見。

Dao dài không hữu nguyệt, truy
hoài ỷ phạm, ân thị độc hậu ngã vu bi.

瑤臺空有月。追懷懿範。
恩施獨厚我尤悲。

Sao Bảo-vụ tối mờ, là vì người đàn
bà mất, tướng-tượng từ-dung, thì thật
là hóa-phủ khả thần ai cũng biết; chốn
dao-dài chỉ trơ bóng trắng suông, truy
nhớ đến cái khuôn phép tốt, thì-ơn
cho ta hậu thì ta thương tiếc lắm.
Câu này là phúng người đàn bà.

IX

Vì danh môn đại phụ, nhi sơ tự bố
y, lặn lầy dung dung chỉ phần khi;

爲名門大婦。而疏食布
衣。盡洗庸庸脂粉氣。

Tăng nữ giới vinh quang, thị lệnh
thê hiền mẫu, trường lưu lạc lạc hiếu
từ thanh.

增女界榮光。是令妻賢
母。長留落落孝慈聲。

Làm dâu nhà danh-môn, mà ăn cơm
hầm mặc áo vải, rửa hết những cái thói
phần sấp lủ con gái tầm-thường. Làm
thêm vẻ-vang cho nữ-giới, thực là một
người vợ tốt mẹ hiền, còn lưu mãi cái
tiếng hiếu từ về sau. Câu này là phúng
một người hiền-phụ.

X

Bán tử tình thâm, thao dự (Lý) đình
thi lễ huấn;

半子情深。叨預鯉庭詩禮訓。

Du tiên tích diều, nhẵn giao hạc giá
hải thiên thu.

遊仙跡杳。忍教鶴駕海天秋。

Con rề là bán-tử, lại được coi như
con là Khổng Lý đề theo học Thi Lễ.
Khi xưa Khổng-tử có dạy con là Lý học
kinh Thi kinh Lễ. Nếu không có theo
học thì chữ «Lý» đổi làm chữ băng 冰
lấy tích bố vợ như băng-thanh. Dấu
du-tiên xa vắng, nở đề hạc giá bay xa
trời bề mênh mông. Đó là lời con rề
khóc bố vợ.

XI

Sự nghiệp dĩ qui tiền bối lục;

事業已歸前輩錄。

Diễn hình lưu dĩ hậu nhân khan.

典型留與後人看。

Sự-nghiệp đã ghi về bậc tiền-bối,
diễn-hình còn để cho người sau xem.
Đó là lời phúng người bậc tôn-trưởng.

XII

Thu thủy kiêm-hà, tở hồi vãng triết;

秋水兼葭。溯洄往哲。

Xuân phong đào lý, tưởng tượng tư
văn.

春風桃李。想像斯文。

Trên sông thu-thủy búi cỏ kiêm-hà,
đi dò tìm người vãng-triết mà không
thấy. Cây đào lý nhờ về gió xuân mà
tươi tốt, cũng vì như học-trò nhờ về
thầy, bao giờ vẫn nhớ đến tư-văn. Đó
là lời phúng ông nghiệp-sư.

Trở lên là lược-thuật qua những
câu thường-sáo trong các tập câu đối
tàu, mỗi loại lấy ít câu giải-thích ra để
xem cho tiện mà bắt chước. Sau này
sẽ lựa chọn lấy những câu tập-cú
cảnh-bạt và hiệp-thái những câu của
các nhà danh-gia nước ta nghĩ soạn,
đã có nhiều người truyền-tụng, sẽ lần
lượt ghi chép lấy mà giải ra như sau:

Tập-cú

I

Vu vân quan nhàn, vu sơn quan tĩnh;
于雲觀閒。于山觀靜。

Dữ phong cầu thanh, dĩ nguyệt cầu
minh.

與風俱清。與月俱明。

Tả cảnh xem mây xem núi mà ngụ
ý nhàn-tĩnh, cùng với trăng gió cùng
trong sáng

II

Thủ lưu thủy đương huyền ca, tỉnh
linh hà hại ;

取流水當絃歌。性靈何害。

Đi liền hoa thị mỹ sắc, nghiệt
chương tự tiêu.

以鮮花視美色。孽障自消。

Lấy tiếng suối nước chảy thay tiếng
dân hát mà nghe, thì không hại gì tinh-
linh. Cõi sắc đẹp cũng như cái hoa
tươi một lúc, thì nghiệt - chương
tự-khắc là tiêu đi hết.

III

Tin cổ bất thiên, dã thị tịch hiền tri-
kỷ ;

信古不遷。也是昔賢知己。

Lưu quang nhược ký, vô vị kim thể
nhân-nhân.

流光若寄。無爲今世閒人。

Tin cổ không dời đổi, ấy mới là tri-
kỷ với người cổ-hiền. Bóng sáng đi như
chớp, chớp làm người nhàn ở đời nay.

IV

Ái tịch tinh-thần, lưu thủ-thân đảm
đương vũ-trụ ;

愛惜精神。留此身担当宇宙。

Sa đà tuế nguyệt, tương hà nhật báo
đáp quân thân.

蹉跎歲月。將何日報答君親。

Yêu tiếc lấy tinh - thần, để lưu
thân ấy đảm-dang việc vũ-trụ, lần lữa
năm tháng, toan đến ngày nào báo
đáp được quân-thần.

V

Hùng tâm vị tận do khan kiếm ;

雄心未盡猶看劍。

Sinh ý vô biên thả chủng hoa.

生意無邊且種花。

Bung anh-hùng chưa chán còn muốn
mơ đến gươm ; sinh-ý vẫn còn vô-
cùng hãy trồng hoa chơi.

VI

Dục tri thế-vị tu thường đảm ;

欲知世味須嘗胆。

Bất thức nhân-tình thả khán hoa.

不論人情且看花。

Muốn biết mùi đời thì nên nếm mồi,
không biết nhân-tình thì hãy xem hoa,
Ngẫm như câu ấy thì biết thế-vị là
cay đắng, mà nhân-tình thì chỉ hoa
hòa mà thôi.

VII

Duy đại anh-hùng năng bản sắc ;

惟大英雄能本色。

Thị chân danh-sĩ tự phong-lưu.

是真名士自風流。

Chỉ người đại anh-hùng mới hay
giữ được bản-sắc ; thực người danh-
sĩ thì bao giờ vẫn tự phong-lưu.

VIII

Nhập thế chích thân thiên lý mã ;

入世隻身千里馬。

Quan thư song nhãn vạn niên đăng.

觀書雙眼萬年燈。

Thân người ta vào cuộc đời cũng
như con ngựa thiên-lý ; đôi con mắt
xem sách như ngọn đèn soi thấu đến
muôn năm.

IX

Xử thế thụ vi mô, căn ổn bất phương
chi diệp động ;

處世樹爲模。根穩不虧
枝葉動。

Lập thân tiền tác dạng, nội phương
tu yếu ngoại biên viên.

立身錢作樣。內方須要
外邊圓。

Xử với đời nên lấy cái cây làm mẫu, cội rễ phải bền vững, còn cành lá động cũng bất-phương. Lập thân nên như dáng đồng liền, trong phải vuông vắn, bên ngoài phải tròn mới được.

X

Tửu do hoa, bán khai vi giai, bán hàm vi diệu ;

酒猶花，半開爲佳。半酣爲妙。

Ngôn giả phong, vô túc nhĩ hành, vô dục nhĩ phi.

言者無。無足而行。無翼而飛。

Uống rượu cũng như chơi hoa, hoa thì mới bán-khai là tốt, rượu thì uống độ hơi say ngà-ngà mới hay. Lời nói cũng như gió, nó không chân không cánh mà nó bay truyền đi xa được cả.

XI

Tu tận hoan, mạc sử kim tôn không đối... ;

須盡歡。莫使金樽空對。

Hà túc vấn, bất như cao ngọa thả gia..

何足問。不如高臥且加。

Nguyên có câu rằng : « Mạc sử kim tôn không đối nguyệt ». Nghĩa là chớ khiến cho chén vàng phải suông đối mặt trăng. Nay rút bớt chữ « nguyệt » đi, thì không biết là suông đối gì ? Nguyên câu dưới rằng : « Bất như cao ngọa thả gia san ». Nghĩa là không gì bằng khênh nằm rồi lại thêm cơm ăn cho khỏe. Nay rút bớt chữ « san » đi thì không biết là lại thêm gì. Đó là một câu đối tập cổ mà tiết-nạ, dưới cùng hụt bớt một chữ, để cho ý nói lửng lơ.

XII

Âm khả bán hồ, quá lượng tắc tùy, tùy chiếp tỉnh, tỉnh phục ngâm, điệp dục vô ngâm, kỳ như minh-nguyệt thanh-phong thử dạ.

飲可半壺。過量則醉。醉輒醒。醒復吟。亦欲無吟。其如明月清風此夜。

Tọa đảo tam canh, hợp nhãn dức thuy, thuy nhĩ giác, giác vô mộng, thời nhĩ hữu mộng, chỉ tại trúc bình hoa ồ chỉ gian,

坐到三更。合眼即睡。睡而覺。覺無夢。時而有夢。只在竹坪花塢之間。

Rượu uống được nửa hồ, uống quá lượng thì say, say rồi lại tỉnh, tỉnh rồi lại ngâm thơ, cũng muốn không ngâm nữa, nhưng hoài mất trắng trong gió mát đêm nay thì sao. Ngồi đến canh ba, nhắm mắt liền ngủ, ngủ rồi lại tỉnh dậy, tỉnh rồi không mê-mộng nữa, cũng có lúc nằm mộng, nhưng chỉ mộng quanh ở chỗ đàn hoa khóm trúc mà thôi. Câu này có ý-từ phiêu-dật.

Ngạc-dinh Nguyễn tiên-sinh đối-liên-tập.

Nhà tôi còn truyền lại một tập câu đối của cụ Tò Tiến - sĩ Ngạc - dinh Nguyễn tiên-sinh 鄂亭阮先生 khi xưa nghĩ soạn ra cũng nhiều, nay còn sao-lục lại độ và trăm câu, nhân thế xin kính lục ra đây ít câu như sau, đề cho biết lối văn một nhà.

I

Học cổ vô tài, bãi thả bất năng nhưng tự tiến ;

學固無才。罷且不能仍自進。

Bản phi sở dục, trực chỉ bất khứ cố tương an.

貧非所欲。逐之不去故相安。

Câu này là ý tự-thuật nói rằng: Vốn mình học vắn vô-tài, chán muốn thôi đi không được mà tự-nhiên vẫn tấn-tới. Tuy rằng không muốn chỉ cái nghèo, nhưng vì đuổi nó đi không được, nên phải an-bản vậy. Nguyên cụ khi xưa đồ rồi mà vẫn còn nghèo, tuy nghèo mà vẫn chăm học, đồ đến

hai ba lần tú-tài, rồi mới lên cửu-nhân, lên tiến-sĩ, nên câu này mới tự-thuật như vậy.

II

Thường tương bất tận hoàn thiên địa;
常將不盡還天地。

Biệt hữu vô cùng duy tử tôn.
別有無窮遺子孫。

Người ta ở đời phúc-đức không nên hưởng tận, không nên làm cho tận-tinh, tận tài, tận lực người ta, phải nên lưu một ít «bất-tận» để trả lại cho trời đất, thì tự nhiên là có phúc-ấm vô-cùng để lại cho con cháu được nhờ.

III

Thanh phong án thượng vô lưu thảo;
清風案上無留草。
Minh nguyệt liềm tiền hữu vãn hoa.
明月簾前有晚花。

Trên án thanh-phong không có bản-thảo nào lưu-trê, trước rèm minh-nguyệt chỉ có bóng hoa buổi chiều. Đó là tả ra một nhà chính-trị công-liêm, có cái vẻ thanh-minh khi-tượng. Câu này nguyên là một câu thơ của cụ Ngạc-dinh họa nguyên-vận bài thơ của quan Tổng-tốc Nguyễn Bá-Nghi 阮伯儀, ngài lấy làm hay mà chích ra thêu để làm câu đối treo chỗ công-dường.

IV

Vật bất cầu doanh tùy xứ túc;
物不求盈隨處足。

Sự như năng định tức tâm thanh.
事如能定即心清。

Vật không cầu thừa thế nào cũng đủ, sự hay định được thì tâm tức thanh. Câu đề chỗ ngồi chơi.

V

Ấu nhi học, tráng nhi hành, giới tại nghị miễn lực;

幼而學。壯而行。戒哉宜勉力。

Tinh tương cận, lập tương viễn,
告教相親。習相遠。教之貴以專。

性相近。習相遠。教之貴以專。

Câu này là lấy chữ liền trong sách *Tam-tự kinh* mà ghép lại, nghĩa là trẻ phải học lớn lên phải làm, rắn bảo phải nên gắng sức; tính thì gần giống nhau cả, chỉ tập về thói quen mới xa khác nhau, nên phải dạy cho chuyên mới được. Câu này đề chỗ nhà dạy học trẻ con.

VI

Phụ nhi tử nhi tôn, quang ư liên thùy ư hậu;

父而子而孫。光於前垂於後。

Bách nhi thiên nhi vạn, tri mỗ sở thức mỗ danh.

百而千而萬。知某數識某名。

Cha đến con đến cháu, sáng ở trước rú để về sau; bách rồi đến thiên đến vạn, tính theo cái số ấy thì là biết cái danh ấy. Câu này cũng lấy chữ liền trong sách *Tam-tự-kinh*, đề tặng cho một người được thưởng Bá-hộ, mà con lại được thưởng Thiên-hộ.

VII

Tiền cốc xuất nhập kỷ hà, di tự hữu chủ;

錢穀出入幾何。己自有主。

Hộ khẩu đa thiểu chi xứ, đắc dĩ tri.

戶口多少之處。得以具知。

Tiền thóc thu vào chi ra bao nhiêu, đã có người chuyên-chủ coi giữ. Những nơi nào số hộ số khẩu nhiều ít bao nhiêu, đều được đủ biết cả. Đó là nói về chức chủ-thủ giữ kho tiền thóc khi xưa, câu này là đề ở cửa kho Sơn-tây.

VIII

Năng ư ấp lý trung lập gia, lưỡng gian vô quý;

能於邑里中立家。兩間無愧。

Nhược vị vũ-trụ nội giai phận, thập mẫu phi khoan.

若謂宇宙內皆分。十畝非寬。

Câu này là tặng một ông tù người làng mới dựng được hai gian nhà ở trong làng, ý bảo rằng hay lập nhà được ở chốn hương - thôn, thì cũng không thẹn với lưỡng-gian là trời đất, mà lưỡng gian lại nghĩa là hai gian nhà. Nếu bảo rằng trong vũ-trụ đều là phận-sự mình cả, thì dẫu nhà rộng đến mười mẫu cũng không phải là rộng.

IX

Thiên dữ nhất nhân, tiến thử đại niên du ngũ thập;

天子一聞。進此大年逾五十。

Nhân sinh bách tuế, khả ư kim nhật chí sơ tam.

人生百歲。可於今日壽初三。

Trời cho được một cõi nhân, đã tiến lên đến tuổi hơn năm mươi rồi; người ta sống đến trăm tuổi, nay đã được nửa phần và lẻ ba, đó là mừng người thọ năm mươi ba tuổi,

X

Thạch thất ủy đan sa, thái được hoang truyền doan-ngộ sự;

石室委丹砂。採藥荒傳端午事。

Thư trai tồn tổ nghiệp, tài hộc độc hừa văn niên tam.

書齋存素業。栽槐獨許晚年心。

Câu này là phúng ông cụ sinh ra quan phó-bá-hộ Khuất người làng Thư-trai huyện Thạch-thất Sơn-tây. Ông cụ mất về ngày tết doan-ngộ, huyện Thạc - thất tương - truyền có một cái núi là nơi ông Cát - tiên

luyện đan-sa đề tu - tiên. Nay nhà Thạch-thất mà ủy bỏ đan-sa ở đó, bảo rằng là đi hái thuốc ngày doan-ngộ, cũng là một sự hoang-truyền mà thôi. Nhưng ở Thư-trai có con vẫn giữ được nghiệp cũ, thì cái lòng trồng cây hộc hồi văn-niên của ông cụ có thể yên tâm được.

XI

Ho nhiên sở nhật bát lai, thục thành thiên-cổ;

胡然歟口个來。曠成千古。

Nhược sử cửu-nguyên khả tác, cánh tận nhai bôi.

若使九原可作。更盡一杯。

Sao mấy ngày không thấy bác lại chơi, mà chợt đã thành người thiên-cổ rồi; nếu dưới chín suối mà khả trở dậy được thì hãy cạn một chén này nữa rồi sẽ chết. Đó là làm hộ cho một người đề phúng người anh em bạn rượu.

XII

Tin tiên-sinh năng y, sở vị sử nhân thiên-ly ngoại;

信先生能醫。所為使人千里外。

Y tiên-sinh hà bệnh, tài ư khí ngã thiếp tuân dư.

嗚先生同病。縱於藥我妻可除。

Tin tiên-sinh là người hay thuốc, vì thế mới sai người đi xa nghìn dặm đề đón rước. Oï! Tiên-sinh bệnh gì mới biệt ta độ hơn một tuần nay mà đã mất. Đó là phúng một ông thầy thuốc mới đón lên chữa thuốc cho mình, vừa mới tiễn thầy về được mươi hôm thì thầy mất.

XIII

Tùng-hạ văn thâm, thái được bát tri hà xứ khứ;

松下雲深。採藥不知何處去。

Cát-sơn sa tại, nhi kim năng hữu kỷ nhân truyền.

葛山砂在。而今能有幾人傳。

Dưới cây thông mây khuất, không biết rằng ông hái thuốc rồi đi đâu mất; vẫn còn thuốc đan-sa ở Cát-sơn, đời nay chẳng hay đã mấy người truyền được. Cũng là câu phúng ông thầy thuốc.

XIV

Hồ nhiên nhất khóc tự trùng ai, bất cảm hữu tâm giả động ;

胡然一哭似重哀。不禁有心者動。

Thần thi bình sinh đa ái khách, cố dĩ sở văn nhi lai.

惻是平生多愛客。故以所聞而來。

Câu này là phúng một nhà có tang cha, lại vừa mới tang vợ. Xưa nay không quen biết, nhân khi tác-giả qua chơi nhà bên cạnh, nhà tang-chủ cho sang mời, mới viết ra câu này để phúng, ý bảo rằng chợt nghe một tiếng khóc mà cố ý trùng-ai, là nói về khóc cha và khóc vợ, người hữu-tâm cũng phải động lòng. Huống-chỉ lúc bình-sinh cũng nhiều người văn, vậy nên nhiều khách-khứa cũng vì nghe tịn buồn mà lại viếng.

VX

Tam triều phiên bình trọng thần, thiên-tử hữu hoai khoan bắc cố.

三朝藩屏重臣。天子有懷寬北顧。

Lục tỉnh quán dân sinh phật, Thế-tôn hà sự nhạ tây qui.

六省軍民生佛。世尊何事迓西歸。

Một vị trọng-thần làm phen rào cho ba triều. Thiên-tử vẫn được khoan-thuở đở lo về miền bắc. Ông là một vị

phật sống cho quân dân sáu tỉnh, phật Thế-tôn sao lại vội đón về tây-phương. Câu này là phúng quan Thượng Nguyên Đẳng-Giai 玩登階 lúc bình-sinh ngài thích đạo phật có dựng ra nhiều chùa.

Trở lên là chích-lục ra mười lăm câu đối của cụ Ngạc-dinh để xem cho biết các lối, chữ kể ra còn nhiều lắm, không thể lục ra đây hết được. Nhân thế lại hiệp-thái thêm ít câu của mấy nhà danh-gia sẽ giải ra như sau.

Hiệp-thái

I

Vô tự chỉ thư phương thực học ;
無字之書方寔學。

Bất ngôn nhi giáo nãi chân truyền.
不言而教乃真傳。

Học đến sách không chữ mới là thực học; dạy mà không phải nói nhiều lời mới là chân-truyền. Câu này truyền là của một ông thầy học dân nhà trường.

II

Bán tự vi, nhất tự vi, nghĩa đồng quân phụ ;

半字爲。一字爲。義同君父。

Kim nhật bất, lai nhật bất, lễ cách quan dân.

今日不。來日不。禮隔官民。

Truyền rằng khi xưa có một ông thầy dạy được người học trò làm nên quan, khi thầy tìm đến cửa nhà-môn hỏi thăm vào chơi, thì ông quan ấy cứ chối từ bận việc không ra tiếp. Ông thầy lấy làm giận, mới viết đôi câu đối để trước cửa quan rồi đi. Ý bảo rằng nửa chữ là thầy, một chữ cũng là thầy, nghĩa thầy trò cũng bằng với vua với cha. Thế mà ngày nay đến chẳng cho vào, ngay mai đến cũng từ chối, làm ra bộ lễ cách quan đối đãi với dân, thì thầy không thêm vào nữa.

III

Cao tăng tổ khảo dĩ lai, thập bát
quân-công tam tể-tướng;

高曾祖考以來。十八郡
公三宰相。

Đình Lý Trần Lê nhị hậu, bách dư
liễn sĩ lục phong hầu.

丁李陳黎而後。百餘進
士六封侯。

Câu này truyền là để nhà thờ họ Võ
làng Mộ-trạch tỉnh Hải-dương. Họ Võ
Mộ-trạch khi xưa nhiều người đỗ làm
quan to, nên ý câu đối tán rằng từ đời
cao tăng tổ khảo trở xuống, mười tám
ông quân-công ba ông làm đến tể-
tướng; từ đời Đình Lý Trần Lê trở
về sau, đỗ hơn trăm ông tiến-sĩ, sáu
ông phong hầu.

★

Vân-tri tiên-sinh đối-liên-tập

I

Ái nhiên dân hóa, vân nhất hạc,
guyệt nhất cầm, lạc ngô hiền thú-
loãn;

藹然民和。雲一鶴。月一
琴。樂吾賢守尹。

Do đương tha nhất, lâu ư Ngòi, dài
Vị, trưởng dữ thú giang-sơn.

翕當他日。樓於巖。臺於
澗。長與此江山。

Từ đây trở xuống là câu đối của cụ
Nghê Vân-tri Dương Khuê, cụ có tiếng
âm câu đối hay, giọng văn chuông
rồng hợp với thời-trang lắm. Nhưng có
nhiều câu khí dài. Câu này là cụ nghĩ
lên mừng ông huyện Vụ-bản Nam-dinh.
Nói trong huyện dân được yên-hòa,
trong huyện chỉ một đàn một hạc vui
choi. Còn mong ngày sau làm lâu ở
đỉnh Gôi, lập đài ở sông Vị, dài cùng với
sông ấy.

II

Bạch chiến kỳ như quân, từ uyển
hùng phong, tái thí phục đăng tam
giáp đệ;

白戰幾如君。詞苑雄鋒。
再試復登三甲第。

Túc duyên như hữu định, nguyệt
cung cố bộ, nhất chi tri tằng thập niên lai.

夙緣如有定。月宮故步。
一枝遲贈十年來。

Câu này là mừng ông Tiến-sĩ họ Đàm
năm trước thi hội đã được trúng-cách
chưa kịp đình-thí truyền ló thì kinh-
thành thất-thủ phải thôi; đến mười
năm sau lại vào thi thì ông lại đỗ Tiến-
sĩ, nên ý câu đối nói rằng thi văn-
chương mấy người đã bằng ông, ngọn
bút hùng-phong vẫn sắc-xảo, hai lần
thi mà vẫn đỗ đến tam-giáp. Duyên
may vẫn có định sẵn, cái lối cũ lên cung
trăng vin cành quế, hoãn chậm đến
mười năm nữa mới tặng cho một cành.

III

Hồ thượng trúc thảo lưu, đắc hứng
du nhiên, hữu thời nhi vịnh, thời nhi
cầm, thời nhi bạch-vân miên, thời nhi
thái liên khúc;

湖上築草廬。得興悠然。
有時而詠。時而琴。時而
白雲眠。時而採蓮曲。

Thất trung mưu đấu tửu, đối khách
tiếu viết, ngô năng vi pha, năng vi tồ,
năng vi hoàng-phát tầu, năng vi thâu
đào nhi.

室中謀斗酒。對客笑曰。
吾能爲父。能爲祖。能爲
黃髮叟。能爲偷桃兒。

Câu này là mừng ông cụ người làng
Tang-trữ, một nhà tứ-dại đồng-đường.
Ông cụ ấy làm quan rồi về hưu ở quê
nhà, vui cảnh hồ sơn đã lâu, nên ý
câu đối nói rằng: Trên hồ dựng nhà
thảo-đường vui chơi hứng-thú, có lúc

ngâm thơ đánh đàn, có lúc ngủ mát dưới bóng mây, có lúc hái sen ngâm khúc hát. Khi vào trong nhà đã có bà vợ bày rượu sẵn, mời ông đánh chén. ông đối khách cười mà rằng: Ta đã được làm phụ, lại được làm tồ, lại hay làm ông bố tóc bạc, làm đũa trẻ như Đồng - phương Sóc ăn cắp đào tiên.

IV

Thiên-y vị sinh tài, Tiên-thành trùng chương, Dịch-lầu đan xa, do linh ngã quốc sơn-hà, tồn anh kiệt khí;

天意爲生才。仙緣重聚。
疾藪單車。猶令我國山
河。存英傑氣。

Kỳ huân tưng quân thế, đông hạ thụ hàng, bắc chinh tẩu tiếp, viễn cấp liệt hoàn Âu Á, thữ tướng công danh.

奇勳應冠世。東下受降。
北征奏捷。遠及列寰敵
亞。識相公名。

Đây là kẻ công cán cụ quận Hoàng Thái-Xuyên, bảo rằng ý trời sinh cụ là người tài giỏi, nào là lặn-lội những nơi lam-chương ở Tiên-thành (tỉnh Quảng-yên), mạo-hiểm vào bãi Sây, khiến cho non sông nước nhà vẫn còn lòng lấy cái khí-phách người anh-kiệt. Cái huân-lao lạ lùng ấy hơn cả đời, nào là khí xuống đông bắt giặc lại hàng, khi sang bắc thân-chinh báo tiếp, xa đến cả người Âu Á hoàn-câu cũng biết tiếng tướng-công. Cụ Quận được câu đối ấy lấy làm xứng ý lắm, liền sai treo ngay chỗ công-đường. Ấy cái giọng câu đối tán-dương phải khéo như thế mới được.

V

Lương bảo tại tư hồ, Sơn chi tây, Hà chi bắc, Hải chi đông nam, cơ dĩ bán thu thiên hạ mĩ;

良寶在茲乎。山之西。河
之北。海之東南。幾已半
收天下美。

Viễn kỳ phi chỉ thử, nho ư gia, danh ư bang, văn ư hoàn vũ, hà đương thiếu đáp thánh triều ân.

遠期非止此。儒於家。名
於邦。聞於寰宇。何當少
答聖朝恩。

Khi xưa trường Hà-Nam hương-thi là hợp cả học-trò các tỉnh Bắc-kỳ lại thi ở Nam - định, khi ra bằng đỗ xong thì quan tỉnh Nam có tặng tất cả các ông đồng-khoa một câu đối. Ý bảo rằng của qui báu chừng ở cả đây chăng? nào là người Sơn-tây Hà-bắc, cùng là người Đông-Nam, cơ hồ đã thu được phần nửa những người tài tốt trong thiên-hạ. Cái sự hi-vọng xa xôi không phải chỉ thế mà thôi, lúc ở nhà còn làm học trò, ra đến nước mới nổi tiếng, lừng cả đến ngoài hoàn-hải, thì nay những người đồng-bằng phải nên làm sao gọi là báo-đáp ơn thánh-triều. Câu này thật ra giọng quan trên tặng hết cả các ông đồng-khoa.

VI

Khanh yếm ngã chuyê mưu danh lợi, bất dĩ thực bản hồ? Túc vi lân-nhân thôn phu, học cứu át bà, khả dĩ điền-viên chung bạch-phát;

卿厭我拙謀名利。不與食貨
乎。卽爲散人村婦。學究阿婆
可以田園終白髮。

Ngã hạnh khanh vô hỷ; đồ tâm, vi hiêm kỳ lão dã, hởi liệu chấp tài cụ minh, tam thu biệt lệ, ẩm nhiên phong vũ đối hoàng hoa.

我幸卿無有妬心。未嫌其老
也。豈料廿載舊盟。三秋別淚。
黯然風雨對黃花。

Trở lên sáu câu là trích lục trong đối-liên-tập của cụ Thượng Văn-tri, kể ra còn nhiều câu hay, không thể lục cho hết được.

Trên này là một câu điệu-nội, cụ làm ra để khóc bà vợ cả. Khi bà cả mất thì cụ còn chưa ra làm quan to, nên nói rằng bà chán ta vụng mưu danh lợi, không cùng nhau an-bần được ư? Giá cứ ở nhà quê mà làm bà thôn-phụ vợ người nhàn-tản, hay làm bà đồ dạy học, cũng có thể ở chốn điền-viên với nhau đến già bạc đầu được. Ta vẫn may rằng bà không có bụng ghen chứ có hiềm gì bà đã già đầu. nào ngờ đầu cái lờn thề cũ hai mươi năm trước, mà đương lúc ba thu này rõ nước mắt biệt nhau, buồn thay mưa gió, đối cảnh hoa vàng. Giọng khóc vợ kè-lẻ như thế thì cũng nỡ nùng thật. Nhưng về trên ra ý gắt gỏng với vợ chán về nỗi chồng nghèo mà bỏ đi. Về dưới thì lại coi vẫn ưa bà mà không có tình ghen, chớ không hiềm gì bà mảy già. nói ra như giọng bóng đùa không phải là lời chính - đáng đối với người vợ chính-thất, văn-chương như thế cũng là đến hồi nhất-biến. Sau này sẽ lục thêm mấy câu điệu-nội của cụ Ngô Thời-Vị 吳時位 và cụ Ngạc-dinh về hồi Minh-mệnh, Tự-đức dĩ tiền đề đối chiếu xem sao.

Câu điệu-nội của cụ Ngô Thời-Vị

1

Vô phận ná văn nhân, chỉ bác đặc thiên-hạ chi chí-tình dĩ vi phu, khả liên chấp tải tân cần, thanh-nhân hà thù duy hân mặc ;

無分那文人。只博得天下之至情以爲夫。可憐什載辛勤。青眼何酬惟翰墨。

Hữu duyên qui giác phật, ưng vị tử quán-tử chi khổ hoải ưu quá thiếp, an đắc tái sinh đề đình, bạc đầu tương đối cộng từ châm.

有緣歸覺佛。應爲詠君子之苦懷尤過妾。安得再生締訂。白頭相對共磁針。

Người văn-nhân vô phận như ta chỉ vì có chí-tình với nhau mà được làm chồng, thương thay hai mươi năm tân-

khổ, mắt xanh vẫn trông-dãi nhau, mà ta chỉ có nghề văn-chương bút mực, không biết lấy gì mà báo đền được. Nay nàng hữu-duyên mà qui phật, cũng nên giải tỏ cái lòng chờng lại khổ hơn thiếp, mong sao tái-sinh lại được đề-đình với nhau, cho đến bạc đầu không lia nhau như đá từ-thạch với kim-châm. Giọng điệu-nội như câu này thì cũng là chí-tình.

..

Hai câu điệu-nội của cụ Ngạc-dinh

1

Ngã vãng khanh tống chi, thân lão nhi hài, khoản khúc sở thoại ;

我往卿送之。親老兒孩歎曲數語。

Ngã qui khanh thế hi, quốc-ân gia-sự, khổc tiểu lưỡng nan.

我歸卿逝矣。國恩家事。哭笑兩難。

Cụ Ngạc-dinh khi vào kinh thi hội, thi trên còn cha mẹ già mà con còn nhỏ, phải dặn bà Thục-nhân là vợ ở nhà phụng dưỡng cha mẹ và nuôi con. Đến khi đỗ tiến-sĩ về vinh-quì đến nhà thì bà Thục-nhân vừa mất hôm trước, tình cảnh như thế thật là khó nói. Nên mới tự-tình nói rằng khi trước bà tiễn ta đi thì ta có ân-cần khoản-khúc dặn bà mấy lời về nỗi thân già trẻ dại. Nay ta đỗ về thì bà đã vội mất đi rồi, ân nước cảnh nhà như thế thì khóc cười đôi đường cũng dở. Câu này thực là tả chân-tình ra một cách thiết - đáng.

II

Mỗ vưu chi khổc nam vi khuyển ;

每聞兒哭難爲遣。

Khủng động thân tâm bất cảm bi.

恐動親心不敢悲。

Mỗi nghe trẻ khóc khôn cầm lòng đau, sợ tội thân già dăm chạnh lòng hương, đó là lời khóc bà kể thất khi mất đi hỷ còn để lại hai con nhỏ, thực đáng thương thay. Nhưng vì trên còn có đấng thân già, không dăm chạnh lòng thương

vợ quá. Lời văn huyết-tinh tả ra như vậy, tưởng cũng không phải là quá đáng.

Bào-cư tiên-sinh đối-liên tập.

I

Diệc dục thành danh, sạ chấp hồ
ngự chấp;

亦欲成名。射執乎御執。

Cải tương trạch thuật, thử nhân tại
hàm nhân.

蓋將擇術。矢人哉函人。

Cụ Bào-cư là thân-sinh ra kỹ-giả, cụ sinh ra gặp hồi Tự-dức mặt-niên, sau kể đến hồi Pháp Nam giao-thiệp, Hà Sơn thất-thủ, cụ có ý chán đời, không muốn ra làm quan, tự hiệu là Bào-cư 匏居, chỉ ở nhà dạy học. Câu này là câu tự-đề, đề ngụ ý bảo rằng ta cũng muốn thành-danh, nhưng ta đi cầm súng tập bắn hay đi cầm cương ngựa, là ý bảo rằng đi làm lính hay đi làm bồi đánh xe. Thôi ta cũng chọn lấy một nghề vậy, làm nghề chế tên bắn người thì độc ác, hay là làm nghề chế áo giáp mà che đỡ cho người thì có ý nhân-hậu hơn.

II

Phân vong thực, lạc vong ưu, bất
chỉ lão chi;

憤忘食。樂忘憂。不知老至。

Cư hà vi, hành hà chí, năng đắc nhi
tâm.

居何爲。行何之。能得兒心。

Câu này là câu tập chữ sẵn trong sách Luận-ngữ và sách Trang-tử đề tự-đề về cảnh-già, ý bảo rằng lắm khi già mà quên ăn; vui mà quên lo, không biết rằng cái già đã đến nơi rồi; nay còn biết ở làm gì mà đi thì đi đâu, cho thỏa lòng thơ, thực đã tỏ ra ý chán đời lắm.

III

Sở niên lai, nữ lộng chi ngỗ, nam
lộng chi chương, nhữ bộ hoài trung
phương hạnh thiếp;

數年來。女弄之瓦。男弄
之璋。乳哺懷中方幸妻。

Tam xuân bán, mẫu ta dư qui,
huyh ta dư đệ, thế-lương toàn-hạ tị
bị lang.

三春半。母嗟予季。兄嗟
予弟。淒涼泉下最悲傷。

Câu này là nghĩ hộ cho bà Phúc dân bản thờ chồng. Chồng bà là con thứ hai, khi chồng mất, con trai con gái còn nhỏ cả, nên mới nói rằng mấy năm nay mới sinh ra được mấy cháu con trai con gái, còn phải bú mớm trong bọc, thiếp đương lấy làm may; ngờ đâu đương độ tháng hai mà mất đi mẹ than cho con út, anh than cho em út, lạnh-lẽo dưới suối vàng rất là thương cho chàng.

Sau này xin phục chép mấy câu của kỹ-giả để chất-chính cùng chư quân-tử.

I

Kinh lộ yếm trần hiêu, nhất ngoạ
đông-sơn thành biệt ần;

京路厭塵囂。一臥東山
成別離。

Tuyền lâu hoài vãng sự, độc lưu
thanh nhãn khán thư sinh.

還樓懷往事。獨留青眼
看書生。

Câu này là kỹ-giả khóc ông nhạc phụ trước là quan Bố-chính Hà-nội Nguyễn Hữu-Dự người Đông-phù. Cụ hưu-tri về quê nhà ở được ít lâu thì mất. Nên nói rằng cụ vì chán con đường kinh-ký bụi-bậm ồn-ào quá, mới trở về ở quê Đông-phù, ngờ đâu lại phải biệt-ần. Nay nhớ lại cái sự tuyền-tế khi trước, thì ra cụ cũng lấy mắt xanh mà biệt-dãi cho kẻ thư-sinh, nguyên cụ có thường điềm duyệt những văn viết-tập ở các hội của kỹ-giả.

II

7a ngã huyh đệ, đồng bào hữu ngử
nhân, mỗi vị tử diệt muối phù, nại ư

thân tác trường giả sinh ly bất cảm
lỗi, ư ti tắc tam giả tử biệt bất cảm bi,
chỉ phạ lao mẫu tâm, song khắp đường
hoa không nhẫn lệ;

嗟我兄弟。同胞有五。人。
每謂姊妹。扶柩於申。
則長者生。離不敢送。於。
子則三者死。別不敢悲。
只怕勞母心。雙泣棠花。
空忍淚。

Ưc lịch tiên - khảo, khí dư kinh
chấp tải, tế thủ thời gian vận kiền,
vân ư trọng tắc bản vô tịch địa dĩ vi
y, ư quý tắc xán vô thốn nghệ dĩ vi
thực, hà dĩ ư mẫu thị, độc tâm lân
cực bất thành thi.

憶昔先考。棄予經廿載。
際此時艱。運蹇問於仲。
則貧無尺地。以爲依。於。
季則房無寸藝。以爲食。
何以慰母氏。獨慚薪棘。
不成詩。

Hai mươi năm trước anh thứ ba
của ký - giả là Doanh-khoa huynh
mất đi, mà anh trưởng của ký-giả
là Sơ-thông huynh ở Thanh-hóa thì bị
can di Côn-đảo. Khi ấy ký-giả ở nhà
quê hầu mẹ già, mà anh em thì mỗi
người một nơi, ký-giả mới viết ra câu
này để khóc anh thứ ba, nói rằng anh
em đồng-bào ta được năm người, vẫn
tưởng rằng chị ngã em nâng, ngờ đâu
năm thân thì anh trưởng ta phải sinh-
tử mà ta không dám đi tiễn, đến năm
tử thì anh ba ta tử-biệt ta cũng không
dám thương khóc, chỉ sợ đau lòng mẹ,
nên hai lần cảm-khấp cảnh hoa Đường-
lệ mà phải gạt nước mắt đi. Nhớ lại
khi trước đấng tiên-khảo ta mất đi đã
ngoại hai mươi năm nay, gặp phải lúc
thời vận truân-khến, bổi đến anh hai
thì nghèo chưa có chỗ ở, em út thì
hèn không có nghề gì, thì lấy gì cho
yên lòng mẹ được, mà tài mình thì
cũng hèn như cái củ gai mục-nát, đọc
đến thơ Khải-phong có câu «Suy bỉ cử-
lân» là nói về một đàn con không yên

được lòng mẹ, thì lại càng lấy làm
thẹn lắm.

III

Tứ bích đồ thư thiên cổ hữu;

四壁圖書千古友。

Bán hiên hoa thảo nhất soang xuân.

半軒花草一腔春。

Bốn vách đồ thư la-liệt đề làm
bạn với người thiên-cổ, nửa hiên hoa
cỏ tươi-lốt chính là tỏ ra một tấm lòng
xuân-hòa. Câu này là đề chỗ trước
hiên buồng đọc sách.

IV

Quốc trượng dân nhân niên, mỗ
thủy mỗ khẩu tầm cổ lạc;

國杖引開年。某水某邱。

尋故樂。

Sơn tường lưu đại lão, cụ thư cụ
ân ký hà lâm.

山洋留大老。舊書舊隱
寄遐心。

Câu này là mừng ông cụ Đụp (bốn
khoa tú-tài), người làng Đông-viên, (tục
gọi gò Đông-viên) lên thọ bảy-mươi.
Cụ là người cao-ân, dạy học cũng đông,
chỉ đi ngao-du sơn-thủy, chứ không ra
đến nơi thành-thị. Nên nói rằng cụ
lên bảy-mươi là đến tuổi quốc-trượng
thanh-nhân, chỉ đi ngao-du non nước
tìm sự vui cũ; nguyên cụ xưa là người
hội Sơn-tường học cụ Ngạc-dinh mà
nay còn lưu lại, thực là một vị đại-lão,
chỉ lấy sách cũ về chỗ ẩn cũ để ký-
thác tấm lòng xa-xôi.

V

Ngạc-học chân truyền, thi lễ thượng
tồn ngô đạo thọ;

鄂學真傳。詩禮尙存吾道壽。

Thư-dinh xuân gien, giáp hoa hựu kỷ
Thái dân niên.

書亭春燕。甲花又紀泰民年。

Câu này là mừng ông cử-nhân Khuất
Duy-Nhất tên tự là Thái-dân, người
Thư-trai huyện Thạch-thất Sơn-tây,

ông mới lên thọ sáu mươi tuổi, mà ông thân-sinh ra ông cử là quan phó-băng thì có học cụ Ngạc-dinh khi xưa, cũng thọ đến ngoài bảy mươi tuổi.

VI

*Giải thọ hữu dan, Lạc xã y quan
duơng nhập họa ;*

解壽有丹。洛社衣冠當入畫。

*Tri niên dĩ hỉ, Mãn phong xuân lưu
trực thành thi.*

知年以喜。邠風春酒直成詩。

Câu này là mừng ông lão thọ bảy mươi, vì cụ khéo dùng thuốc điều-dưỡng mà được hưởng thọ. Lạc-xã là một hội kỳ-anh của các cụ già đời nhà Tống. Mãn-phong là một thơ trong kinh *Thi* nói về sự nhà quê gặt lúa rồi thì làm rượu mừng thọ.

VII

Trình thực khuê nghi quang dã thặng ;

貞淑閨儀光野乘。

Văn-minh nữ giới tây thời trang.

文明女界洗時粧。

Mừng một người tiết-phụ ở nhà quê mới được chữ : tiết-hạnh khả phong.

VIII

*Bồng phú Bách-chu thi, văn tiết
bất di băng tuyết thảo ;*

同賦柏舟詩。晚節不移冰雪操。

*Hà tâm kinh bố sử, nhân thân vinh
hạ cồn ba chương.*

何慚荆布史。姻親榮荷褒範章。

Câu này là nghĩ hộ cho một bà thông-gia goá chồng để mừng bà thông-gia kia được phong tiết-phụ, nên mới nói rằng cùng là thuyền bách-lênh-dềnh mà giữ được tiết băng tuyết, thì cũng không thẹn gì sử bộ-kinh, mà bà lại được vinh-phong.

IX

*Từ tự cồn hoa vinh, Thái-thủy thanh
chùng băng tuyết kinh ;*

四字褒範榮。泰水清澄冰雪鏡。

*Nhất đình ban thái vũ, Lai-y hồng
diềm tử phần hoa.*

一庭斑彩舞。萊衣紅點梓粉花。

Câu này là nghĩ hộ cho mấy người con rể mừng mẹ vợ là bà tiết-phụ, và anh em vợ cũng được thưởng cửu-phẩm bá-hộ.

Mời đây tôi lại được tiếp ông cử Khuất Duy-Nhất đọc cho nghe mấy câu đối của ông, nghe cũng hay, xin phụ chép theo đây.

Tự-đề

Tự thử tao phùng hà báo đáp ;

似此遭逢何報答。

Vô tha học văn cảm văn-chương.

無他學問敢文章。

Ông Cử Khuất vừa rồi mới được thưởng-thu Hàn-lâm, nhân mới tự-đề câu trên đó là ngụ ý bảo rằng tao-phùng như thế biết lấy gì mà báo đáp ; có học-văn gì đâu mà dám khoe văn-chương, ngất-ngưỡng cũng là ông Hàn.

Phúng ông cử đã đi tri-huyện về hưu

*Vô hách hách danh, lý hạng kiến tư
thường khứ hậu ;*

無赫赫名。里巷見思常去後。

*Khởi yếm yếm một, nho khoa thứ
trọng tự sinh tiền.*

豈淹淹沒。儒科取重自生前。

Ông này là bậc tri-huyện hưu-quan, nhưng về trong làng cũng không có tiếng hách - dịch gì. Nên ông cử Khuất phúng câu đối này bảo rằng đâu không có tiếng hách - dịch, nhưng thường sau khi đã chết đi rồi làng xóm lại hay nhớ đến. Có phải chỉ yếm-yếm mà chết đi đâu, tự lúc sinh-tiền đi cũng phải trọng ngai là bậc nho-khôi.

Đồng-châu

TRUYỆN TAO-ĐÀN (1)

Chị Trương-Lan

Mấy ngày rầy, mưa mưa mãi, non sông mây nước đều có vẻ ảm-sầu ủ-dột, trông bức tranh thiên-tạo mà ảm-não tấm lòng. Hôm nay trời hửng-hửng nắng, ánh tà-dương bàng-lãng trên quãng đường nước ngậm trong vắt, thỉnh-thoảng đi vòng quanh thềm, chợt thấy đàn nhạn thấp-thoảng bay về, khiến chạnh nhớ đến người xưa xa cách, nên vội-vàng quay vào viết bức thư này.

Từ buổi phân-giã ở chốn thư-phòng thì những ngày cùng đêm, những tuần cùng tháng, nỗi ly-biệt, tình nhớ thương vẫn ngồn-ngang trong dạ mà khi gió sớm, khi mây chiều, khi hoa cười, khi nước chảy, mỗi khi trông cảnh chạnh tình thì viết lời nhắn bạn, một mảnh giấy gửi cho nhau là một đoạn tình-hoài nồng-nàn thấm-thía, kể ra cũng vui thật, thú quá, nhưng thường một chuyện gì cứ nói đi nói lại mãi cũng giảm mất cái giá-trị ít nhiều. Ly-biệt thì sầu, xum-hạp thì vui, thương-tình ai cũng biết thế mà nghĩ cho kỹ, cái sầu-não hôm nay, tức là cái kho lạc-thủ cho buổi trùng-phùng sau này vậy, thì có gì phải lo.

Còn nhớ mấy năm về trước, một buổi chiều kia, nhân trong lúc học-hành chị có nói về cái phong-trào "sa-lông" nước Pháp về thể-kỹ thứ 18, mấy lời phê-bình của chị tôi vẫn còn nhớ rõ-ràng. Khi ấy vì bận việc nên không kịp trả lời, thành ra câu chuyện vừa khởi mà bỗng phải bỏ lửng mãi tới nay mới giờ đến. Tôi vẫn có tính quan-sát, thấy mỗi lúc chị đọc sách

hay luận văn, gặp những cảnh-ngộ có thể động đến tấm lòng thương đau thì hay nói với tôi rằng: «Người ta ở đời phải lo tròn phận-sự là một lẽ tất-nhiên, nhưng người sinh ra để cười hay khóc, mà sao thế-sự toàn là những nông-nổ khổ-não thế-lương quá. Cho nên đối với thứ «sa-lông» ấy, «rằng hay thì thật là hay», cũng chịu vậy, bởi vì nó có thể gọi lên được bao nhiêu cái mỹ-quan, mỹ-cảm, mỹ-tình người ta, khiến cho biết sống là vui, là thú, biết yêu quý cái đời của mình, nhưng cũng không khỏi mang tiếng khiếm-nhã. Có lẽ đầu cùng đang độ đầu xanh tuổi trẻ, trai trai tơ, gái gái đẹp, hợp nhau lại luận-đàm chuyện-văn mãi. Mà nói về chuyện gì? Văn-chương ư? Mỹ-thuật ư? Thôi đi, cũng là ngôn-tình cả. Văn nghĩ mưu lấy cái tự-do cho người ta được bình-dẳng, tức là gây cái hạnh-phúc cho người, nhưng ta cũng chớ nên dùng quyền tự-do kia thái-quá, e không còn ý-vị gì nữa.» —Vâng, chị nghĩ như thế cũng phải, lấy con mắt người mình xem ra thì cách giao-thiệp ấy không khỏi sỗ-sàng ngang-trái. Song nếu ta vội phê ngay là quấy thì sai-lạc mất. Vả chị vẫn thường cùng với tôi mà khen-giới cái phong-tục nước Pháp về thể-kỹ trước, là vì trong thời-kỳ ấy người ta biết coi văn-chương mỹ-thuật làm sang, lấy đạo-đức luân-thường làm quý, các nhà văn-sĩ vẫn giữ cái tôn-chỉ bất-buộc người ta phải ăn ở theo khuôn-phép của đạo-đức và duy-trì cái trật-tự trong dân-gian. Mà ta thử

(1) Bức thư gửi cho người bạn gái về khoảng cuối thu năm mới rồi.

hỏi, làm như thế có ích gì? Chẳng phải để mưu cái hạnh-phúc cho người thì là gì? Cũng cùng một mục-dịch ấy mà về thể-kỷ sau — thể-kỷ thứ 18 — người ta lại thi-hành một cách khác hơn, thông-thả hơn, vui-thù hơn, tức là làm phát-hiện ra thứ « sa-lông » kia vậy. Chúng ta hãy tạm gác bỏ cả những lời phán-đoán gắt-gồng khi trước mà đem đổi cái danh-hiệu « sa-lông » kia đọc lại là nơi « tao-dàn » hay « thi-xã »; trong cái tao-dàn ấy, không phải hội-hợp những « gái trai » nữa mà toàn là « giai-nhân tài-tử ». Chao ôi! trong trí ta tự-nhiên thấy cái quang-cảnh êm - dềm, cái không-khí trong-sạch nên thơ nên mộng biết dường nào. Vâng, tôi cũng xin chịu rằng « giai-nhân tài-tử » họ cũng đạo-tĩnh vậy, vì họ không phải như hạng thái-thượng mà vong-tĩnh, nhưng cách đạo-tĩnh của họ có vẻ nhã-thú, có chiều thanh-tao. Tả cặp mắt của một vị mỹ-nhân long-lanh như đợt sóng thì sánh với « làn thu-thủy »; tả cái miệng xinh xinh nói chuyện, giọng trong-trẻo nhẹ-nhàng, thì nói là « ngọc thốt hoa cười », bằng chữ ấy, cũng đủ gọi tâm-trí người tưởng-tượng ra được một nụ cười tươi đẹp hiện ra ở giữa làn môi thắm và vầng bên tai dường đã nghe tiếng ai như tiếng oanh hót trong tờ liễu buồng măng. Hoặc như ngắm cái dáng điệu tha-thướt dịu-dàng, ở trong ẩn một tấm hồn tinh-tươi linh-hoạt thì khen là « mai cốt-cách, tuyết tinh-thần », tỏ ra cách nói chuyện hào-hoa phong-nhã khiến cho biết khách là tay văn-vật phong-lưu. Dầu ở cái « tao-dàn » ấy mà người ta có yêu nhau, thương nhau, muốn giở ra những câu chuyện ái-tình thì cũng phải giữ một giọng nghiêm-trang kín-đáo lắm, chớ không bột-nhiên giải ngay ra được, cho nên muốn biết người ta có đề ý « chằm » mình không, sẽ hỏi một câu mơ màng bóng-dáng rằng: « Đài gương

soi đến dấu bèo cho chăng? » Hay có khi thương ai cốt rữ xương mòn tấm tình mong-mỏi quá, thì nói quanh-quẩn ra: « tuyết sương nhuốm nửa mái đầu hoa dâm ». Đó cũng là ngôn-tĩnh cả, nhưng là lời nói của người tài-tử, của khách văn - chương, thiết-tưởng phải nhớ những cách nói chuyện như thế thì văn-chương mới lọc-lỗi, bóng-bẩy, hồn-hậu, thâm-trầm, và sở dĩ thế nước Pháp mới có những áng văn tuyệt-bút, nhiều quyền lời văn hay quá, người ta đã cho là « thơ tân-văn ».

Chị ạ, tôi không phải là nhà tâm-lý-học đâu, nhưng suy ra cho kỹ cái tâm-lý con người cũng không đến nỗi khó hiểu lắm, và từ xưa cái lý-tưởng cổ-nhân cũng bảo:

*Gái sắc trai tài khi gặp gỡ,
Xưa nay đều có dạ yêu thầm.*

Cái mối ái-ân âm-thầm ấy là cái thiên-tĩnh, dầu có lấy bao nhiêu những sách đạo-đức mà chặn ngang trước mặt họ cũng không làm sao cho tiêu-diệt được. Pháp-văn có một câu: « Cái tính thiên-nhiên của người càng muốn làm cho tiêu-diệt đi thì nó trở lại càng nhanh chóng ». Xét như người nước ta tiềm-nhiên cái đạo-đức của Khổng Mạnh, bao giờ cũng nghiêm-cấm kẻ nam-nữ không được cùng trao lời nhau, dầu là người thế nào cũng mặc, nhưng tiếc thay, cái thói bực-tang vẫn giữ mãi không chừa. Như thế rồi mắng nhán-tâm là tiện cũng chẳng là oan lắm! Ái-tình gây ra tự thiên-tĩnh mà nay đặt luật phép cấm hãm, tất khiến cho không phát-hiện ra theo con đường ngay của tâm-tĩnh nữa và phải quay ra một nẻo tà vậy thôi. Tôi nói thế không phải bảo người ta toàn là hay cả; không, họ cũng có chỗ khuyết-diểm, xem như lúc « sa-lông » bên Pháp ấy kế-tiếp lưu-truyền mãi về sau, biến thành ra một điều tệ, đó cũng theo lẽ hưng-vong của tạo-hóa, có ngày thịnh tất có lúc suy, và

xấu, duy nhờ sự học-thức mở-mang dần dần ra mà sửa bớt những điều hư điều quấy đi. Phụ-nữ nước ta tuyệt-nhiên vô học-thức, trách nào chẳng sinh những thường-tình eo-hẹp lối-thói, như thế rồi kẻ nam-nhĩ rập nhau tuyên-bố những cái lý-tưởng « phụ-nhân nan hóa », hay « nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô », để chìm đắm người ta trong vòng hắc-ám, rõ ặc chưa?

« Người Cồ - Nguyệt, truyện Xuân-Hương còn đó », trong khi cồ-nhân đọc đến, mỗi thương-tâm lai-láng bồi-hồi, thế cũng vì :

*Phân hồng-nhan nghĩ lại rõ buồn
tênh!*

*Thương cho tài mà ngán cho tình,
Nông-nỗ ấy kẻ sao cho xiết!*

Mấy câu ấy nên đem mà bằng-diếu cho cả nữ-giới ta xưa và cũng nên vì đấy mà chung lo cho nữ-giới ta nay vậy.

Nhưng mà thôi, thời-gian đã qua rồi, thời giờ đã đến rồi, cái chức-phận « sửa tui nâng khăn » đã tiêu-diệt rồi, dân bà ta không phải là cái « áo mặc ngoài cỡi ra » của bọn dân ông nữa, không phải một người « sấm-sân » để phục-dịch dân ông nữa, mà phải lo trau-giồi cái tư-cách, hoàn-phục lại cái tài-lực thiên-nhiên để làm một người « bần đời » rất xứng-dáng cho bọn con trai Việt-Nam ngày nay. Cũng bởi tôi nghĩ thế nên trước kia mới nhắc lại cái phong-trào « sa-lông » nước Pháp, không phải để tán-tụng nâng đỡ người ta làm gì, chỉ để hiểu thế, chính là để xem xét cái tài-tri của dân bà người ta đã thật hay-hóm lạ-lùng. Những hạng ấy không những nhờ ở thiên-tài mà thôi, vì họ cũng con người mà hồng như mình, trời xanh kia vẫn chẳng riêng gì ai, nhưng kỹ-thực là họ nhờ ở cái học-lực đầy-dủ cao-thâm quá. Nước mình

hiện nay, làm giống-sư-lữ Hà-dông kẻ là dễ mà có kẻ còn chưa đương nổi, huống-hồ một vị nữ - nguyên - soái trong chốn tao-dân, thì gái Việt-Nam đã mấy ai có cái tài ấy? Nhưng biết đâu chẳng có. Lặng mà coi . . .

Lặng mà coi... Vâng tôi sẽ lặng-lặng mà coi, nhưng coi thế nào! Trong cái phòng rộng và sáng, một vị phu-nhân ngồi giữa, nét mặt dịu-dàng, thỉnh-thoảng ở đầu môi sẽ nở ra cái nụ cười dễ đáp lại với lời nói của các văn-nhân thi-sĩ; ta có nên trông đợi cái quang-cảnh như thế nữa chăng? Có lẽ chúng ta cũng muốn thế thật, và thật thì là một mơ mộng-tưởng-thôi. Là vì ở thời-dại này, người ta không cần phải giáp mặt mới đàm-luận được, và trong cái thời buổi cạnh-tranh này, mấy ai đã được rỗi-rảnh mà họp-tập nhau luôn. Thời-thế xui nên thế, mà dầu thế nào ta cũng chẳng phải ngại gì. Con cá con thung-thăng trong vũng nước đục đã lấy làm thông-thả nhẹ-nhàng mà chiếc kinh-ngư vung-vẫy trên mặt biển Nam-minh, biển rộng rộng mênh mông, nước trong trong mênh mông, cũng vừa thỏa chí tiêu-dao kia thôi; đem so-sánh cả lớn cả bé với cuộc đời chúng ta ngày nay, lớn bé có lẽ khác mà suy đến nghĩa thì cũng cùng một thế. Là trước kia người ta còn loanh-quanh lẫn-quần trong cái xã-hội của mình, ngoài ra chưa biết gì là gì nữa, còn nay thì trái hẳn lại, giao-thiệp phải rộng, lịch-duyet phải nhiều, nên phải lấy báo-giới làm chỗ luận - đàm, mà tấm giấy trắng, nét mực đen kia đã thành như cái phòng văn ngày xưa, một cái phòng rộng - rãi gồm đủ các hạng người trong nước. Vì vậy có thể gọi đời chúng ta đây là đời coi kinh-ngư tiêu-dao ở Nam-hải, và cái học-thức của các « vị phu-nhân » hiện-thời ở nước ta không những chỉ bằng trước mà lại phải hơn trước mới được,



東湖林先生

雅鑒

松雲奉

Nam bắc cảnh chia cõi rẽ liền,
Một luồng không-khi tiếng hơi quen.
Cánh bướm văn-học xoay phương gió,
Ngôi bát tâm-linh dùng bề nghiêng.
Lan huệ chúc mừng hương-vị ngát,
Nước non chi những nợ-nần riêng.
Yêu nhau xin tặng đôi cành trúc,
Quần-tử phong cao khác phẩm hèn.

TÙNG-VÂN

cái chức-vụ thật là khó-khăn phiền-phức lắm, ôi ! phụ-nữ nước ta chớ vội nhận mà làm, chớ vội khinh mà mắc. Nhưng nghĩ ra cho cùng thì nên cầu cho cái chức-vụ ấy thật khó-khăn, thật phiền-phức, vì càng khó-khăn bao nhiêu, càng phiền-phức bao nhiêu, thì càng tôn cái giá-trị phụ-nữ lên bấy nhiêu, đó cũng là một cách thủ tài của ông Tào nữa thôi và kỳ này có lẽ ông sẽ thua hẳn. Lặng mà coi...

Chị ạ, viết một bức thư thế này cũng thật dài quá, thỉnh-thoảng muốn ngừng

bút lại mà không được, vì những câu chuyện xa-xôi nó hay gọi tâm-trí người ta cảm-tưởng miên-mạn lãng-mạn. Cứ viết mãi cho chị đọc chắc là vui-thú lắm, vì tính chị muốn thế, nhưng nói lắm còn ngại nổi sai lầm, nếu là trúng là phải thì thôi, mà có lẽ tôi sẽ được tự-phụ chớ, còn rui có sai lầm nữa, cũng được chị ban cho cái mỉm cười khà - ài như hoa...

TRÚC-HÀ

LƯỢC-KÝ ĐI ĐƯỜNG BỘ TỪ HÀ-NỘI VÀO SÀI-GÒN

Bài này chỉ nói cái hình-thể đại-khái thôi, và khi đi tôi không định làm, lúc đi đường lại vội - vàng, không đủ thì - giờ xem xét, cho nên không khỏi có chỗ không đúng chăng.

Hôm mồng 3 tháng 8 ta trước tôi nhân về Hà-nội, gặp ông L., ông rủ tôi đến mồng 6 cùng đi Sài-gòn, vì ông đi ô-tô một mình, muốn giữ tôi đi cho có bạn, tuy ngặt ngày và đồ hành-lý thiếu-thiếu, tôi cũng nhận lời ngay, vì cuộc đi chơi đường bộ vào Huế và Sài-gòn là một cái mộng-tưởng của tôi đã lâu.

5 giờ sáng hôm mồng 6 tháng 8 ta ở Hà-nội khởi-hành, sương sớm tờ mờ, rặng đồng mới hé, xe chạy vù-vù, hình như cuốn con đường cái trắng xóa, lúc ấy nào Hoàn-hiến, nào Hương-giang, nào Hải-vân-quan, đều tưởng-tượng bày ra từng cảnh ở trong trí-não.

Trưa đến Thanh - hóa. Thanh-hóa buôn bán bình-thường, vì không tiện đường thủy, nhà máy sợi, máy diêm, cũng đều ở bờ sông Hàm-rồng, cách

thành-phố 3,4 cây; về miền nhà quê lắm chỗ cũng đẹp, cánh đồng xanh mướt, núi đá nhấp-nhỏ, tỉnh Thanh sơn-thủy thanh-thú, dân-cư trù-phủ, có khi vào hạng nhất nhì trong Trung-kỳ.

Ăn cơm sáng xong, ở Thanh-hóa ra đi, tự dấy là bước dần dần vào cảnh đồng chua nước mặn.

Chiều đến Vinh (Nghệ-an). Vinh là đầu đường xe hỏa ra Bắc - kỳ, lại tiện đường thủy, phố-sá buôn - bán sầm uất lắm, chúng tôi ngủ ở Vinh một tối.

Sớm hôm mồng 7 ở Vinh đi ra Bến-thủy, trời còn tối, nhưng đứng ở dưới phá trông lên, nhà máy điện, nhà máy cưa và phố-sá ở trên bờ, có chiều vui-vẻ lắm; đi một lúc đến cánh đồng tỉnh Hà-lĩnh, ruộng-nương có vẻ tươi-tốt hơn lĩnh Nghệ. Nhưng ở đây không biết có kiểu đất gì mà khắp cánh đồng lõ-nhỏ những mộ. Có khi không có đám ruộng nào là không có đến mấy cái mộ, làm cho mất cả cảnh sinh-hoạt của

cảnh đồng tốt đẹp ấy đi : tục phong-thủy của ta cũng là bất-chước của Tàu, mà ta mê-tin đến nỗi có câu tục-ngữ : « *Sống về mồ về mả, chả sống về cả bát cơm* ». Tuy rằng những sự mê-tin độc-hại ấy sẽ theo cái trình-độ tân-học mà tiêu-tàn dần, nhưng tôi cũng mong những nhà cụ-học có kiến-thức, hồi-tỉnh lại sớm được chút nào hay chút ấy. Vì cái sự mê-tin độc-hại này, không những làm hại về đường vật-chất, như là ngăn-trở sự làm ăn, sự công-tác, mà lại hại cả đến đường luân-lý và tinh-thần nữa, là động làm gì chả nên, cũng đổ tại mồ-mả, thậm-chí có nhà đạo mả ông cha lên không biết bao nhiêu lần để cầu phủ-quí, và khiến cho người ta mất cả cái lòng tự-tin, tự-lập, tự-cường. Cái tệ này có thể nói là ở nhà cụ-học mà ra cả. Nay đầu rằng những mồ đã an-tàng rồi, chưa thể đi - dịch được, nhưng cũng nên cổ-dộng cho hoặc một làng, hoặc một họ lập lấy một cái nghĩa-địa để từ nay chôn cất cả vào một nơi.

Thành-phố Hà-tĩnh buôn bán không được sầm-uất. Đi lúc nửa đến núi Hoành - sơn, là một chi núi nhỏ ở núi Tràng-sơn (*Chalne annamitique*) chạy rẽ ngang ra bể, như hình chữ nhật, không cao, độ trăm thước tây thôi, đường ô-tô đi có một chữ « chi » thì lên đến đỉnh đèo. Ở đỉnh đèo có hai cái cổng xây gạch, một cái nhỏ ở sườn núi và một cái lớn ở giữa đỉnh. Hai bên cổng có bức tường bằng đá và gạch, chạy theo chiều dài đỉnh đèo, thực là một cái giới - hạn nam - bắc thiên - nhiên vậy.

Khi qua đèo này tôi có tức-cảnh bốn câu :

*Đường mây đạo tới ngọn đèo Ngang,
Nghiep bá đồ vương nhón chiến-tràng;
Khí mạnh ba quân còn phảng-phất,
Sóng xô mặt bể gió reo ngàn.*

Qua đèo Hoành-sơn, lối y-phục đã khác, dân bà bới tóc, khăn vành giấy, áo cái khuy cổ, quần trắng, tức là lối ăn-văn Huế vậy.

Trưa đến Đồng-hới là tỉnh Quảng bình, là đầu đường xe-hỏa ra Vinh cũng sắp khánh-thành, (nay đã chạy rồi), buôn-bán không được đông-dúc, có nhà khách-sạn « Nhật-lân » của người Bắc-kỳ ta mới mở, tuy bé nhỏ mà sạch-sẽ, cách tiếp-dãi cũng chu-tất, cơm tây cơm ta đều có, tiện cho người mình lắm. Đi đến 2 giờ trông về phía nam thấy những giải núi nhấp-nhỏ như là báo cho khách bộ-hành biết trước đây là Thần-kinh Đế-khuyết.

Chiều 6 giờ đến Huế, khi đi khi về, đều vội cả, tôi tiếc không được ở lại vài ngày, để xem cung-diện, lăng-tăm, nhưng cái này thuộc về mĩ-thuật, không phải là chủ-dịch cuộc di-chơi, cho nên cũng không cần lắm.

Khi đến Huế cái nhiệt-độ cảm-thích tôi lên rất cao, chả kém gì khi đến Vinh.

Ở Huế đẹp nhất là con sông Hương-giang, nước sông trong mà thường đầy, khúc trên thì cây-cối um-tùm, xóm gianh ăn-uớc, đồ ngang dịu-dàng, ra bức tranh sơn-thủy cổ; khúc dưới thì cầu sắt ngồn-ngang, thuyền - bè phấp-phới; bên tả-ngạn thì thành-báo nhà vua, và phố-sá buôn-bán sầm-uất, bên hữu-ngạn thì lầu-dài quan dân Đại-Pháp nguy-nga; lấy con mắt cũ mà xem thì Kỳ-dài Ngọ-môn, trang-nghiêm vô-hạn, mà lấy con mắt mới mà xem thì cái vẻ trang-nghiêm này cơ-hồ bị cái vẻ trang-lệ lầu-dài tối-tàn ngấp-lạt đi mất cả.

Trước mặt Huế là phía nam núi Ngự-bình và giải núi Ai-vân-quan làm bình-chướng, tức là cái tay hồ của kinh-dô vươn ra làm cái tiên-án. Còn

tay long thì là một giải đất khuynh ra của Thuận-an, dùng trong Huế trông ra hình như cái lông mày con ngài nằm ngang trên mặt bể vậy.

Nói tóm lại, Kinh-dô Huế là nơi phong-cảnh xinh đẹp, êm-dềm, u-nhã, chứ không bát-ngát, lưu-thông, hoạt-dộng như Hà-nội.

Tôi có đi qua cái kỷ-niệm-dài của chiến-sĩ trận-vong ở bửu-ngân sông Hương, đối xứng ngang kỳ-dài, là một cái mỹ-thuật kiến-trúc mới của kinh-dô, lấy ý riêng tôi, thì cái kỷ-niệm-dài này, đáng-dấp nặng-nề, kiểu đắp-rậm-rạp và mùi thuốc vẽ sặc-sỡ quá. Mỹ-thuật tức là văn-chương có hình, không ở lắm chữ mà ở ý-vị cao xa, không ở nắn gọt mà ở giọng văn thanh-thoát, các nước Thái-Tây chấn-hưng mỹ-thuật đã mấy ngàn năm, không trách trình-dộ mỹ-thuật người ta cao đến cực-diểm. Còn nước mình cho là một nước không có mỹ-thuật, cũng không phải là nói quá, vì người nước ta bị có cái tính cầu-thả, mà chỉ mê chuộng về nghề văn-chương, cho các nghề khác là mặt-nghe, lấy câu «*Xảo vi chuyêt-gia nô*» (người khéo làm dây-tơ cho người vụng) làm cách-ngón, thành ra cái lương-năng về mỹ-thuật bị dè nén cho đến ngày nay mà ngày nay lại ở vào buổi giao-thời, mỹ-thuật cũng bị làn sóng giao-thời mà sinh ra lắm vẻ lố-lãng. Xem những vật kiến-trúc và đồ-chế-tạo ngay ở Hà-nội cũng thế. Nhưng theo lời ông Âm-băng nói, thì những người làm là đứng vào địa-vị được, còn những người không làm thì bao giờ cũng đứng vào địa-vị thua; vậy mỹ-thuật ngày nay đâu rằng lố-lãng, nhưng cũng không phải là không có ích, là để về sau xem đấy mà biết chỗ được-chỗ hỏng vậy.

Kỷ-niệm-dài các nước đều do các tay chuyên-môn về nghề nắn gọt và thường

làm hoặc bằng đá, hoặc bằng loài kim, dầu nhỏ cũng còn hơn với gạch.

Sáng hôm mồng 8 từ-biệt Huế, đường qua phía tả núi Ngự-bình và vài ba giải núi thấp, rồi đến bến đò Mĩ-lộc, gần đấy có hành-cung nghỉ mát. Qua phà xong thì bắt đầu lên Ai-vân-quan, Ai-vân-quan này cũng là một chi núi ở giải Tràng-sơn (*Chaine annamitique*) chạy ngang ra bể, làm bình-chương cho mặt nam kinh-dô, cũng như núi Hoành-sơn làm bình-chương cho mạn bắc, duy Ai-vân-quan thì cao hơn, hiểm hơn Hoành-sơn nhiều.

Đỉnh đèo Ai-vân cao độ 150 thước, giữa đỉnh cũng có một cái cửa và một bức tường chắn ngang, nhưng to lớn hơn bức tường ở Hoành-sơn, mà lỗ châu-mai lại quay về bắc; thế mới biết xưa nay thường là mạn bắc xâm-xuống mạn nam.

Từ Hoành-sơn đi vào đến Ai-vân này, trừ hai cái đèo này ra thì không có chỗ nào hiểm-trở nữa.

Nước ta có hai cái *Col des nuages* (đèo mây), một cái là Ai-vân-quan này, còn một cái ở vào Lao-kay đi Phong-thổ và Lai-châu, ta gọi là «*Rừng cấm*». Ai-vân-quan này chỉ trên ngọn núi cao thỉnh-thoảng còn có mây, còn chỗ đỉnh đèo lối người đi thì chả mấy khi có mây, đến như Rừng cấm thì cao lắm, tôi cũng đã được đi qua chỗ đỉnh đèo, lối người đi dễ cao hơn 1.000 thước tây, bao giờ cũng có mây mà rét lắm. Suốt đèo toàn là rừng cả, cây nào cũng rêu bám kín mít, giống rêu ở chỗ rét này, khác giống rêu ở dưới thấp, bình như từng miếng dăng-tên xanh ở thân cây rủ xuống, coi thực là đẹp. Người ta nói rằng phong-cảnh rừng cây ở đây giống như ở bên Tây.

Cứ theo rìa bể đi một lúc thì đến *Tourane*. *Toûrane* là cái vịnh, rất tốt cho

tàu bè, và lại gần trung-tâm điểm nước ta bây giờ là Huế, cho nên khi nước Đại-Pháp mới sang lấy *Tourane* là nơi căn-cứ. *Tourane* này là một cái thành-phố nhỏ, trên bến dưới sông, thuyền đánh cá như lá tre, chợ-búa phố-sá, nhà máy gạo, buôn bán cũng vui. Ở đây có nhiều người Mọi ra chợ. Rồi qua Quảng-nam, Quảng-ngãi, hai thành-phố này là thành-phố cổ, Quảng-ngãi buôn-bán sầm-uất hơn Quảng-nam.

Giải đất Trung-kỳ đến tỉnh Quảng-ngãi hơi mở rộng, cánh đồng dã to, có chỗ tốt lắm, giồng nhiều mía, cho nên tỉnh này xuất-sản nhiều đường cát. Hết tỉnh Quảng-ngãi thì vào địa-phục hạt phủ Mỹ, phủ Cát, thuộc tỉnh Bình-dịnh; địa-thế mấy phủ này hình như một cái thung-lũng lớn. Phía trong thì giải núi Trảng-sơn, phía ngoài giáp bể cũng có một giải núi lớn bao bọc ruộng-nương tươi tốt, và giồng dừa sầm-uất, đẹp lắm, dân-cư trù-mật, ở rải-rác cả hai bên đường, vui-vẻ lắm. Nhà làm cũng chỉnh-tề lắm, lợp bằng rơm rất dày mà cất-sửa rất vuông-vắn. Từ Hoành-sơn vào đến đây về vùng nhà quê, không thấy cái nhà ngói nào cả. Trừ các tỉnh nghèo không kể, tỉnh Bình-dịnh này chắc có nhiều người làm được nhà ngói, cứ người ta nói thì vẫn là cái lục cổ của nước nhà, vì làm nhà ngói thì sợ quân cướp và quấy nhiễu.

Hai bên vệ đường giồng toàn cây mù-u mát-mẻ lắm; thứ cây này bắt đầu trồng từ khởi Huế; thứ nhất ở gần Quảng-ngãi, lá thì ropy, quả thì ép làm dầu thấp, có cây đã cổ thụ, thì biết rằng con đường quan-lộ này làm đã lâu, chắc từ trước đời vua Gia-long.

Khi chữa đến tỉnh Bình-dịnh, tôi nghĩ tỉnh này nghèo, cho nên Tây-sơn khởi-sự dễ, thành ra không phải, tỉnh này lại là tỉnh trù-phú hơn cả trong

Trung-kỳ. Tỉnh này nghề võ và nghề hát tuồng có tiếng, chắc cũng là cái di-phong thượng - võ hào - hiệp của nhà Tây-sơn còn lại chăng? Tôi tiếc không được đến thăm miếu Tây-sơn.

Đường thì đi qua ngoài thành - phố Bình-dịnh, không trông thấy nhà cửa, thành này tức là tích « tượng kỳ khỉ sa ». Qua Bình-dịnh một lát thì đến Qui-nhơn. Qui-nhơn là một cái thành-phố ở bờ bể. Sau lưng và ở giữa bể dang trước mặt đều có núi, phong-cảnh cũng đẹp; phố-sá buôn-bán cũng vui, có nhiều hiệu khách to, họ thu yến-sào và vẩy cá, Nhiều chủ lấy vợ người Bình-dịnh, cũng ngồi bán hàng. Ở Bình-dịnh và Qui-nhơn đã bắt đầu có những tháp của người Hời còn di-tích lại. Người Hời là dân cũ Chiêm-thành bị nước ta duyệt mất, nay còn một số ít người, rút vào miền Phan-rang và Phan-ri (thuộc tỉnh Bình-thuận). Chúng tôi ngủ ở Qui-nhơn một tối.

Sớm mồng 9 ở Qui-nhơn ra đi, độ 20 cây thì qua đèo Cù-mông, cao độ 100 thước tây, rồi qua tỉnh Phú-yên, qua phá sông Ba, cái phá này dài lắm, ở bờ bên bắc mà qua sang bờ bên nam phải đi ngược nước, lại càng lâu, ít ra là 1 giờ rưỡi. Đi một lúc nữa thì đến Đèo-Cả (*Col Varella*). Cái đèo này cũng chia ra bể như đèo Ấi-vân, nhưng cao hơn, giốc hơn, lại quanh-co nhiều hơn. Những chỗ chia ra bể nguy-hiểm đã có xây gò cao. Cái đèo này dĩ phải một chiếc ô-tô hàng chở khách lần xuống bể hại mất hai ba mươi người, dầu vì người cầm máy vô-tư khúc đường này ô-tô hàng hay đi về đêm, vì mất trời và không phải tránh những xe khác. Đèo này đẹp lắm, bên ngoài thì bể mùi lục, rộng mông-mênh, sâu hoay-hoay, bên trong thì núi mùi trăm, cao chót-vót, đứng chênh-vênh; con đường uốn quanh

ngay lưng chừng sườn núi, trông xuống bề như xe đi lưng chừng trời vậy. Lại đi qua một cái đèo thấp nữa thì đến Nha-trang.

Khi đến bờ sông Nha-trang, bóng chiều đã xế, phong-cảnh đẹp lắm. Bờ sông bên trái, có một hòn núi nho-nhỏ, trên đỉnh dựng hai ngọn tháp Hời (tháp Hời bao giờ cũng xây hai cái, một cái lớn, một cái nhỏ, tục truyền tháp ông tháp bà), bóng xế chiều hôm làm cho cái sắc gạch đỏ lại thêm tươi. Ở dưới sông, thuyền đánh cá cuốn buồm đậu chen nhau xan-xát, bên ngoài là bề có một dãy cù-lao, ở bờ sông bên phải thì ở đầu bãi một dãy nhà lá đen sì, rồi đến một giải phổ-sá lâu-dài trắng xóa. Ở đằng sau thì chạy lại mấy dãy núi cao ngất trời, mùi xanh biển thành mùi trầm sẫm. Ấy là bức « phong » làm cho cả một tòa thành-phố nổi hẳn ra, thực là một bức tranh sơn-thủy lâu-dài tuyệt-tác, gồm cả phong-cảnh kim và cồ vậy.

Ngắm xen cái tháp Hời, phổ-sá người ta, và lâu-dài người qui-quốc, dễ khiến cho khách đi đường sinh lòng cảm-khái, nhân tức-cảnh bốn câu :

Ngọn tháp Hời xưa bóng ác chiều,

Lâu-dài non nước cảnh như thêu ;

Cái tháp Hời xây bằng gạch đỏ, hòn nọ xát liền với hòn kia, không thấy mạch vôi, khéo lắm, trên các góc tháp có hình như con kỳ-lân bằng đá, hình tháp dưới nhỏ trên to, lối kiến-trúc giống lối Ấn-độ và Đê-Thiên, Đê-Thích, hàng năm đến ngày lễ người Hời vẫn kéo đến lễ, chuông trống nhộn cá lên.

Lịch-sử người Hời tôi chưa được khảo-cứu, không biết cái nguyên-

nhân một nước thế nào. Nhưng nay cứ lấy cái tình-hình trông thấy, thì có lẽ phải ba điều : một là không có địa-lợi, đất nghèo dân ít, lại không có hiểm-yếu. Như đã nói ở trên chỗ Ải-vân-quan, tuy vào miền trong này có nhiều núi hơn, nhưng cũng giống như địa-thế tự Hoành-sơn đến Ải-vân-quan cả... Dẫn về phía tây có giải núi Trảng-sơn (*Chaine Annamitique*), nhưng giốc quá không có dân-cư, và lại người Hời cũng như người An-Nam ta không có tính-chất ở núi, cho nên không lợi-dụng được. Hai là sự mê-tín đạo Phật, sự mê-tín ấy làm cho nhân-dân sinh ra nhu-nhược... Ba là khí-trời không tốt, nóng-nực luôn luôn, làm cho sức-lực và tinh-thần người ta yếu đi. Và lại giống người ta ở miền bắc xâm xuống miền nam tự-hồ như một lẽ tự-nhiên.

Xem sự diệt-vong người Hời, mà cái lẽ vật-cạnh thiên-trạch, mạnh được yếu thua, và lời Khổng phu-tử nói là : *Tài giả bồi chí, khuyhnh giả phúc chí*, lại càng rõ-rệt lắm.

Cái văn-minh của người Hời chắc cũng chỉ giỏi về bên hình-thức đạo Phật mà thôi, tức như là sự kiến-trúc các tháp, chứ xem cách y-phục cư-xử của người Hời thì dã-mạn bần-thiêu lắm, mà biết rằng cái trình-độ của họ kém ta nhiều lắm.

Nha-trang là một cái bãi bề, nơi nghỉ mát, và là đầu đường xe hỏa vào Nam-kỳ. Thành-phố mới lập, đẹp-đẽ vui-vẻ. Có sở thí-nghiệm việc đánh cá, có một chiếc tàu và một người Tây làm nghề ấy.

Chúng tôi trọ ở Bun-ga-lô (*Bungalow*). Bun-ga-lô là cái nhà khách-sạn của Nhà-nước làm ra cho người Tây mở hàng cơm, để tiện hành-khách đi lại trú-ngụ. Từ Đồng-hới trở vào, tỉnh to đều có. Cái Bun-ga-lô ở Nha-trang này to và đẹp lắm.

Những khách - sạn Trung Nam-kỳ phần nhiều dùng người khách làm bồi, coi bộ chững-chạc đứng - đắn lắm. Người mình ở lẫn với người Tây nửa thế-kỷ rồi, mà làm bồi cũng kém người Tàu là thù người không trông thấy người Tây mấy khi, thì cũng chân thực!

Lại nói đến khách-sạn cũng đã có nhiều người mình mở, có cái nhà-cửa cũng to, đồ-dạc cũng tốt, nhưng mà sự bày-biện, sự trông-nom của chủ, sự hầu-hạ của bồi, và sự sạch-sẽ còn kém người Tây quá. Hay là những nghề này cũng phải học du-học về làm mới nổi?

Sớm mồng 10 ở Nha - trang ra đi, đi hết cánh đồng thì đến cái đồn-diễn cao-su, rồi qua một giải đồi thấp, toàn rừng, rộng lắm, để còn có thể khai phá trồng-trọt được, sau cứ qua hoặc bãi hoang, hoặc ruộng, trưa thì đến Phan-rang. Con đường này đi đêm gặp nhiều thỏ rừng lắm, nhưng không thấy cộp, mà xưa có câu tục-ngữ rằng : *Cop Khánh-hòa* (Nha-trang), *ma Bình-thuận* (Phan-thiết).

Phan-rang, phố-sá buôn bán cũng vui lắm, là đầu chi đường xe-hỏa lên *Dalat*. Mỗi ngày gửi cả lên *Dalat* từ 3 đến 5 trăm đồng, bán cho người Tây, người ta và người Mọi. Chợ cũng đông, ở đây thường có người Hời gánh củi ra chợ bán. Gần Phan-rang có một cái tháp Hời còn nguyên lành hơn các tháp khác.

Từ Qui - nhơn về đến Phan-rang này, các chi núi ở giải núi Trảng-sơn (*Chaîne annamitique*) đồ ra bề, hình như một đoàn long - xà trong núi tởn đua nhau chạy ra, ngóc đầu lên mà chồm ra phía nam bờ bề Thái-bình vậy.

Ăn cơm sáng xong, ở Phan-rang ra đi, từ đây đến Phan-thiết, thì đi theo con đường thuộc-dịa số 11 và 14, nghĩa là đi vòng lên miền *Dalat*, chứ

không theo con đường thuộc-dịa số 1 nữa, vì khúc đường này chưa làm cho xe ô-ô đi được. Đi hết đồng ruộng, đến một cái đồn-diễn trồng giữa đại, sau đi vào giải đồi, toàn rừng rậm, rồi bắt đầu lên đèo, lên độ non 1000 thước tây thì đến chỗ *Bellevue*. Ở đây trông xuống, bên phải và bên trái, hai chi núi ở *Dalat* chạy xuống, như hai cái tay ngai, ở dưới mở thành một cái thung-lũng lớn, rừng cây bát-ngát, gỗ núi chen đua, hình như cái bề mũi tràm đang khi sóng lớn vậy. Ở đằng xa thì ruộng-nương nhà-cửa và bề thực là đẹp. Từ *Bellevue* cho đến chân đèo bên kia, phần nhiều là rừng thông, có nhiều ngọn núi toàn là một giống thông, đẹp quá. Đi một ít nữa đến *Dran*, là chỗ bắt đầu có nhà nghỉ mát, và là *gare* cuối cùng con đường xe hỏa Phan-rang lên, hiện còn đang làm nối thêm, cho chạy lên đến tận *Dalat*. Lối xe-hỏa lên dốc này khác lối xe-hỏa đi dưới đồng bằng, lối này toa máy có một cái bánh xe răng-cưa ăn với cái nẹp sát ở giữa đường sắt, đi chậm lắm. Chỗ *Dran* này đã rộng-rãi đẹp-đẽ lắm; từ *Dran* lên *Dalat* còn non 30 cây nữa. Khi trở ra tôi đi với ông N. . . mới lên *Dalat*, đề sẽ nói sau.

Từ *Dran* đến cao-nguyên *D'jirind* là những thung-lũng của người Mọi ở, ruộng-nương rộng-rãi phẳng-phiu, như đồng bằng dưới ta, rất là đẹp, tôi xem còn có nhiều chỗ có thể khai làm ruộng - nương hoặc chăn nuôi được. Hiện đã có nhiều nhà đồn-diễn Tây đang khai-khẩn trồng cà-phê, như ở cao-nguyên *D'jirind*. Từ *Dran* cho đến *D'jirind* có một con suối rất to, sinh ra nhiều cái thác đẹp lắm, để có thể cho chạy các thứ máy được. Ở Trảng-kỳ và Nam-kỳ, có lẽ ở đây là tốt đẹp nhất, khí-hậu lại mát-mẻ, tôi xem không chán. Người Mọi xem ra sức-lực lắm, ngực và chân tay đều nở.

nam, chứ không lằng - khằng như người ở dưới đồng bằng từ Huế vào đến Sài-gòn. Thế mới biết người mình không có cái tính ở rừng núi, bị thiệt-hại chả biết là chừng nào.

Đi hết cái cao-nguyên *Djirind* thì xuống dốc, hết cả các đèo từ ngoài bắc vào đều không dốc bằng đường lên Tam-đảo, duy quanh-co nhiều lắm, cái đèo *Dalat* này thì cao hơn hết cả các đèo khác, hết cái đèo này thì là đồng bằng cho đến Sài-gòn.

Xuống hết đèo lại theo lối trong đồi rừng rậm di, rồi ra cánh đồng, đến Phan-thiết. Phan-thiết buôn bán có lẽ kém Phan-rang, chúng tôi ngủ ở đây một đêm. Cũng có người Bắc mở khách-sạn tỉnh ra thì các tỉnh ở vào độ đường, đều có khách-sạn của người Bắc cả.

Sáng 11 ở Phan-thiết ra đi, đi độ 30 cây hết cánh đồng ruộng, rồi bắt đầu đi vào giải đồi thấp cũng toàn là rừng rậm, trừ khúc đầu đồi, hiện đã có các nhà đồn-diên đang khai-phá, nhưng chỗ đã phá rừng rồi, chỉ để loảng-thoảng từng cây xem ra rộng-rãi phẳng-phiu lắm, trông hệt con mắt đẹp lắm. Đi độ 30 cây nữa, nghĩa là cách Phan-thiết 60 cây thì đến địa-giới Nam-kỳ, lại cứ đi trong đồi ấy độ 40 cây nữa, nghĩa là giải đồi này dài 70 cây, biết bao nhiêu là đất hoang, thì đến Xuân-lộc là các đồn-diên cao-su, to lắm, trông thành hàng lối, trông vào giữa khe như là cái ngõ sâu vô-đề. Hết đồn-diên cao-su lại đi vào đồi hoang chừng 20, 30 cây nữa, thì ra đồng ruộng, rồi đến thành-phố Biên-hòa; từ đây là bắt đầu vào xứ rất trù-phú vậy.

Thành-phố Biên-hòa tuy nhỏ mà đông-dúc vui-vẻ lắm. Hàng cao-lầu của các chủ rất là náo-nhiệt, xe ô-tô tư, xe ô-tô hàng đi lại rầm-rập, xe ngựa

cho thuê đứng đầy một khu đất cạnh chợ. Con sông ở cạnh thành-phố to mà đẹp lắm, nước sông đầy âm-ấp, hai bên bờ thì dân-cư cây-cối, có nhiều dừa, sầm-uất lắm. Trưa thì đến Sài-gòn.

Người Tây gọi Sài-gòn là hòn ngọc ở Đông-dương; nhưng để nói về vài ba mươi năm về trước, chứ bây giờ thì ở Hà-nội cũng không kém gì Sài-gòn, như là nhà bát tây, các trường học, cầu *Doumer*, các lâu-đài tư-gia, đều tráng-lệ hơn Sài-gòn cả.

Sài-gòn là thành-phố mới cho nên phố-sá đều rộng-rãi, sự vui-vẻ thì dồn lại ở phố tây và ở chỗ chợ, chung-quanh chợ có ba dãy phố ngoảnh mặt vào chợ rất rộng - rãi (ba dãy phố này người ta nói là của người khách tên là Hỏa, người khách này có đến một phần chia ba đất ở thành-phố Sài-gòn), mà nhất náo-nhiệt là các hàng cao-lầu. Cao-lầu và hàng cơm nhiều lắm, tôi tưởng ở trong này mấy gạo là đầu việc buôn-bán to mà cao - lầu là đầu việc buôn-bán nhỏ vậy.

Vào hàng cao-lầu người khách, thấy những tiếng nào khặc nhổ, nào quát nói, chẳng kiêng-nể ai, thực là chán cho xã-hội Trung-hoa quá.

Chợ-lớn lại càng vui hơn Sài-gòn, thứ nhất là về buổi tối, đèn điện ở Sài-gòn thấp đã nhiều, mà ở Chợ-lớn lại nhiều hơn, cứ như ngày hội. Nhưng họ thấp toàn đèn nhỏ, và không khéo như người Tây, cho nên chỉ rực-rỡ chứ không được đẹp.

Một buổi chiều tối đứng chờ xe-hỏa ở ga Chợ-lớn, có hai vợ chồng sầm hát cải-lương, réo - rất ngâm - ngùi, như than như khóc. Ở trong đám hàng-hóa như núi, tàu-bè như rừng, việc buôn - bán của người Tàu như mắc cửi, mà bỗng nghe thấy cái giọng hát « hậu-đỉnh hoa », há chẳng đáng thương-tâm lắm thay! Âm-nhạc ca-xướng là đề di-

dưỡng tinh-thần, cảm lòng người ta không phải không sâu...

Còn nhớ mấy năm trước đây, một hôm tôi ở Hà-nội nhân dịp học-trò Cao-dẳng Nam-kỳ hát cải-lương lấy tiền quyên vào một việc nghĩa gì đấy. Thấy người Hà-thành nói hát cải-lương hay, tôi mời đi xem, vở hát là một ông nhà giàu chê cậu rề nghèo, đem con gái gả cho một cậu nhà giàu, có con gái tự-tử, còn cậu rề nghèo sau thì đỗ; ý-nghĩa vở tuồng đã cổ, đã kém, giọng hát lại chỉ là một giọng chim và buồn, thực là chán quá! Ta chả nghe bài quốc-ca Đại-Pháp ư, hùng-cường biết là chừng nào!

Người Nam-kỳ đã thấy lác-dác buôn-bán. Người Bắc-kỳ vào làm ăn cũng nhiều. Nghe nói những chỗ đồ-hội nhỏ, cũng có người Bắc cả. Tôi ở Sài-gòn có sáu ngày, và không có ai đưa đi chơi, cho nên không biết được mấy.

Không nói thì ai cũng biết rằng sự buôn bán trong Nam-kỳ, người Trung-hoa đã nắm cái chuỗi. Nhưng dầu thế mặc dầu, cái máy gạo của họ cũng phải nhờ hạt thóc của người mình mới chạy được, chỉ bao giờ họ lấy mất ruộng thì mới sợ; hiện nay người Nam-kỳ đã lưu-tâm vào việc buôn-bán, người Bắc cũng đua nhau vào đồng. Chắc sự buôn chẳng bao lâu sẽ phát-đạt đến đấy...

Nhân đây lại nói đến sự ăn mặc ở trong Sài-gòn này: đàn bà sang-trọng thì quần áo và khăn quàng đều là nhiều hoa trắng. Người làm ăn thì quần áo toàn là vải đen, trên đầu vắt một cái khăn vải trắng, dòng-dọc đen, dài độ ba bốn vuông. Áo toàn là hai ống tay chật nít lại và gài khuy cổ cả. Từ Ai-vân-quan vào đến Sài-gòn đều lối ăn mặc này cả, trông lằng-khằng đen sì, không được đẹp mắt. Về lối ăn mặc của đàn bà ta, tôi tưởng không gì

bằng lối ăn mặc của nhà quê Bắc-kỳ. Ta thử xem cách ăn mặc các nước văn-minh Thái-Tây chủ-trọng nhất là chỗ ngực, đều để lộ cái áo «sô-mi» ở ngực ra cho tôn lên. Váy cái yếm của đàn bà mình thực là đẹp, mà lại hợp vệ-sinh, là giữ được kín bụng, lại giữ được vú khỏi sa. Vả dáng lưng hở lại mát, vì mình ở xứ nóng. Nếu ở ngực có đeo đồ trang-sức, được cái yếm lại tôn đẹp thêm lên. Cái yếm thực là một cái đồ ăn mặc đẹp đặc-biệt của đàn bà nước mình, nên giữ lấy, duy chỉ sửa lại ít nhiều, hoặc tô-diềm thêm vào đôi chút mà thôi. Như là bỏ cái giải đi, mà gài khuy, hoặc thêu hoa và đính «đăng-tên», «ru-băng» thêm vào. Áo cũng nên theo lối áo bốn thân của đàn bà nhà quê ngoài Bắc, vì lối áo bốn thân dễ hở ngực ra mới đẹp, và lối áo bốn thân dễ biến-hoá, nghĩa là dễ thay đổi ra các kiểu; duy cũng phải sửa lại, đại-khải cổ áo thì nên theo các lối cổ áo đàn bà Tây, chỗ ngang thắt lưng nên may thắt dây vào, mà làm cái dải gài khuy, chứ không nên thắt lưng một đồng ở giữa bụng khó coi lắm. Áo nên may túi để đựng đồ vật, cho khỏi gài hay buộc vào thắt lưng cũng khó coi lắm. Nên chế thứ áo dài, thứ áo ngắn, cho tiện mùa rét mùa nực, hay là khi đi ra ngoài, khi làm ăn ở trong nhà. Ngắm kỹ ra thì đàn bà sang-trọng nước mình, bỏ lối ăn mặc đàn bà mà bắt-chước lối ăn mặc của đàn ông. Vây thì tất phải bắt-chước giống lối váy của đàn bà Tây. Sắc ăn mặc của đàn bà nên dùng các thứ màu sáng-sủa tươi-đẹp, chứ mùi thâm và mùi nâu xầu lắm. Người Tây thường kêu mùi nâu buồn và bẩn, mà họ khen mùi trắng của người Thổ mặc là đẹp. Gày thì cũng phải đi giày tây, mới cứng cáp và gọn-gàng. Tóc thì tất phải bới, chứ rẽ đường ngôi như ta, trông trơ lấm, mà bới tóc cũng nên theo tư-lựa như đàn bà Tây, để tóc rủ xuống che

bớt cái trán đi mới đẹp; chứ bớt tóc như người Trung Nam-kỳ phơi cái trán lồ-lồ ra, lại càng trơ nữa. Nón cũng phải chế ra như các thử mũ của đàn bà Tây mới tiện, chứ cái nón ta sùm-sụp, không được đẹp và không tiện. Còn đàn ông thì nên ăn mặc theo lối Tây, cho tiện làm việc, duy chỉ sửa lại một đôi chút, cho hợp với xứ nóng mà thôi.

Người dân ông Nam-kỳ ăn mặc lối ta áo dài chít khăn không có mấy nữa (vào chơi Nam-kỳ nên ăn mặc tây, chứ mặc ta thành ra lạ mắt người ta, mà mình cũng tự ngượng). Trừ một phần ít ăn mặc tây, còn thì ăn mặc sành-soàng lắm, chỉ khăn sáo, áo cánh trắng, quần thám.

Sự ăn mặc cũng cần lắm, ta thử xem ngày nay nước nào văn-minh hơn, thì sự ăn-mặc lại phiền-phức, chỉnh-tề và sạch-sẽ hơn, bởi vì có cái văn-minh tinh-thảo, thì tất phải có cái văn-minh hình-thức. Ta lại thử xem như người Tây, đầu khi ngồi ở trong nhà bán hàng, mà cũng ăn mặc tử-lẽ, không kẻ chỉ lúc ra ngoài. Đức Khổng-phu-tử cũng nói rằng: « Xuất môn như kiến đại-tân »; vậy đồ ăn mặc và phép ăn mặc ta cũng phải chú-ý lắm.

Trong Nam-kỳ không có cái tục ăn thuốc Lào, mà hút thuốc lá lại càng nhiều, còn sự ăn trâu có lẽ lại hơn ngoài Bắc-kỳ. Tục ăn trâu và hút thuốc Lào, người các nước lấy làm bần-lâm. Vậy các cậu các cô thiếu niên tân-tiến nước ta cũng nên trừ bỏ dần đi.

Nói tóm lại, cái hình-thể thành-phố Sài-gòn là cái cửa bề, là cái đô-hội miền nhiệt-dải, là cái phong-cảnh nhân-tạo, cho nên phần nào-nhiệt bề ngoài thì hơn Hà-nội, mà phần tôn-nghiêm lặng-lẽ bề trong của Hà-nội thì cơ-hỗ không có.

Cái đại-thể xứ Nam-kỳ là một cái kho thóc để giúp đỡ cho nhiều dân-tộc ở bên Đông bờ bể Thái-bình; là một cái quán hàng ở cạnh con đường các nước Âu-châu cần phải sang bên Cực-đông, là làng giềng với nước Xiêm, mấy năm nay đã chinh-bị riết về quân-sự, và các nước Nam - dương quần-đảo cũng đang tàn-tiến. Cái đại-thể Nam-kỳ ngày nay quan-hệ như thế, vậy cái lịch-sử Nam-kỳ sau này há chẳng phải là một cái lịch-sử quan-trọng lắm thay.

Sáng ngày 17 tháng 8 ta, tôi từ-biệt Sài-gòn mà lại theo đường bộ ra Bắc. Ăn cơm sáng ở Phan-thiết, rồi lên thẳng *Dalat*. Đang ở Sài-gòn là nơi nào-nhiệt nóng-nực, đến *Dalat* bỗng-nhiên lạnh-lẽo tịch-mịch, phong-cảnh khi trời trái hẳn nhau, tôi thấy trong mình cũng tựa như hai người vậy.

Ở *Dran* lên *Dalat*, cao độ bốn trăm thước tây, nghĩa là cả thảy cao độ 1.400 thước tây. Thành-phố *Dalat* ở trên đỉnh núi, địa-thể *Dalat* là nhiều ngọn núi liên lại nhau đất-diu miên-man, mở thành một khu-vũ rất rộng, đến mấy chục cây-lô-mét. Xứ này tên là Lâm-viên hay Lang-biang, nguyên của người Mọi, nay Nhà-nước kinh-doanh to-tát lắm, như nhà *Hôtel* thì to mà đẹp lắm, nhà nghỉ mát quan Toàn-quyền, quan Thống-dốc Nam-kỳ đều có cả, người tây buôn lên mở đồn-diễn cũng to-tát lắm. Tôi có đến một cái đồn-diễn nuôi bò làm «bơ» và trồng rau, hiện đang xây máy nước, xẻ hào đào ao, tốn-phí lắm.

Phong - cảnh *Dalat* đẹp lắm. Thứ nhất là những cái thác nước, có một cái to nhưng ở xa tôi không đi đến xem được. Nhà nước có ngăn một con suối làm cái đầm ở giữa thành-phố cũng đẹp. Khí-hậu mát lắm; người ta nói mùa hè không nực mà mùa đông cũng không rét, thế thì chả giống như trong

sách tàu nói chỗ tiên ở khi trời thường như tháng hai tháng ba hay sao ?

Tôi lên *Dalat* mà trong lòng sinh ra nửa mừng nửa lo. Lại sao mà lo, là những cao-nguyên ở Đông-dương này, như *Chapa*, như *Taphiakh* (thuộc *Lao-kay*), như *Kontum* (Ai-lao) như *Dalat* (Trung-kỳ), nếu vì Đông-dương là một hình người, thì những cao-nguyên này không khác gì là cái chòm, nếu cái chòm mình không nhìn đến, không đến ở cho đúng thì cái thân chắc là không mạnh được mấy nữa. Trong *Sử-ký* cũng đã có nói, vì cái thể mạnh ở trên cao đánh xuống dưới thấp không khác gì như vô nước ở trên nóc nhà đổ xuống, cho nên nước ta đã bị bao phen chống chọi với người Tàu họ cũng được cái thể ở cao, bao-tồn biết là chừng nào. Nay ta lại gặp những dân-tộc ở gần ta đây, đã có dân-tộc nào đã bị cái vạ người đây chưa, nếu có thì ta há chẳng đáng lo lắm ư ?

Tại sao mà mừng ? là địa-thể nước ta quá nửa ở vào nhiệt - đới, nay có những cái cao - nguyên ấy, khi trời mát-mẻ, đất-cát tốt đẹp, bù lại cho ta, để có nơi nuôi cho ta cái tinh-thần nhọc-mệt, hoặc thiếu-thốn, như tinh-thần hoạt-bát, mạo-hiêm, vân-vân, cung-cấp cho ta những vật-chất ở trên đời ta không có, vả lại làm những cái kim-thành ở mặt sau cho ta, thử xem đến ngày nay mà những dân Mọi cũng chưa qui-phục hết, thì biết hiêm-yếu là đường nào, vậy nếu ta biết mà lợi-dụng được thì há chẳng đáng mừng lắm ư ?

Nay thiết-tưởng có hai cách để khuếch-trương cái thể-lực dân-tộc ta lên những mạn cao-nguyên ấy.

Một là di-dân lên, hai là dạy cho những giống người mọi người mán ở các cao - nguyên ấy đồng - hóa với ta, nhưng hai cách trên này, đều phải có sức Chính-phủ mới được, vậy ta hãy đề ra một bên, mà ta hãy làm cách sau này vậy : là những nhà có trí-thức, tài-lực, lên các cao-nguyên ấy làm nhà nghỉ mát cho thuê, lập những đồn-diên nho-nhỏ để chơi bảy giờ cũng đã có nhiều người giàu có làm nhà nghỉ mát, nhưng phần nhiều là làm ở các nơi bờ bể cả, chứ chưa có mấy người làm ở trên núi cao, là cái tinh người mình vẫn cứ sợ đường-sá xa-xối hiểm-trở, (tôi chưa từng nghe thấy người Tây nào nói lên Tam - đảo khó, mà người mình thì có nhiều người lên một lần, rồi sợ không dám lên nữa), và chưa biết cái thú tịch-mịch ở núi : thú nhất là làm được trường-học hay là nhà nghỉ mát cho học-trò, để dạy lấy cái tinh ở núi thì lại hay lắm.

Nay có những nhà đồn-diên người Đại-Pháp cũng là một cái hay cho ta lắm, vì một người Pháp mở một cái đồn-diên tất phải đem đến một vài trăm người ta lên làm phu, thì cũng chả khác gì di-dân ta lên vậy.

Nói tóm lại, khi nào dân-tộc ta có lên ở các cao-nguyên và các mạn rừng núi, thì bấy giờ mới là người hoàn - toàn ở bán-đảo Ấn-độ-Chi-na này vậy. Ta thử xem đã có các quan Toàn-quyền định lấy *Dalat* làm thủ-phủ Đông-Pháp, thì đủ biết nơi cao-nguyên quan-hệ là đường nào vậy.

Mẫu-sơn-mục N. X. H.

TÂM LÒNG HOÀI-CỔ

Kính thư anh L. T. P.

Kính thưa anh,

Trước trọng kính lời thăm bác, sau thăm anh và thăm T. T. - T. cho được bình-an vạn-phúc.

Tôi nhân xem bài « Đông-phương đối với Tây-phương » mà bỗng suy-nghĩ vẩn - vơ trót cả mấy đêm ngày. Hôm nay, cốp nhặt các điều suy-nghĩ ấy lại đây, trước để anh giải-muộn, sau là học-tập viết văn quốc-ngữ. Tôi vẫn là người thành-thật mến-yêu văn-chương quốc-ngữ lắm. Sớm khuya chỉ mong-mỏi cho

Trí rập khai-thông, đức mong tiến-hóa,

Tiếng quốc-văn đồng-dã hội sau này!

1. **Phép đề ngày.**— Tôi từ thuở nhỏ đến nay, mỗi khi đặt viết đề ngày, thì chỉ đề theo ngày tây, ngày ấy, tháng ấy, và năm 1902, hay là năm 1911, hay là năm 1915; chứ không mấy khi lại nhớ đến năm *bính-thìn*, năm *ất-hợi*, hay năm *ất-sửu*.

Đề ngày như thế, nghĩ đi xét lại mà không vừa lòng vừa ý chút nào, vì không lẽ tôi phải đề ngày theo bèn Tây-phương mà quên lối Đông-phương. Và dòng họ tổ-tông của tôi lâu nay đã trót theo Khổng-giáo, Phật-giáo, thì có lẽ nào tôi lại chịu đề ngày theo phép Cơ-dốc-giáo. Phép đề ngày như thế ấy, cũng chẳng qua là phạm-nhân đặt ra, chứ không phải là thần-thánh đặt ra. Người Tây-phương do theo lẽ-lối cũ của Tây-phương, thì người Đông-phương cũng nên do theo lẽ-lối cũ của Đông-phương mới phải.

Hiện các bản-lịch đương dùng ngày nay, thứ thì lịch Tàu, thứ thì lịch Tây; cả hai thứ đều không thích-hợp cho

người dân Việt-Nam, và lại cũng không thích-hợp cho môn-dồ nhà Phật. Dân-tộc Việt-Nam cần biết ngày giỗ Đức-Thánh, ngày vía Phật-tổ, ngày sinh của ông Mạnh-tử, ngày vía của bà Quan-Âm, hơn là ngày lễ Phục-sinh, hay là lễ các thánh bên tôn-giáo Cơ-dốc. Người không thuộc Nam-sử lại muốn biết ngày giỗ của ông Nguyễn Du, ngày khởi-nghĩa của vua Thái-bình hơn là ngày sinh của ông RICHELIEU hay là của ông JULES FERRY.

Bản lịch không cần là đẹp hay không đẹp, chỉ cần phải cho thích-hợp mà thôi.

Ở sách *Quả dưa đỏ* của ông Đôn-nam-tử Nguyễn Trọng-Thuật có tả cách làm lịch mà không dùng giấy bút chỉ cả; chỉ dùng vỏ sò, vỏ ngán, vỏ ốc mà thôi. Đó là một điều đặc-sắc ở tiền-thuyết ấy. Làm lịch sơ-sai như thế, nhưng miễn là thích-hợp thì sẽ dùng được lâu bền.

«... Lịch-số là một việc thiết-yếu trong vũ-trụ và cuộc nhào-thế, mà vũ-trụ thì bao giờ cũng vẫn có lịch - số thiên-nhiên rồi, trong một ngày đêm, ngày có bóng nắng, đêm có bóng trăng, cũng như tiếng con cầm-diều báo tin sớm muộn; trong một tháng có tuần trăng tròn khuyết; trong một năm có bốn mùa mười hai tháng; trên bầu trời thì ngôi sao chuyển-vận, độ thái-dương di khắp nam-cực bắc-cực có 365 độ và một phần tư độ, dưới mặt đất có hàn-thử đắp-đồi, có hoa-thảo côn-trùng ứng thời-tiết mà thay nhau suy-vượng; thế là trong lưỡng-gian đều phải theo một cái luật-phép nhất-dịnh mà vận-hành, hết lượt lại bắt đầu; còn về vũ-trụ lâu-dài, thì đã có lớp mộc-thạch, những vết tang-thương để ký-chú lấy cớ-kim đời-kiếp. Người đời biết làm lịch là từ

dời vua Hoàng - đế mới trắc-nghiệm những lễ tuần-hoàn trên kia mà làm ra sách thần-lịch ; đến đời vua Nghiêu có hai thứ lịch : một là phép của Trung-quốc nghiệm là cây minh-giáp gọi là Giáp-lịch ; hai là phép của ta nghiệm ở mai con rùa gọi là Qui-lịch. Từ khi ta đem con thần-qui tặng vua Nghiêu, thì Tàu cũng tham cả phép qui-lịch nữa. Người đời sở dĩ phải cần đến lịch vì có hai lẽ : một là ghi nhớ lấy thời-dại đã qua mà tra xét việc cũ ; hai là dự-toán cái thời-tiết một năm sắp đến mà liệu việc sau.

«...Bắt đầu ngay từ ngày mai trở đi, nhật lấy ba-mươi cái vỏ sò, mười-hai cái vỏ ngán và mười cái vỏ ốc, dán lấy ba cái vỏ sò vào góc hàng, đánh dấu một cái ghi ngày, một cái ghi tháng và một cái ghi năm, cứ mỗi ngày, nhét bỏ một cái vỏ sò vào trong cái vỏ ghi ngày, chính phép thì còn tháng đủ tháng thiếu, nhưng phép đó có người chuyên-khoa làm lịch mới tính được, còn ta thì cứ đủ 30 ngày là một tháng, trong một vài tháng lại phải so ngày «sóc» với ngày «vọng» cho đúng tuần trăng, hai ngày sóc vọng ấy may được ngày mồng một nào hay là đêm hôm rằm nào, trời quang mây tạnh, ngày xem mặt trăng mới, đêm xem mặt trăng đầy mà gia-giảm số ngày cho hợp, đủ một tháng thì bỏ một cái vỏ ngán vào trong cái vỏ ghi tháng. Phép lịch có tích phân thừa, ba năm lại phải đặt ra tháng nhuận, nhưng ta đã so lán đi với tuần trăng, đã không có tháng thiếu, thì cũng không phải có năm nhuận nữa, cứ đủ mười-hai tháng là một năm, thì bỏ một cái vỏ ốc vào trong cái vỏ ghi năm, mỗi năm thì lấy gươm vạch chữ can-chi vào đá, còn như tám tiết hai-mươi-bốn khí trong một năm cũng là độ nhật-thực nguyệt-thực về ngày nào giờ

nào, thì ta không có sách xem được...»

Độ nọ, ông Khang Hữu-Vi tạ-thế. Ông có dặn môn-đệ là ông Lương Khải-Siêu đề ngày ở giá-triệu thì do theo ngày sanh của đức Khổng-phu-tử.

Giữa khi phải tán-tiến bên Trung-hoa nổi lên phản-đối Nho-học (1), mà ông Khang Hữu-Vi lại định như thế, ta cũng kể là người dũng-cảm, một mình ra tay chống - trả với xu - hướng trong nước.

Thủy-chung ông vẫn là người sùng-bái kinh-thờ đạo Khổng mà thôi.

Được ít lâu nay, thấy báo *Lục-linh tân-văn* ở Sài-gòn, báo *Thực-nghiệp dân-báo* ở Hà-nội, và báo *Việt-Nam học-sinh báo* xuất-bản bên Pháp, đều có biên cả hai ngày, theo âm - lịch và dương-lịch.

Gần đây, bà Đạm - Phương có viết một bài cổ - động việc làm nhà hội-quán cho Nữ-công học-hội. Trên đầu bài, đã có ba chữ : *Năm bình-dần*.

Nước Việt-Nam cũng theo thể-giới mà chấn-hưng nội-cuộc. Bảy chục năm nay, phép đề ngày đã theo một thể, mà ngày nay lại theo về một thể khác hẳn rồi. Còn đề ngày theo niên-hiệu nhà vua, thì kẻ không thuộc lịch-sử lấy làm khó biết được.

2. — **Tết Nguyên-dán.** — Ba bốn năm nay, đã có nhiều người phản-đối tết Nguyên-dán. Họ nói rằng :

Bày ra cùng-kiếng linh-dinh, lợi dân chưa thấy, chỉ thấy kiến dậu ruồi bâu, và tổn-hao tiền của, ăn mặc xa-xỉ, đốt pháo tung-bùng, đó là gánh vâng đem đồ sống Ngô, chứ không ích gì cho ai cả.

Tôi nghe như vậy, mà riêng lấy làm buồn. Nhưng ai muốn nói sao thì nói, vì ai có ý-kiến người ấy.

(1) N. P. số 121 — «Le culte de Confucius, écrivait le Journal de la Jeune Chine fut un obstacle à la liberté de penser.»

Phần tôi, tôi lại hay nghĩ như thế này: Người ở đời phải có cha mẹ, có ông có bà, chứ không phải bỗng-dưng trong đất nẻ ra.

Vi nhớ ân ông bà, nhớ công cha mẹ, mà bày ra các lễ cúng-kiến, đem tấm lòng thành cung-hiến tiền-nhân. Mỗi khi sắm-sửa bông-hoa trà-quả, cúng-kiến xong rồi thì cũng mình ăn, chứ không ai ăn; nhưng ngày ấy, trong tâm-trí mình lúc nào cũng tưởng-nghĩ đến công ơn cha mẹ. Càng nghĩ mà càng biết rằng cao-sâu rộng-rãi đến chừng nào

*Chín tháng cưu-mang nhờ đức mẹ,
Ba năm bồng-ẵm nhờ ân cha (1).*

Việc cúng-kiến đây thiên về tinh-thần hơn là thiên về vật-chất. Thế cho nên, dợt lúc canh khuya đêm tĩnh, vắng khách vắng người, gõ ba hồi chuông, đốt đèn thật sáng, đốt trầm thật thơm, rồi ra sụp lạy ở trước giường thờ, thì trong lòng biết bao bồi-người cảm-dộng, và đến khi ấy không còn cho cái lạy là dấu-vết nô-lệ đâu!

Ông Lý Thường - Kiệt, ông Trần Hưng-Đạo, ông Liêm-Pha, ông Lan Tương-Như có lẽ là người biết lạy, biết xá đứng-dấn lẫm, nhưng mấy đời nay, chưa ai dám mai-mĩa các ông điều gì.

Người Việt-Nam, người Viễn-Đông đều biết cái lạy là đại-lễ, vậy ta biết dùng cho đích-dáng thì chẳng có dấu nô-lệ gì cả.

Ông RABINDRANATH TAGORE đi du-lich Tây-phương, đối với người Tây-phương thì ông dùng lễ-phép Tây-phương. Vừa rồi, ông sang chơi Tân-gia - ba, ông đối với người Đông-phương, thì ông lại chỉ dùng lễ-phép Đông-phương.

Cha mẹ mất ngày nào, thì mỗi năm phải cúng-kiến vào ngày ấy. Người có ăn thì giữ lệ ấy thiết-dùng như thế cũng được. Còn kẻ thiếu trước hụt sau, mà trong năm phải cúng-kiến cả chín mươi lần thì không sao bày-biện cho được vừa như ý muốn. Càng đi xa cách nhà cửa bao nhiêu, thì việc cúng-kiến càng phải sơ-sài bấy nhiêu.

Cho nên mỗi khi nhâm ngày ông bà, mà người chồng còn đang đi học ở ngoại-quốc, hay là còn đang đi làm việc ở các đồn-diên Phú-Riêng, Dầu-dây, hay làm mỏ sắt ở Thái-bình-dương, hay làm mỏ than ở Khang-hải, thì người vợ ở nhà chỉ cúng qua-loa mà thôi, chứ đến ngày tết Nguyên - đán mới sắm-sua thiết-tề-chỉnh hơn và cúng-kiến được xứng-dáng trang-nghiêm hơn mấy khi trước.

Kịp đến ngày Tết mà lại trúng mùa, thì mua - chác lại được hơn-hết hơn thêm một chút.

Ta quen ăn ở theo người di-chúng mà quên mất tâm-lý của người thôn-quê Việt-Nam.

Ở các thành-phố, ở các tỉnh-lỵ ngày nay, phần nhiều con trẻ vừa tang-táng sáng, vừa mở mắt dậy đã có sữa bò, bánh tầy, hay là đã có trứng gà chiên, bánh mì ổ; trái lại, các trẻ con ở chốn thôn-quê thì chỉ biết bầu sống, cơm khô, hay là miếng mắm sống, vắt cơm nguội, chứ quanh năm cuối tháng thì nào có biết kẹo đường là gì, bánh mứt là gì. Trẻ ấy thêm khát quanh năm và chỉ được ăn uống phủ-phé có ba ngày tết; vì ngày tết đã đến thì bánh trái cá thịt ê-hề, không thiếu thức nào.

Tết chậm đến thì lại trông đợi lẫm, mong-mỏi lẫm.

(1) Lời thơ ông Nguyễn Khắc-Huệ.

*Cu kêu ba tiếng cu kêu,
Cho mau tới tết đừng nêu ăn chè !*

Ngày thường, không mấy khi được ăn chè. Ngày tết mới được ăn chè. Đến khi ấy, đã được ăn chè, lại được ăn bánh ăn chuối. Ngày thường, có thêm khát đến đau, cũng phải nhịn thêm mà chịu, cha mẹ đương nghèo tất phải vô - phương.

Cha mẹ thương con, nên ba ngày tết cũng cố mua sắm món ăn cho nhiều, cho con trẻ được ăn no đủ. Lại bày ra làm các thứ bánh: bánh tét, bánh tếp, bánh chưng, bánh dầy, bánh trôi, bánh rang, bánh phồng, cùng là mua đường phôi, mua dừa hầu để dành sẵn đó. Các món ấy, món nào cũng để dành ăn được lâu ngày. Nhịn ăn bánh trái cả mười một tháng, và chỉ được ăn có một tháng mà thôi; ai trông thấy tình - cảnh này mà khỏi khóc thầm, mà lại dám mở miệng gièm-pha điều này điều khác.

Cái thói nhà-quê thật cũng ngộ-nghe lắm, thật cũng tức cười lắm, nhưng ta xét kỹ, cũng thật là cảm-dộng lắm và thương-hại lắm.

Ngày tết là ngày có ăn, lại được có mặc.

Quanh năm dãi nắng dầm mưa, đi coi trâu ăn hay đi mót lúa, thì chỉ mặc áo rách hay là toi lá mà thôi. Đến hai-mươi-chín tết hay ba-mươi tết mới được món tiền ra chợ mua vải. Bữa chợ ba-mươi là buổi chợ cuối cùng trong năm. Người ít tiền mới đi mua sắm ngày ấy. Các tiệm buôn có bán mặc thế nào thì cũng phải mua. Tục thường nói:

Ba mươi, buổi chợ nhà nghèo !

Đến ngày ấy mới là mua được vải mới. Người cha mẹ đau-dớn biết bao, nhưng lũ trẻ con lại vui-mừng biết bao. Tuổi ấy ngây-ngớ khờ-dại biết gì.

May áo xong xuôi, chưa kịp đem

giặt, áo chưa nhả hồ, thì đã vội mặc vào để đi mừng tuổi cha mẹ, mừng tuổi ông thầy, hay là để đi giông chơi với các bạn.

Giữa lúc ấy, là giữa lúc:

Đi-đet trước sân, tràng pháo chuột... vảy.

Mặc quần-áo lác-mướt như thế ấy ai cũng cười là đứa trẻ nhà quê, nhưng có nghĩ kỹ vì nghèo mà phải chịu mang cái lột ngô-nghe kỳ-dị ấy, thì tưởng không còn gì đau-dớn cho bằng.

Trong nhà sẵn tiền, thì ai lại đại gì không sắm-sửa áo-quần cho sớm, để chịu tiếng xóm làng cười chê như thế. Chẳng qua là vì quần-bách mà phải để nước tới cháo mới nhảy vậy.

Trẻ nhỏ kia thêm-muốn món này, khát-khao thức nọ, không mấy khi phản-đối lễ tết Nguyên - dân. Còn bọn chúng mình đã no đã say, lại muốn phản - đối lễ tết Nguyên - dân chớ có lạ gì. Ngày lễ 25 tháng chạp, ngày lễ đình - chiến, ngày lễ tháng bảy, ngày lễ đầu năm, thì đã được thưởng - thức các món rượu bánh mua tận Paris, hay là các thứ nhọ lè mua tận Los-Angeles mà còn thêm khát món gì nữa đâu. Ta đi mua đồ ở các đại-thương-cục mà hồi-tưởng lại các việc cúng-kiếng ở trong chòi tranh vách lá gần bên bờ ruộng đồng rơm kia thì cho là quê-mùa hủ - bại quá chừng. Nay ở giữa hoàn-cảnh này đây, đèn-diện sáng lòa, quạt máy quay tít, lại thêm nhầy-dầm hơn-hở, quần-huỳnh nhật-khoan, thì lại càng thêm mê-mê tâm - hồn, thì lại càng thêm tê-mê đầu óc. Đang khi ấy, còn hiểu câu « bất-vong kỳ bôn » là nghĩa-lý gì nữa.

Về các lễ ấy, về các hội ấy, ta cũng no say thừa chán đi rồi. Ngoài ra, mấy ngày kia, có thêm ăn thức gì, thêm uống rượu gì, thì cao-lâu tây lâu lại cũng sẵn đó.

Cuộc vui cũng không hiểm gì. Trời vừa chấp tối, thì chúng mình xin phép mẹ cha đi xem hát làm phước người này, làm ăn hội họ. Cuộc xem hát lại là một cuộc vui trong các cuộc vui tâm-thường vậy.

Đầy tháng quanh năm, vui chơi thoả-thích, ăn uống phủ-phé, thì ngày tết Nguyên-dán còn bày cỗ-bàn làm chi cho thêm tốn-hao tiền của. Cả ba trăm ngày đã vui chán, thì ngày tết cũng không còn vui gì. Các lệ-tục làm căn-bản cho nước, mà đều phá bỏ đi hết, không biết có thiệt-hại gì cho nước hay không. Điều đó cũng không cần phải nghĩ làm gì. Quanh năm vui chán, thì trời đất cũng chưa còn kể ra là gì, nữa là tổ-quốc non sông, hay là gia-dinh gia-tộc.

Bọn người ấy gần tết Nguyên-dán đã buồn, mà phải ngồi dựa giường thờ nhìn khói nhang khoanh thì còn gì là lý-thú nữa.

Nước ta về trước, chỉ biết ông trời Đông-Á chứ chưa biết ông trời nào khác, và cũng không biết ngày chúa là ngày gì, ngày lễ là ngày gì. Vì thế mà ngày nào cũng phải đầu tắt mặt tối, lo-lắng làm-lụng từ sớm tới chiều. Lao-dộng quanh năm đầy tháng, đến tết Nguyên - dân mới được nghỉ-ngơi.

Đến khi ấy, tôi trai tơ gái, bạn ghe bạn cây, đều được phép ra về cùng-kiếng ông bà. Nhà giàu sang đến đâu, cũng phải bồn-thân rửa chén bưng mâm trong ba ngày tết.

Ngày mồng bốn tết cũng đưa ông bà, ngày mồng bảy tết hạ nêu xong-xuôi, mới lại khởi-công làm việc như xưa. Có người hoãn việc thì lại nghỉ-ngơi cho đến rằm tháng giêng mới thôi.

Có lẽ tết Nguyên - dân thích-hợp với thời-buổi khi đó, mà không còn thích-hợp với thời-buổi ngày nay.

Nhưng, dầu có dành lòng phản-đối tục-lệ lớp trước, thì nên nói rằng lệ ấy không thích-hợp, chứ không được nói lớp trước làm xằng. Vì nếu lớp trước là người lằng-xằng, thì hiện sinh ra chúng ta đây, chúng ta cũng chỉ là người lằng-xằng chứ chưa phải là người sáng-suốt, và các lời chỉ-trích quàng-xiên của ta cũng chưa đáng kể vào đâu.

Dầu thế nào mặc lòng, ông bà nhà tôi đã mấy muôn đời noi theo lệ ấy, thì tôi cũng không sao lằng-bỏ đi được. Ở làng tôi, ở tỉnh tôi, ngày 25 tháng chạp, lại có lệ đi tảo-mộ, thì lệ tết Nguyên-dán, tôi lại càng lo giữ-gìn lắm nữa.

Khi còn thơ-ấu, thấy tết Nguyên-dán, biết mừng mà thôi. Đến ngày nay, thấy tết Nguyên-dán trong bụng nửa mừng nửa cảm, cảm-dòng chỉ xiết, vui-mừng chưa-chán. Bữa tối 30 rạng mồng một tết, thì cha tôi liền mặc áo rộng, chít khăn đen, cùng nước mừng tuổi xong - xuôi thì quì trước giường-thờ mà khóc thảm-thiết, trong dạ buồn-ngùi, tưởng-nhớ người xưa.

Tiếng gà gáy sáng, giọng chim riu-rit khi ấy đánh thức các trẻ nhỏ dậy, mặc quần áo mới và đi mừng tuổi ông bà. Được thưởng tiền, thưởng pháo, thì chạy giỡn om-xôm. Khi ấy, nội nhà ai cũng vui, và có khi trong họ rủ nhau vầy sông đánh bạc. Cả một năm trường, chỉ chờ-bạc vào mấy ngày ấy.

Trời chưa thiêt sáng, mù sương chưa tan, thì cha tôi đã ra bờ ruộng, vào đình thờ-thần, cùng vài tôn-nghiêm, gọi đáp ân-thần-thần và trời đất quanh năm che-chở cho mình.

Nay mỗi khi giữ chung nước trà, hay ghim miếng mứt, mà không khỏi tưởng nhớ đến ngày Nguyên - dân. Nay thấy lúa muôn, nay thấy gió đông, mà không khỏi tưởng-nhớ đến ngày Nguyên-dân.

Giữ lệ Nguyên-dân, tức là giữ-gìn chủ-nghĩa gia-tộc vậy. Có lẽ nhờ noi theo chủ-nghĩa này, mà trót mấy ngàn năm nay, dân-tộc Việt-Nam chưa bị đào-thải trong vòng thiên-diễn.

Sách Đại-Nam Quốc-Sử diễn-ca của ông Lê Cát có câu rằng :

Ba năm thống trị về châu,
Thổ-quan Lý Tiến mới đầu Nam-nhân.
Sở kêu ai chẳng vương-thần,
Sĩ-đồ chỉ đề xa gần khác nhau.
Tình-tử động đến thần lưu,
Chiến cho công-sĩ bỏ châu huyện ngoài.
Lý Cầm châu-chức điện-dải,
Nhân khi Nguyên-dân kêu lời xa-xôi.
Rằng : Sao phú-tái hẹp hòi,
Gió mưa dề một cõi ngoài Viêm-phương.
Tâm thành cũng thấu quân-vương,
Trung-châu lại mới bỏ sang hai người...

Đoạn văn này không nói về tết Nguyên-dân, nhưng có nhắc các việc yêu-cầu của ông Lý Tiến, lại nhắc luôn các việc yêu-cầu của ông Lý Cầm về dịp Nguyên-dân mà thôi. Việc ấy kể cũng là việc quan-hệ cho xã-hội nước Nam đời ấy.

Lệ Nguyên-dân đầu là không có ích gì, nhưng nếu đề kỷ-niệm một việc yêu-cầu của ông Lý Cầm ngày xưa, thì ngày ấy không phải là ngày ta nên bỏ hẳn.

Hai ông học chữ Trung-huê và vào giáp mặt Hoàng-đế Trung - huê đề yêu - cầu quyền-lợi cho người Việt-Nam, việc thật đáng kỷ-niệm vậy.

3. — Tranh-ảnh y-phục và địa-đồ.

—Ngày tết Nguyên-dân đã bị phản-đối, mà y-phục Việt-Nam lại phải ít người trọng-dụng. Đó cũng là một điều ta nên chú-ý.

Ông Trần Hưng-Đạo lúc sang sống Bạch-đăng có cần gì xách can gậy, hay mặc áo nỉ vàng như các thống-soái hồi trận Pháp-Đức chiến-tranh vừa rồi.

Ông Phan Thanh-Giản sang sứ Paris cũng mặc áo châu tha-thướt, chứ không cần gì Âu-phục. Tôi nghĩ thế mà lấy làm khen các người hiện nay còn giữ Nam-trang.

Giờ thế-thảo thì mặc đồ khác, còn mấy khi kia nên mặc áo dài là phải. Ở trong nhà thì mặc áo dài trắng, ra khỏi nhà, thì mặc thêm áo xuyến đen. Nhưng có điều này thật là bất-tiện.

Người ở quanh-tôi, hễ mặc Âu-phục thì chịu dùng toàn đồ vải bố, còn mặc Nam-trang thì lại kén toàn là đồ tơ lụa. Áo quần đều là tơ lụa, khăn tay bít-tất cũng là tơ lụa. Các trẻ đồng tập võ cũng dùng chỉ tơ lụa. Một người làm, muốn van người làm theo, Một người xa-xỉ, muốn van người cũng bắt-chước xa - xỉ.

Ở chốn thôn-quê, có người dân-ông mặc áo vải đen dài ; còn ở tỉnh-lị, và nhằm mấy khi đi đám cưới, cũng là đi mừng tân-quan, thì tôi chưa được thấy một người dân-ông nào mặc áo vải đen dài.

Người bản-dân Tân-gia-ba cho vay đặt nợ, giàu có muốn van, thì sắm xe hơi nhỏ, xe hơi lớn, mà cũng chỉ van một tấm vải trắng quanh mình.

Giàu có, hay là lương tiền nhiều như quan Giám-quốc, quan thượng-thư mà không mấy khi dùng tơ-lụa làm bít-tất hay là may áo lót.

Các món tiền mua sắm tơ lụa, lãnh nhiều, cầm - nhưng . v. v. , tôi lấy làm ngốt lăm. Món tiền ấy để lập một tàng-thư-viện, hay là để mướn tàu cho học-sinh đi dạo quanh thế - giới thì được người khen - tặng biết chừng nào.

Năm 1919, có mở hội nghị-hòa ở Versailles cả mấy tháng.

Ngày ký ước nghị-hòa, thì các quan đại-thần bên Tây-phương đều mặc áo nỉ

dài; chỉ có ông WILSON và phái-bộ Huê-kỳ thì mặc áo nỉ ngắn, trông thật gọn-gàng, nhưng lại thiếu vẻ tôn-nghiêm. Ngay khi ấy ông Cố-Duy-Quân là người từng phái-bộ Trung-huê cũng mặc Âu-phục, chỉ có quan đầu phái-bộ là mặc Hoa-phục mà thôi. Tên ông ấy, tôi không được nhớ, cũng lấy làm tiếc. Nhưng bây giờ muốn biết hình-dạng và chữ ký của các ông, thì xem báo-chí năm ấy tháng ấy sẽ thấy ngay. Ông ấy mặc toàn đồ đen, áo ngắn lắm và nhiều nút, đội mũ, vận cụng. Mặc Hoa-phục, mà nói sành tiếng Anh, tiếng Đức, một mình trông-nom quyền-lợi cả 400 triệu đồng-bào, mỗi khi ra biện-thuyết ở giữa hội-dồng các nước văn-minh, lại biện-thuyết hùng-hồn dũng-dẫn lắm, thì không ai dám khinh mình là quê-mù mọi-rợ.

Ông MUSTAPHA KEMAL và ông SAAD ZAGHLOUL thường thấy đội mũ dạ rất dày. Nhưng ông MUSTAPHA KEMAL sau này lên ngôi Tổng-thống thì lại đội mũ kiểu Âu-châu, mua tận bên Âu-châu. Ông lĩnh-tự đảng quốc-gia nước Ai-cập thì đội mũ dạ cho đến ngày tắt ngòi.

Khi các sứ-thần nước Ma-lạc-kha đi vào thương-thuyết với sứ-thần hai nước Pháp-lan-tây và Tây-ban-nha thì cũng mặc quốc-phục luôn, chỉ trừ khi lên ngồi máy bay đi đường, thì mặc choàng thêm bộ đồ đi máy bay, bộ đồ này là kiểu Âu-châu.

Tôi đã được xem nhiều các đồ-họa, và cũng từng dùng treo trên vách thư-phòng. Ra vào ngắm-nghĩa, lấy làm vừa ý. Nhưng mình vừa ý mà lại có người không được vừa ý. Các khách tới chơi, có người lại nói rằng: tôi đây là người có học ít nhiều Pháp-văn, tôi dóm vô tôi biết Mal Joffre là ai, Mal FRANCHET d'ESPÈREY là ai, hay là BOSSUET, RICHE-

LIEU là người thế nào. Tôi lại biết *Le vase brisé* là nghĩa gì, *Après la bataille* là nghĩa gì; còn nhiều người khác thì không được hiểu lắm. Họ dóm vô, họ đã không hiểu, thì có lẽ cũng không ngợi-khen ông chủ nhà đâu.

Tôi nghe lời chỉ-trích như thế, tôi cũng nhớ lấy như thế và vẫn không lấy làm phiền. Nhưng nghĩ cho kỹ-càng thì nhớ lại rằng ở thư-phòng của tôi tuyệt-nhiên chưa có một bức tranh-dồ Đông-phương nào cả.

Ở Tân-trụ-thôn này không hiểm cảnh đẹp, nhưng tôi chưa biết vẽ, nên cũng phải chịu vậy thôi.

Nghe nói hội-quán hội Khải-trí-tiến-dức có treo mấy bức tranh lớn của ông Trần Phênhi tặng cho hội, như hồ Hoàn-kiểm, chùa Một-cột. Tôi ước-ao tìm được bức tranh tốt-tươi như thế. Người thợ vẽ tranh là người Việt-Nam, dùng chữ lạc-khoản thì dùng quốc-văn Việt-Nam, thì ai ai xem vào cũng phải hiểu ngay.

Các bức tranh quốc-sử của ông Ta Đình-Ninh, có lẽ là cũng nhờ dễ hiểu, dễ cảm cho nên con trẻ xem đi xem lại mà không thấy mỗi-mé chán-ngán.

Bây giờ, có ai vẽ cảnh Việt-Nam, vẽ lớn được đôi ba thước, và lạc-khoản bằng chữ Việt-Nam, thì tôi cũng mua để biếu nhà trường.

Tranh ảnh đã thế và địa-dồ cũng giống như thế.

Nghe nói ở văn-phòng quan Toàn-quyền có bức địa-dồ Việt-Nam, bề dài cả ba bốn thước, và ở văn-phòng các quan chủ tỉnh đầu đầu cũng có một bức địa-dồ tỉnh ấy. Bề dài bề rộng cả hai ba thước, lại vẽ trên vải, đã trông đẹp mắt, lại dùng được bền.

Địa-dồ ấy, người Tây dùng thì tiện, mà ta dùng thì bất-tiện. Cũng bởi ngôn-

ngữ bất-dồng, cho nên dóm vô thấy khó hiểu lắm; trẻ con dóm vô lại thêm khó hiểu lắm.

Ngày nay, ước gì các hội học mở hội thi vẽ địa-dò to-tát rõ-ràng như thế, cho người mình dùng.

Người Pháp hay có tật sửa chữ cho họ dễ đọc, thì mình phải nhớ mà cải lại.

Các tên ở nước Việt-Nam, như chữ Tân-an phải viết hai chữ, mà họ viết dính lại thì đọc ra giọng « Ta-nang »; Chợ-lớn mà viết dính và không chấm dấu, thì đọc ra giọng « Sô-lông » hay là « Sô-len. » Lại cái tật đặt tên người bản-dân nghe cũng mới-mẻ lắm, và lạ tai lắm. Người ở Tân-an, thì gọi là « Ta-na-noa, » người ở Chợ-lớn thì gọi là « Sô-lô-ne », không biết người ở Huế, người ở Cà-mau sẽ gọi thế nào, đừng nghe cho vừa đẹp-dẽ vừa gọn-gàng.

Mấy tên cổ như Vững-dù (1), Vững-gù, Bến-nghe, Bà-chiều, Thăng-long, Phương-thành (2), Vườn-trầu (3), Rạch-chanh, Rạch-lộp, ở trong sử ít khi nói đến, mà ở địa-dò không có, thì ta nay biết đâu bờ bến mà lắm.

Đất-hộ mà đổi làm *Dakao*, cửa Hàn hay cửa Hội-an mà đổi làm *Tourane*, Hải-phố mà đổi làm *Fai-foo*, Khang-hải mà đổi làm Hòn-gáy, đã đổi trại ra như thế, mà lại đọc theo giọng người Pháp thì hỏi thăm đường nào cho ra mảnh-mỗi.

Cái tệ lớn hơn hết, là viết quốc-ngữ mà không chấm dấu.

Ở hòn Phú-quốc, gần Hàm-ninh và Bãi-bồn có một xóm gọi là Ông Thấy,

chỗ ấy cát nhiều và đi quanh-co theo doi, cho nên thấy đỏ, thấy gần gần trước mắt đỏ, mà dim-mịt đước cũng chưa tới. Chữ Thấy phải chấm dấu sắc, thế mà ở địa-dò, có chỗ in chữ Ông Thấy, hay là ông Thấy, hay là ông Thấy. Có người pha-lơn nói rằng đi con đường đó thì « Thấy Ông » chứ không phải « Ông Thấy » nào cả.

Có vài đứa trẻ quanh tôi, mỗi khi dóm vô địa-dò Bắc-kỳ, có ai biểu đọc mấy tên như : Hà - nội, Nam - định, Hải - dương, Nam - sách, Cao - bằng, Hà - đông, Thái - nguyên, Lạng - sơn, thì đọc trổng lắm. Còn mấy tên khác, như : Tuyên - quang, thì đọc Tuyên - quang, Lào - káy thì đọc Lao-kây, Phủ-lạng-thượng thì đọc Phủ-lạng-thượng, Việt-tri thì đọc là Vi-ê-tô-ri.

Địa-dò nước Trung-huê, thì người Trung-huê đã có sẵn rồi. Mấy năm nay, xem báo nói về việc nội-biến Trung-huê, mà đi tìm địa-dò, lại gặp địa-dò viết toàn chữ Hán, cho nên tôi không được biết.

Ngày 26 tháng 10 năm đinh-mão (19-11-1927), xem báo Đ. P. T. B. có bức địa-dò nước Tàu, viết toàn chữ quốc-ngữ, và đăng nối theo bài « Đại-thể chiến-tranh nước Tàu », tiện coi lắm.

Ở tạp-chí *Nam-Phong* số 91, có bản-dò đường đi Định-lộng, Hoa-lư và Phát-diệm, trong ấy cũng viết toàn chữ quốc-ngữ.

Các địa-dò ở sách Địa-dư giáo-khoa-thư cũng dùng chữ quốc-ngữ mà thôi.

Ở sách Địa-dư các tỉnh Bắc-kỳ của qui-ông Đỗ Đình-Nghiêm, Ngô Vi-Liên,

(1) Vững-dù = Tên cổ tỉnh-lỵ Tân-an. Tỉnh Tân-an gồm một phần đất Gia-dịch-tĩnh, và một phần đất Định-tường-tĩnh.

(2) Phương-thành : tên tốt trở vào đất Hà-tiên. Chữ này là từ ông Mạc Thiên-Tích đặt-ra có ý cho đất Hà-tiên thuở nọ là một nơi văn-chương văn - vật, có cái khí - vị nhẹ - nhàng thơm-tho như một cái thành đầy những kỳ-hoa di-thảo phương-pháp (lời ông Trác-chi).

(3) Vườn Trầu thuộc tỉnh Sa - đéc.

Phạm Văn-Thư, có vài ba mươi bức địa-dò do ông Trần Bá-Giám soạn vẽ. Các bức này đều viết chữ quốc-ngữ cả

4. Nhật-báo cũ. — Độ trước tôi có gửi thư xin anh mấy xấp nhật-báo cũ; nhưng ngày nay thì tôi lại không xin nữa. Tôi chỉ muốn mượn xem trong ít lâu, rồi sẽ trả lại.

Tôi không xin, là vì các xấp nhật-báo cũ của tôi, đâu có ai xin, tôi cũng không dành lòng cho ai xin nhật-báo mới, hay là sách mới, thì họa may còn cho, mà sách cũ và nhật-báo cũ thì không cho ai cả.

Khi trước, tôi xem rồi thì bỏ đồng ra đó, ai muốn làm gì thì làm. Nay thì không thể nữa được. Khi trước tôi xem báo hay cắt bài này bài nọ để dành riêng, nay thì không cắt vụn-vật ra nữa. Bài nào muốn nhớ một cách đặc-biệt, thì chỉ biên vào một tập-sổ riêng, còn tờ báo thì để nguyên như vậy mà cắt. Thử nào tôi đã đọc rồi thì tôi để dành lại đó. Tuy nhà cửa nhỏ-hẹp, chật-chội, cũng che thêm một mái hiên để dành mấy thứ nhật-báo cũ của tôi.

Nhưng khổn nỗi, tôi để dành đó, mà chưa đóng lại thành tập, và cũng chưa được đủ số. Có thứ nhật-báo mỗi năm xuất-bản tới 110 số, thì tôi chỉ được 90 hay là 70 số mà thôi. Có thứ mỗi năm xuất-bản tới 200 số, thì tôi lại chỉ được trên dưới một trăm rưỡi số mà thôi. Thất-lạc đi đâu tôi không được biết. Vì thế cho nên có nhiều việc quan-hệ đến thời-cực, có nhiều việc đã thuộc về Nam - sử, như lời phê - bình các danh-nhân nước ta ngày nay, mà tôi thì tuyệt-nhiên chưa biết.

Nhật-báo cũ để dành được cả 9, 10 năm hay 15, 20 năm thì trong đấy biết bao nhiêu là tài-liệu.

Mấy kho nhật-báo cũ chổng-chất ở các tàng-thư viện đã giúp một phần lớn cho các nhà sử-học vậy.

5. Học chữ Hán. — Tôi là người bận việc tôi là người chưa học chữ Hán. Nhưng chưa học chữ Hán là vì chưa có chí học, chứ không phải là vì bận việc mà không được học.

Ông SYLVAIN LÉVI học chữ Hán ông HENRI MASPERO học chữ Hán là nhờ các ông ấy có chí chịu khó học-tập, chứ suốt ngày cũng còn phải làm nhiều việc khác không phải là hạng người ngồi không ăn hại.

Tôi hay nghĩ: chữ Hán là một kho sách quý-báu, cần phải học lắm. Và muốn chấn - hưng văn - chương Việt-Nam thì chữ Hán cần phải học lắm.

Ở trường Trung-học vừa ra, thì sau này muốn học Pháp-văn cũng đã tiệm-tiệm đủ sức tư-lục. Nay đi học chữ Hán cũng không phải là sớm quá đi vậy. Học chữ Hán, chưa xoay ra được tiền mà nghe đầu việc ấy có nhiều người phản-đối, thì cũng chưa hiểu là các người ấy họ nghĩ thế nào. Tiếng thì phi cũng nên gác để ngoài tai, và vững tâm vững trí mà đi tới. Ta chưa bằng ông Mặc Dịch, nhưng chín người ở không thì một người phải cố công cùng sức để cây ruộng cho được nhiều lúa hơn thêm. Nhiều người không học chữ Hán, mà mình lại có chí muốn học, thì phải phấn-phát chí-khí của mình mà học tập cho kỹ-càng thông-hiểu hơn thêm. Ở đời nay, phải nói cái chí bền vững cương-cường như ông Mai An-Tiêm thuở trước vậy.

*Bút que sách là dạy con,
Uơ mấy tiếng hủ hồn nghìn xưa.
Nghìn xưa vẫn ngất như tờ,
Lời xưa văng vẳng bây giờ còn nghe*

Nay kính thơ

Viết ở Tân-Trụ-thôn (Nam-kỳ) trước
tiết Hạ-nguyên năm đinh-mão.

NGUYỄN TRỌNG-SỬ

VIỆT-NAM DI-ÁI SỬ-CA

Phép học sử có hai cách : Một là nên biết đại-lược, học sử Đại-toàn ; hai là nên đọc thuộc lòng, học sử Tiết-yếu. Như hai cách đó, sách nào cũng nhiều, trẻ con sáu bảy tuổi, khó lòng luyện vào tim óc cho thuộc cho nhớ được. Và xem sử-bút nước nhà, tài-liệu kém quá, vì phần nhiều là chép việc, chứ văn-chương tả cảnh tả tình để dẫn-dắt cho lòng người đọc sử, như Tả-truyện, Quốc-chi, thì tuyệt không có. Vậy nay trích trong sách sử nước nhà, những người hay người giỏi, có lòng tốt tiếng thơm với nước non nhà mình, ngày trước thế nào, thì bây giờ đem diễn-tích diễn ra từng thế trận, tả cảnh tả tình, mỗi bài độ mười hai câu, đến vài mươi câu, đều là văn lục-bát, gọi là Việt-Nam di-ái sử, là trích lấy những người hay sự tốt trong nước, đem các công cuộc đời xưa, dãi tỏ ra tình-cảnh, để cho các bạn tuổi trẻ, đọc đến bài nào của người nào thì hình như mình đối với thực-trạng đời xưa mà trông thấy cảnh-tượng như ở trước mắt, vậy thì ai-tình cảm-phát mà lòng kháng-khải, óc cạnh-tranh, chẳng nhân ngời bút đó khua động, mà dấy-dức rộn-rịp lắm dư ? Nay tựa.

NGUYỄN THỨC-KHIÊM

1. — Vua Lạc-long bà Âu-Cơ đẻ trứng.

Nước Nam trải mấy phong-triều,
Non xanh nước biếc vốn nhiều tài-
[hoa (1).

Một buồng trứng nước sinh ra,
Nghìn thu dõi giống con nhà Lạc-long.
Trứng rồng đã nở ra rồng (2).

Da vàng khôn lẫn máu hồng còn rầy (3).

Mẹ cha bằng-bể chia tay,
Bề rừng gầy nước non nấy cho con.

Dầu rằng sông cạn đá mòn (4).

Còn non còn nước hãy còn chúng ta.

Khuyên ai đọc sử nước nhà,
Những người tai mắt ruột già chớ quên.

Đã sinh là giống rồng tiên,
Còn nhiều đua đuổi với miền non sông.

Gốc việc. — Sử chép vua Lạc-long lấy con gái Tiên họ Động-dinh, là nàng Âu-Cơ, sinh một bọc trăm trứng, nở trăm con trai, một hôm vua bảo nàng Cơ rằng: Ta là giống Rồng, nàng là giống Tiên, thủy hỏa khác nhau khó hợp, nên chia năm-mười con theo mẹ về núi là dân mạn rừng giống tiên, năm-

mười con theo cha về bề là dân miền bề giống rồng, chỉ để một con trai trưởng làm vua, gọi là vua Hùng-vương, truyền mười-tám đời hơn hai nghìn năm. Nay nước Nam ta, dù có nhiều giống pha lẫn, nhưng tổ gốc trăm nước Việt, cũng là dòng-dõi từ đây cả.

Lời bản. — Truyện vua Lạc-long bà Âu-Cơ đẻ bọc, nói dù hoang-dường mà xét ra cũng lẽ thực có, vì non nước khi mới gầy-dựng ra, thì những tinh-hoa núi bề chung-đúc lại, mà hiện-hiện ra thần-thánh hẳn có linh-dị, và lẽ đó thợ trời đã cho người sinh con được thì sinh trứng hẳn cũng được, có lạ gì huống-chi sự đó, đủ chứng lẽ đồng-bào, nên sách sử lấy đó làm gây mối vấp.

Dẫn diễn-nghe. — (1) Lê-sử, người Ta thường bảo nước ta non xanh nước biếc, hẳn có người mặc áo hoàng-bào ra làm vua. Sau có vua Lê-Tổ.

(2) Phương-ngôn nói: Trứng rồng lại nở ra rồng, liu-liu lại nở ra dòng liu-liu.

(3) Sách Thái-Tây nói: Hoán-cầu có bốn giống người, người giống da vàng ở châu

A. Sách cách-tri Thái-tây nói : Loài người là loài có xương sống, máu đỏ.

(4) Hán-sử, vua Hán-Cao ăn thề với quần-thần có nói : Nếu sông Hoàng-hà như dải áo núi Thái-sơn như đá mai, nước được lâu còn liền kịp dòng dãi.

2. — Đức Thánh Gióng làng Phù-đồng.

Nhớ xưa thừ sáu đời Hùng,
Bắc-ninh lỵ trước là vùng Vũ-ninh.
Nước non nầy bậc thần-linh,
Ở làng Phù-đồng thác-sinh một người.
Lên ba không nói không cười,
Mẹ từng mắc giống đất ngồi trong [quang.

Bỗng nghe có giặc Ân sang,
Tàu vua thừa mẹ gươm vàng ra oai.
Ngựa bay thét lửa tung trời,
Tre quăng lốc-ngọc rơi-bởi giặc tan.
Bại hồng quét sạch giang-san,
Phút đá ngựa sắt vượt ngàn xa bay.
Dậm nghìn cưỡi gió đạp mây,
Khắc nào máy lửa tàu bay ngang trời.
Khôn đem danh-lợi buộc người,
Lánh mình lại vượt ra ngoài rừng hoa.
Còn hiềm tuổi muộn lên ba,
Chín tầng trời bước vẫn là chưa cao (1).
Sóc-sơn trút lại áo bào (2),
Cỡi đồng còn bụi tre rào ném ngang.
Nền xưa dấu cũ còn hương,
Mảnh trăng còn lưỡi gươm vàng xa [bay.

Gốc việc. — Sử chép đời vua Hùng thứ sáu, làng Phù-đồng bỗng có một người đàn bà sinh một người con trai lên ba tuổi không biết nói, mẹ thường mắc giống cho ngồi, chợt khi nước có giặc Ân, vua sai sứ-giả rao mộ người hay phá giặc, sẽ ban tước thưởng, bấy giờ người trẻ con bỗng biết nói, thưa mẹ gọi sứ-giả vào bảo về tàu vua, trao một con ngựa sắt, một thanh kiếm, người trẻ con nhẩy ngựa tuốt gươm phá giặc, ngựa sắt thét ra lửa, bay ngang chừng trời đánh giặc, giặc thua

chạy, người trẻ con nhỏ từng khóm tre lốc-ngọc ném, khi giặc tan người trẻ con cỡi áo nhung trút lại núi Sóc-sơn, rồi cưỡi ngựa bay đi mất, vua sai rước mẹ nuôi, và nhân chỗ vườn ở làng Phù-đồng và núi Sóc - sơn đều dựng đền thờ, phong tước là Phù-đồng-thiên-vương, xưng thiên - thần - tướng, nay các lối phá giặc ở Bắc-ninh hãy còn từng bụi tre lốc - ngọc mọc ngang ngược ở cánh đồng, tục truyền là ném giặc thuở trước còn sót giống mọc lại đó.

LỜI BÀN. — Truyền vua Phù-đồng lên ba tuổi phá giặc, nghi là thần-dị, mà lẽ chắc có, vì tinh-hoa non nước hiền - hiền ra thần-thánh để cứu giúp nòi người, ngựa sắt thét lửa bay ngang trời, lúc là tàu bay máy lửa mới chế ra, nhưng vì đời chúa văn-minh nên chưa có thể ghi truyền mở dạy được, nên bay đi tìm thú lâm-tuyền ẩn-dật, gột thần-tiên không chịu vòng danh khỏa lợi vương mặc như vậy.

— Xét việc đức Phù-đồng chế được tàu bay máy lửa mà không dạy ai, lại bay đi ẩn, cũng như ý ông Chư-Cát Không-Minh có tài chế được cò máy súng mà không nở làm, thường nói rằng: « Ta có cách giết người ở xa ngoài nghìn dặm, mà vận trời không giúp nhà Hán, ta không nở làm, mãi đến đời nhà Minh ông Chư-Cát mới hiển thành lên mà dạy ông Lưu-Cơ là ông Lưu Bá-Ôn làm súng có máy đà, vậy thì biết bậc thánh-hiền lấy tài trí giúp đời, những then máy dữ-dội, có hại đến đạo-đức, thường không muốn truyền như vậy.

Dẫn điển nghĩa. — (1) Hai câu này gốc ở thơ ông Cao Bá-Quát vịnh đức Phù-đồng rằng : phá tặc thượng hiềm tam tuế vũ, dăng không khước hận cửu thiên đề, 破賊尚嫌三歲晚。騰空却恨九天低。 câu thơ ấy tả ra được chí-khí đức Phù-đồng.

(2) Câu này gốc ở thơ vịnh đức Phù-dồng rằng : « Bất ký hà niên phi thiết mã, do truyền thứ địa giải nhung-y. 不記何年飛鐵馬。猶傳此地解戎衣。 »

3. — Ông thánh Trèm (Lý Ông Trọng)

Nghĩ tài Ông-Trọng mà cay,
Người Từ-liêm cũng nước này chứ ai.
Đã hay mình mấy trượng dài,
Bem chiêng đi dẫm nước người hẳn kêu.
Vua Tần vốn sẵn lòng yêu,
Dùng làm Hiệu-ủy bao nhiêu năm trời.
Một tay muốn dẫm thành dài,
Rờ Hồ khét tiếng xa với lui quân.
Lưỡi gươm mài-miệt phong-trần,
Làm cho kẻ Việt người Tần xa mong.
Cửa quan dù dục tượng đồng,
Tiếp thay nước có anh-hùng mà xa.
Dẫm nghìn trời Việt bao-la,
Đề cho Thục Phán Triệu-đà nhớ-nhàng.

Gốc việc. — Sử chép : ngang đời Thục Triệu, huyện Từ-liêm có Lý Ông-Trọng, mình dài hơn hai trượng, sang Tần, vua Tần Thủy-Hoàng dùng làm quan Hiệu-ủy, chống rợ Hồ, đồn quân Lâm-thao, rợ Hồ khiếp sợ, sau chết, vua Tần đức mười hai người đồng, đề cửa Hàm-cốc-quan, một người là Lý Ông-Trọng, sau rợ Hồ vào, quân Tần lại xe tượng Lý Ông-Trọng ra, rợ Hồ ngỡ là ông Hiệu-ủy còn sống, thất-kinh mà chạy.

Lời bàn. — Lý Ông-Trọng ngang đời Thục Triệu, sang làm quan Tần, đem quân chống rợ Hồ, tiếng tăm cũng lừng-lẫy, nhưng không nghĩ tài nước Sở mà nước Tần dùng, giữ binh - quyền nhà Tần mấy mươi năm, không có một chút lòng nào nghĩ đến nước nhà mình, thành dài muốn dẫm, đem chiêng dẫm nước người, mà nước non nhà, thì đề cho Thục-Phán, Triệu-Đà, mấy người Tần dẫm dẫm, vậy khi dẹp rợ Hồ rồi, sao không biết tâu với vua Tần, chuyển quân ấy về nước nhà, mà giang-sơn nào anh - hùng ấy chả có ích cho

non sông nước mình lắm dư. Sau đến Triệu-Xương đòi Đường sang Đò-hồ nước ta năm chiêm bao thấy Ông-Trọng đọc *Tả-truyện xuân-thu*, mà sửa đến ở Từ-liêm, vậy xin hỏi Ông-Trọng, truyện họ Tả nói « Sở tài Tần dụng » là nghĩa thế nào ? Ông-Trọng có ích gì cho non sông nước nhà chẳng hử ?

4. — Chị em bà Trưng nữ-vương

Nước-non nhiều nỗi bất-bằng,
Nửa vầng trăng khuyết (1) Ả Hằng ven [hai.

Họ Trưng hai bậc nữ-tài,
Giống nhà Lạc-tướng vốn người châu [Phong.

Một đôi cân-quắc anh-hùng,
Chị đã sớm kết tơ-hồng với ai.
Với chàng Thi-Sách hẹn lời,
Phải khi vận nước gặp người Hán-quan,
Góm tay Tô Định tham-tàn,
Làm nên gió thảm mưa oan bất-kỷ,
Đường hân oán khúc lưu-ly,
Chị vì chồng dấy em vì chị nằng (?).
Mấy phen sôi nổi từng-bừng,
Cờ đào phất gió bề rừng cũng long.

Gốc việc. — Sử chép bà Trưng nữ-vương tên là bà Trưng Trắc, em là bà Trưng Nhị, là con cháu quan Lạc-tướng đời vua Hùng, người ở châu Phong (nay là Sơn-tây). Xưa Trưng Trắc đã lấy Thi-Sách, bấy giờ nước ta đang nội-thuộc nhà Hán, người Tô Định làm quan Thứ-sử tham-tàn, Thi Sách toan mưu đánh Tô Định, mưu lộ, bị Tô Định bắt giết, bà Trưng vì thù chồng cùng với em gái dấy quân đánh Tô Định.

Lời bàn. — Chị em bà Trưng là một bậc anh-hùng nhất ở trong đám đàn bà nước ta.

Dẫn điển nghĩa. — (1) Nửa vầng trăng khuyết là ví địa-bình nước Nam ta là một thoi đất bán-đảo chạy dài từ bắc đến nam cội bình như nửa vầng trăng còn khuyết.

(2) Gốc ở câu bản sử nói : « phụ vị phu khởi, muội vị tử phần. 姊爲夫起, 妹爲姊奮 » và câu lục-ngữ : « chị ngã em nâng ».

5. — Thề trận chị em bà Trưng đánh đuổi Tô Định về Tàu.

Má hồng đua đuổi non sông,
Võ tay bốn mặt anh-hùng thét reo (1),
Giặc Tô vừa rụng hồn xiêu,
Bon về cõi bắc như mèo mất tai (2).
Đầu non liếc mũi gươm mài,
Ngựa bay hạc ruid (3) ra ngoài cửa [quan.

Cỏ cây rón-ríp đầy ngàn,
Chen hàng giáo dựng ruid làn cung neo
Hang hút gió cảnh đèo-heo (5), [(4).
Sáu mươi thành tiếng quát reo dậy trời.
Thủ chông hân nước ven hai,
Lĩnh-nam riêng mở một trời cõi Nam.

Gốc việc. — Sử chép chị em bà Trưng đẩy quân, kẻ hào-kiệt các nơi đều hưởng-ứng, đất Lĩnh-nam hơn sáu mươi thành đều dây quân theo, bèn đánh đuổi Tô Định ra khỏi cửa Bắc-quan về Tàu.

Dẫn điển nghĩa. — (1) Là gốc ở câu: « Hào-kiệt hưởng ứng 豪傑響應. »

(2) Phương-ngôn có câu: « Mèo lảnh ai nỡ cất tai », và câu: « Tủi-người như mèo cất tai ».

(3) Là quân đi mau lẹ.

(4) Gốc ở câu: « Thảo mộc giai binh 草木皆兵. »

(5) Nước ta về miền ngược có núi Đèo-heo hang hút-gió. Nhân mượn đề tả cảnh chiến-và trận rón-ríp và thẳm xót, đó là nhân cảnh là cảnh, mà thế quân bà Trưng mạnh-mẽ khảng-khải thế nào cũng rõ.

6. — Chị em bà Trưng lên làm vua

Trải bao sóng gió giết-giảm,
Chèo chân kéo lại trời Nam một nhà.
Chị em gánh vác sơn-hà,
Gương lồng hai vẽ mây nga ven tròn.
Khen thay cùng bạn phần son,
Giùm tay trang-diêm nước non nhà [minh.

Kinh-thành mở cõi Mi-linh,
Rõ-ràng gái-góa triều-dinh riêng tay (1).
Trám thoa thay mặt râu mày,
Sông Lô núi Tản (2) dựng gậy cơ-dồ.
Ba năm vùng-vẫy giang-hồ,
Nước non một gánh liêu-bồ hai vai.

Gốc việc. — Sử chép chị em bà Trưng làm vua chống chọi với nhà Hán được ba năm, đóng đô ở Mi-linh, nay thuộc phủ Yên-lăng Phúc-yên.

Dẫn điển nghĩa. — (1) gốc ở câu: Gai góa ngô việc triều-tinh. — (2) Sông Lô núi Tản đều thuộc về Sơn-tây.

7. — Thề trận chị em bà Trưng đánh nhau với Mã Viện ở hồ (Lăng-bạc, hồ Tây).

Hay đầu xoay gió vận trời,
Hán-dinh lại kèn tướng-tài Phúc-ba.
Hồ Tây một trận gió pha,
Ruid trăm thuyền sắt (1) xô và vạn quán.
Long-lanh sóng gợn gương tròn,
Tiếng chiêng rảy đất về ngàn lộn trời.
Sợ oai giặc Mã loi-bời,
Đẩy hồ chìm nổi có vài nghìn quân (2).
Cung đao độ với hồng-quần,
Giặc hân cũng đã mấy phần đảo-diên.
Thượng vì xác nổi thây chen,
Tắc niềm từ-ái trạnh bên khúc lòng.
Về chỉ hai chũt má hồng,
Tranh cường nữ đề non sông cuộc tàn.
Xa trông nước mắt đầy dân,
Cuốn cờ gỗ kiềng cho đoàn quân lui.
Mặt hồ còn mảnh trăng soi (3),
Dầy-dàng ngọn nước lả-loi trận chiều.
Ngàn hoa áng cỏ hữu-hữu,
Quanh hồ Lăng-bạc ra chiều ủ-ê.

Gốc việc. — Sử chép chị em bà Trưng giữ nước, làm vua được ba năm, nhà Hán vua Quang-Vũ khiến Mã Viện làm quan Phúc-ba tướng-quân sang lấn, hai bà vén quần thủy đánh ở, hồ Lăng-bạc (là hồ Tây Hà-nội bây giờ)

quân Mã-Viện chết cũng nhiều, chỉ vì quân ta là quân ô-hợp, lòng chúng nhiều nồn-náo, hai bà biết cơ không địch nổi, liền lui quân về giữ đất Cấm-khê.

LỜI BÀN. — Hai chị em bà Trưng là một bậc anh-hùng trong đám sơn phỉ, trận đánh ở hồ Lãng-bạc dù ba quân ô-hợp, mà ruổi trăm thuyền sắt, chọi nhau với giặc Mã, khiến cho nó xác nổi máu lõe ở mặt nước rồi mới liệu cơ lui quân, trận đánh đó dù thua cũng xứng.

Dẫn điển nghĩa. — 1. Thuyền sắt tức là thiết-hạm. — 2. Tả quân Mã-Viện chết nhiều. — 3. Từ đây trở xuống, tả ý điều-cò chiến-truông.

8. — Thề trận chị em bà Trưng lui quân về giữ Cấm-khê rồi tự tử

Lui quân về giữ Cấm-khê (1),
Mấy dòng nước cuốn bốn bề non cao.
Thuyền lan ruổi ngọn sông Đào,
Còn toan liếc đá mài đao rửa thù.
Mưa luôn sấm động ù-ù (2),
Xa trông mây dầy sơn hồ đoài thương.
Chị em cùng bạn mã hường,
Bấy lâu dầy tuyết đạn sương đã từng (3).
Chấn e non nước ngập-ngừng,
Bề cho tan nát suối rừng vì ai.
Ấu đành một thác cho hoai,
Tức lòng yêu nước mặc trời với sông.
Phục-ba dù dựng cột đồng,
Lẽ mãi được tiếng má hồng Việt-Nam.

Góc việc. — Sử chép chị em bà Trưng về giữ Cấm-khê, biết cơ giặc Mã thế mạnh, chị em mình là gái, khó địch nổi, và nếu tranh đánh chống chọi mãi, thì bề rừng tan nát, nhân-dân tàn-hại, lòng quân-tử không nở lấy đất nuôi người, ganh đánh làm hại mạng người nãi, nên chị em đều tự-trấn xuống sông mà thác đi cho xong, khi chị em mất rồi, Mã Viện dựng cột đồng để ghi công, và làm cột mốc cõi đất nhà Hán.

LỜI BÀN. — Chị em bà Trưng, khi đến trận Cấm-khê, nghĩa vợ trả thù chồng, tình em đối với chị đã trọn vẹn hết cả, nếu sống mà giữ khỏi loài tanh-hôi như-nhuộc, thì non nước phải tan tành, vậy thác đi cho yên dân, mà lòng yêu nước đã có trời và sông núi biết cho. Mã Viện dù có dựng cột đồng, nhưng tiếng nữ-anh-hùng của hai bà lừng-lẫy cũng không bao giờ mài rửa cho mòn mất được, vì bia miệng người nước còn bền hơn cột đồng của Phục - ba.

Dẫn điển nghĩa. — (1). Cấm-khê tức là Kim-khê, nay về hạt Vĩnh-yên phủ Vĩnh-tướng. — (2) Mưa sấm mà tả loạn-lạc. — (3) Mưa tuyết-sương để tả gian-hiềm. — (4) Cột đồng của Mã Viện mỗi sách nói một khác, sách thi nói ở núi tỉnh Bình-thuận, sách thi nói ở núi châu Khâm tỉnh Quảng-dông bên Tàu; hoặc nói nay đã lở vào bể nhưng xẻ ra chàng qua là cái mốc đi làm địa-giới cho nhà Hán bấy giờ mà thôi, biết là mấy cái mấy chỗ.

9. — Dựng đền thờ chị em bà Trưng.

Một lòng mến nước đã cam,
Lòng người Nam với người Nam bao [môn (1)].

Dầu tăng cát lở sóng cồn (2),
Còn cung đền cũ còn hồn đá rêu.
Một dòng cửa Hát trong veo,
Khôi hương trải mấy gió chiều thơm
Ai lên sông Láy ngán Tây (3), [hay.
Kìa vầng núi Tản khôn lay cột trời (4).
Trời Nam xa mấy dặm khơi,
Trắng sông càng tỏ gương người đỏ,
Sử xanh nét bút chưa mờ. [xưa (5).
Nghìn thu hồn nước bao giờ mà tan (6).

Góc việc. — Sử chép khi chị em bà Trưng trầm mình rồi, lòng dân yêu mến mà dựng đền thờ ở làng Hát-môn cửa sông Đáy thuộc hạt Phúc-thọ Sơn-tây. Nay năm nào cũng có ban liên quốc - tế.

Dẫn diên-nghĩa. — 1. Gốc ở cầu Nam-quốc Nam-nhân. — 2. Nói vận nước gặp khúc loạn-ly. — 3. Sông Đáy ngàn Tây tức là cửa Hát thuộc tỉnh Sơn-tây. — 4. Núi Tân-viên ở hạt Sơn-tây là núi to nhất nước mình. Cầu này nói chị em bà Trưng lấy cương-thường luân-lý làm cột trời, cũng như văng núi Tân cao ngất, dù cột đồng của Phục-ba cũng chẳng đối với được, có thao giờ rồi tan núi lở, thì cột trời mới long được. — (5). Nói chị em bà Trưng lấy cương-thường làm gương cho người nước, cũng như trăng in ở sông Như nguyệt, trải mấy nghìn thu còn tỏ. — 6. Nói thần hồn của hai bà tức là thần-hồn của dân nước không bao giờ tan được.

10. — Truyện bà Bát-Nàn ở chùa Tiên-la.

Kìa bà nữ-tướng Bát-Nàn (1),
Xông-pha mười tám cửa ngàn cầm
quân (2).
Vì chồng gặp khúc gian-truân,
Mãi gươm thề quyết trả hân cho xong.
Vâm tháy xẻ xác cường-hung,
Máu đào thấm bức khăn hồng như chan.
Bêm khuya sao lặn trăng tàn.
Lánh mình về mái tam-quan ở chùa.
Bồng đầu cát gió tuyết mù (3).
Ầm-ầm cửa Đáy ù-ù sông Nồng (4).
Nước non mờ mặt má hồng,
Trâm thoa ruồi với tang-bồng gian-
quan (5).

Gốc việc. — Sử chép bà Bát-Nàn công-chúa, là nữ-tướng bà Trưng, xưa bà vì chồng phải đáng giặc Tô Định bắt giam rồi giết, bà cũng bị giam đêm mãi dao giết kẻ thù và quân canh trốn về chùa Tiên-la, ẩn ở sau pho tượng, đêm ấy có thần vào báo mộng cho các cụ trong làng, bảo phải dọn chùa cho đức chúa ở, sớm mai dân làng ra, thấy bà ẩn ở sau pho tượng, máu giặc hãy còn thấm ướt cả áo khăn, liền dọn chùa cho ở, sau bà nghe thấy chị em bà Trưng dậy quân đánh Tô Định, bà liền dậy quân theo

bà Trưng, từ cửa sông Đáy, về ngã-bà sông Nồng bà thường coi quân những mười-tám cửa ngàn, nên người thường gọi là bà Thượng-ngân.

Dẫn diên-nghĩa — 1. Bát-Nàn là tước-phong bà là Bát-Nàn công-chúa. — 2. Cũng như mười-tám cửa rừng cửa sông. — 3. Mượn phong-trần mà tả khúc loạn-lạc. — 4. Cửa Đáy là nói quân chị em bà Trưng sông Nồng là nói quân bà Bát-Nàn, vì đô Mĩ-linh gần làng Hát-môn ở cửa sông Đáy, mà làng Tiên-la ở gần ngã-bà Nồng. — 5. Trâm thoa phận gái, tang - bồng là việc con trai, vì đời xưa sinh con trai, hay lấy cày chày làm cánh cung, cổ bồng làm tên, bắn đi bốn phương bốn phát, đề tỏ chỉ kẻ con trai ở bốn phương vậy.

11. — Thề trận bà Bát-Nàn giúp chị em bà Trưng đánh đuổi Tô Định về Tàu.

Theo bà Trưng tới Thượng-ngân,
Buổi giặc Tô khôi Nam-quan về Tàu (1).
Bà là nữ-tướng đứng đầu,
Cổ chân đạp đồ thành sâu như chơi (2).
Lâm nên lở đất long trời,
Giặc Tô chốc đã tới-bời chạy xiêu.
Sáu mươi thành lũy quân reo,
Như luồng gió thét hạc kêu lầy-lùng (3).
Nước non gáy dựng triều Trưng,
Một bà trải mấy bề rừng xông-pha.

Gốc việc. — Sử chép bà Bát-Nàn theo chị em bà Trưng đánh đuổi Tô Định khỏi cửa Nam-quan về Tàu, bấy giờ đất Lĩnh-nam hơn sáu-mươi thành đều vang động cùng dậy quân theo.

Dẫn diên-nghĩa. — 1. Nước Tàu đối với ta thì gọi là Nam-quan. Nước ta đối với Tàu thì gọi là Bắc-quan. — 2. Kinh Hoa-nghiê nhà Phật có câu thành sâu bề khổ. — 3. Sách Tấn-sử, Tấn phá quân Tần Bồ-Kiên ở sông Hà, phong hạc gáy đánh binh 鴈 鵠 nghĩa là quân Tần thua chạy nghe gió thét hạc kêu cũng nghĩ là quân Tấn reo đuổi.

12. — Thề trận bà Bát-Nàn giúp bà Trưng đánh nhau với Mã Viện

Từ khi Hán khiến Phục-ba,
Kia là Lãng-bạc nọ là Cấm-kê.
Chấp-chờn bến nước ngàn huê,
Rừng sâu nghìn hiềm chống che với Tàu,
Mà son sánh mặt công-hầu (1),
Ngành trâm chọi với cung dẫu cỏ
[bồng(2)].

Nước non đua sức vẫy-vùng,
Cõi nam chưa dễ cột đồng dựng nên.
Mưa cơn gió trận từng phen,
Biết bao giặc Mã xác chen máu lœ.
Ra vào dẫy dạn sơn-kê,
Dậm nghìn da ngựa cũng ghê má
[hồng (3)].

Gốc việc — Thần-phả chép bà Bát-Nàn làm nữ-tướng bà Trưng, khi giặc Mã Viện sang, bà chệt các cửa rừng nghìn núi, đánh quân Mã Viện chệt cũng nhiều.

Dẫn diên nghĩa. — 1. Phận gái đứng ra làm tướng. — 2. Bộc trâm thoa mà chọi với cung tên. — 3. Hán-sử chép Mã-Viện nói: Kẻ trượng-phu nên chệt ở ngoài ngàn dặm, lấy da ngựa bọc thân đem về mới sướng, chứ sao hay chệt ở xó giềng với tay dân bà. Ấy chỉ Mã Viện như thế, đến khi thấy nước Nam mình nhiều các bà giới-giang chống chọi với, thì Mã Viện cũng phải ghê thay.

13 — Bà Bát-Nàn khi nghe tin hai bà Trưng nhẩy xuống sông, bà về ở chùa Tiên-la, chệt thành thần dân lập đền thờ.

Tin dẫu nghe bỗng đau lòng,
Hai bà Trưng đã dấy sông gieo mình.
Chị em vì nghĩa vì tình,
Vì non nước rửa bát-bình cho xong.
Mắng nghe như rội giọt hồng (1),
Mưa sâu gió thảm ngai-ngùng cỏ hoa(2).
Thương ôi cùng bạn dân bà,
Ba năm gánh vác một nhà quan-san.
Chốc ra bèo hợp mấy tan,

Tiên-la về đó rửa oan tu-hành (3).

Trước đền còn dấy sung xanh,
Đi về trận gió reo ngành bắc nam

Gốc việc. — Thần-phả chép: Khi bà Bát-Nàn nghe tin hai bà Trưng đã trảm mình ở Cấm-kê, bà liền giải quân về ở chùa Tiên-la, sau không bệnh tự-nhiên mất, dân dựng đền thờ, nay cứ đệ-niên ngày 17 tháng ba là ngày giỗ. Bà đi gió bắc về gió nam, thường hiền-linh-nghiêm, và trước đền mé sông tự rừng trôi về mọc lên, một cây sung sông lở mà sung vẫn từ xanh tốt khác dấy nước bám lên bờ mà mọc, hoa quả thường, cũng là một linh-tích, và chung-quanh đền các thứ gỗ rừng tre nứa trôi về mọc nhiều.

Dẫn diên nghĩa. — 1. Giọt hồng là huyết lệ; nói bà Bát-Nàn nghe tin chị em bà Trưng mà khóc ra máu. — 2. Câu này nói chị em bà Trưng mất, mưa gió sinh sâu, cỏ hoa rộ, — 3. Làng Tiên-la thuộc huyện Duyên-hà, tỉnh Thái-bình.

14. — Bà Lê Chân người làng An-biên Đông-triều.

Lạ thay cùng dôi Việt-Nam,
Đàn bà đánh giặc cũng cam vị nhà (1).
Bê Đông gặp lớp phong-ba (2),
Huyện Đông-triều nọ có bà Lê Chân.
Mông-manh cùng bọn thoa-quần,
Xông-pha từng trải mấy lần đao cung.
Phấn-sơn sôi nổi anh-hùng,
Giặc ngang rừng rậm vẫy-vùng bề
[khởi (3)].

Nghe bà Trưng tiếng thét trời,
Vén tay kim chỉ liếc mài kiếm hoa.
Chèo chân kéo nước non nhà,
Ngàn năm đề tiếng dân bà anh-lanh.

Gốc việc — Sử chép bà Lê Chân người làng An-biên, huyện Đông-triều, tỉnh Hải-duong, khi nước ta phải tổ Định tham-tàn, bà theo chị em bà Trưng dấy quân giữ bề Đông.

Dẫn điển nghĩa — 1. Phương-ngôn nói, giặc đến nhà dân bà phải đánh — 2. Bề Đông tỉnh Hải-dương là đất Hải-dông — 3. Huyện Đông-triều là đất rừng, hạt Hải-dương là bến bể.

15. — Thề trận bà Lê Chân giúp chị em bà Trưng đánh đuổi Tô Định về Tàu.

Châu Phong chọi động quân thanh(1),
Mình ra cửa Cấm mặt ghênh vên
[quân (2).

Bề xanh nổi áng bụi trần,
Long-lanh gươm bạc in ngần nước
trong (3).

Ngon triều trận gió dưng dưng,
Thuyền như lá ghép lửa tung ngoài
Vẫy-vùng gở mái chèo bơi, [trời (4).
Giặc Tô chốc đã tơi-bời lặn tằm.

Vượt non đuổi giặc nghìn lăm (5),
Sáu mươi thành bồng ăm-ăm quân reo
Nước non đã thuận một chiều,
Ba năm bề Cấm mái chèo khoan khoan.

Gốc việc. — Thần-phả chép bà Lê Chân, làm nữ-tướng bà Trưng, vên quân thủy giữ cửa Cấm Hải-phòng, đánh một trận quân Tô Định thua chạy, bỏ thuyền lên bộ, đuổi giặc sang cửa bắc-quan, đất Lĩnh-nam hơn sáu mươi thành đều hưởng-ứng. Khi bà Trưng lên làm vua, bà Lê-Chân làm thủy-tướng giữ cửa bể Cấm ba năm trời.

Dẫn điển nghĩa. — 1. Châu Phong là hạt Sơn-tây, chỗ chị em bà Trưng dấy quân và đóng đô. — 2. Cửa Cấm là cửa bể Hải-phòng. — 3. Ý nói gươm sắc như nước. 4. Ý nói trận đánh ở đó chiến-thuyền thì nhiều mà binh hỏa dữ-dội. — 5. Bỏ thuyền lên bộ đuổi giặc về bên bắc, đuổi Tô Định khỏi cửa quan. — Khi đuổi Tô Định về Tàu rồi, bà Trưng lên làm vua, bà Lê Chân làm thủy-tướng giữ cửa Cấm ba năm, bấy giờ nước lặn sông êm thanh-thả lăm, có ý như sử nhà Chu chép sử Việt-thường nói bề chẳng sông dữ-dã ba năm rồi, nghĩa là thái-bình lăm.

16. — Thề trận bà Lê Chân giúp hai bà Trưng đánh nhau với Mã Viện.

Ganh đua trải mấy cuộc tàn,
Phục-ba dẫu lại Nam-quan dẫn vào.
Nước non nghìn dặm xông-xao,
Hồ xanh Lãng-bạc sóng dào Cấm-khe.
Ra tay chẹn bề ngăn khe,
Mấy lần giặc Mã cũng tề-mé hồn.
Gươm thay cho ả đao non,
Làm nên gió giạt sóng cồn cũng ghê (1).
Non sông trót nặng lời thề (2),
Kiểm cung chọn với trăm huê đã chôn (3)
Gốc việc. — Thần-phả chép bà Lê Chân làm thủy-tướng bà Trưng, khi giặc Mã Viện sang, bà chẹn các cửa bể ngăn các khe sông đánh quân Mã Viện chết cũng nhiều.

Dẫn điển nghĩa. — 1. Ý nói bà đánh lăm trận thủy-chiến dữ-dội — 2. Bà Lê Chân với hai chị em bà Trưng đã trót cùng non nước thề hẹn với nhau 3. Nói giặc Mã Viện chống chọi nhau với bà cũng đã chôn mồi.

17. — Bà Lê Chân nghe tin hai bà Trưng nhảy xuống sông, bà cũng tự-trảm ở bể Cấm hiện ra hòn đá trôi về Hải-phòng, làng Vên dựng đền Nghè thờ.

Hay dẫu nghe sực tin buồn,
Hai bà Trưng đã gieo con sông Đào.
Tắc lòng bề rộng trời cao (1),
Chị em vì nước biết bao nhiêu tình (2).
Với ai tả nổi bất-bình,
Cũng liều về chốn bề xanh vượt làn.
Thần-hồn tỏ với giang-san,
Hiện hòn đá nổi hải-quan trôi về.
Làng An-biên dựng đền Nghè,
Tắc lòng mển nước chưa lìa khỏi mây.

Gốc việc. — Thần - phả chép bà Lê Chân khi nghe tin hai bà Trưng tự-trảm ở Cấm-khe, bà cũng về cửa Cấm nhảy xuống bể, hiện ra hòn đá nổi trôi về Hải-phòng, làng Vên các phụ lão năm mộng phải rước hòn đá nổi-ấy về

dựng đền thờ, bà hiện lên cho duệ -
hiệu, và bảo đặt tên làng là làng An-
biên, là nhân tên làng cũ của bà ở
Đông-triều trước mà dựng làng ở Hải-
phòng. Đền Nghè nay còn thiêng lắm.

Dẫn điển nghĩa. -1, 2. Hai câu đó gồm tả
cả lòng hai bà Trưng và lòng bà Lê Chân đối
với hai bà.

18. — Bà Triệu Ẩu người Cửu-chân.

Vừa đời Ngô Hán đổi thay (1),
Cửu-chân có gái sinh nay cũng kỳ (2).
Vòng trắng trạnh vẽ nga-mi,
Vú dài ba thước lưng thì trượng cao.
Sửa sang quốc sắt áo bào,
Rừng xanh quen thủ ra vào dăm khởi.
Mở riêng trời Việt một trời,
Đổi nhà họ Triệu ổi người Thanh-hoa.
Nhị-kiều là hiệu quần-thoa,
Anh-hùng dưới trướng kẻ và ba trăm.
Đồi phen nâng kiếm cái trăm (3),
Vượt ngàn những rập dẹp tam bề hồ.

Gốc việc. — Sử chép ngang đời Ngô
Hán, quận Cửu-chân có bà Triệu-Ấu,
tên là thị Trinh, tự xưng là Nhị-kiều -
tướng-quân, mình cao hơn một trượng,
vú dài ba thước, vào rừng mộ quân
được hơn một vạn, thường kén kẻ
hùng-tráng, cắt phen hầu dưới màn,
mà không lấy chồng, và cùng anh là
ông Triệu Quốc-Đạt dấy quân đánh
Ngô, bà thường đi quốc sắt mặc áo bào
ra trận, thường bảo anh rằng em muốn
cuối gió đập sóng chém cá ngac ngoài
bề, quét sạch bờ cõi để cứu muôn dân,
cho khỏi vòng dăm-duối mới hã.

Dẫn điển nghĩa. — 1. Ngô, là Ngô - Tôn-
Quyền, Hán là Hán Hậu-chủ Lưu Bị, — 2.
Cửu-chân nay là Thanh-hoa tức là tỉnh
Thanh-hóa. — 3. Là kén kẻ hùng-tráng đổi
phiên hầu.

19. — Thề trận bà Triệu-Ấu đánh nhau với Ngô Tôn-Quyền, Ngô gọi bà là vua Lê-hải.

Đưa tài chơi với Tôn-Ngô,
Tiếng lừng Lê-hải mọc vua dân-bà (1).
Chập-chờn gió trận mưa sa,
Đầu voi liếc mũi kiếm hoa nhẹ-nhàng.
Ba quân ruổi ngọn cờ vàng,
Giặc Ngô luống những kinh-hoàng tở.
Dạn dầy mấy lớp sơn-khê, [mê.
Đèo ngang một dải riêng chia bề rừng (2)
Trải bao mây nước ngập-ngừng,
Trời Nam ai dễ lặn rừng đồn cây (3).
Tơi-bời cát lở bụi bay,
Tia râu biếc mắt cũng cay má hồng (4).

Gốc việc. — Sử chép bà thường cưới
voi liếc gươm phất cờ đánh nhau với
tướng Ngô Tôn Quyền, quân Ngô thua
sợ thường gọi là Lê-hải bà-vương, bấy
giờ có câu ngạn rằng "Tay không bắt
hồ dễ, đối diện Bà-vương khó."

Dẫn điển nghĩa. — 1. Lê-hải là vùng bề từ
Thanh-hóa vào mãi đến Quảng-bình. — 2. Đèo
ngang là Hoàng-sơn ở giáp hạt Hà-tĩnh
và Quảng-bình. — 3. Có câu nói: Núi có thú
dữ, rau là boóc vì đó không ai dám hái. Núi
vì rừng Ngang bấy giờ có bà, giặc Ngô không
dám lặn rừng đồn gỗ vậy. — 4. Tam-quốc-cải
chép tướng Ngô-Tôn-Quyền mất biếc râu tia,

20. — Thề trận bà Triệu Ẩu đến làng Bồ-diễn tự-văn, dân lập đền thờ.

Phấn son dọ với anh-hùng,
Năm năm chống-chơi một vùng nước
Hai mươi ba tuổi vừa tròn, [non.
Làm nên mấy trận sóng cồn gió reo (1).
Giang-hồ trải bước gieo-neo,
Nhìn xem phong-cảnh đèo-heo bạc
[minh (2).

Giấn thân vào cuộc đao-binh,
Sao cho dễ tiếng danh-hanh với đời (3).
Làng Bồ từ thừa quân lai,
Chốc đà liếc mũi gươm mài trao tay (4).

Thần hồn rười ngọn gió bay,
Máu hồng rội nước non này bao
Khí thiêng khi đã về trời, [phai (5).
Khối hương còn đó muôn đời thơm
lây (6).

Gốc việc. — Sử chép bà Triệu-Âu xưng làm vua Lê-hải, chống chọi với Ngô cũng được năm năm, khi bà hai mươi ba tuổi thua quân lui về làng Bồ-diễn, bà liền cầm gươm tự-vẫn, dân

đó lập đền thờ, hiện nay là làng Phúc-diễn, huyện Mỹ-lộc tỉnh Thanh-hóa.

Dẫn điển nghĩa — 1. Bốn câu này tả bà đánh lâm trận lừng-lẫy — 2. Hai câu này tả bà thua trận — 3. Hai câu này tả chí bà sắp tự-tử — 4. Hai câu này tả bà tự-vẫn — 5. Hai câu này tả bà tự-vẫn rồi — 6. Câu này tả dân lập đền thờ.

(Còn nữa)

NGUYỄN THỨC-KHIÊM

PHONG-TỤC LÀO LUANG-PRABANG

Luang-prabang là Kinh đô Ai-lao, có 12 hạt gọi là mường thuộc về Ai-lao quốc-vương cai-trị: Pak Thà, Pak-Beng, Pak Hon, Đon mớ, Mương You, Mương Hồng-xà, Mương Sayabanly, Paklay, Mương say, Phòng saly, Mương Kassy.

Tôn-giáo. — Nước Lào cũng thừa thừa như nước Xiêm-la, lấy Phật-giáo làm Quốc-giáo, trong nước ai ai cũng phải tiên-phát đi tu, hoặc 7 ngày hoặc 3 tháng trở lên; ý đi tu là dâng đèn ăn cho cha mẹ, vào nhờ nhà Phật phù-hộ cho cha mẹ mau được khỏi tội-lỗi lúc còn sinh-tiền. Khi vào xin làm đệ-tử thì phải cạo đầu cho tròn, bận đồ vàng nhuộm nghệ, không phải may ra áo quần, chỉ có 2 tấm vải, tấm lớn rộng vừa bằng cái chân thời khoác làm áo, còn tấm dài 1, m 60 rộng 0, m 80 thời quấn làm quần, quần tròn tựa như bận váy. Từ 7 tuổi cho tới 19 tuổi vẫn phải làm tiểu, tới lúc 20 tuổi thì cha mẹ hay là họ-dương tới xin sư cả phong cho mới được làm sư; nhưng chức sư sau muốn hoàn-tục cũng được, cho nên 100 sư đã có 99 ông phá-giới hoàn-tục, ít ông mà ở trong chùa cho tới chết. Từ 7 cho

tới 19 muốn hoàn-tục ra được chức kêu bằng *Xiêng* nghĩa như ta được kêu bằng «nhiều», còn từ 20 tuổi trở lên khi phá-giới ra được chức là *Thít* nghĩa là «thầy học», còn sư cả muốn phá-giới lúc ra được chức *Chan* nghĩa là «thầy nho», còn người nào nghèo hay là không muốn tiên-phát đi tu thời kêu bằng *Ai* hay *Bác* cũng như «anh» hay «Thằng». — Như Ai-lao quốc-vương cũng phải tiên-phát đi tu, có người đi tu sau hoàn-tục còn dư tiền năm bảy trăm dâng làm vốn buôn bán; vì ở Lào các nhà vua chúa, cùng nhà đã có dư đồng tiền thời hay làm «bun» lăm, cũng như ta làm chay rước sư về tụng kinh cầu cho khỏi tội-lỗi về sau. Có nhà làm «Bun» năm bảy ngày, tốn hai trăm cho tới một nghìn — Còn nhà sư thời không phải làm công việc gì cả, cơm nước không phải lo, tờ-mở sáng đã nghe mõ nhà chùa đánh ba hồi thời các thí-chủ nào cơm trắng cá ngon, thịt béo, đừng quên đọc dương-dặng dợi nhà sư tới sẽ đưa dâng tiến; còn nhà sư đánh ba hồi mõ ở nhà chùa xong là mỗi người một cái bị, trong bị có một

cái nồi bằng gang tròn lớn bằng quả mít, trên có nắp, khi nào tới trước mặt thí-chủ thời mở nắp ra thí-chủ bỏ vào nồi một cục xôi bằng quả quýt, còn đồ ăn thời sẽ đưa cho các tiểu đi sau; các thí-chủ cho xong ngồi xuống đất, hai tay chắp lên trán cầu nguyện còn các sư thời đọc một câu thần-chủ đặng trả ân, đọc xong là đi nữa; ngày nào gặp ngày tốt hay ngày lễ, các nhà sư mang xôi về không hết, đi dọc đường đồ hàng đồng cho chó cho gà ăn, thật là một sự phí của trời. Những xôi mà đi xin về đó đưa vào cúng phật rồi đưa ra cho mấy người tiểu nghèo ăn hay là cho những người vô-nghề-nghiệp tới ăn ở chùa, còn dư nữa thời cho gà vịt, còn các sư thời sẽ đợi thí-chủ mang cơm bữa tới tiền từng mâm, lúc ấy mới ăn; có hôm nhiều nhà đưa cho ăn không hết. Nhà sư ăn cơm có hai bữa, là từ 8 giờ sáng cho tới trưa, quá trưa không được ăn nữa, phải nhịn cho tới ngày mai; các tiểu mà ăn vụng cơm chiều sư cả bắt được bị đòn ba roi. Nhà sư chết ít khi chôn, thường đưa ra thiêu, thiêu mà cháy không hết thời nhặt xương vào cất trong chùa.

Ở Luang-prabang có nhiều chùa lắm, nhưng có mấy chùa đáng kể như sau này; là những chùa đó tới lúc có lễ hay tốt thời Quốc-vương cũng phải vào lễ.

1^o Chùa Bụt vàng (*Wat Prabang*); trong chùa có một ông bụt bằng vàng khá lớn, thường năm quan Tây và quan Lào cùng quốc-vương tới uống nước chè tại chùa này; nghĩa là hai bên phải tuân theo lời hứa cùng nhau, ai mà lỗi thì có đức Phật trừng-giám.

2^o Chùa Gia-long (*Wat Vixuân*). Người Annam ta thời nói rằng lúc trước đức Gia-long lên Lào, ngài có dựng ra ngôi chùa này để làm dấu tích. — Còn

Lào thời nói ngôi chùa này đã làm được mấy trăm năm nay rồi, là do một người đàn bà góa chồng có lắm của mới xin phép nhà vua dựng ra ngôi chùa này, và nhờ nhà vua sức cho các xứ, mỗi một xứ làm cho một cây cột cho lớn, hẹn ngày nọ tháng kia phải cho có, tốn bao nhiêu tiền thì bà ta chịu hết; các xứ được lệnh mỗi nơi làm một cột, lúc trở về tới bến trước cửa chùa thời xứ Lữ Mương Sing làm hụt ngắn đi hai ngón tay, cho nên kéo không lên, sau bà góa phải ra cầu-nguyện mãi mới kéo lên được trước cửa chùa thì vừa tối, ai về nhà nấy, tới lúc nửa đêm nghe sấm chớp ầm-ầm, mưa to gió lớn, sáng ra xem thời nơi để cây gỗ ngày hôm qua, đã hóa ra một cái đầm sâu thăm-thẳm; cho nên lúc dựng chùa thiếu mất một cây cột, phải làm một cây xây bằng gạch và vôi; còn cái đầm đó bà góa sợ về sau có sự gì bất-ngờ chẳng, cho nên mới xin nhà vua xây lên trên cái đầm đó một cây tháp, và lúc xây tháp có làm hai cái thuyền bằng vàng bỏ xuống đầm đó mà yểm đi, cho nên Lào bây giờ gọi tháp bà Góa « Thát Mẹ Mây », tới tết Nguyên-đán vua Lào cùng các quan có ra làm lễ tại đấy.

3^o Chùa « Thát Luồng ». Chùa này cũng như nhà Văn-miến của ta, chùa làm vào chỗ cao-ráo sạch-sẽ, có một cây tháp rất to, thường năm vua cùng các quan phải lên làm lễ ở đấy, phải ngủ một đêm đề cầu-nguyện cho tới ngày hôm sau 3 giờ chiều mới lại rước về; ở Lào có hội này là vui nhất, ai có cái gì cũng bán vào cho lịch-sự, các quan địa-phương ở đâu đâu cũng phải về, còn trò-về thời đủ thứ, có tuồng leo, có múa tố-nữ, đánh vật, thi xe, thi ngựa, còn các chùa thời mỗi một chùa làm một cây pháo (*bằng fai*) để thi, nhà vua cũng phải làm như các chùa; có dựng rạp lên đề ăn ngủ ở đó. Chùa này là chỗ

các tiên-vương cùng mấy ông quan to chết thời thường đưa lên đây mà đốt, khi thiêu đốt xong, còn dư tro tàn thời đưa vào chùa cất đi; cho nên tới rằm tháng 12 Lào thời lại có hội này.

Còn bên kia sông Mékong (Cửu-long-giang) có một cái chùa hang và ở giữa Kinh-thành có một cái núi, trên núi có xây một cái chùa và một cây tháp, ở trong tháp thì vô-số của-nả, còn ngoài tháp thì quét nước vàng lá coi rất uy-nghi; chỗ làm cây tháp này người Lào nói có hang quý, cho nên phải làm cây tháp đó lên mà yểm đi, sợ quý nó lên quấy rối lễ dân; còn chiều chiều phải có trống chiêng đánh luôn cho nó sợ. Ấy là sự dị-doan. Còn ở cuối núi có một cái dấu chân in vào đá, dài độ 2 thước, rộng độ 0 m80, và sâu độ 30, 40 phân đó cũng có làm chùa thờ. Còn về bầu mặt Kinh-thành mỗi nơi cũng có một dấu như vậy nữa; Annam ta thấy thường gọi dấu chân « Đức Thánh », còn Lào thời nói « *Tin Phabat* ». Như ở về trên đỉnh núi « Đon khun » một dấu, ở dưới tỉnh đi quá trại lính có một dấu, ở bên trong chùa hang có một dấu, cùng ở « Phù-suông » đường đi Vientiane có một dấu.

Còn ở Kinh-thành thuê một chiếc ghe đi ngược lên độ 3 giờ đồng-hồ thời tới cái núi Lào gọi là « Phù-xương », trên đỉnh núi có một cây đa trồng ngược, gốc lên trên ngọn xuống dưới, như lời người Lào nói thời hồi trước vua Annam lên có nguyện rằng như cây đa này mà chết thời Annam không lên Lào nữa, còn như cây đa này mà sống thời Annam còn lên Lào, cây đa đó bây giờ vẫn còn, trồng ở trên đỉnh một cây tháp, còn dưới tháp có một ngôi chùa, nhưng bây giờ cũng bỏ hư nát đi rồi. Lào nói hồi trước cây tháp này thiêng lắm, từ ngày bị quân còn-đồ ăn trộm đào lấy hết đồ quý trong tháp thời mất thiêng đi.

Sự làm ăn. — Luang-Prabang ở chỗ hợp-lưu hai con sông, một con sông Nam-khân chảy ra nhập vào sông Mékong, còn một bên thời sông Mékong, cho nên thường thường không có khi nào không có cá, có đôi thứ cá rất to rất lớn, như cá « Pa Bưc » có con bán tới một trăm, còn « Pa-Lom » cũng tới một vài chục bạc một con.

Người Lào ở tại Kinh-thành không có làm ruộng-nương gì sốt, chỉ ăn nhờ về cách buôn-bán và cò-bạc, tới mùa nước thời đưa thuyền xuống Vientiane hay Nong-khai mua muối và mắm cá, rồi chở về đưa lên mạn ngược đổi lấy gạo, ớt, khoai, bông, lúa, rồi lại chở về bán ở tỉnh lấy lãi mà ăn; vì ở về mạn ngược còn một thứ người Lào gọi là « Khả », như ta gọi là « Mội » còn ngu lắm, chỉ giăng lưng làm ra lúa, bông, ớt đưa xuống dọc sông Mékong và Nam-khân để đổi áo quần, muối, dao, liềm, cuốc, sừng cho người Lào; cũng có khi đưa xuống bán lấy tiền dâng đưa về ra sưu thuế, độ 70, 80 ki-lô gạo thời người Lào họ cho 1\$00, rồi họ đưa về bán tại Luang-prabang 1\$00 độ 7, 8 ki-lô. Ôi! nói sự bóp nặn người Kha thì không ai bằng người Lào; thế mà hôm nay đưa tiền ra cúng chùa, mai đưa ra mời sư!

Ăn uống. — Đồ ăn uống của Lào thời thật thường lắm, một tí ớt và ít muối cũng là xong một bữa; tôi xin kể mấy món đồ ăn của Lào thường dùng như sau này:

Chở Phik. = Ớt băm ra, bỏ muối và mắm cá vào.

Keng. = Nghĩa là canh, thời thịt hay cá cắt ra cho nhỏ, đổ nước lã vào rồi nấu sôi lên, bỏ rau, ớt, muối, mắm cá vào.

Ỗ = Thịt hay cá đã phơi khô rồi, đưa ra cắt nhỏ đổ nước lã vào nấu cho dừ,

rồi bỏ cả nướng, ớt nướng vào đảm cho nhỏ nêm muối mắm.

Ping = Như ta nướng, bất-kỳ thịt cá gì cũng cắt một miếng bóp tí muối là nướng, chín đưa ra ăn. Còn hay nướng xôi mà ăn nữa, vì buổi sáng đồ xôi xong, chưa có gì ăn, thời nắm một nắm xôi xâu vào cái que đưa nướng cho cháy vàng ra là ăn.

Lạp = Ăn gỏi, bất-kỳ thịt hay cá, lược lấy thịt không vằm cho nhỏ, rồi nướng ớt, nướng cả đảm cho nhỏ chộn vào với huyết tươi, cùng thính gạo, lòng, gan, muối, mắm cá, thế là đưa ra ăn; món này là quý nhất trong mấy thứ đồ ăn của Lào.

Sá-lượ = Ăn tiết canh, nghĩa là cả chậu huyết bỏ cả sống ớt muối mắm cá vào chộn đi là ăn.

Kha-nạp = Thịt hay cá để cho thối ra, rồi lấy lá chuối gói lấy bỏ muối ớt vào nướng chín đưa ra ăn.

Còn rau thời thường đồ, chờ ít khi luộc, ăn thời ăn cơm xôi, ăn xong ra chum nước uống một gáo nước lã là xong, rồi vào mới ăn trầu hút thuốc gì sẽ hay, không khi nào có ấm nước trà, nhà sang mấy cũng chỉ nước lã.

Còn ai có đau ốm thời rước thầy thuốc tới chữa, lúc thầy tới xem bệnh xong, thời thầy nói bệnh này phải chừng ấy chừng nọ tiền, nhà chủ phải đưa ra để cho thầy cúng, thầy đọc thần-chủ xong, thầy biểu lấy nước lã với thuốc cho người bệnh uống, thuốc thời chỉ có mấy thứ rễ cây, và các thứ xương súc-vật; khi nào bệnh khỏi thời thầy mới được tiền; còn người bệnh không khỏi, thời tiền đó phải hoàn lại cho nhà có người đau, chứ không phải như ta khỏi không khỏi uống thuốc là mất tiền.

Thức uống. — Lào có hai thứ rượu, một thứ như rượu trắng của ta, cách thức làm cũng vậy, còn một thứ rượu trấu thời làm như vậy: lấy tấm gạo và trấu đồ lên cho chín, đưa xuống sông rửa đi, rồi đưa lên để cho ráo nước, chộn men vào đồ vò độ 3, 4 ngày, đưa ra mức nước dưới sông đồ vào, rồi bỏ vào 2, 3 cái vôi bằng tre, như xe diều của ta, nhưng nó dài hơn, thế là mỗi người uống một lúc, uống hết lại đồ nước vào người sau uống nữa, lúc nào uống cho nó nhạt như nước lã mới đồ đi.

Cách bận áo quần. — Đàn ông thời thường quấn một miếng vải hay lụa rộng độ 0,^m80 dài 1,^m60, quấn vào mình rồi quấn cho nó có đuôi bắt ra đằng sau, cho nên Annam thường gọi Lào có đuôi là vậy; còn về phần trên có người thời bận áo, có người thời quấn một miếng vải rộng độ 0,^m40 dài 1,^m60, còn trên đầu thời thường không mũ nón gì hết. Cũng có nhưng một trăm may được 20 người có mũ, nón đội, dân bà thời bận váy, là thứ vải của dân bà Lào làm ra có từng sợi đen, đỏ, xanh, tía, còn lưng cũng may riêng, dưới chân váy cũng may riêng; về trên thời cũng như đàn ông, tùy-ý cũng có người có áo, có người không áo; nhưng con gái thời thường không bận áo, ý các ả muốn khoe da mềm vú trắng, cho nên thường thường các ả chỉ quấn một miếng vải đồ vào vú mà thôi; dân bà thời bới tóc, đàn ông thời trọc đầu, trên đầu tóc các ả thường trang sức hột vàng quấn vào, còn nhà nghèo thời cũng ít vòng hoa cây thế là lịch-sự; còn các ả nhà giàu lúc chưa có chồng dưới chân đeo hai cái kiềng bạc nặng độ 20, 25 đồng, lúc lấy chồng rồi thời cởi ra. Người Lào ưa sắm vàng lắm, trong nhà dư ăn là sắm vàng ngay, để đi ra khoe với chúng; còn trong

nhà thờ nhà nào cũng có một vài bộ ăn trâu bằng bạc, như ống vôi, hộp thuốc, hộp cau, hộp trâu; còn ngoài hộp trâu cau làm bằng vàng, đáng giá trăm bạc, nhà nào cũng sắm một vài cái mâm bằng, một vài cái quả bằng bạc để lúc có lễ tết đưa xôi và hoa quả cho nhà sư.

Tống táng.— Hồi trước người Pháp chưa sang bảo-hộ thời người Lào chết thường buồn sống nhiều, từ hồi người Pháp sang cai-trị thời tục ấy có ra lệnh cấm, đã bớt nhiều. Ở gần tỉnh thời không dám buồn trời nữa, chớ còn ở nhà quê tục ấy vẫn còn, vì người Lào ai mà rui phải bệnh tả đau bụng chết thời chúng vẫn buồn sống, chớ không khi nào chôn. Còn như ở Kinh-thành có lỡ phải bệnh ấy mà chết, thời chúng làm một cái bè cột từ-thị vào rồi buông trôi, ở dưới đã cho người đưa thuyền ra đón cái bè trôi đó, bấy giờ muốn chôn hay là muốn đốt gì tùy ý. Trong làng mà có người chết, thời con trai, con gái cả làng đó phải tới nhà tang-chủ nói chuyện cho nhà tang-chủ đỡ buồn, có lúc trai gái thành vợ thành chồng cùng nhau trong mấy đêm đi chơi nói chuyện đó. — Người Lào trong nhà có người chết không nghe tiếng khóc, có hú lên 2, 3 tiếng lúc người chết tắt nghỉ đó, xong rồi lại vui cười như cũ, vì họ nói rằng người sống mà khóc quá làm cho người chết không biết đường mà đi. Tục Lào chết thường bỏ chiếu, ít khi có làm áo-quan; có làm nữa tới lúc bỏ xuống huyệt cũng mỡ nắp quan ra mà lấp đất, chớ không dậy nguyên vậy mà chôn. Người chết đưa chân đi trước, nói rằng đầu đi trước lúc chôn rồi mà ngồi dậy thấy mặt về làng, lại về làng phá, còn chân đi trước lúc ngồi dậy thấy ngoài rừng thời chỉ phá ngoài rừng mà thôi. Người Lào chôn rồi là thôi, chớ không có dóm ngó gì

tới mồ-mả nữa. Còn nghĩa-dịa của người Lào thời cấm không ai được lấy củi ở địa-phận đó nữa. Không có tang-trở gì như ta, cha mẹ chôn hôm nay, ngày mai con lấy vợ lấy chồng cũng được. Những người lúc đi đưa đám về thời ai cũng phải đi tắm rồi vào lễ Phật, xong rồi mới về nhà; còn ai có thân-thích thời ghé vào nhà tang-chủ ăn cơm. Chôn cất xong ba ngày, nhà tang-chủ có dóm cơm, hôm đầu cũng chõ người chết nằm lúc trước, hôm thứ hai cũng ở cửa, hôm thứ ba ra cũng ngoài cổng thế là xong. Còn ai có giàu có thời xuất tiền ra làm *Bán* mời sư tới tụng kinh cho. Nhà nghèo thời chẳng có bun-chay gì sốt. Áo quần chôn nệm của người chết không khi nào đốt bỏ, vẫn để lấy bán hay bán, chớ không kiêng-ky gì như ta, cũng có nhiều khi đưa cũng vào cho sư.

Cưới hỏi.— Tục người Lào lấy vợ lấy chồng không bao giờ tuân lời cha mẹ, hai bên trai gái vừa ý nhau là lấy, không vừa lại bỏ. Như con gái đã 13 tuổi trở lên thời tới tới thấp đèn ngồi làm bông hay may vá cái gì đợi trai tới để nói chuyện. Có hôm một cô con gái mà phải trả lời hàng 10, 15 câu trai, hỏi này hỏi nọ; anh trai này lên nói ít câu coi không bằng lòng bỏ đến chơi cô khác, anh nọ lại lên nói không vừa ý lại đi, cho tới lúc nào hai anh ả bằng lòng nhau thời từ đó mà đi anh ả hẹn giờ cùng nhau dựng bày lời vàng đá, cho tới 5, 7 tháng lúc ấy mới nói cùng cha mẹ dựng lo cưới hỏi. Tục cưới của Lào thời bên trai phải đưa tiền cho bên gái xin cho đưa trai về ở; lúc trai về nhà gái thời họ trai phải đưa trai đi và đưa áo quần cùng gối chăn chiếu đi theo, chớ không phải sắm đồ nữ-trang cho gái. Lúc họ trai đưa chàng rể tới nhà gái thời chàng rể và cô dâu ngồi với nhau, giữa đề mâm bánh, cau trâu, rồi mấy ông già bà cả

vào lấy chỉ trắng cột vào tay cho trai và gái, cầu-nguyên cho đông con lắm cháu, thế là xong. Đoạn họ trai ra ngồi ngoài dơi nhà gái dọn cơm rượu ăn uống no say rồi thời về, chớ không có đưa tiền đi mừng như tục ta. Người Lào một trăm người không được một người lấy chồng còn trinh - tiết, thế nào cũng chơi ngang với nhau được 5, 7 anh rồi mới ra lấy chồng; con gái Lào mà chung-tinh với trai rồi, mà trai không lấy thời nói với cha mẹ mình đi đòi tiền nhà trai, như trai quyết không lấy thời phải nộp tiền ấy cho gái thế là xong, lúc ấy gái sẽ chung-tinh với trai khác; luôn luôn cho tới lúc lấy chồng, lúc chồng về nhà mình được một vài ngày, thời hai vợ chồng phải sắm đồ đi chào hai họ, phải tới từng nhà, như cô đi chú bác, nhiều lúc cô đi chú bác cũng cho tiền.

Người Lào qui con gái hơn con trai, vì con trai lớn lên phải về ở nhà gái, và lúc khôn lớn làm được tiền thời cất đi dựng sau đưa về nhà vợ, chớ không phải làm ra tiền để nuôi cha mẹ mình, sau về nhà vợ thời nuôi cha mẹ vợ, còn cha mẹ mình thời không tưởng tới.

Về dòng nhà vua thời anh em ruột vẫn lấy được nhau, như cha có chết thời con sẽ hưởng mấy người vợ lẽ của cha để lại; chẳng khác gì đời Đường Võ-hậu — Người Lào ưa làm vợ quan Tây lắm, ai được lấy quan Tây là người ấy có giá-trị hơn chị em bạn gái, cho nên lúc có quan Tây nào mới dỗi tới mà chưa có vợ thời các bà dẫu đưa con gái tới cho các quan Tây chọn lựa, có khi đưa tới 5, 7 cô, quan muốn có nào chọn lấy đẹp, thời 50\$, 100\$00, còn xấu thời 15\$00, 20\$0. — Anam và China cũng có lấy vợ Lào, nhưng các chị lấy Anam không có giá-trị như các chị lấy quan Tây.

Sinh đẻ. — Tục người Lào lúc sinh đẻ cũng nằm bẹp, con đầu lòng thời

nằm một tháng, con thứ hai năm 21 ngày, còn từ thứ 3 trở đi thời 14 ngày; sười bằng củi khô, chớ không có sười than, và nước thời uống nước nóng, có mấy thứ cây kiếm trên rừng đưa về nấu uống, họ nói uống mấy thứ cây đó sẽ lắm sữa cho con bú; một ngày phải tắm hai lần, sáng và chiều, cơm ăn riêng cùng muối, chớ không có ăn cả thịt trong lúc khem. Tới lúc ra cữ cũng có ăn mừng như ta; mọi người tới ăn, ăn xong là về, chớ không có đưa tiền đi mừng như ta. Còn đầy tuổi tới thời không có cúng dơng gì hết. Lúc người Lào nằm cữ trai, gái tới nói chuyện cả đêm, dâng uống nước giùm cho người đàn bà nằm cữ, chớ không kiêng-khem gì hết; ai tới cũng phải uống nước nóng, đánh bài Lào cho đỡ buồn ngủ.

Văn-chương chữ-nghĩa. — Lào có 2 thứ chữ, một thứ dùng để viết kinh nhà Phật, còn một thứ thời quốc-dân dùng; có 29 chữ âm, 17 chữ âm, và 5 dấu, chỉ học trong 15 ngày tới 1 tháng thời đã viết được đọc được, cũng tựa như quốc-ngữ của ta, thế mà nhiều người Lào học có hàng 2, 3 năm ở nhà chùa ra viết cái thơ không được.

Người Lào cũng có câu răn dơi, câu hát huê-tinh, câu giễu dơi, vậy tôi xin nói ít câu có ý-vị như sau này :

Như câu : « *Ngon kham dụ thi nhạc mặc mảy dụ thi sủng* » Nghĩa là : Bạc vàng ở nơi khó, quả cây ở chỗ cao; trong ý đó nói rằng mình không cố sức sao lấy được vàng bạc chỗ khó; còn không liều thân mà trèo lên cây cao sao lấy được quả.

Như câu : « *Ốt sôm chừng dầy lín vắn; ốt khỉ khàn chừng dầy ngon* ». Nghĩa là : Chịu khó nhịn thêm chao, có ngày sẽ được ăn ngọt, chịu khó làm việc, có ngày sẽ được nhiều tiền giàu sang.

Như câu chế thầy thuốc, thầy bói, anh thợ săn như sau này :

« *Mỏ-gia tài khả pha nhất, mỏ si nặt quang kìn thảo na, mỏ hu ha tô tái bỏ hủ mưa* » - Nghĩa là thầy thuốc cũng chết về bệnh, anh thợ săn dễ nai ăn lúa ruộng, thầy bói mình chết hòm nào không hay.

Như câu chế chị giang-hồ « *Ngẫm tẻ nọc, chụp bờ hỏm* » Nghĩa là trông ngoài thời bình-bao, ở trong thời thời hoắc.

Hội-hè lễ-tiết. — Người Lào tin về ma-quỉ lắm, động một tí gì là phải làm gà cúng ma, lấy chỉ cột tay, náo thầy bói nói ma, cha mẹ anh em tới phá, vãn-vãn . . .

Người Lào thường năm cũng lắm hội-hè lắm ;

Như tết nguyên-đán, thời đưa phật ra sõi nước, rước vua và sư đi các chùa dựng cho dân-sự sõi nước, thời ướt như mè, phải nước run dây-dây ; còn con trai con gái thời lấy phỉm, nhọ nôi, bún bời đầy mặt đầy mày, cả áo cả quần dóm thấy mà sợ.

Lễ buông chim thả cá — Là mua chim cùng cá sống đưa ra cầu-nguyện giữa trời rồi thả đi.

Lễ đua bơi — Là mùa nước lớn mỗi làng một chiếc thuyền đưa đi bơi trước bến nhà vua dựng mừng vua Diêm-vương lên đi tuần các con sông, có vua và quan Tây Lào ra xem cho tiền thưởng.

Lễ cấm nhà sư hoán-tục — Là từ 15 tháng bảy cho tới 15 tháng 10, cấm sư không được phá-giới.

Lễ lấy củi cúng chùa — Là trai gái đưa nhau ra rừng ăn uống chuyện trò, cờ-bạc cho tới tối đưa nhau về, mỗi người vài cành cây đưa vào chùa cúng.

Lễ vào đám — Là rằm tháng sáu, làm trâu, lợn dâng cúng thần, làng nào cúng làng nấy; ngày cúng đó cấm không được đi chơi làng này sang làng nọ.

Lễ thanh-minh — Là rước vua đi nằm mộng trên Thất Luồng.

Còn lễ thả đèn trôi sông, lễ chơi pháo, lễ cúng cô-hồn, vãn-vãn .

NGUYỄN VĂN-TOẠI
(Paklay, Lào)



MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH (1)

孟子國文解釋

XX

VIII

已。來。輕。茲。市。什。戴
何。平。之。未。征。一
如。然。以。能。征。去
後。待。請。今。關。曰。

Dịch-âm. — Đại Doanh-Chi viết :
« Thấp nhất khử quan thị chi chính,
kim-tư vị-năng, thỉnh khinh chi, dĩ dĩ
lai-niên, nhiên hậu dĩ, hà như ? »

Dịch-Nghĩa. — Đại Doanh-Chi nói
rằng : « Dùng phép thấp-nhất lấy thuế
mà bỏ mọi thứ thuế chỗ cửa quan chỗ
chợ-búa, hiện nay chưa thể làm được,
xin hãy nhẹ bớt đi, để đợi năm sau,
rồi sẽ thôi hẳn, điều ấy thế nào ? »

Chú-giải. — Đại Doanh-Chi = Quan đại-phu
nước Tống. Thấp-nhất = Tức là phép tính
điều, vạch khu đất ra tính chữ tính mà chia
phần lấy thuế một, là phép đặng tiền-vương.
Khử Bỏ, bớt đi. Quan-thị chi-chính = Quan
= Cửa quan ải. Thị = Chợ. Chính = bán thuế.
Khi xưa những chỗ quan-ải chợ búa không
lấy thuế, chỉ lấy phép cai-trị mà thôi. Đến
đời Chiến-quốc mới đặt ra thuế chợ.

Đây là Đại Doanh-Chi muốn cách tề-chính
bãi trọng-thuế, mà có ý dùng đặng chữ
quyết.

然。鷄。損。子。之。之。人。孟
後。以。之。之。曰。鷄。日。子
已。待。月。道。是。者。攘。曰。今
來。攘。曰。非。或。其。有
年。一。請。君。告。鄰。

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Kim
hữu nhân, nhật nhượng kỳ lân chi kê
giả. Hoặc cáo chi viết : « Thị phi quân-
tử chi đạo. » Viết : « Thỉnh tồn chi,
nguyệt nhượng nhất kê, dĩ dĩ lai-niên,
nhiên-hậu dĩ. »

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng :
« Nay có kẻ cứ hằng ngày bắt lấy gà
của láng-diềng. Có người báo rằng :
« Làm thế thì không phải đạo quân-tử.
Đáp lại rằng : « Hãy xin bớt đi, mỗi
tháng bắt trộm một gà, để đợi năm
sau, rồi sẽ thôi hẳn. »

年。何。速。非。如
待。已。義。知
來。矣。斯。其

Dịch-âm. « Như tri kỳ phi nghĩa, tư
tốc dĩ hi, hà dĩ lai-niên. »

Dịch-Nghĩa. — « Nếu đã biết sự lấy
thuế nặng là phi nghĩa, thì nên chóng
thôi đi, đợi gì đến năm sau. »

Chú-giải. — Đây là nói rõ cho quan nước
Tống biết rằng đã biết sự lấy thuế nặng hại
dân là phi-nghĩa, mà chẳng bãi ngay đi, thì
khác gì cái đứa đã biết sự bắt gà là phi-nghĩa,
mà lại còn mỗi tháng bắt một gà đợi đến
năm sau mới chừa.

IX

不。豈。也。好。人。公
得。好。孟。辯。皆。都
已。辯。子。敢。稱。子
也。哉。曰。問。夫。曰
予。予。何。子。外

Dịch-âm. — Công-Đó Tử viết :
« Ngoại nhân đại xưng phu-tử hiếu-
biện, cảm-vấn hà dã ? » Mạnh-tử viết :
« Dư khởi hiếu biện tại, dư bất-đắc-
dĩ dã.

Dịch-NGHĨA. — Công-Đó Tử nói rằng :
« Người ngoài đều nói nhà thầy sinh
biện-luận, dám hỏi có sao. » Thầy Mạnh
nói rằng : « Ta há sinh biện-luận đâu,
ta bất-đắc-dĩ vậy.

Chú-giải. — Biện = Biện-thuyết tranh-luận.

一 久 之 天
亂 治 矣 生 下

Dịch-âm. — « Thiên-hạ chi sinh
cửu hĩ, nhất trị nhất loạn.

Dịch-NGHĨA. — « Từ khi thiên-hạ có
sinh-dân đã lâu đến nay, thường một
phen trị, một phen loạn.

Chú-giải. — Trị-loạn = Trở về khí-vận của
trời lúc thịnh lúc suy, và công việc của người
khí đắc khí thất, nên mới thành ra có lúc trị
lúc loạn.

Đây là thầy Mạnh kể ra trị loạn là sự
thường ở trong vòng lý-thế, mà đời loạn làm
trị là trách-nhiệm của đấng thánh-hiền, đề
rõ ra sự bất-đắc-dĩ.

水 曰 上 所 蛇 行 當
者 奔 者 定 龍 汜 堯
洪 水 爲 下 居 滄 之
水 營 營 者 之 於 辰
也 余 窟 爲 民 中 水
澤 書 巢 無 國 逆

Dịch-âm. — « Bương Nghiêu chỉ thời,
thủy nghịch hành, phẩm-lạm ư trung-
quốc, xà long cư chi, dân vô sở định,
hạ-giả vi sào, thượng-giả vi doanh-
quật. Thư viết : « Dãng-thủy cảnh
dư ». Dãng-thủy giả hồng-thủy dã.

Dịch-NGHĨA. — « Đương thời vua
Nghiêu, nước vì ủng-tắc chảy ngược
lên, đầy-rẫy ở chốn trung-quốc, loài
rắn rồng ở khắp cả, dân không có
chốn định-cư, chỗ thấp phải làm chòi
mà ở, chỗ cao phải làm hang mà nấu.
Kinh Thư nói rằng : « Dãng-thủy rần
ta. » Dãng-thủy ấy là nước lớn vậy.

Chú-giải. — Doanh-quật = Sửa sang làm
hang. Thư = Thiên Đại-vũ-mô trong Ngụ-thư.
Dãng-thủy = Nước lai-lãng đầy-rẫy không bờ-
bốn gì.

Đây là kể ra một hồi loạn về nạn hồng-
thủy mà thuộc về khí-vận.

之 人 害 阻 淮 水 蛇 地 使
得 人 既 河 由 龍 而 禹
平 者 遠 漢 地 而 注 治
土 消 烏 是 中 放 之 之
而 然 獸 也 行 之 海 禹
居 後 之 險 江 宜 驅 掘

Dịch-âm. — « Sứ Vũ trị chi, Vũ
quật địa nhi chú chi hải, khu xà long
nhi phóng chi thư, thủy do địa trung
hành : Giang, Hoài, Hà, Hán thị dã ;
hiềm-trở ký-viễn, điều-thủ chi hại
nhân giả tiểu, nhiên-hậu nhân đắc
bình-thổ nhi cư chi.

Dịch-NGHĨA. — « Vua Thuấn sai ông
Vũ đi trị thủy, ông Vũ khơi chỗ đất
ủng-tắc mà rót nước về bể, đuổi loài
rắn rồng mà dồn nó vào chỗ đầm nước
cổ rậm, nước theo lòng sông chảy đi,
là những con sông Giang sông Hoài
sông Hà sông Hán. Nơi lụt-lội đã
khỏi, loài chim muông làm hại người
đã trừ hết, rồi sau nhân-dân mới được
chỗ đất phẳng mà ở.

Chú-giải. — Quật-dịa = Khơi đào chỗ đất
ủng-tắc. Thư = Nơi chằm lầy cổ rậm. Địa-
trung = Luồng đất sâu có hai bờ, tức là các
dòng sông. Hiềm-trở = Tức là chỗ lụt-lội trở
ngại nguy-hiểm.

Đây là kể ra vua Vũ lấy sức người trừ được
nạn hồng-thủy, là một hồi trị thuộc về nhân-sự.

及紂之身。天下又大亂。
 汙池澤多。而禽獸至。
 食邪說。又作園囿。
 以爲園囿。使民不得衣。
 汙池。民無所安息。棄田爲。
 暴君代作。壞宮室以爲。
 堯舜既沒。聖人之道衰。

Dịch-âm. — « Nghiêu Thuấn kỷ một, thánh-nhân chỉ đạo suy, bạo-quân đại tác, hoại cung thất dĩ vi ô-tri, dân vô sở an túc; khí diên dĩ vi viễn-hựu, sử dân bất đắc y-thực. Tà-thuyết bạo-hạnh hựu tác; viễn-hựu ô-tri bất trạch đa, nhi cầm-thú chí; cập Trụ chi thân, thiên-hạ hựu đại-loạn.

Dịch - NGHĨA. — « Vua Nghiêu vua Thuấn đã mất rồi, đạo dấng thánh-nhân suy; vua tàn-bạo đời ấy đời khác dấy lên, hủy-hoại nhà cửa của dân để làm chuôm-ao, dân không có chốn yên ở; bỏ ruộng của dân để làm vườn được, khiến dân chẳng được ấm no. Tà-thuyết bạo-hạnh lại dấy lên, vườn-được chuôm ao rừng chằm nhiều quá, loài chim muông kéo đến; kịp đời vua Trụ, thiên-hạ lại cả loạn.

Chú-giải. — Tà-thuyết bạo-hạnh = Những lời biện-thuyết cong-queo để giúp cho việc làm tàn-bạo. Bất = Chỗ cây cỏ rậm tốt.

Đây là kể ra một hồi loạn về nỗi các vua tàn-bạo, thuộc về nhân-sự, mà cũng bởi về khí-vận nữa.

周公相武王。誅紂。伐奄。
 三年討其君。驅飛廉於
 海隅而戮之。滅國者五。
 十。驅虎豹犀象而遠之。
 天下大悅。書曰。不顯哉
 文王謨。不承哉武王烈。
 佑啓我後人。成以正無
 缺。

Dịch-âm. — « Châu-công tướng Vũ-vương, tru Trụ, phạt Yêm tam-niên thảo ký quân. khu Phi-Liêm tr hải-ngu nhi lục chí, diệt quốc giả ngũ thập, khu hồ báo tể tượng nhi viễn chí, thiên-hạ đại-duyệt. Thư viết: « Phi hiền tại Văn-vương mô, phi thừa tại Vũ-vương liệt, hựu khai ngã hậu nhân, hãm dĩ chính vô-khuyết ».

Dịch-NGHĨA. — « Châu-công làm tướng vua Vũ - vương, giết vua Trụ; đánh nước Yêm ba năm, trị tội vua nước ấy; đuổi người Phi-Liêm ra góc bể mà giết đi; diệt năm mươi nước đảng-ác với Trụ; và đuổi loài hồ báo tể tượng mà khiến nó xa đi; thiên-hạ bằng lòng. Kinh Thư nói rằng: « Rất rõ rệt thay mưu sáng-nghiệp của vua Văn, khéo nối giữ thay công đại-dịnh của vua Vũ; giúp mở cho con cháu chúng ta, đều là đạo chính-dại không thiếu chút gì.

Chú-giải. — Yêm = Một nước ở phương đông, giúp vua Trụ làm ác. Phi-Liêm = Bề tôi giúp cho vua Trụ làm ác. Thư = Thiên Quân-nhà 君 牙 trong Châu-thư. Phi = Lợn, rất. Hiền = Rõ rệt. Mô = Mưu-mô. Thừa = Nối giữ. Liệt = Công-nghiệp. Khuyết = Thiếu, khuyết-lược.

Đây là kể ra một hồi trị về đời Vũ-vương hay giết được ác-nhân, đuổi được ác-vật, khỏi làm hại người, là một hồi trị thuộc về nhân-sự.

者 弑 有 其 作。暴 微。世
 有 其 之。君 臣 行 邪 衰
 之。父 子 者 弑 有 說 道

Dịch-âm. — « Thế suy đạo vi, tà-thuyết bạo-hạnh hựu tác; thần thi ký quân giả hữu chí, tề thi ký phụ giả hữu chí.

Dịch-NGHĨA. — « Đời suy đạo mờ, tà-thuyết bạo-hạnh lại dấy lên, có kẻ làm tội giết vua, có kẻ làm con giết cha.

Chú-giải. — *Tà-thuyết bạo-hành* = Là những lời phỉ-nhàn đáng ghét-lý, và những sự bội-lý loạn-loãn, như những việc giết vua giết cha. *Hữu-tác* = Đọc làm *hữu-tác*, chữ hữu 有 thông-dụng như chữ *hữu* 又 là lại.

Đây là kể ra một pheo loạn về hồi nhà Châu đã dời sang phương đông, cái nạn tà-thuyết bạo-hành, lại thêm hơn cái nạn hồng-thủy bạo-quân, là một hồi loại bởi tự kì i-vận mà cũng bởi nhân-sự nữa.

惟 乎, 者 孔 之 秋. 孔
春 罪 其 子 事 春 子
秋 我 惟 曰. 也. 秋 懼.
乎. 者 春 知 是 天 作
其 秋 我 故 子 春

Dịch-âm. — « Không-tử cù, tác Xuân-thu ; Xuân-thu thiên-tử chỉ sự dã ; thị cớ Không-tử viết : « Tri ngã giả ký duy Xuân-thu hồ, tội ngã giả ký duy Xuân-thu hồ ».

Dịch-Nghĩa. — « Ông Không-tử lo-sợ, làm ra sách Xuân-thu. Sách Xuân-thu là việc dăng thiên-tử đó. Cho nên Không-tử nói rằng: « Kê biết ta vì nhân-tâm thế-đạo, ấy bởi sách Xuân-thu, kê trách ta dám làm việc dăng thiên-tử, ấy cũng bởi sách Xuân-thu ».

Chú-giải. — *Cù* = Sợ, nghĩa là lo sợ về nhân-tâm thế-đạo suy-đổi. *Xuân-thu* = Ông Không-tử làm sách xử nước Lỗ làm ra kinh *Xuân-thu*, kê làm thiên-tử thì khoe, kê làm ác thì chê, ngu phép-lắc đấng vương-giả, đố thưởng người thiện, phạt người ác.

Đây là kể ra ông Không-tử làm kinh *Xuân-thu* để lại cái phép tri-trị về muôn đời, khiến cho những kẻ loạn-loãn tặc-tử phải sợ, đó là một hồi trị bởi công-trước-thuật, toàn thuộc về nhân-sự.

人 民 之 色 明 愛 則 墨 聖
人 充 道 野 饑 是 歸 翟 王
將 塞 不 有 曰 無 墨 之 不 作
相 仁 息 餓 庖 父 楊 言 諸
食 義 也. 卒 此 肥 我 氏 盈 侯
仁 義 道 獸 肉 我 天 放
充 不 而 廐 無 是 下 恣
塞 著 食 肥 君 無 天 態
則 是 人 馬 是 君 下 處
率 邪 也 民 禽 也 言 士
說 楊 有 獸 也 不 橫
誣 墨 饑 公 歸 議
食 公 朱

Dịch-âm. — « Thánh-vương bất tác, chư-hầu phóng-tử, xử-sĩ hoạnh-nghị, Dương Chu, Mặc Địch chỉ ngôn doanh thiên-hạ, thiên-hạ chỉ ngôn, bất qui Dương tác qui Mặc. Dương-thị vi ngã, thị vô-quân dã ; Mặc-thị kiềm-ái, thị vô phụ dã, vô phụ vô quân, thị cầm thú dã. » Công-Minh Nghi viết : « Bào hữu phi-nhục, cừu hữu phi-mã, dân hữu cơ-sắc, dã hữu ngã biểu, thử svất thủ nhi thực nhân dã. » Dương Mặc chỉ đạo bất tức. Không-tử chỉ đạo bất trừ, thị tà-thuyết vu dân, sung-lắc nhân-nghĩa dã, nhân-nghĩa sung-lắc, tắc suất thủ thực nhân, nhân tương tương thực.

Dịch-Nghĩa. — « Đấng thánh-vương chẳng dấy, nước chư-hầu giông-càn, kẻ xử-sĩ nói bày, học-thuyết người Dương Chu người Mặc Địch dầy khắp trong thiên-hạ, thiên-hạ bàn học-thuật, chẳng theo họ Dương thì theo họ Mặc. Họ Dương chủ về nghĩa vì mình chẳng thiết đem mình ra giúp đời, ấy là không có vua vậy. Họ Mặc chủ về nghĩa gồm yêu, coi người chí-thân không khác gì người ngoài, ấy là không có cha vậy. Không có cha không có vua, đạo làm người tuyệt-diệt, ấy là loài cầm-thú vậy ». Công Minh Nghi có nói rằng : « Chăn có thịt béo, chuồng có ngựa béo, mà để cho dân có sắc đói, ngoài đồng

có xác người chết dôi, ấy là dóng loài thú mà ăn thịt người vậy. » Cái đạo họ Dương họ Mặc mà chẳng diệt tất di, thì cái đạo ông Khổng-tử chẳng rõ rệt, ấy chỉ vì những tà-thuyết làm mê-hoặc dân, dấy lầy mắt cả nhân-nghĩa. Đường nhân-nghĩa bị dấy lầy, thì là dóng loài thú ăn thịt người, mà loài người cũng sắp đến ăn thịt lẫn nhau.

Chú-giải. — *Phóng-tử* = Giọng rõ làm cần. *Hoàn-nghị* = Bàn ngang nói cần, *Sung-tắc* = Dấy lầy, làm cho ngăn-trở.

Đây là kể ra một hồi loạn về cái vụ tà-thuyết làm vu-hoặc nhân-tâm, như cái thuyết họ Dương họ Mặc làm hại mất cả nhân-nghĩa, khiến loài người sắp đến ăn thịt lẫn nhau, chính là hồi đại-loạn đời Chiến-quốc, bởi cả nhân-sự và khí-vận xui lên, đáng sợ hơn đời Xuân-thu.

易	其	事	作	辭	之	吾
言	政	作	於	邪	道	爲
矣	聖	於	其	說	距	此
	人	其	心	者	楊	懼
	復	害	害	不	墨	閑
	起	害	於	得	放	先
	不	於	其	作	淫	聖

Dịch-âm. — « Ngô vị thử cụ, nhân tiên-thánh chỉ đạo, cụ Dương Mặc, phóng dâm-tử, tà-thuyết giả bất-dắc tác; tác ư kỳ tâm, hại ư kỳ sự, tác ư kỳ sự, hại ư kỳ chính; thánh-nhân phục-khởi, bất dịch ngô ngôn hi.

Dịch-Nghĩa. — «Ta vì thế mà lo sợ, phải phòng-vệ lấy đạo của đấng tiên-thánh, cụ-tuyệt học-thuyết họ Dương họ Mặc, ruồng bỏ những lời dâm-dăng, khiến cho tà-thuyết không được dấy lên nữa. Vì tà-thuyết khởi ở tâm-thuật thì hại ngay ở sự làm; khởi ở sự làm thì hại đến chính lớn. Sau này bậc thánh-nhân nào lại dấy lên cũng không di-dịch được cái lời «tác tâm hại sự, tác sự hại chính» của ta được.

Chú-giải. — *Nhân* = Phòng-giữ hộ-vệ cho khỏi hại đến. *Tiên-thánh* = Trỏ về ông Khổng-tử. *Dâm-tử* = Lời nói rỗng-rãi không hợp chính-lý. *Sự* = Mọi điều cử-động hành-vi của cá-nuân. *Chính* = Mọi điều kỷ-cương pháp-độ của xã-hội.

Đây là kể ra cái trách-nhiệm mình phải phòng-vệ chính-đạo, cụ-tuyệt dị-loan, lấy Mạnh mà hay cụ-tuyệt được đạo Dương Mặc khiến cho đạo quân thần phụ tử không đến tuyệt-diệt, cũng là một hồi trị vậy.

..

懼	亂	成	姓	猛	兼	下	洪	昔
臣	春	寧	獸	夷	平	水	者	
賊	秋	孔	而	狄	周	而	禹	
子	而	子	百	驅	公	天	抑	

Dịch-âm. — « Tịch giả Vũ ức hồng-thủy nhi thiên-hạ bình. Châu-công kiếm di-dịch khu mãnh-thù nhi bách-tính ninh. Khổng-tử thành Xuân-thu nhi loạn-thần tặc-tử cụ.

Dịch-Nghĩa. — «Xưa kia vua Vũ trị cái nạn hồng-thủy mà thiên-hạ bình. Châu-công đánh kẻ mọi-rợ đuổi loài thú dữ mà trăm họ yên. Khổng-tử làm thành sách Xuân-thu mà kẻ loạn-thần kẻ tặc-tử sợ.

Chú-giải. — *Ưc* = Trị cho yên di. *Kiểm* = Đánh mà gồm lấy.

Đây là nói tóm lại cái công-nghiệp của ba ông thánh.

也	周	父	我	是	是	詩
	公	無	敢	懲	膺	云
	所	君	承	則	荆	戎
	膺	是	無	莫	舒	狄

Dịch-âm. — *Thi-vân* : « Nhưng-dịch thị ứng, Kinh Thư thị trướng, tác mạc ngã cảm thăng. » Vô phụ vô quân, thi Châu-công sở ứng dã.

Dịch-Nghĩa. — Kinh Thi có nói rằng: «Rợ Nhung-dịch phải dẹp đi, rợ Kinh-Thư phải trị đi, thì chẳng còn ai dám

đương với ta nữa. » Nay đạo Dương Mặc là đạo vô-phụ vô-quần, tề hại hơn loài mọi rợ, thì Châu-công tất phải đánh dẹp đi vậy.

不登以渡心。我
得好承行。息亦
已辯三放邪。欲
也。哉。聖淫說。正
予者。辭。距人

Dịch-âm. — « Ngã diệc dục chinh nhân-lâm, tức tà-thuyết, cự bi-hạnh, phóng dâm-từ, dĩ thừa tam-thánh giả; khởi hiếu biện tại, dư bất-đắc dĩ dã.

Dịch-NGHĨA. — « Ta cũng muốn chinh nhân-lâm, diệt tà-thuyết, cự tuyệt cái hạnh thiên-lệch, ruồng đuổi cái lời dâm-đăng, đề nổi lấy công-nghiệp ba ông thánh trên đó, há sinh gì biện-thuyết tranh-luận đâu, ta bất-đắc dĩ vậy.

Chú-giải. — Bi = Thiên lệch bất-chính. Đây là nói rõ ra cái cơ bất-đắc dĩ, chứ không phải là hiếu-biện. Vì cái vô tà-thuyết của Dương Mặc, làm hoại mất tâm-thuật người, có phần tệ hơn cái nạn nước lụt thủ dữ, thâm hơn cái vạ mọi-rợ tranh-cướp; nếu thầy Mạnh sợ vì thế, bất-đắc dĩ phải biện-bác đề cử vớt cho thiên-ha vậy.

也。之。聖。墨。距。能
徒。人。者。楊。言

Dịch-âm. — « Năng ngôn cự Dương Mặc giả, thánh-nhân chi đồ dã. »

Dịch-NGHĨA. — « Thiên-ha không kỳ ai mà hay nói đề cự-tuyệt cái học-thuyết Dương Mặc, thì người ấy là môn-đồ thánh-nhân cả. »

Chú-giải. — Đây là nói cái trách-nhiệm cự-tuyệt di-toan là trách-nhiệm chung của người trong thiên-na, không riêng gì trách-nhiệm thầy Mạnh, ai cũng có thể lấy biện-luận mà cự-tuyệt những kẻ tà-thuyết đi được. Huống chi thầy Mạnh lại cố: vì duy-tri lấy thế-đạo, muốn kuông biện-bác sao được.

聞之。半有。聞陵。不匡。
目三矣。李。目三。誠章。
有咽。旬。無日。康曰。
見然。旬。食見。不廉士。
後往。實也。食。哉。陳仲。
耳將。者井。耳居。子。
有食。過上。無於。登。

Dịch-âm. — Khuông Chương viết : « Trần Trọng-Tử khởi bất thành liêm-sĩ tại, cư Ó-lãng, tam nhật bất-thực, nhĩ vô văn, mục vô kiến dã, tỉnh thượng hữu lý, tào thực thực-giả quá bán hĩ, bồ-bặc, vãng tương thực chi, tam yết, nhiên hậu nhĩ hữu văn, mục hữu kiến. »

Dịch-NGHĨA. — Khuông Chương nói rằng : « Người Trần Trọng-Tử há chẳng thực là người liêm-sĩ lắm thay ! Trọng-Tử ở đất Ó-lãng, cùng-khò đến nổi ba ngày chẳng được ăn, cơ-hồ tai không nghe, mắt không thấy gì cả. Trên bờ giếng có cây mận, con sâu Tào ăn quả nó đã hết quả nữa. Trọng-Tử khúm-núm bỏ đến ăn cái quả ấy, nuốt ba cái rồi sau tai mới lại nghe rõ, mắt mới lại trông thấy. »

Chú-giải. — Khuông Chương, Trần Trọng-Tử = Đều là người nước Tề. Liêm = Tự-xử có phân - hạn phân-minh, không thêm lấy của người. Bồ-bặc = Mỗi một phải bỏ khúm-núm mà đi.

Đây là Khuông Chương kể ra cái khổ-liết thanh-liêm để chứng thực về cái nết liêm, mà khen Trọng-Tử.

也。蚓仲子。擊以國孟
而子惡焉。仲之子
後之能雖子士。曰。
可操。廉。然爲吾於
者則充仲巨必齊

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « U Tề quốc chi sĩ, ngô tất dĩ Trọng-Tử vì cự-phách yên. Tuy-nhiên, Trọng-Tử ở năng liêm, sung Trọng-Tử chi thảo, tắc dẫn nhĩ hậu khả giả dã.

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Hiện nay kẻ sĩ trong nước Tề, ta phải cho Trọng-Tử là một tay cự-phách vậy. Tuy vậy, Trọng-Tử sao hay gọi được là liêm ; cứ sung cái nết của Trọng-Tử mà suy làm cho cùng, thì chỉ như loài giun mới có thể làm được vậy.

Chú-giải. — **Cự-phách** = Ngón tay cái, to hơn các ngón tay khác, vì cái người giỏi hơn trong hạng người. **Sung** = đây, suy cho đến đây đủ. **Thảo** = Cái nết giữ gìn, cái tiết-thảo.

Đây là nói cứ như cái nết Trọng-tử mà suy làm cho đến cùng, thì trừ phi như loài giun không cầu gì đến ai nữa, thì mới gọi là liêm được.

* *

未	盜	夷	桀	與	之	飲	夫
可	跖	之	與	抑	室	黃	甥
知	之	所	所	亦	伯	泉	上
也	所	樹	食	盜	夷	仲	食
	樹	與	之	跖	之	子	稿
	與	抑	粟	之	所	所	壤
是	亦	伯	所	桀	居	下	

Dịch-âm. — «Phủ dẫn, thượng thực cảo nhưông, hạ ẩm hoàng-tuyền. Trọng-Tử sở cư chi thất, Bá-Di chi sở trú dư, ức diệc Đạo-Chích chi sở trú dư ; sở thực chi túc, Bá-Di chi sở thụ dư, ức diệc Đạo-Chích chi sở thụ dư ; thị vị khả tri dã.»

DỊCH-NGHĨA. — «Ồi, loài giun trên ăn đất khô, dưới uống nước đục, không cầu gì với đời nữa thì mới hay liêm được. Nay Trọng-Tử còn phải có nhà ở, cái nhà của Trọng-Tử ở, có được như nhà Bá-Di làm ra chăng? Hay cũng như nhà Đạo-Chích làm ra chăng? Trọng-Tử còn phải ăn đến thóc, cái thóc của Trọng-Tử ăn, có được như thóc Bá-Di trồng ra chăng? hay cũng như thóc Đạo-Chích trồng ra đó chăng? Sự ấy cũng chưa biết đâu được».

Chú-giải. — **Bá-Di** = Con vua Cỗ-trúc nhường nước cho em, có tiếng là người liêm. **Đạo-Chích** = Kẻ trộm đời Xuân - thu tên là Chích, có tiếng là người tham.

Đây là nói Trọng-Tử còn phải có sự ăn ở, còn phải có sở-cầu với đời, không thể bất-chước như loài giun được, thì chưa chắc đã thanh được như Bá-Di, hay cũng tham như Đạo-Chích, chưa vội khen là liêm-sĩ được.

* *

也。以妻身傷曰。

易辟織哉。是

之鑑。曷彼何

Dịch-âm. — **Viết** : «Thị hà thương-tai, bỉ thân chức lữ, thế bích lư, dĩ dịch chi dã.»

DỊCH-NGHĨA. — Khuông Chương nói rằng : «Ấy có hại gì đến sự liêm dẫu. Người kia thân làm nghề dệt dèp, vợ làm nghề đánh thừng gai, dễ dỗi lấy thức ăn vậy».

Chú-giải. — **Bích** = Vải đánh ra chuỗi ra thừng. **Lư** = Thừng gai đã luyện chín.

Đây là nói thức ăn ở của Trọng-Tử tuy không phải tự Bá-Di làm ra, nhưng không phải là của phi-nghĩa, thì cũng không hại gì sự liêm.

* *

日	鰥	弟	兄	處	義	祿	祿	曰
是	也	貌	生	於	之	而	萬	仲
貌	與	者	鰥	於	室	不	鐘	子
貌	之	爲	者	陵	而	食	以	齊
之	食	哉	已	他	不	也	兄	之
肉	之	他	頻	日	居	以	之	世
也	其	日	順	歸	也	兄	祿	家
出	兄	其	曰	則	辟	之	爲	也
而	自	母	惡	有	兄	室	不	兄
哇	外	殺	用	饋	雖	爲	義	載
之	至	是	是	其	母	不	之	蓋

Dịch-âm. — **Viết** : «Trọng-Tử Tề chi thế-gia dã, huynh Đái, Cáp lộc vạn chung, dĩ huynh chi lộc, vì bất-nghĩa chi lộc, nhi bất thực dã, dĩ huynh chi thất, vì bất-nghĩa chi thất nhi bất cư

dã, tị huynh ly mẫu, sử u Ô-lăng, Tha nhật qui, tắc hữu quỹ kỳ huynh sinh nga giả; kỳ lân-xúc viết: Ô dụng thí ngật-ngật giả vi tai; tha-nhật, kỳ mẫu sát thí nga dã, dĩ chỉ thực chí, kỳ huynh tự ngoại chỉ, viết: Thị ngật-ngật chi nhục dã, xuất nhi oa chi.

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: « Trọng-Tử là dòng-dối thế-gia nước Tề vậy, người anh là Đái, ăn lộc phong-ấp đất Cáp muốn chung thóc. Trọng-Tử cho cái lộc của anh là cái lộc bất-nghĩa mà chẳng ăn, cho nhà của anh là cái nhà bất-nghĩa mà chẳng ở, tránh anh lia mẹ, ra ở đất Ô-lăng. Một ngày kia tự đất Ô-lăng về chơi, thì thấy có kẻ đem cho anh con ngỗng sống. Trọng-Tử tự mình nhìn-nhớ bảo rằng dùng làm gì cái con tiếng kêu ngật ngật kia! Ngày khác, người mẹ giết con ngỗng ấy, cho Trọng-Tử ăn. Người anh tự ngoài đi đến nói rằng: ấy là thịt cái con kêu ngật-ngật đấy. Trọng-Tử bước ra mà ọe-nhỏ cái thịt ấy đi.

Chú-giải. — *Thế-gia* = Nhà đời-dời nối đời làm quan khanh. *Tân-xúc* = Cách-bộ nhậu-nhó không há lỏng. *Ngật-ngật* = Tiếng ngỗng kêu. Đây là thầy Mạnh thuật ra cái sự-trạng của Trọng-Tử, làm ra bộ kiêu-khích thanh-liêm.

★

者	糾	也	尙	於	之	妻	以
也	而	乎	爲	陵	室	則	母
後	若	能	則	則	食	則	
充	仲	充	居	弗	之	不	
其	子	其	之	居	以	食	
操	者	類	是	以	兄	以	

Dịch-âm. — « Dĩ mẫu tắc bất-thực dĩ thế tắc thực chí, dĩ huynh chi thất tắc phát cư, dĩ Ô-lăng tắc cư chi. thị thượng vi năng sung kỳ loại dã hữ, nhữc Trọng-Tử dĩ, dẫn nhi hậu sung kỳ thảo giả dã ».

DỊCH-NGHĨA. — « Lấy của mẹ thì chẳng ăn, mà của vợ thì ăn; lấy nhà của anh thì chẳng ở, mà đất Ô-lăng thì ở, như thế thì dã hay sung được cái tiết-tháo, bỏ hết sự ăn ở đâu! Cứ như nết Trọng-Tử thì chỉ làm loài giun bỏ hết sự ăn ở mới làm cho sung được cái tiết-tháo ấy vậy ».

Chú-giải. — Đây là Thầy Mạnh phán đoán cái nết liêm của Trọng-Tử, bảo rằng trừ-phi Trọng-Tử không ăn của vợ, không ở Ô-lăng bỏ hết cả sự ăn ở đi thì mới giữ trọn được cái nết liêm, đề rõ ra cái liêm của Trọng-Tử là cái nết liêm kiêu-khích, không phải là nết liêm chính-dã.

THIÊN LY-LÂU THUỘNG

離婁章句上

(Gồm 28 chương)

凡二十八章

I

不	之	能	聰	成	不	明	孟
能	道	正	不	方	以	公	子
平	不	五	以	員	規	輪	日
治	以	音	六	師	矩	子	離
天	仁	堯	律	曠	不	之	婁
下	政	舜	不	之	能	巧	之

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết: « Ly-Lâu chỉ minh, Công-Thâu-tử chỉ xảo, bất-dĩ qui-cử, bất năng thành phương viên; Sư Khoáng chỉ thông, bất dĩ lục-luật, bất năng chính ngũ-âm; Nghiêu Thuấn chỉ đạo, bất dĩ nhân-chính, bất năng bình trị thiên-hạ.

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: «Người Ly-Lâu là người minh, gã Công-Thâu là người xảo, chẳng dùng khuôn tròn thước vuông, chẳng thành được đồ vuông đồ tròn. Quan nhạc-sư Khoáng là người thông chẳng dùng sáu ống luật, chẳng định được năm thứ tiếng, Đạo vua Nghiêu vua Thuấn cốt tại

dân, không thi-hành ra nhà 1-chính thì không bình-trị được thiên-hạ.

Chú-giải. — *Ly-Lâu* = Kể có tiếng là mất sáng đời xưa. *Công - Châu* = Người khéo ở nước Lỗ. *Qui* = Cái khuôn làm mẫu để chế đồ tròn. *Cũ* = Cái thước làm mẫu để chế đồ vuông. *Sư Khoáng* = Quan nhạc-sư nước Tấn tên là Khoáng, là kẻ thâm-âm. *Lục-luật* = Cắt dóng trước ra làm sáu ống âm sáu ống dương, cả thảy là mười hai ống, để tiết-dinh tiếng cao tiếng hạ trong ngũ-âm, là lối âm-nhạc ngày xưa. *Ngũ-âm* = Tiếng Cung 宮, tiếng Thương 商, tiếng Giốc 角, tiếng Chủy 徵, tiếng Vũ 羽.

« Đây là mượn hai câu thí-dụ để nói cái lẽ trị thiên-hạ phải có pháp-độ, mà nhân-chính tức là cái pháp-độ để trị thiên-hạ đó.

道先者。於不彼而心今
也。王不後可其民仁有
之行世法澤。不聞。仁

Dịch-âm — « Kim hữu nhân-lâm nhân-văn, nhi dân bất bị kỳ trách, bất khả pháp ư hậu-thế giả, bất hành tiên-vương chi đạo dã.

Dịch-NGHĨA. — « Vua đời nay cũng có người có lòng nhân, tiếng khen là nhân, mà dân chẳng được nhờ ơn, và chẳng có điều gì khá làm phép cho đời sau; là vì chẳng thực-hành cái nhân-chính của đấng tiên-vương vậy.

Chú-giải. — *Nhân-lâm* = Lòng tốt yêu dân. *nhân-văn* = Tiếng khen là người nhân-từ.

自能法政。以不徒故
行。以不徒爲足善曰。

Dịch-âm. — « Cổ viết: Đễ thiên bất túc dĩ vi chính, đồ pháp bất năng dĩ tự hành.

Dịch-NGHĨA. — « Cho nên bảo rằng chỉ có lòng tốt suông thì không đủ làm

được chính-trị; chỉ có phép hay suông thì cũng chẳng hay suy làm ra được.

也。未而王章。率愆詩
之過之逵由不云。
有者。法先舊忘。不

Dịch-âm. — « Thi-vân: « Bất khiển bất vương, suất do cữu-chương ». Tuấn-tiên-vương chi chấp nhi quá giả, vị chi hữu dã.

Dịch-NGHĨA. — « Kinh Thi nói rằng: « Chẳng lỗi chẳng quên, theo noi phép cũ ». Nói cái phép đấng tiên-vương, mà có cái lỗi quên làm chẳng bình-trị được thiên-hạ ấy, chửa có lẽ thế bao giờ.

Chú-giải. — *Thi* = Thơ *Gia-lạc* 假樂 trong thiên Đại-nhã.

Đây là nói phải nên noi theo pháp-độ của đấng tiên-vương.

而仁繼勝以也。方之聖
仁之以用六既員以人
覆之不也。律竭平規
天下不忍既耳直矩
矣。人之五力不車目
政。思言焉。可。織。力
政。焉。可。織。勝。以
政。焉。可。織。勝。以

Dịch-âm. — « Thành nhân ký kiệt mục lực yên, kể chỉ dĩ qui củ chuẩn thẳng, dĩ vi phương viên bình-trục, bất khả thăng-dụng dã; ký-kiệt nhi-lực yên, kể chỉ dĩ lục-luật chỉnh ngũ-âm, bất khả thăng-dụng dã; ký-kiệt lâm tư yên, kể chỉ dĩ bất nhân nhân chi chính, nhi nhân phú thiên-hạ hi.

Dịch-NGHĨA. — « Đấng thánh-nhân xưa đã dùng hết sức mắt để chế khuôn, kể lại chế ra cái qui củ cái củ chuẩn cái thẳng, để làm mẫu chế đồ

vuông đồ tròn, đồ phẳng đồ thẳng, vì thế cái phép chế-tác dùng mãi không cùng. Đã dùng hết sức tại đề xét âm-nhạc, kể lại đem sáu ống luật định năm thứ tiếng, vì thế cái phép làm nhạc dùng mãi không kiệt. Đã hết lòng suy-nghĩ yêu dân, kể lại đem cái chính thương người thực-hành ra nên nhân-dức của thánh-nhân mới che trùm khắp cả thiên-hạ vậy.

Chú-giải. — Chuẩn = Cái thước làm mẫu để chế đồ phẳng. Thăng = Cái dây làm mẫu để chế đồ thẳng. Phủ = Che trùm khắp mọi nơi. Đây là nói thánh-nhân lập ra chế-độ rất là hoàn-thiện, sở dĩ đời sau phải nên theo.

*.

智之不川爲必故
乎。道。因。澤。下。因。曰。
可先爲必在爲
謂王政因。陵。高

Dịch-âm. — « Cổ viết : Vì cao tất nhân khâu lằng, vì hạ tất nhân xuyên trạch; vì chính bất nhân tiên-vương chi đạo, khả vị trí hồ ? »

Dịch-NGHĨA — « Cho nên nói rằng : Làm nên cao tất nhân gò đồng, làm chũng thấp tất nhân sông chằm ; làm chính mà chẳng nhân theo cái đạo đẳng tiên-vương, khả gọi là khôn dấy ư.

Chú-giải. — Đây là nói thí-dụ làm việc gì nên có sở-nhân thì dùng sức ít mà nên công nhiều không thể thí là ngu-dại.

*.

也。惡是在不在仁是
於播高仁高者以
衆其位。而位。宜惟

Dịch-âm. — « Thí dĩ duy nhân-giả nghĩ tại cao vị, bất-nhân nhi tại cao vị, thí bá kỳ ác ư chũng dã.

Dịch-NGHĨA — « Cho nên chỉ ông vua đem lòng nhân thực-hành nhân-chính

nên ở ngôi cao, thì dân mới được nhờ ; nếu ông vua bất-nhân mà ở ngôi cao, thì là gieo rắc cái ác-hại cho dân-chúng vậy.

*.

也。所犯犯信信守也。上
存刑。義。度。道。也。下無
者國小君工朝無道
幸之人子不不法揆

Dịch-âm. — « Thượng vô đạo qui dã, hạ vô pháp thủ dã, triều bất tín đạo, công bất tín độ, quân-tử phạm-nghĩa, tiểu-nhân phạm-hình, quốc chi sở tồn giả hạnh dã.

Dịch-NGHĨA — « Người trên không có đạo-lý để mà đo-dắc, người dưới không có phép-tắc để mà giữ-gìn, như thế thì trong triều chẳng tin giữ đạo-lý, các quan chẳng theo phép-tắc, kẻ trên phạm danh-nghĩa, kẻ dưới phạm hình-pháp, nước mà còn được là may.

Chú-giải. — Quĩ Đo = lường sừa sang mọi sự mọi vật. Công = Các quan. Quân-tử = Trẫm người ở ngôi trên, Tiểu-nhân = kẻ dưới.

Đây là kể rõ ra cái tai-vạ ông vua bất-nhân mà ở ngôi cao, thì thần-dân đều hóa ra gian-tà làm phạm phép mà đến mất nước.

*.

矣。民禮之財田非完。故
興。下害不野國矣。曰。
喪無也。聚。不之甲城
無學。上非詐。災不郭
日賊無國貨也。多。不

Dịch-âm. — « Cổ viết : Thành-quách bất hoàn, binh-giáp bất da, phi quốc chi tài dã ; diên-dã bất tịch, hóa-tài bất tu, phi quốc chi hại dã ; thượng vô lễ, hạ vô học, tác dân hưng, tăng vô nhật hĩ.

Dịch-NGHĨA — « Cho nên nói rằng thành-quách chẳng hoàn-bị, đồ binh-giáp chẳng có nhiều, chẳng phải là cái tai-nạn trong nước vậy ; ruộng

nương chẳng mở-mang, của cải chẳng tích - tụ, chẳng phải là sự nguy-hại trong nước vậy; người trên không có lễ-giáo, người dưới không có học-thức, kẻ dân tàn-tật dấy lên, nước mất đến nơi.

Chú-giải. — Đây là kể rõ ra cái cơ nước đến tai-bại, là tại ông vua bất-ahân gieo rắc cái ác cho dân.

Tự đây trở lên là thiết-trách về kẻ làm vua. Tự đoạn dưới trở xuống là thiết-trách về kẻ làm tôi. Vì vua tôi có đồng-đức đồng-tâm, mới thành ra được sự bình-trị thiên-ha quốc-gia.

泄 無 方 天 詩
泄。然 厥。之 曰。

Dịch-âm. — «Thi viết: «Thiên chi phương quệ, vô nhiên duệ duệ.»

Dịch-NGHĨA — «Kinh Thi nói rằng: «Trời được làm nghiêng đổ, chớ biếng trễ như thế.»

Chú-giải. — Thi = Thơ 板 thiên Đại nhã. Duệ-duệ = Dáng-bộ lười biếng trễ-nải, chỉ a-dua với đời.

咨 猶 泄
也。咨 泄

Dịch-âm. — «Duệ-duệ do Ạp-Ạp dã.

Dịch-NGHĨA — «Kinh Thi nói duệ duệ cũng như tục-ngữ nói Ạp-Ạp vậy.

Chú-giải. — Ạp-Ạp = Nghĩ cũng như duệ-duệ, chừng tục-ngữ đời thầy Mạnh có cái tiếng như vậy.

咨 者。王 則 無 義。事
也。猶 之 非 禮。進 君
咨 道 先 言 退 無

Dịch-âm. — «Sự quân vô-nghĩa, tiến thoái vô-lễ, ngôn tắc phi tiên-vương chi đạo giả, do Ạp-Ạp dã.

Dịch-NGHĨA — «Kể thờ vua không có nghĩa, khi tiến khi thoái không có lễ, nói ra thì phi-báng cái đạo đáng tiên vương, thế là Ạp-Ạp vậy.

Chú-giải. — Đây là kể ra cái sự thực kể làm tôi không biết giúp vua.

之 不 敬。邪 陳 謂 難 故
賊。能 吾 謂 善 之 於 曰
謂 君 之 閉 恭。君 責

Dịch-âm. — «Cổ viết: Trách nan u quân vị chi cung, trần-thiện bế-tà vị chi kính, ngô quân bất năng vị chi tặc.»

Dịch-NGHĨA. — «Cho nên bảo rằng trách mong vua lấy những sự viển-dại khó làm, gọi là cung là tôn vua đó; bày điều thiện át điều tà, gọi là kính là trung với vua đó. Nếu bảo rằng vua ta không thể làm được cái đạo tiên-vương, mà chẳng trách điều khó bày điều thiện, gọi là tặc là kẻ làm hại vua.»

Chú-giải. — Đây là thiết-trách kẻ làm tôi phải nên hết lòng giúp vua để thực-hành lấy vương-chính.

II

至 人 也。員 規 孟
也。倫 聖 之 矩 子
之 人 至 方 曰。

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết: «Qui củ, phương viên chi chi dã, thánh-nhân, nhân-luân chi chi dã.

Dịch-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: «Cái qui cái củ, là khuôn rất bậc để làm vuông tròn, đáng thánh-nhân, là rất bậc vẽ đạo làm người.

其 以 也。君。之 而 二 欲
民 治 不 不 所 已 者 爲
者 民 以 敬 以 矣。皆 臣
也。治 堯 其 事 不 法 盡
也。民 之 君 堯 以 堯 臣
賊 所 者 事 舜 舜 道。道。

Dịch-âm. — « Dục vi quân tạn quân đạo, dục vi thần tạn thần đạo, nhị giả giai pháp Nghiêu Thuấn nhi dĩ hĩ. Bất dĩ Thuấn chi sở-dĩ sự Nghiêu sư quân, bất kinh kỳ quân giả dã, bất dĩ Nghiêu chi sở-dĩ trị dân trị dân, tặc kỳ dân giả dã.

Dịch-NGHĨA. — « Nay muốn làm vua mà hết được đạo vua, muốn làm tôi mà hết được đạo tôi, hai điều ấy đều bất-chước vua Nghiêu vua Thuấn mà thôi vậy. Nếu không đem cái đạo vua Thuấn sở-dĩ thờ vua Nghiêu mà thờ vua mình, là không kinh vua mình vậy; không đem cái đạo vua Nghiêu sở-dĩ trị dân mà trị dân mình, là làm hại dân mình vậy.

Chú-giải. — Sở-dĩ = Nên giải nghĩa như tiếng những-diều.

Đây là nói bất-chước Nghiêu Thuấn để ở cho hết đạo làm vua làm tôi, cũng như là dùng cái qui cái củ để làm cái khuôn phép làm vuông làm tròn, thì mới là đúng phép rất bậc.

已仁與二。曰。孔
矣。而不仁遠子

Dịch-âm. — « Không-từ viết : « Đạo nhị, nhân dữ bất-nhân nhi dĩ hĩ ».

Dịch-NGHĨA. — Ông Không nói rằng : « Đạo có hai : nhân, với bất-nhân mà thôi vậy. »

Chú-giải. — Đây là dẫn lời ông Không, để rõ ra rằng bất-chước Nghiêu Thuấn mà làm được hết đạo về vua tôi là nhân, nếu không bất-chước Nghiêu Thuấn mà nhờn vua hại dân là bất-nhân, để răn người ta nên theo về đường nhân mà làm cho hết đạo nhân-luân như Nghiêu Thuấn.

不慈厲。名身亡。則暴
能孫。雖之危。不身其
改百孝。曰。國甚。弑民
也。世子幽。削。則國甚。

Dịch-âm. — « Bạo kỳ dân thậm, tặc thân thì quốc vong, bất thậm tặc thân nguy quốc tước, danh chi viết U Lệ, tuy hiếu-tử từ-tôn, bách-thể bất năng cải dã.

Dịch-NGHĨA. — « Làm hại dân mình lắm, thì thân bị giết nước bị mất, vừa vừa thì thân bị nguy nước bị yếu; ngay sau tên thụ hoặc gọi là U, hoặc gọi là Lệ, dấu con hiếu cháu hiền, trăm đời sau không thể vì tiền-nhân đổi đi được vậy.

Chú-giải. — U. Lệ = Tên thụ bai ông vua về hồi cuối nhà Châu. U nghĩa là hôn-ám, Lệ nghĩa là bạo-ngược, đều là cái tên xấu. Phàm ông vua mất rồi, thiên-bạ công-nghi, vua hay thì đặt tên hay, vua dở thì đặt tên dở, gọi là tên thụ.

Đây là nói cái tai-vạ của ông vua bất-nhân, không những là hại ở đời mình, mà lại còn dễ tiếng xấu đến đời sau, rất là đáng sợ.

也。之世。后在不殷時
謂此之夏禮。鑒云。

Dịch-âm. — « Thi văn : « Ân giám bất viễn, tại Hạ-hậu chi thế ». Thủ chi vị dã. »

Dịch-NGHĨA. — « Kinh Thi nói rằng : « Nhà Ân soi gương chẳng xa, ở ngay đời vua nhà Hạ ». Chính rằng thế vậy.

Chú-giải. — Thi = Thơ 詩 當 thiên Đại-nhã.

Đây là dẫn kinh 詩 nói về vua Trụ nhà Thương « Ân » nên lấy vua Kiệt nhà Hạ làm gương, người đời sau thì lại nên lấy vua U vua Lệ làm gương, răn sự bất-nhân mà bất-chước lấy điều nhân như vua Nghiêu vua Thuấn.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU VÀ TÙNG-VÂN DỊCH

TIỂU-THUYẾT

CHÔNG TÔI

Phong-lưu diễm-sử

(Tiểu-thuyết Tàu *Dư chi phu* 余之夫 của TỪ TRÂM-Á)

XI

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI MỐT

Hoa mai cổ-lý, phụ-tử đoàn viên.

Nét chữ ngọc-hỗ, tướng-công thưởng-thức.

Tiểu-Sơn khi từ-biệt Thu-Mộng-Các, cùng với Mộng-Chi xuống thuyền trở về cổ-hương, trong khi đi đường, nửa phần hoan-hỉ, nửa phần bi-cảm. Nghĩ đến nông-nỗi mấy năm bị đuổi, nhất-dân trở về; cha già tuổi tác, nay đã hồi-tâm, thực là một sự khá mừng. Lại nghĩ đến tình-cảnh Thu-Mộng-Các trong cơn lâm-biệt, tật-bệnh thể-lương, khôn xiết ân-hận uất-ức, không khỏi có phần phụ-tâm. Nhân truy-ức sự Nhan Tam-Cô ngày trước, một sự Nhan Tam-Cô đã làm cho mình bận lòng bao nhiêu, huống-chi lại thêm sự Thu-Mộng-Các nữa.

*Quái thay là một chữ tình,
Làm cho tâm-huyết bán-sinh hao mòn.
Khuôn duyên biết có vuông tròn,
Lắm người chẳng chờ lại toan làm mình.
Thể-lương nhữnq lúc đêm thanh,
Một mình mình nghĩ một mình mình dơ.*

Tiểu-Sơn với Mộng-Chi hai người vì đường về tâm-kiếp, chẳng mấy ngày đã tới cảnh gia-hương. Mộng-Chi với-vàng vào bầm thân-phụ trước. Tiểu-Sơn thì còn ở chỗ khách-phòng, đợi phụ-mệnh. Tiểu-Sơn để mắt trông ra bốn bên, thấy nét chữ ở trên vách,

là chữ của mình đề-vịnh năm xưa, ngày nay bị bụi-bậm ăn, nét chữ đã biến ra sắc đen-mờ. Ngoài cửa sổ có một cây mai, là tự tay mình trồng ra, lúc đi nó mới thấp độ một thước, ngày nay nó đã cao lên một trượng, cành lá tiêu-sơ, nụ hoa đương chớm cả sắp nở. Lại có hai ba con chim sẻ đậu ở cành riu-rít kêu, dường như thấy chủ-nhân về mà hoan-nghehnh đó. Tiểu-Sơn gật đầu nghĩ bụng rằng cây với chim còn như vậy, người há vô-tình được sao! Tiểu-Sơn đương để lòng cảm-tưởng, chợt nghe ở nhà trong có tiếng nói to lên rằng: « Con ta Tiểu-phi đã về đấy dư! Sao chưa vào tiến-kiến ta vậy? » Tiểu-Sơn nghe dịch là tiếng phụ-thần, trong tâm chợt động, hai hàng nước mắt tuôn ra chan-chứa như thể nước trào, không sao ngăn cầm được, Tiểu-Sơn liền chạy vào, vừa đến cửa, thì Mộng-Chi vừa chạy ra, Mộng-Chi nắm lấy tay Tiểu-Sơn, hai người cùng chạy vào chỗ phòng phụ-thần. Tiến đến phòng thấy lá màn vừa mở ra, lộ ra một vị da mồi tóc bạc, thể-cốt gầy-gù, đôi mắt sáng quắc, nhắm vào Tiểu-Sơn, con người chẳng chút chuyển-động, mà đôi kẻ mắt đã liền thấy có ngần lệ tuôn. Tiểu-Sơn liền chạy lại bên giường, cúi kêu lên được một tiếng rằng: « Lạy cha ». Rồi hai cha con nhất-tề òa khóc, dường như mất tiếng. Tiểu-Sơn quì xuống dưới giường, hai tay ôm lấy chân phụ-thần, khóc mãi chẳng thôi. Mộng-Chi

đứng ở bên cạnh, trình lời khuyên-giải. Phu-thân là Hán Thần mới lau nước mắt, liền cá cười nói rằng : « May sao ! ngày nay ta lại được trông thấy cái cảnh cốt-nhục đoàn-viên, không ngờ tuổi kẻ niềng lỗ, lại được có điều vui-vẻ như nguyên xúng-tám. » Hán-Thần liền gọi người vợ Mộng-Chi là Ngô-thị ra làm lễ yết-kiến anh chồng, rồi truyền cho vợ chồng Mộng-Chi đi sửa-soạn đồ rượu. Vợ chồng Mộng-Chi lui ra, chỉ Tiểu-Sơn một mình ở trong hầu chuyện Hán-Thần. Tiểu-Sơn khi ấy, chỉ trừ sự Nhan Tam-Cổ và sự Thu-Mộng-Các hai sự ấy, ăn không nói ra, hằng tạm giữ cái phương - pháp bí - mật, còn thì ngời ra, trong mấy năm, lịch-duyet những địa-phương nào, giao-du với những nhân - vật nào, trước - tác ra những thơ-văn gì, đều nhất-nhất lược-thuật cho Hán-Thần nghe. Hán-Thần nghe nói, cả than-thở và cả mừng. Được chút lâu, vợ chồng Mộng-Chi vào bữa tiệc rầu đã sắp-dặt xong. Hán-Thần liền đứng dậy ra chỗ thực-phòng. Hán-Thần ngồi giữa, Tiểu-Sơn với Mộng-Chi đều ngồi ở tả-hữu đôi bên. Ngô-thị thì ngồi cách xa ở đằng mé đông-sương, khi đứng khi ngồi, làm người đón tay kẻ gia-nhân, đem các thứ rượu, các thứ đồ ăn, dâng lại tiệc rượu. Hán-Thần khi ấy, tinh-thần tráng-vượng, cả nói cả cười, khí-tượng bội-phần vui-vẻ. Tiệc rượu xong, vợ chồng Mộng-Chi liền nói riêng với nhau rằng : « Tự khi anh Tiểu-Sơn đi ra khỏi nhà về sau, chẳng từng thấy ông nhà ta khi nào cao-hừng như phen này, ấy là cái tình cha con, gốc ở tình trời, chúng ta ngày nay mới thật là trông thấy cái cảnh hòa-lạc trong gia-dinh. Nên biết rằng cái tình-cảm của người ta trong một gia-dinh, là cái tình-cảm do tự căn-tính mà hiện ra. Ngay như vợ chồng ta, bấy lâu vắng một người anh, trong lòng cũng không thấy có sự vui vậy. » Hán-Thần từ đấy, đối với phạm-sự

trong gia-dinh, đều đã tạm như nguyên chỉ còn sự hôn-thú cho Tiểu-Sơn, chưa có nơi nào khiến cho nhân-duyên được mãi-mãi.

Khi ấy có một vị tướng - quốc là Hồng Tung-Nhiên, Tung-Nhiên là nhà văn-chương mà cầm quyền nước, lại là người đồng-hương với họ Dịch. Tung-Nhiên vốn là người phong-nhã, thừa văn-niên cũng thích nghiên-cứu những đồ thư-họa kim-thạch cổ-ngoạn. Có một viên kinh-quan họ Ngô cầu vào yết-kiến, đem hiến một cái đồ quý. Người ấy mới ở đất Thượng-hải lên kinh, đồ ấy là cái lọ nhỏ-nhỏ chất bạch-ngọc chế thành. Cái lọ bạch-ngọc cũng chẳng đủ lạ gì, chỉ lạ về trên cái lọ có khắc một bài *Lạc-thần-phú*, có đến mấy trăm chữ, đem kính hiên-vi soi, thì bút-pháp với đao-pháp tú-mị cồ-nhã phân-minh, không một nét nào cầu-thả. Cuối cùng có thự-khoản rằng : « Giang Tiểu-Sơn chết lặng, Giang Hương nhân-huynh thanh-thưởng », và đề mộ-niên mộ - nguyệt mộ - nhạn hân - hoi. Hồng-tướng-quốc biết rằng nghề ấy là nghề tuyệt-thế, phẩm ấy là phẩm vô-song, mà người chế ra phẩm ấy là người hiên - thời, nhân nói rằng : « Không ngờ nước ta có kẻ dị-nhân như thế ! làm thế nào khiến người ấy cùng ta nhất-kiến thì hay lắm. » Viên họ Ngô nói rằng : « Nghe nói người ấy vẫn ở Thượng-hải, quan tướng-quốc muốn tiếp - kiến, vậy cũng chẳng khó gì. » Hồng-tướng-quốc cả mừng, liền định uỷ-thác cho viên họ Ngô tìm hỏi cho được nhân-vật Giang Tiểu-Sơn. Hồng-tướng-quốc với viên họ Ngô đương cùng nhau thương-lượng. Chợt có một người khách vốn nghĩa đồng-hương với tướng-quốc là Dịch Kinh-Khanh, bấy lâu vẫn làm chức quan kinh, khi ấy vào tiếp-kiến tướng-quốc. Trong khi đàm-tiểu thông-dong, tướng-quốc đem cái lọ ấy ra phỏ cho Dịch Kinh-Khanh xem, và hỏi rằng : « Ngai có

từng nghe ai nói đến tinh-danh người này không? » Kinh-Khanh tay tiếp cầm cái lọ, ngẫm-nghĩa yêu lạ, không muốn dời tay, trong bụng thì nghĩ riêng rằng cái danh-tự Giang Tiểu-Sơn, dường như ta đã quen hiểu lắm. Kinh-Khanh ngẫm-nghĩ một chút, liền đặt cái lọ xuống mà nói rằng: « Vì kim-thạch danh-gia Giang Tiểu-Sơn này, tôi thực hiểu biết. Nguyên-lai người ấy cùng với hàn-gia tôi từng có phát-sinh một sự quan-hệ. » Kinh-Khanh nhân đem sự người nghĩa-nữ của mình là Nhan Tiểu-Ngọc (tức Nhan Tam-Cổ) thuật ra một hồi, lại liền nói rằng: « Năm ngoái tôi có tiếp được một bức gia-thư gửi cho tôi, có kể ra Giang Tiểu-Sơn thật là một kẻ văn-nhân, thi-tử phong-lưu, tài-học kiêm giỏi. Vì người ấy có chơi thân với kẻ bà con tôi là Chung Trúc-sĩ, mà người nghĩa-nữ tôi Nhan Tiểu-Ngọc lại thường ở ngụ trong nhà Chung Trúc-Sĩ. Vợ chồng Chung Trúc-sĩ với phu-nhân nhà tôi Lý-thị đã từng hết lòng loát-hợp cho hai người, mà hai người cũng có lòng kính-mến nhau lắm. Chỉ vì nổi thẳng anh Nhan Tiểu-Ngọc là Ấu-Cầm, nó là thẳng quỉ ở đời, sự ác gì nó cũng dám làm, chẳng từ một sự gì cả, nó lợi-dụng em nó là người tài-sắc song-toàn, coi làm một món đồ hàng, đem bán cho tuồng ác-bạc. May mà con Tiểu-Ngọc nó cũng rất có chí-khí, thề rằng một chết, không chịu làm mình, cho nên nó không trúng vào cái ác-kế của anh nó. Nhưng thẳng anh nó vẫn một bề tác-ngạnh, hết sức ngăn-trở. Rồi kết-quả Giang Tiểu-Sơn phải mang khối phẫn-hận, rời đất ấy đi ngao-du nơi khác. Hiện nay Tiểu-Ngọc vẫn ở trong nhà Trúc-sĩ, mà thề nguyện không lấy chồng. Chẳng biết một cái thủ-tục phong-lưu ấy, đến ngày nào mới kết-thúc được vậy. » — Hồng-tướng-quốc nghe nói, chau đôi lông mày lại mà nói rằng: « Nhan Tiểu-

Ngọc đã là nghĩa-nữ vợ chồng ngài, thì vợ chồng ngài đối với sự hôn-nhân của Tiểu-Ngọc, nên chủ-trương ra thế nào mới phải. Có sao vì một thẳng anh ác-liệt nó phá-hoại mà đã vội thu tay áo làm bộ bàng quan thế vậy. Bây giờ một kẻ bên trời góc bể, một kẻ đợi chết khốc-thảm, sau này vạn-nhất diễn ra thảm-kịch thế nào, thì ai mang lấy cái lỗi ấy! » — Kinh-Khanh nói rằng: « Lời tướng-công dạy cực là phải, sự ấy thực là trách-nhiệm của chúng tôi, không thể dễ cho ai được. Duy trong gia-thư có thuật rằng sự ấy cơ-duyên chưa đến, trở-lực còn nhiều, hẵng tạm nên yên-tĩnh mà đợi... » Kinh-Khanh nói chưa hết lời, Hồng-tướng-quốc gạt đi mà nói rằng: « Ngài chớ nói làm vậy, mỗ không dám tán-thành lời ngài. Vì thói tiểu-nhân nó hay ố-xạo làm liều, sự ấy có dễ lâu thế nào được. Vậy chẳng nên nói cơ-duyên đã đến, hay là chưa đến, quyền ở tay ngài, trách-nhiệm ngài mang, ngài sợ gì kẻ trở-lực. Ngài nên mau chóng làm đi, khiến cho đôi con tròng nhỏ khả-lân kia, loát-hợp được với nhau, đó cũng là một điều công-đức lớn ở thế-gian. Vì bằng bọn tiểu-nhân nọ, nó có sinh-xuất mưu-gian chực phá-hoại thế nào, thì ngài cứ viết một cái giấy đưa lại cho mỗ, mỗ tự-khắc đã có phương-pháp. Bây giờ ngài cứ ra tay ra mặt đem nghĩa-nữ gả cho Giang-lang, mà nói rằng Hồng-mỗ này là chủ-hôn đó. » — Kinh-Khanh nghe nói, hân-hạnh khôn xiết, vội-vàng nói rằng: « Tướng-công đã có lòng quan-hệ với việc nhà chúng tôi, chúng tôi đâu dám trễ nải. Tôi xin phép triều-dinh nghĩ việc quan vài tháng, kịp về liệu-lý việc ấy. Bắt đầu xin đem đức-ý của tướng-công truyền-dụ cho cả đôi bên, tôi xin thay mặt tướng-công kết-hôn thành-lễ. Đợi khi hôn-sự hoàn-hảo, lại xin dẫn vợ chồng Tiểu-Ngọc lên kinh tạ ơn. » — Hồng-tướng-quốc

tỏ lòng hoan-hỉ, liền giục Kinh-Khanh mau chóng khởi-trình biện-sự. Kinh-Khanh nhất nhất vâng mệnh. Qua ngày thứ hai, đến ngày thứ ba, Kinh-Khanh chỉnh-lý đồ hành-trang, ra khỏi Bắc-kinh, đáp thuyền về Giang-nam.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI HAI

*Bình hôn kỳ Giang lang trở lại Ngụ-sơn.
Thư tuyết - mệnh Phan - quân từ-lạ
thân-hữu.*

Dịch Kinh-Khanh phụng-mệnh Hồng-tướng-quốc về đến gia-hương, bắt đầu cùng với phu-nhân Lý-thị thương-nghị một hồi. Phu-nhân đương sầu-muộn về nỗi người nghĩa - nữ yêu - giầu của mình không được yên sở, nghe nói có sức qui-nhân phù-trợ về ý - ngoại ấy, vậy mừng - rỡ không biết chừng nào, tức-khắc sai người cầm mảnh Kinh-Khanh danh-thiệp đi mời Chung Trúc-sĩ, và thỉnh rằng đem cả phu-nhân Mộng-Tương với Nhan Tam-Cô cùng lại nhà họ Dịch. Kinh-Khanh tiếp-kiến Trúc-sĩ, thoát tiên hỏi ngay tung-tích Tiểu-Sơn. Trúc-sĩ cười nói rằng : « Cũng may sáng ngày hôm nay cháu vừa tiếp được bức thủ-thư của Tiểu-Sơn, kể rằng hiện đã rời Thượng-hải về Dương-châu, phụ-tử đoàn-viên, một nhà hoan-lạc, ngày nay chính yên hưởng cái hạnh-phục trong gia-đình. » Trúc-sĩ nói xong, lại đem phẩm-hạnh tài-nghệ và tung-tích lịch-duyet của Tiểu-Sơn, lòng-dầu triết-vĩ, nói cho Kinh-Khanh nghe. Kinh-Khanh khôn xiết than-thở tán khen. Kinh-Khanh mới đề-khởi sự hôn-gia của Nhan Tam-Cô. Trúc-sĩ đem sự-tình các phương-diện nhất-nhất thuật tỏ ra một hồi. Kinh-Khanh liền bảo cho Trúc-sĩ biết rằng mình phen này xuất-kinh, là phụng-mệnh quan Hồng-tướng-quốc, đặc biệt về nhà vì họ Nhan họ Giang biện-lý hôn-sự. Trúc-sĩ nghe nói, mừng-rỡ quá chừng. Kinh-Khanh liền uỷ-thác

cho Trúc-sĩ sai người đi đến Dương-châu, nghênh-tiếp Giang Tiểu-Sơn lại đất Hải-ngu.

Tiểu-Sơn tự thừa về Dương-châu sau này cha con huynh-đệ, cốt-nhục trùng-phùng, quả-nhiên là một phen đặc-ý. Thừa khi thân-phụ là Hán-Thần ân-cần vui - vẻ, mới đem sự Nhan Tam-Cô đối với mình quan - hệ những thế nào, ước-lược trình-bày cho Hán-Thần nghe. Hán-Thần một lời ừ ngay, chẳng chút ngang-trái gì cả. Tuy về phần sự thực, còn thuộc về cõi hư-huyền, song về phần mộng-tưởng, cũng có thể nhờ đó mà chút được yên-vững. Liền viết một phong-thư gửi sang cho Trúc-sĩ, trong đó nói rằng : « Hiện nay gia - đình tôi đối với sự hôn-thú của tôi không phát-sinh ra vấn-đề gì cả, xin nhờ Trúc-hữu với Tương phu-nhân cứ hết lòng vững chí loát-hợp cho, thì sự tôi có thể chắc loan hải-phượng đẹp được, vân-vân. » Bức thư ấy vừa mới gửi sang Hải-ngu được mấy ngày, thì người nhà Trúc-sĩ đã đến Dương-châu. Tiểu-Sơn xem thư của Trúc-sĩ, biết rằng có tin tốt, cả mừng, kịp đem nguyên-ủy thuộc về cận-trạng sự Nhan Tam-Cô bẩm-minh với Hán-Thần. Lại gì Hán-Thần vốn là con nhà nể trái mũi quan-trưởng, trong tính-chất vẫn sẵn có ba phần thể-lợi, nghe nói có quan Hồng - tướng-quốc làm chủ-hôn, quan Dịch Kinh-Khanh về đồng-sự, tự-nhiên hân-hỉ đặc-hùng, như điên như cuồng, giục ngay Tiểu-Sơn mau-mau gói buộc đồ hành - lý kịp-kịp đăng-trình.

Tiểu-Sơn phụng-mệnh Hán-Thần, chọn ngày tốt ra đi. Khi đến Hải-ngu bắt đầu vào tiếp-kiến Trúc-sĩ, Trúc-sĩ lưu lại Tiểu-Sơn hằng nghỉ-ngơi trong biệt-thứ. Duy Kinh-Khanh thì vì kịp về sự lên kinh, vậy đã từng đem lễ cưới dự-bị được hoàn-toàn sẵn-sàng cả, chỉ đợi Tiểu-Sơn sang đến

nơi, thì có thể tức-khắc chọn ngày làm lễ cưới ngay. Kinh-Khanh khi ấy, nhất-diện liệu-lý hôn-sự, nhất-diện sai người đem cho Ấu-Cầm mấy trăm lạng bạc, nói rằng trợ cấp cho cậu về cái phí dầu lửa chỗ từ-đường. Tam-Cô nghe có sự ấy, rất lấy làm không bằng lòng, nói rằng: « Nhà tôi lấy-thể thanh-bạch, con gái gả chồng, chưa từng thách-thức ai về sự tiền-bạc bao giờ, nay đưa cho anh tôi một số tiền như thế, chẳng hóa ra nhà tôi tham của dấy ư! » Sau Trúc-sĩ phải đem mọi cơ ra giải-thích cho mãi, Tam-Cô mới thôi. Kinh-khanh lại nhất-diện cưỡng-bách tên Ấu-Cầm, phải ra mặt biện-lý sự hôn-gia cho em. Quả-nhiên Ấu-Cầm mừng-rỡ, lấy làm một sự không ngờ được thế, mười phần cung-kính Tam-Cô, Tam-Cô nói sao nghe vậy. Tam-Cô vốn là người thuần-hiếu xuất-hồ thiên-tính, trọng về đường phụng-sự tổ-tiên, cho nên đối với Ấu-Cầm, vẫn coi là thể ruột thịt chân tay, quên cả sự hôn-gian cũ, kính dãi làm bậc gia-trưởng, một điều một thỉnh phép, hai điều hai vâng mệnh, không chút lòng xem thường xem khinh. Về phương-diện Đồng-Hầu thì tự khi nghe tin-tức có quan Hồng-tướng-quốc làm chủ-hôn, sớm đã nín hơi nín tiếng, núp-náu một nơi. Mà Ấu-Cầm đối với Đồng-Hầu khi ấy, cũng tỏ ra cách lạnh-nhạt. Rồi kết-quả các khoản nợ-nần bấy lâu, cùng nhau đăn-diu không biết bao nhiêu mà kể, Ấu-Cầm thì cho rằng thanh-thế nhà Dịch Đồng-Hầu không bằng thanh-thế nhà Giang Tiểu-Son, cho nên chỉ vác mặt làm thỉnh không chịu trả, Đồng-Hầu cũng biết rằng đồng tiền của mình là đồng tiền không chính-dáng, cho nên cũng chỉ ngậm miệng chịu đại không dám đòi. Sẽ biết cái lẽ - thói tiểu-nhân, và cái bạn-bè tiểu-nhân.

Cát-ký thì kén định đến ngày hai-mươi-tám tháng tư cử-hành hôn-lễ. Cách mấy hôm trước, Trúc-sĩ phu-

nhân là Mộng-Tương sớm đã đem Tam-Cô sang bên nhà họ Dịch. Mộng-Tương cũng ở liền ngay bên nhà họ Dịch, để tiện bang-trợ cho Lý-phu-nhân liệu-lý mọi việc. Tiểu-Son thì núp ở trong nhà Trúc-sĩ, không ra khỏi cửa. Vì sắp-sửa đến ngày cưới, Tề-Mi-quân cũng tỏ lòng mừng-rỡ, sẵn-sóc lại giúp việc cho Tiểu-Son. Duy Phan Tử-Dã không thấy lại giúp việc mà cũng không thấy có tin-tức lại hỏi thăm, trong mấy ngày trời, chỉ một mình ở trong Hạc-hồn-quán, không ra khỏi cửa. Tiểu-Son nói rằng: « Bậc Tử-Dã vốn là người nhiệt-tâm với bằng-hữu, nay không lại giúp việc, và không thấy tiêu-tức gì, ở trong tất có duyên-cớ. » Tức-khắc cùng với Trúc-sĩ, Mi-quân đi ra, định lại Hạc-hồn-quán hỏi thăm Tử-Dã. Vừa mới đi ra khỏi cửa nơi biệt-thử, thì thấy đứn thư-dồng của Tử-Dã ở nẻo xa chạy lại, nói rằng: « Phan-tiên-sinh tôi có thư đưa lại cho Giang-tiên-sinh. » Ba người cùng sẵn đón hỏi rằng: « Tiên-sinh nhà anh mấy hôm nay ở nhà làm gì, có được mạnh-khỏe không? » Đưa thư-dồng cười nói rằng: « Tiên-sinh tôi mấy hôm nay đã đóng cửa lại, không đi ra khỏi cửa, dặn bảo chúng tôi rằng: — Hễ có người khách nào lại, thì bất-luận người lạ người quen, nhất-khái ngăn lại vậy ra, không cho được tiếp-kiến. » Ba người cả lấy làm kỳ-quái, hỏi rằng có sao thế? Đưa thư-dồng lại cười nói rằng: « Chúng tôi không biết là vì có sao, cách mấy hôm nay, có một đêm thấy tôi tự mình vắt hai tay lại đằng sau lưng, đi đi lại lại, quanh trong nhà tầm-thất, suốt một đêm, đến tang-tàng sáng, mới lên giường ngủ một khắc, lại thấy trở dậy, không rửa mặt, không xúc miệng, mà cũng không ăn cơm, ở trong tầm-thất vẫn đi quanh một hồi, hốt-nhiên lại thấy cười nhạt mấy tiếng, hoặc là than-thở một hồi, lại thấy ngồi xuống, lấy một ngọn

bút, với một chồng giấy, viết đông viết tây, viết tả viết hữu, viết xuống giấy rào-rào, viết xong, lại lấy lửa đem đốt đi, rồi lại dùng dây di, lại than lại cười lại viết, như thế hết hồi ấy sang hồi khác, cho mãi đến chiều; chúng tôi cố khuyên thầy tôi ăn cơm, bắt-bắt-đi ăn một lưng cơm, ăn xong lại thế, mãi cho đến canh ba đêm hôm sau, thầy tôi mới đi nghỉ. Khi ấy không biết thầy tôi cảm-xúc về sự gì, bỗng-nhiên long trời lở đất lên tiếng khóc to, hai ba người học-dồng chúng tôi phải kinh-hoàng tỉnh-thức vùng trở dậy. Chúng tôi trở dậy, thì đã thấy thầy tôi khà-khà cười nhạt một hồi. Chúng tôi nhân hỏi rằng hay là vì thầy tuổi đã già có lo nghĩ gì về sự mai sau? Thầy tôi quát lên mắng rằng: — Ta bình-sinh sự trước mắt lắm còn chưa hết bản-phận, nữa là hạ-cấp đến sự mai sau, người ta chết lúc nào là giải-thoát lúc ấy, chứ lo nghĩ gì. Mãi đến sáng, thầy tôi mới nằm nghỉ. Từ đấy trong ngoài phải nghiêm giữ một mực yên tĩnh, dặn chúng tôi vô-luận khách nào, đều không cho tiếp-kiến. » — Ba người nghe coi, trông nhau phát dật mình. Tiểu-Sơn mới ngổ bực thư của Tử-Dã ra, đề ba người cùng xem, thì trong thư tả rằng :

« Tiểu-Sơn, Trúc-sĩ, Mi-quân chư-thân-hữu túc-hạ. Kể sơn-lâm điền-dã này, chợt gặp đời loạn, phương trời lư-lạc, chẳng kiến-lập được một sự gì. Trời mà còn bất-sống nữa, chưa chết đi được, thì thế rằng cũng toan thi-phát, vào núi đi tu, chẳng giao-du với người đời nữa. Nếu may mà được sớm-sủa chết đi nay mai, thì xin rằng hai ba vị thân-hữu cứ đem ném cái xác tôi xuống giữa dòng nước trong, khiến theo sóng trôi đi, chớ khiến cho cái trần-thô ô-trọc kia rây ra hải-cốt tôi vậy. Tôi có thư kính mừng bác Tiểu-Sơn cưới vợ, bác Tiểu-Sơn cui xét. Đời tôi xong rồi, tôi không quyến-luyến gì

cả, chỉ có một điều khó vong-tình được là bằng-hữu với thơ-văn dấy mà thôi. Các bác tuổi còn trẻ, đường còn dài, cố đi, cố đi. Muôn vạn tha lỗi cho tôi, tha lỗi cho tôi. Tử-Dã bài-thư ». Thơ mừng Tiểu-Sơn rằng :

*Tài-tử phong-lưu giá ngọc-đường,
Cai-nhân hiền-thục nét khuê-trang;
Phượng - loan duyên mới ba sinh
nguyện,*

*Tân-lão lẽ xưa một nền hương;
Nghĩa chốn vợ chồng trời đất trọng,
Ấn trong bể bạn núi sông trường;
Thất-gia mừng bác từ đây hảo,
Mượn điệu thơ đàn vịnh một chương.*

Ba người xem xong, cùng trông nhau sa nước mắt, chẳng nói gì cả. Rồi Tiểu-Sơn nói rằng: « Chúng ta mau mau kíp đi lại thăm bác ấy, khuyên-giải bác ấy một vài câu may ra bác ấy còn sống về tinh - thần được chẳng. » Mi-quân, Trúc-sĩ đều đáp - ứng. Ba người vừa mới đi được mấy bước, chợt lại có tên gia - nhân bên họ Dịch tự nẻo xa chạy lại, cầm một cái danh-thiếp của Dịch Kinh-Khanh nói rằng: « Dịch đại-nhân tôi kíp, mời Chung, Tề, Giang ba vị tiên-sinh lại ngay Dịch-phủ thương-lượng một sự yếu-cần. » Ba người lại trông nhau, không biết nghĩ thế nào. Vì ngày mai đã là ngày cưới, Kinh-Khanh là người thay mặt Hồng-tướng-quốc chủ-hôn, Tiểu-Sơn là vị hiền-tế, Mi-quân, Trúc-sĩ lại là người có trách-nhiệm quan-hệ về việc cưới cả. Ba người bắt-đắc-đi phải tạm đề sự đi thăm Tử-Dã đấy, đi vào tiếp-kiến Kinh-Khanh. Tiểu-Sơn vội giục đưa thư-dồng của Tử-Dã mau mau chạy về, dặn rằng: « Hễ tiên-sinh nhà anh trong mình có sự gì khắc, thì anh tức-khắc chạy sang đây báo tin cho chúng ta hay. » Kịp khi ba người tiếp-kiến Kinh-Khanh thương-nghị việc này việc khác xong, lui về biệt-thử, thì cảnh trời đã hoàng-hôn. Đến ngày

hôm sau là ngày cát-kỳ, chuẩn-dịnh ở trong Dịch-phủ làm lễ kết-hôn. Trúc-sĩ Mi-quân sắp-sửa ngựa xe, và kén cử các người thân-thích, dẫn Tiểu-Sơn sang bên Dịch-phủ. Tới giờ thượng-ngọ sắp-sửa làm lễ kết-hôn, đặt giường thất-bảo, vây màn bát-tiên. Dịch-Kinh-Khanh truyền đức-ý quan Hồng-tướng-quốc, thay mặt làm người chủ-hôn, Trúc-sĩ chủ tịch bên bạn đàn ông, làm người giúp lễ cho Tiểu-Sơn, Lý-phu-nhân chủ-tịch bên bạn đàn bà, làm người giúp lễ cho Tam-Cô, một nhà rộn-rịp, khách-khứa linh-dinh. Chợt có đũa thư-dồng của Tử-Dã chạy lại báo-tang, nói rằng: «Phan tiên-sinh cuối giờ thìn đầu giờ tị, tự-nhiên không có tật-bệnh mà mất.» Trúc-sĩ bắt đầu nghe được tin, bàn riêng với Mi-quân, nhất-diện chuyên-cử Mi-quân đi đến Hạc-hồn-quán liệu-lý tang-sự cho Tử-Dã, nhất-diện Trúc-sĩ ở nhà hăng tạt giữ phương-pháp bí-mật, không cho Tiểu-Sơn biết, đề dọ hành hôn-lễ xong đã, đến ngày mai sẽ cùng nhau vào thành tống-tàng Tử-Dã. Hay đâu Tiểu-Sơn nghe người nói xào-xạc, cũng biết đích được tin, liền lấy tay vỗ xuống đất, lên tiếng khóc cực thảm-thiết, và cực to, dường như không biết ven mình có ai cả. Trúc-

sĩ ngăn-cản cũng không được. Lại toan cỡi cả đồ y-phục cát-lễ ra, tức-khắc chạy sang viếng khóc Tử-Dã. Từ Dịch-Kinh-Khanh trở xuống, cho đến mọi người nội-ngoại tân-khách kẻ gia-nhân trong một nhà, ai nấy đều lấy làm kinh-ngạc quái-gở, ngỡ rằng là người điên. Có người bàn với nhau rằng Nhan Tam-Cô khéo kén chồng mãi, lấy được người điên. Kinh-Khanh chạy lại hỏi-han. Trúc-sĩ phải kể ra Tiểu-Sơn với Tử-Dã hai người có tình-nghị giao-du mật-thiết với nhau. Kinh-Khanh ngổ lời nói rằng: «Giang-lang thực là người quân-tử, xưa nay chưa từng thấy». Nhân khuyên-giải mấy lời, Tiểu-Sơn mới đứng dậy lau nước mắt tạ lỗi, nói rằng: «Tiểu-tử ngày nay được một người thiên-cổ lương-duyên, lại mất một người thiên-cổ lương-hữu, hai cái tình đó giao-cảm ở trong tâm, cho nên phạm về điều ca-khốc càng một ngày, thực là kẻ có tội với thánh-hiền.» Kinh-Khanh nhân lại lấy lời yên-ủi. Tiểu-Sơn mới gượng dỗi sầu mua vui, cùng Nhan Tam-Cô làm lễ tương-kiến, phu-phụ giao-bái, hợp lễ thành-hôn.

(Còn nữa)

TÙNG-VÂN dịch



26.— Muối dêm

Chẳng hay què quán họ hàng dẫu,
 Hễ cứ dêm dêm lại quấy dẫu ;
 Lăn-quất cạnh giường trên ghẹo khách,
 Nỉ-non bên gối thử thanh nhau ;
 Mơ-màng hồn bướm chưa êm nhập,
 Eo-óc canh gà lại giục mau ;
 Càng đuổi lại càng lẩn đến mãi,
 Sao không tìm đến trượng Tề-hầu ?

27.— Ngày xuân dậy sớm

Giục sáng gà dẫu tiếng gáy ran,
 Mộng xuân vội cuốn bức rèm đan ;
 Chồi hoa nhâm-nhấp sương còn đọng,
 Ngọn liễu tần-văn khói chưa tan ;
 Con yến nhấp-nhò giũ cửa tò,
 Văng thiềm nhặt-nheo gác dẫu ngàn ;
 Tiều-dồng ngái ngủ đương nghiu-nghiu,
 Măng quở gây lò vôi quạt than.

28.— Vịnh cá vàng

Chẳng quen đuổi sông chẳng theo dòng,
 Giống cá vàng ưa chốn bể trong ;
 Dáng ấy thoát di đen ruột mực,
 Minh kia diễm lại đỏ vây rồng ;
 Lưới chim câu nổi không e sợ,
 Nước rộng non cao mặc vẫy-vùng ;
 Quyển với chủ-nhân ngày tháng mãi,
 Biết đâu chỗ Hán lúc đường cùng.

29.— Đưa cho ông Lân-phu

Bút nghiên chứa trắng nợ binh-sinh,
 Chợt tưởng mình thôi lại cậy mình ;
 Gương thỏ liếc qua đầu đã bạc,
 Thề rùa tính lại tuổi còn xanh ;
 Được già thêm biết mùi thi-lễ,
 Với trẻ lẫn vui thú thị-thành ;
 Thơ rượu chớ rằng say những cuộc,
 Cờ ngoài mấy nước tổ rành - rành.

30.— Đưa cho mấy thầy Hòa-nam

Thoi oanh thắm-thoắt đã ba đông,
 Tưởng đến tri-giao những đứng mong ;
 Nói chuyện-trò dẫu càng khát mặt,
 Hối binh-an cả ấy vui lòng ;

Trời Nam một góc mây nghe vắn,
 Bến Nhị nghìn thu nước vẫn trong ;
 Có ý thăm chơi người đại-ân,
 Sẽ xin thông-thả đến thành Rồng.

蘇 蕭 織 錦 迴 文

Bài Chữ-cầm hồi-văn của nàng

Tô Huệ

(Viết theo đường thẳng 280 chữ)

君 承 皇 詔 安 邊 戍,
 Quân thừa hoàng chiếu an biên thĩ.
 送 君 送 別 河 橋 路,
 Tống quân tống biệt hà kiều lộ.
 含 悲 掩 淚 贈 君 言,
 Hàm bi yểm lệ tặng quân ngôn.
 莫 忘 恩 情 便 長 去,
 Mạc vong ân tình tiện trằng khứ.
 何 期 一 去 音 信 斷,
 Hà kỳ nhất khứ âm tín đoạn.
 憶 妾 屏 幃 春 不 暖,
 Ưc thiếp bình vi xuân bất hoãn.
 瑤 瑤 階 下 碧 苔 生,
 Quỳnh đào giai hạ bích đài sinh.
 線 珠 卿 帶 紅 塵 滿,
 Tuyến châu tri đới hồng trần mãn.
 此 辰 道 別 每 驚 魂,
 Thử thời đạo biệt mỗi kinh hồn.
 將 心 何 處 更 逢 君,
 Tương tâm hà xứ cánh phùng quân.
 一 心 願 作 滄 海 月,
 Nhất tâm nguyện tác sương hải nguyệt.
 一 心 願 作 嶺 頭 雲,
 Nhất tâm nguyện tác linh đầu vân.
 嶺 雲 歲 歲 逢 夫 面,
 Linh vân tuế tuế phùng phu diện.
 海 月 年 年 照 得 遍,
 Hải nguyệt niên niên chiếu đắc biên.
 飛 來 飛 去 到 君 旁,
 Phi lai phi khứ đáo quân bàng.
 千 里 萬 里 遙 相 見,
 Thiên lý vạn lý dao tương kiến.
 迢 迢 路 遠 關 山 隔,
 Thiều thiều lộ viễn quan san cách.
 恨 君 塞 外 長 爲 客,
 Hận quân tại ngoại trằng vi khách.
 去 辰 送 別 遽 棄 黃,
 Khứ thời tống biệt lư diệp hoàng.
 誰 信 幾 經 梅 花 白,
 Thùy tín kỷ kinh mai hoa bạch.

百 花 散 亂 逢 春 早,
Bách hoa tán loạn phùng xuân tảo,
春 意 催 人 向 誰 道。
Xuân ý thôi nhân hướng thùy đạo;
垂 楊 滿 地 爲 君 樂,
Thùy dương mãn địa vi quân phan,
落 花 滿 地 無 人 掃。
Lạc hoa mãn địa vô nhân tảo.
庭 前 春 草 正 芬 芳。
Đình tiền xuân thảo chính phân

phương,
抱 得 秦 箏 向 闌 窗。
Bao đắc Tần tranh hướng khôn đương;
爲 君 彈 得 江 南 曲。
Vi quân đàn đắc Giang-nam khúc,
寄 情 深 到 朔 方。
Phụ ký tình thâm đáo Sóc-phương.
朔 方 迢 遞 山 何 越,
Sóc phương thiều đệ sơn hà việt,
腸 信 書 腸 斷 絕。
Nhạn-tín âm-thư trường đoạn tuyệt;
最 裝 枕 上 淚 沾 衣。
Ngân trang trâm thượng lệ chiêm y,
金 樓 羅 衾 花 皆 裂。
Kim lư la thường hoa giai liệt.
三 春 鳴 鴈 渡 江 聲。
Tam xuân minh nhạn độ giang thanh,
此 是 離 人 斷 腸 情。
Thử thị ly nhân đoạn trường tình;
箏 弦 未 斷 腸 先 斷。
Tranh huyền vị đoạn trường tĩn đoạn,
惡 結 先 成 曲 未 成。
Oán kết tiển thành khúc vị thành.
君 今 憶 妾 重 如 山。
Quân kim ức thiếp trọng như san,
妾 亦 思 君 不 暫 閒。
Thiếp diệp tư quân bất tạm nhàn;
機 將 一 本 獻 天 子。
Cơ tương nhất bản hiến thiên-tử,
勸 放 兄 夫 皮 早 還。
Khuyến phóng huynh da sớm hoàn.
Nguyễn phóng nhi phu cập tảo hoàn.

Chức-cầm hồi-văn diễn-âm
hai bài (1)

I

Chàng vắng chiếu ra ngoài biên-thú,
Thiếp đưa chàng kiêu-lộ xa xa;

Mấy lời tặng những châu sa,
Tình ân-ái ấy biết là nhớ không?
Sao một phút tin hồng vắng-vắng,
Thái-bình-vi xuân chẳng ấm-nóng;
Dưới thềm lỗ chỗ rêu phong,
Trong màn ngang dọc bụi hồng
[sương che.

Khi tổng-biệt ngồi, kia kinh-bãi,
Biết làm sao cho lại gặp cùng;
Ước gì như nguyệt bề đông,
Ước gì như thấy mây lồng đầu non.
Mây non nọ nên còn một thấy,
Trắng bề kia soi dấy một phương;
Những mong lại được gặp chàng,
Dầu nghìn muôn dặm rở đường
[tương-hân.

Đường thăm-thăm mấy lần xa cách,
Giận chàng còn làm khách ải quan;
Ngày đi lu-diệp mới vàng,
Bây giờ đã mấy mai tàn trắng bóng.
Bóng mai nọ trắng không nào thấy,
Nỗi xuân riêng ấy-này biết mà.
Vi chàng nên là dương tà,
Hoa rơi mau-mắc ai là tảo-nhân.
Trước sân những cỏ xuân thơm nức,
Ôm đàn tranh tựa lúc khôn-đường.
Khúc Giang-nam gảy vì chàng,
Đem tình cho đến Sóc-phương cõi
[ngoài.

Ngoài phương Sóc xa-xôi thăm-
[thăm,

Bức âm-thư nghìn dặm thấy dấu.
Pha-phối áo lệ gối sầu,
Dưới thềm hoa lá cùng màu nở ra.
Qua sông ấy tiếng gà xao-xác,
Nỗi ly-nhân trường đoạn khác đầu.

Đàn chưa rồi ruột đã sầu,
Cho nên một khúc cung sau chưa
[tròn.
Chàng nhớ thiếp như non tình nặng,
Thiếp nhớ chàng cũng chẳng tạm
[khuây.

Hồi-văn một bức thư này,
Nhi-phu xin sớm kịp ngày khởi-
[quí.

(1) Truyền rằng cụ Nghệ Bai-dương Ngô Thế-Vinh 吳世榮 dịch.

II

Chiều vua chàng chịu an-biên,
Đưa chàng dùng đỉnh ở trên hà-kieu.
Đeo sầu ngậm xót trăm chiều,
Ơn tình còn nhớ nữ liêu ra đi.
Sao đi chẳng thấy tin gì?
Hay là tại thiệp bình-vi ở-hờ.
Thềm quỳnh rêu mọc lơ-thơ,
Tuyển - châu nhện vương đã nhớ
[hồng trần.

Nói ra kinh sợ muôn phần,
Ai đem lòng thiệp tới gần cùng anh.
Một lòng nguyện với trăng thanh,
Một lòng nguyện với mây xanh đỉnh
Mây kia năm lại gặp nhau, [dầu.
Trăng kia soi khắp trước sau tỏ
[tường,

Bay đi bay lại bên chàng,
Dấu nghìn muôn dặm như đường
[thấy nhau,

Đường xa dằng-dẵng ngàn dâu,
Hận chàng làm khách ở lâu sa -
[trường.

Hoa lau khi ấy mới vàng,
Mấy lần mai trắng tin chàng vẫn
[mong.

Gặp xuân tươi tốt nọ hồng,

Tường xuân lòng ấy ai cùng thổ-
[than.

Ai làm vin xã cảnh dương?
Ai làm quét rãnh khồn-đường hoa
[rơi?

Cửa nhà xuân-khi thanh-thời,
Cảm phong - cảnh ấy gây chơi cùng
[đàn.

Gây chơi một khúc Giang-nam,
Tình thâm gửi đến Sóc-phương cho
[chàng.

Hiềm vì cách-trở giang-san,
Vắng tăm tin nhận đau ran đoạn-
[tràng.

Lệ tình đôi giọt chứa-chân,
Xiêm kia áo nọ đã tan-tắt rồi.
Bỗng đâu tiếng nhận bồi-hồi,

Biệt-ly lúc ấy nào người tắm lòng.

Đàn vui nhưng dạ não-nùng,

Đã nên oán kết chữa xong khúc đàn.

Chàng nay nhớ thiệp muôn vàn,
Nhớ chàng thiệp cũng chẳng nhân
[khi nào

Cầm-thư một bức dâng vào,
Tâu vua xin xá Đậu - Thao sớm về.

NGUYỄN NHƯ-CHUYÊN sao-lục

THI-CA MỚI

1. — Quên rằm.

Mưa sao mưa mãi ám-thăm,
Mưa quên quên cả đêm rằm có trăng.
Hôm nay ngỏ mặt chị Hằng,
Hỏi thăm người ở cung trăng thế nào?
Cung trăng mưa gió thì sao?
Trần-gian mưa gió xiết bao lạnh-lùng!

2. — Vịnh Tây Thi

Đài Tô người ngọc Ngô-vương g.
Ôm lòng đôi đoạn trông càng thêm xi h.
Đồng-thị đâu biết ý mình,
Thiếp đau lòng bởi chạnh tình bang-
gia.

3. — Vịnh Chiêu-quân

Đất Hồ trời Hán ngậm-ngùi,
Tuyết sương quan-tải đưa người cùng-
Được rày đã dễ mấy khi, [phi.
Đem thân bỏ-liều đền nghi quốc-gia.

4. — Giang-thành cảnh chiều.

Hiu-hắt bờ tre trận gió chiều,
Giang-thôn ai vẽ cảnh diu-hiu;
Trống đồn lừng tiếng chuông chùa vắng,
Khêu gợi lòng ai cảm-khải nhiều!

5. — Hoa rụng

Vừa mới hôm nao nở triu cảnh,
Mà nay hoa rụng đã tan tành;

Yêu hoa ai khách lăm-phương đó,
Một cánh hoa rơi một mảnh tình.

6. — Gửi người tặng hoa

Trong lúc chia tay bạn tặng hoa,
Hoa nay đã nở, bạn còn xa ;
Trông hoa như nhắc lòng thương nhớ,
Về nụ cười ai, về nụ hoa.

7. — Đề bình mai-hoa

Muôn hồng nghìn tía về tươi cười,
Lũ lượt lăm-phương khắp mọi nơi ;
Nở-nức gần xa ai đó tá ?
Chơi xuân tôi chỉ một cành mai.

8. — Đưa bạn làng văn

Từ đây non nước đã chia đôi,
Người một trời trông kẻ một trời ;
Nhấn bảo khách thơ về có nhớ ?
Đóng-hồ trắng gió để ai chơi ?

9. — Giấc ngủ trưa

Thời lợt song thưa trập gió ào,
Làm tan sự thủ lúc chiêm-bao ;
Chiêm-bao thú ấy còn vơ-vẩn,
Mộng tỉnh người xa nhớ xiết bao.

10. — Cười khan

Có phải đời em lăm cảnh nhàn,
«Đã không đồ lụy lại cười khan» ;
Cười khan vì đã hết nước mắt,
Ai biết những ngày lệ chưa-chan !

11. — Ở đời

Trần-bãi lênh-bênh sóng lạt trời,
Trần-ai ai khóc lại ai cười ;
Khóc cười nào bởi lòng trời đất,
Vui tẻ cho hay cái kiếp người ;
Biết số tránh sao cho khỏi số,
Ở đời âu phải lụy theo đời ;
Trăm năm giấc mộng thành không có
Hơn thiệt nghìn sau một chữ tài.

12. — Quốc-gia nghĩ cảm.

Đất Lạc trời Hồng cuộc gió mưa,
Non sông muôn dặm dạng lò-mò ;
Ni-non đêm lạnh thương thân quốc,
Lặn-lội sóng sâu cảm phận cò ;
Ngon nền tắt rồi chưa ráo lệ,
Con tâm chết đến hãy còn tơ ;
Bốn bề bát-ngát nhìn xa thẳm,
Nước cũ hồn xưa những vẫn-vơ.

13. — Kỷ ngày tương-ngộ người bạn cũ.

Nghìn dặm bèo mây bỗng gặp nhau,
Bao nhiêu mừng cảm bấy nhiêu sầu ;
Rõ-ràng năm trước người trong mộng,
Ngơ-ngẩn ngày nay khách dưới lầu ;
Nhất-kiến đã dành ôn chuyện cũ,
Trùng-phùng âu hằng đợi duyên sau ;
Một phen gặp-gỡ phen thay đổi,
Trăng nước Hồ-Đông vẫn một màu.

14. — Mộng thấy em nhà.

(Dịch bài « Mộng xá-đệ » của Tào)

Nhớ em ngơ-ngẩn dạ vô tơ,
Muôn dặm theo nhau đến tự giờ ;
Làng cũ vẫn-vơ hồn tử-lý,
Hiên xưa quên phắt thú cầm-thơ ;
Anh-tài chi thiếu người thiên-hạ,
Trời đất ghen gì kẻ tuấn-hoa ;
Giấc mộng còn mơ người đã vắng,
Nửa rèm chênh-chéch bóng trăng tà.

15. — Lan « Nguyệt-dạ. »

Một vầng thơm nức cảnh hôn-hoàng,
Nét lá chiều hoa về dịu-dàng ;
Thân ngọc gọi nhuần sương tiết sạch,
Lông vàng soi tỏ nguyệt đêm trường ;
Canh thâu tránh khỏi đường ong bướm,
Nắng dãi phôi pha vẻ phấn hương ;
«Vương-giã» dấu răng chưa sánh được,
Chỉ em không thẹn bạn quần-phương.

16. — Kỷ ngày tương-biệt ông Hương-Tiến.

Thanh-khí gây nên chuyện ứng-câu,
Khí thân lo phải hẹn-hò nhau ;

Mây bèo cảm thấy màu tan-hợp,
Non nước buồn trông cuộc bể dâu
Gió bụi mịt-mù trường bốn biển,
Bút nghiêng diu-dặt hội năm châu ;
Tiền đưa có chút tình trân-trọng,
Kìa nước Hồ-dông một vũng sâu,

(TRÁC-CHI THI-VĂN TẬP)

Chùa Tam-thanh

Nhẹ gót vân-du tới cảnh chùa,
Tam-thanh này động dựng từ xưa ;
Lò hương lạnh-ngắt không người viếng,
Tượng cũ điêu-tàn chẳng kẻ tô ;
Nước vũng mệnh-mông soi bóng thỏ,
Hang sâu sục lỗ chiếu vắng ô ;
Cảnh xưa như thế nay như thế,
Cái cuộc tang-thương bởi tự mô ?

Ông Ngô Thời-Sĩ (1)

Người được như ông dễ mấy người,
Danh lưu vạn-cổ nét chưa phai ;
Vui cùng xứ Lạng riêng bầu thủ,
Chơi chốn Tam-thanh lánh bụi đời ;
Dầu bề bao phen qua đã lắm,
Non sông mấy mặt nhớ không sai ;
Vị thiêng xin ứng cho nhau biết,
Chút nghĩa đồng-hương luống ngâm-
[ngùi.

Giữ cho bạn say

Say đến như ông mới lạ đời,
Say đi vung khắp bốn phương trời ;
Say bông huê thăm hương còn ngắt,
Say chữ tình thăm nét chữa phai ;
Say bạn tri-âm khi gặp-gỡ,
Say bầu non nước lúc đầy vơi ;
Say-sưa như thế ai say được,
Say đến như ông mới lạ đời !

Khuê oán

(Thu-tiểu-khúc)

Thân bồ-liễu,
Phận mong - manh ;
Thánh-thót phòng văn giọt lệ tình !
Thâu đêm tuyết lạnh,
Nương bóng đèn xanh ;
Bề dâu thêm ngán nỗi,
Non nước nghĩ buồn tênh !
Chờ người tri - kỷ,
Đợi khách tài-danh,
Sửa túi nâng khăn dạ cũng đành !
Bỏ khi thơ - thần suốt tàn canh.

(Điệu Thiên-thai-lộ)

Buồng không vợ-vần bóng trắng tà ;
Non nước thăm,
Tuyết sương pha.
Cảnh ấy, tình này
Giọt lệ sa.
Thần - thơ ngày tháng,
Ngơ - ngẩn vào ra ;
Trăm mối tơ vương nổi nước nhà,
Có chẳng di gió tỏ lòng ta !

Phong-dao

Non đông vắng - vạc vắng Hồng,
Chị em vác cuốc ra đồng đi thôi !
Chấp tay mà lạy ông Trời :
Mưa hòa gió thuận cho người thành-
[thời.

—Em xin tát nước chữa-chan,
Xin anh sang-sửa sửa - sang cỗi bờ.
Dầu rằng sấm, sét, gió, mưa,
Vợ chồng ta cứ cây bừa siêng-năng.

—Mong cho lúa tốt khắp đồng,
Đàn con cũng được no lòng hóm mai.

(1) Ông Ngô Thời-Sĩ người làng Tả-Thanh-oai, (đồng Tả-Thanh-oai, huyện Thanh-oai, tỉnh Hà-đông, thi đỗ tiến-sĩ đời Hậu-Lê, sau làm quan trấn-thủ Lạng-sơn ; chùa Tam-thanh chính tự ông dựng lên, hiện nay hãy còn di-tượng ông tạc hẳn vào núi đá.

Bát cơm đồ bát mỗ hời,
Cớ công ắt hẳn có lời lo chi.

— Lúa chín, em gặt lúa về,
Nhờ cô cho sạch toan bề trồng khoai.
Em ơi! chớ bỏ đất hoai,
Làm người ăn sớm lo mai mới là.

— Sông sâu nước chảy lờ-dờ,
Thuyền ai lững-thững như chờ-dợi ai.
Chờ ai nay lại sang mai,
Biết rằng ai biết cho ai chẳng là.

— Vàng đồng ràng-rạng phương trời,
Em còn nghĩ-ngợi chuyện đời chi đây!
Hay còn dở nổi sầu tây,
Năm năm tháng tháng ngày ngày ngần-
[ngơ]

— Hẹn - hò hò - hẹn cùng ai,
Ngày ngày tháng tháng hôm mai vẫn
Thần-thơ trong đám bụi hồng, [lòng.
Ấy ai là khách non sông đó mà!

— Mặt trời đứng giữa đỉnh đầu,
Bốn phương hoa cỏ một màu xinh thay.
Mừng thăm cho nước non này,
Nước non này hẳn đến ngày phong-
[quang.

PHẠM ĐÌNH-BẢN

Hồng lâu oán

Đêm khuya khắc vợ canh tàn,
Minh em chẵn-choe dưới màn khôn
Tiếng xe tiếng ngựa im rồi, [người.
Em ngồi em nghĩ cuộc đời mà kinh.
Ai dặt - diu em vào cái bề tình,
Đề tẩm thân em bằng tuyết phải ô danh
má đào.

Mắt xanh được mấy anh-hào,
Vàng thau kén chọn em biết lấy
người nào gửi thân.

Đau đớn thay! cùng bọn thoa-quân,
Yên-hoa số-kiếp nhục-nhân nhiều phen.

Dưới trăng một bóng một đèn,
Ngắm câu nước đục đánh phen mà đau.
Một mình yor-văn canh sầu,

Xen quỳ khôn đoán trước sau mấy
Khi tiệc rượu, lúc vui chơi, [người.
Cũng là gương nói gương cười cho qua.

Tay phạm vầy - vọc mình hoa,
Trông trăng ngắm bóng tố-nga chữa lửa.
Tài-linh ta lại biết ta,

Khuôn thiêng lừa lọc ắt là có nơi.
Gặp cơn gió thuận buồm xuôi,
Tri-âm ta lại nổi lời nước non,
Gây nên quả phúc vương tròn!

CHU THẾ-HỢU



THỜ' I-ĐÀ M

Việc thế-giới

Mấy việc cải-cách về hành-chính tư-pháp ở nước Pháp gần đây, — Nhân tình-trạng tài-chính không lợi, Chính-phủ Pháp muốn tỉnh-giảm các khoản kinh-phí về các công-sở Nhà-nước, nhưng muốn thi-hành cho mau, không thể nhất-nhất đem ra quyết-nghị ở Nghị-viện, bèn xin phép Nghị-viện dùng sắc-lệnh quan Giám-quốc tiện-nghị nghị-dinh bãi-bỏ hoặc hỗn-hợp các chức-dịch cùng các công-sở xét ra không yếu-cần lắm; song lại có nói rõ rằng hễ thay-đổi đến các thể-thức do luật của Nghị-viện đặt ra, hoặc là bãi-bỏ hay chuyển-dịch một khoản kinh-phí nào, thì trong hạn ba tháng phải đệ cho Nghị-viện duyệt. Đó là luật ngày mồng 3 tháng 8 năm 1926 định như thế, cho Chính-phủ được toàn-quyền nghị-dinh cho đến ngày 31 tháng 12 năm ấy.

Chính-phủ đã được phép Nghị-viện như thế, bèn định thay đổi ít nhiều trong cách hành-chính tư-pháp trong nước, cốt để cho giảm phí di. Như khoản tỉnh-giảm thì đại-khái bớt những hình-thức về sự kiểm-sát, khéo dùng các quan-lai cho được việc hơn, hiệp lại làm một nhiều sở có ngạch quan-lai đặc-biệt nhau; khoản cải-cách (về các nha-môn quân-trưởng, về các quân-sảnh-hội-nghị, về cách tổ-chức các quận và các chợ, về cách tổ-chức các tòa án), thì đại-khái theo mấy tôn-chỉ như sau này: mở rộng quyền quản-hat của quan thẩm-phán, bãi-bỏ những quan-chức trung-gian không cần-dùng lắm, phân-quyền về các địa-phương cho các tư-tào trung-ương được bớt việc.

Các chức cùng các sở bị tỉnh-giảm hoặc bãi-bỏ đi như thế nhiều lắm. Nay lược-cử một vài khoản để thí-dự mà thôi.

Như thuộc về bộ Tài-chính, bỏ bớt đi 153 sở thu thuế (*recettes particulières*) cùng 92 sở văn-tự (*conservations d'hypothèques*) nhân-vì sửa lại các tòa án hàng huyện. Sở Thuế trực-tiếp (*Contributions directes*) và sở Trữc-hạ (*Enregistrement*) hợp lại làm một đặt một quan tổng-cục-trưởng, còn các phân-cục ở các địa-phương thời hoặc gồm một phần quận hoặc gồm hai ba quận làm một. Các Quan-thuế-cục (*Directions des douanes*) trong nội-địa nước Pháp giảm đi chỉ còn 22 sở, khu-vực mỗi sở ăn sâu vào nội-địa tới 60 cây-lô-mét để tiện việc tra-nã các kẻ buôn-bán lậu. Nhà in chánh của Nhà-nước (*Imprimerie nationale*) và sở Quan-bảo hợp làm một, đặt một quan cục-trưởng, gọi là « quan đầu cuộc coi các việc xuất-bán công của Nhà-nước. »

Thuộc về Bộ Lục-quân và Hải-quân, có mấy đạo sắc-lệnh bãi-bỏ nhiều tòa án binh về quân bộ quân thủy, nhiều nhà tù binh, 13 nhà thương binh, chức hải-quân quận-trưởng Rochefort và Lorient, sở hải-quân-chế-tạo ở Rochefort và sở Vieax-Guérigny. Ngạch biển-binh về hải-quân (*gendarmerie maritime*) không đặt thành ngạch riêng nữa và hỗn-hợp vào ngạch hiến-binh hàng quận. Những sở nuôi ngựa cần-dùng cho các đội kỵ-binh, thì nay thuộc về bộ Nông. Còn các dụng-cụ cần-dùng cho các sở lục-quân hải-quân (ngoài các binh-khi đạn-dược), thì

thuộc về chuyên-môn của bộ nào bộ ấy chế-tạo và cung-cấp, cho được tiện-lợi hơn.

Thuộc về bộ Công, thì việc canh-sát và tư-bỏ các đạo-lộ nay hợp-nhất cho có thống-thuộc hơn; những đường hỏa-xa của các địa-phương, các đường sông, các hải-cảng, nay phân-quyền cho địa-phương quản-trị cho được giản-tiện hơn. Ngách các quan coi về việc trước-bạ các thủy-thủ, thì sửa lại và định quyền-hạn ở các sông lớn, sông con và các vận-hà. Các sở bưu-diện và điện-thoại cho phân-thuộc các địa-phương.

Về bộ Học thì đã bỏ các trường trung-học-yếu-lược (*collèges*) thường số học-trò ít mà thầy giáo nhiều quá. Sau chỉ bỏ một vài sở thôi, còn định cứ giữ nhưng sáp-nhập với các trường cao-dẳng-tiểu-học và các lớp bổ-túc; lại cũng có thể sáp-nhập với các trường chuyên-môn, hay đem các trường chuyên-môn sáp-nhập vào cũng được.

Về các quận-huyện thời sắc-lệnh ngày mồng 10 tháng chín năm 1926, giảm bớt số các khu hành-chính, bỏ đi 106 chức huyện-trưởng và 70 chức tổng-thư-ký hàng quận. Chức huyện-trưởng vẫn còn giữ, nhưng quyền-hạn được rộng ra và có chuyên-trách phải trông nom công việc cho các thị-tỉnh, các việc nông-nghiệp, các việc từ-thiện. Trừ có quận-sanh-hội-nghị quận Seine, còn các hội-nghị khác bãi hết mà đặt ra 22 liên-quan quận-sanh hội-nghị (*conseils de préfecture interdépartementaux*).

Trong ý của Chính-phủ Pháp thì sự sửa-đổi lại các khu hành-chánh như thế là cốt để cho giảm bớt việc quan và nhẹ bớt cái quyền giám-đốc của Chính-phủ trung-ương. Sắc-lệnh ngày

mồng 5 tháng 11 năm 1926 thời Chính-phủ trung-ương ủy cho các quan-lại được thi-hành mấy chức-quyền của Chính-phủ, tức là cái thuyết phân-quyền cho quan-lại (*déconcentration*); Chính-phủ lại nhường cho các địa-phương nhiều chức-quyền mà Chính-phủ vẫn kiểm từ trước đến nay, tức là cái thuyết phân-quyền cho địa-phương (*décentralisation*). Cách tổ-chức các quận-huyện thị-tỉnh ở nước Pháp là do tự luật-lệ năm 1801, chủ-ý là qui-tập cả các chính-quyền về Chính-phủ trung-ương; đến luật ngày mồng 10 tháng 8 năm 1871 và luật ngày mồng 5 tháng 4 năm 1884, thời đã nói bớt cái quyền giám-đốc của trung-ương đi ít nhiều; đến ngày nay có sắc-lệnh mới này, thì lại càng rộng cho các địa-phương hơn nữa. Sự cải-cách mới này là chủ-ý khiến cho việc giao-tế của quyền địa-phương với quyền trung-ương cùng các tư-nhân được mau-chóng và bớt phiền-phí, lại khiến cho các hội-nghị hàng quận và hội-nghị hàng chợ được rộng quyền thi-thổ hơn. Như các quận được quyền liên-hiệp với nhau đề sáng-lập hoặc quản-lý những công-cuộc có ích-lợi chung cho mấy quận, cũng là tổ-chức những liên-đoàn (*syndicats*) có pháp-nhân-tư-cách.

Luật ngày 13 tháng 8 năm 1926 lại cho phép các quận và các chợ được đặt ra các thuế riêng. Sắc-lệnh ngày 28 tháng 12 năm 1926 lại cho phép các chợ và các liên-đoàn chợ được trực-tiếp kinh-lý lấy các công-cuộc ích-lợi chung có tính-cách về công-nghệ hay về thương-nghiệp, miễn là phải theo cho đúng thể-thức riêng đã định.

Sau hết, đến việc cải-cách về cách tổ-chức quyền tư-pháp. Sự cải-cách này là do mấy đạo sắc-lệnh ngày mồng 3 tháng 9, mồng 5 tháng 11 và mồng 10

tháng 12 năm 1926. Đại-khai thay đổi như sau này :

1) Bỏ hết các tòa án hàng huyện, và đặt ra các tòa án hàng quận, chia ra từng ban. Thành ra trong 359 tòa án, bỏ đi 227, nhân đó giảm cả số các nhà tù và các sở văn-tự

2) Tỉnh nào bỏ tòa án thì đặt ra một chức thẩm-phán ủy-viên (*juge délégué*) để thay quyền quan chánh-án cũ.

3) Các tòa án trị-an, nghĩa là tòa án sơ-cấp, và các công-sự hội-ngi (*conseils de prud'hommes*), được rộng quyền quản-hạt hơn trước, và ba tòa án trị-an liền nhau được hợp làm một ở dưới quyền quản-hạt một quận.

Đó là mấy sự thay đổi trong cách tổ-chức quyền hành - chính tư - pháp ở nước Pháp, theo các luật và lệnh năm 1926, chủ-ý là để cho cái máy chính-trị được giản-dị hơn và để tỉnh-giảm bớt những khoản kinh-phí không cần lắm. Sự cải-cách đó không khỏi có điều thiệt đến quyền-lợi riêng của nhiều người, nhưng chủ-ý Chính-phủ Pháp là chỉ vì sự lợi-ích chung cho cả nước, cho nên sau một hồi dư-luận phân-vân, kể bàn ra người nói vào, rồi cũng êm dần cả, và đến nay thời dường như ai ai cũng đều công-nhận cả. Như trên kia đã nói, trong các việc cải-cách ấy, có việc cần phải đem ra Nghị-viện duyệt mới thành luật nhất-định, hiện nay thì Nghị-viện chưa duyệt hết cả, nhưng sớm trưa thế nào cũng sẽ duyệt hết (1).

★

Ý-kiến một người Nhật-bản về vấn-đề Mãn-châu. — Bác-sĩ WASHIO là một nhà Chi-na-học có tiếng, lại là một người rất am-hiểu việc chính-trị nước Nhật, biết bình-tình phân-đoán về các vấn-đề ngoại-giao rất khó-khăn. Ông có viết trong báo *Japan Advertiser* một bài về tương-lai đất Mãn-châu, đứng về phương-diện khách-quan mà bình-luận, trong bài ấy có nói rằng :

« Ở Nhật-bản ai ai cũng cho đất Mãn-châu không phải là đất liền với nước Tàu. Mãn-châu trước bị người Nga xâm-lấn, nhờ Nhật-bản tồn tại một triệu người và bao nhiêu triệu bạc mới khiến cho thoát khỏi được nước Nga. Sau trong khoảng hai-mươi năm, nội-dịa Tàu loạn tứ-tung, cũng nhờ có Nhật nên đất Mãn-châu mới được yên-ổn. Đường xe lửa Nam-Mãn của người Nhật quản-lý là đường xe lửa chạy tốt nhất ở nước Tàu, không có những sự lói-thối tắc-trở như các đường khác. Không có nước Nhật chủ-trương quả-quyết, thì Mãn-châu bao giờ được phát-dạt như bây giờ... »

Như thế thì đất Mãn-châu có thể coi như một nơi trường-sở của ba nước Nhật, Tàu và Nga tiếp-xúc nhau. Bác-sĩ WASHIO xét về tình-trạng đó thấy đã thay đổi khác trước nhiều. Ông nói rằng :

« Thập-bát-tĩnh của Tàu vẫn khổ-nạn về cái họa nội-loạn ; đất Mãn-châu cứ tuần-tự mở-mang ra, có lẽ trong thế-giới không có xứ nào phát-dạt mau bằng xứ này. Mà có điều lạ thay, là cái công-phu mở-mang phát-dạt ấy, không phải từ người Nhật, chính là từ người Tàu đến thực-dân ở đấy.

(1) Đây là nói những sự cải-cách từ năm 1926 đến giờ. Còn muốn biết cho tường-cách sắp đặt các quyền hành-chính tư-pháp ở nước Pháp thế nào thì nên xem sách *Chính-trị nước Pháp* của bản-chí chủ-bút mới xuất-bản trong bộ « Nam-Phong tùng-thư ».

« Đất Mãn-châu có thể thành một nơi thuộc-địa cho các nhà tư-bản Nhật; nhưng không bao giờ thành một đất thực-dân cho người Nhật. Từ trước đến nay cũng vẫn thế. Khi nước Nhật lấy lại đường xe-lửa Nam-Mãn của nước Nga, Chính-phủ Nhật mong rằng có thể cho người Nhật sang thực-dân ở Mãn-châu, ước vào số một triệu người trong khoảng mười năm. Lối nay nước Nhật quản-lý đường Nam-Mãn đã hai-mươi năm rồi, mà tính ra số người Nhật ở Mãn-châu không được 20 vạn người, mà trong số đó đến 90 phần trăm chỉ ở khu-khu trong một dải đất hẹp là đất bán-đảo Quan-đông và những đất tô-giới ở hai bên đường xe-lửa mà thôi. Về phía bắc, hạt Cát-lâm và Hắc-long-giang có vô số đất tốt và bỏ hoang, thì cả thấy không được sáu nghìn người Nhật ở, phần nhiều là người làm của Nhà-nước hay đại-lý của sở buôn. Ngay ở miền Nam cũng chỉ có ít người Nhật chuyên về nghề nông, hoặc là tự-lập, hoặc là nhờ sở xe-lửa giúp đỡ cho, nhưng phần nhiều hỏng cả. »

Ngang đường xe lửa, ở về gần phía nam nơi gọi là *Chang-choun*, sở xe-lửa Nam-Mãn có đặt một sở thí-nghiệm canh-nông. Nhưng năm năm trước bác-sĩ Washio có đến khảo-sát ở đây thì không nghe nói có người Nhật nào lợi-dụng những sự thí-nghiệm ở sở ấy về việc khai-khẩn ruộng đất cả.

Còn người Tàu làm ruộng thì cứ làm theo lối cũ, không biết rằng sở thí-nghiệm có hay không nữa. Những nơi nào người Nhật xuất tái xuất của đến khai-khẩn hỏng cả, thì người Tàu không có gì mà làm vẫn được. Có những di-dân Tàu ở tỉnh Sơn-đông lên, không có một đồng xu nhỏ trong người, thường đi đất tự Sơn-đông lên Mãn-châu cho khỏi mất tiền xe lửa, thế mà trong khoảng năm sáu năm thành điều-chủ phủ-hộ cả.

Cải phong-trào di-dân tự Sơn-đông lên Mãn-châu, thì tự trước cho đến khoảng năm 1920 chỉ thấy vào độ ngày mùa mà thôi. Mùa gặt thì lên, hết mùa lại về, mỗi người dễ dàng được chừng một trăm « viên » (*yen*) đem về. Không mấy người là ở lại để biệt-lập cày-cấy. Nhưng tự năm 1920 đến giờ thì cái số di-dân lên sinh-cơ lập-nghiệp ở Mãn-châu càng ngày càng nhiều. Trong năm 1925, số dân Đông-tam-tỉnh, vừa số di-dân, vừa số sinh-dê, ước tới bảy tám mươi vạn. Năm 1926, những một số di-dân đã được 80 vạn người, phần nhiều đến là có chi ở đấy, và đem cả vợ con theo.

Bác-sĩ Washio xét dân-số Mãn-châu tăng lên cũng mau bằng dân-số Nhật-bản, và chỉ trong hai ba năm nữa cái suất-số tăng ấy sẽ cao hơn ở Nhật-bản. Hiện nay dân-số Đông-tam-tỉnh ước được 23 triệu người, chiếu với diện-tích thì cái mật-độ là 50 người một dặm vuông.

Bác-sĩ Washio lại bình-luận mấy câu như sau này :

« Chính người Mãn-châu thì là một giống người lười-biếng ngu-độn, dường như khi-lực đã kiệt. Dân-số mỗi ngày một tăng lên, nhờ số sinh-dê và số di-dân hằng năm ở Sơn-đông lên, hết thấy là người Hàn cả. Thường lên ở phía bắc Mãn-châu, chứ phía Nam thì không còn chỗ nào, chính người Nhật cũng cho là không có đường mở-mang được nữa. Nếu cho đất Mãn-châu là nơi trường-sở của ba nước Nhật, lâu và Nga tiếp-xúc nhau, thì là nói về Bắc-bộ Mãn-châu mà thôi; mà ở Bắc-bộ Mãn-châu thì cái thế-lực của người Tàu đương bành-trướng lắm... »

« Nghiệm như ở một thành Cáp-nhĩ-tân (*Kharbine*) thì dù biết cái thế-lực của người Tàu mạnh là dường nào. Tỉnh ấy là nơi thủ-đô của miền

cực đông Mãn-châu; nước Nhật xưa nay cũng không có địa-vị gì to ở đây; nhưng người Nga vẫn có quyền-lợi lớn ở đây đã lâu, nay thấy thiệt hại nhiều. Trong khoảng 10 năm nay, trong thành Cáp-nhĩ-tân người Tàu dựng lên hẳn một thành-phố biệt-lập, cắm cái mệnh-mạch kinh-tế cả vùng đó; mười năm ấy thì thế-lực người Nga thấy mỗi ngày một sút; nhưng ngay từ trước kia, xem cái cơ người Tàu sang thực-dân đông quá, thì đã thấy nguy cho địa-vị của người Nga ở Cáp-nhĩ-tân rồi. Ở Cáp-nhĩ-tân như thế, rồi ở các nơi khác về phía bắc Mãn-châu cũng sẽ thế cả...»

Xem như thế thì đất Mãn-châu đích-dáng là một đất thực-dân của người Tàu. Nhưng ngay từ khi người Tàu chưa lên thực-dân ở Mãn-châu nhiều như thế, người Tàu thấy người Nhật có ý dòm dòm Đông-tam-tỉnh cũng đã lấy làm ghen rồi. Xem như người Nhật trước kia không được quyền thuê đất ở Mãn-châu thì đủ biết vậy. Quyền ấy, nước Nhật yêu-cầu mãi đến năm 1915 mới được. Nhưng cứ pháp-luật thì được, mà cứ thực-sự còn nhiều điều ngăn-trở lắm, Chính-phủ Phụng-thiên vẫn không muốn để cho người Nhật thi-hành cái quyền ấy.

Bắc-sĩ WASHIO kết-luận nói rằng: «Nhân-vì người Tàu lên thực-dân rất nhiều, rồi đất Mãn-châu cũng sẽ thành như các đất khác trong nội-địa Tàu... Người Nhật, người Tàu ở Mãn-châu không bao giờ đồng-hóa nhau được. Ý-kiến tôi như thế, nếu quả là đúng như thế, thì Chính-phu Nhật không nên theo đuổi cái chính-sách cũ nữa, nên đổi phương-châm chính-trị đối với đất Mãn-châu, coi đất Mãn-châu cũng như các phần khác ở nước Tàu, nên cho là một chốn thị-trường để tiêu-thụ đồ hàng-hóa cho nước mình mà thôi. Như thế chẳng hơn dư?»

Thời-cực nước Tàu.— Cứ theo như điện-tin hằng ngày thì nước Tàu gần đây đã thành cuộc Nam-Bắc thống-nhất rồi, Nam-quân đã toàn-thắng mà Bắc-quân đã phá tán hết rồi. Trong mười tám hành-lĩnh nước Tàu, không đâu là không phất-phới ngọn cờ thanh-thiên bạch-nhật.

Trước khi Tưởng Giới-Thạch lên Bắc-bình (tên mới của Bắc-kinh) để mở cuộc hội-ng nghị, có bá-cáo rằng: «Quân quốc-dân hiện đã dẹp yên được mười tám tỉnh, bao nhiêu khoản thuế do Trương Tác-Lâm thu lấy một cách trái ngược và tàn-nhẫn thì đều tha cho hết cả. Quân quốc-dân đi đến chỗ nào, sẽ thực-hành chủ-nghĩa tam-dân, trừ hết trọng về việc dân-sinh, để trừ sự thống-khổ cho dân-chúng».

Ở Bắc-bình và Thiên-tân có mở cuộc hoan-nghehnh Tưởng và mừng cuộc Bắc-phạt đã thành-công, rất là náo-nhiệt; đến dự-hội có tới hơn một trăm đoàn-thể và dự cuộc hoan-nghehnh ấy có đến hai mươi vạn người.

Khi Tưởng đến Bắc-bình thì lấy chùa Bích-vân làm nơi hành-doanh. Phùng Ngọc-Tường cũng lên tới nơi, liền cùng đi làm lễ Tôn Trung-sơn, khi làm lễ Tưởng vào làm chủ-tế, Phùng Ngọc-Tường, Diêm Tích-Sơn, Lý Tôn-Nhân đứng trợ-tế, Hà Thành-Tuấn, Tưởng Tác-Tân, Phương Đình-Anh, Trần Đình-Nguyên, Phương Chấn-Vũ, Ngụy Ích-Tam, Bạch Sùng-Hy đều dự tế, và các đại-biêu các đoàn-thể đến dự hơn trăm người. Tưởng khóc đến mười phút đồng-hồ, ngã lặn trên linh-cữu, Phùng Ngọc-Tường phải chạy đến đỡ dậy. Có đọc một bài văn tế dài hơn ba nghìn chữ. Tế xong, ai nấy lại đều đứng lặng im trong ba phút đồng-hồ để tỏ ý thương-xót các chiến-sĩ trận-vong trong cuộc Bắc-phạt.

Tưởng Giới-Thạch lại cùng với Diêm Tích-Sơn, Phùng Ngọc-Tường

mở cuộc hội-nghị các lãnh-tự đảng quốc-dân bàn về việc tài-binh và chinh-dồn quân-bị. Lý Tế-Thâm ở Quảng-dông lên hội cũng biểu-dồng-tinh tảo-thành.

Xong rồi Tướng Giới-Thạch lại trở về Nam - kinh để mở cuộc toàn-thể quốc - dân hội - nghị lần thứ năm về đầu tháng tám tây sau này. Nước Trung-hoa hồi này thành ra lấy đảng trị nước, thể-lực đảng quốc-dân mà càng ngày càng vững-vàng. thì thể nước Trung-hoa lại càng tiến-bộ chóng lăm.

Đối với việc Đông-tam-tĩnh thì chính-phủ quốc-dân đã quyết-nghị lấy cái thủ-đoạn chính-trị mà giải-quyết, chứ không dùng binh-lực. Đối với hai phái mới cũ ở Đông-tam-tĩnh đều dung-thụ cả, không thiên-trọng bên nào. Phái mới thì muốn cho Trương Học-Lương kịp về nội-phụ. Phái cũ thì bị người Nhật xúi giục muốn giúp đỡ cho Trương Học-Lương giữ lấy Mãn-châu độc-lập. Song gần đây có tin rằng Tướng Giới-Thạch đã phái đại-biêu đến Phụng-thiên cùng Trương Học-Lương, Dương Vũ-Đình bí-mật thương-nghị mấy điều như sau : 1) Đông-tam-tĩnh xin theo về quốc-phủ thống-chế ; 2) xin thực-hành chủ - nghĩa tam-dân ; 3) xin treo cờ thanh-thiên bạch-nhật. — Tướng Giới-Thạch đã tuyên-bố rằng việc Mãn-châu giải-quyết đã xong, cứ để nguyên Đông-tam-tĩnh như cũ. Sẽ đặt một hội - đồng chính - trị phân-hội của chính-phủ quốc-dân ở Đông-tam-tĩnh, mà vẫn để cho Trương Học-Lương làm chủ - tịch.

Người Nhật nghe tin Trương Học-Lương đã đầu-thành về chính-phủ quốc-dân, thì đưa thư dọa nạt bảo rằng : Người Nhật vì sự phải giữ-gìn phần-lợi ích đặc-biệt ở Đông-tam-tĩnh, quyết dùng cái thủ-đoạn tương-dương hay lấy vũ-lực mà đối-đãi.

Công-sứ-đoàn các nước ở Bắc-kinh đều lấy việc nước Nhật làm ngăn-trở

sự thống-nhất và lòng tin-ngưỡng của Đông-tam-tĩnh, và xúi Trương Học-Lương chờ đợi cái chính-sách bảo-an, công-nhiên nói ra ở trong công-văn chính-thức, thực rõ-ràng là can-thiệp vào nội-chính của Trung-hoa. Các nước đều không đồng-y về việc đột-nhiên phế-uớc, nhưng đối với cách hành-động của nước Nhật, không thể ngó đi được, vì phạm đến cái chủ-quyền độc-lập của Trung-hoa.

Công-sứ Mỹ nói rằng nước Nhật làm như thế không khác gì coi Phụng-thiên như là thuộc-dịa của mình.

Trương Học-Lương thì phúc - đáp cho lãnh-sự Nhật rằng : Hết thấy các việc cử-động ở Đông-tam-tĩnh đều là theo ý dân cả, ý dân muốn phục-tùng chính-phủ Quốc-dân, đòi treo cờ thanh-thiên bạch-nhật, thì mình không có cách gì mà ngăn-trở được.

Nay việc Đông-tam-tĩnh mà giải-quyết xong, thì người Nhật dù dọa nạt, dù tìm kế xúi-giục thế nào để quấy rối Mãn-châu, chức chiếm lấy cái địa-vị đặc-biệt ở Mãn-châu đều thất-bại cả.

Đối với việc giao-thiệp ở Tế-nam thì người Nhật yêu-cầu mấy việc sau này :

1° Theo những điều-kiện phụ trong cuộc hội-nghị Thái-bình-dương, lấy Thanh-dảo làm nơi thị-khu đặc-biệt, thị - chính tự - do, không để cho quân - đội Trung - quốc được lấn vào, hết thấy các việc không cho Trung-quốc được bàn nói đến, nước Nhật sẽ cùng liệt - cường hợp sức quân-lý lấy ;

2° Thương-phụ ở Tế-nam phải thi-hành lối thị-chính đặc-biệt ;

3° Đường Giao - Tế từ sau khi nhường trả cho đến giờ, hồi-khoản bốn nghìn vạn đồng gốc lời đều chưa giao trả, nên phải dùng người Nhật làm

chức chủ-nhiệm vận-tải và chức chủ-nhiệm cõi-kế để đảm-bảo sự thu vào.

Song việc Tế-nam cũng còn chưa điều-dinh ra làm sao, nên người Nhật cũng còn chưa chịu rút hết quân đóng ở Sơn-dông về, thỉnh-thoảng lại sinh sự quấy rối. Mới rồi lại có xảy ra một việc hai bên quân lính xung-đột nhau.

Lại có tin rằng chính-phủ quốc-dân hiện đang dự-bị yêu-cầu nước Anh, Mĩ, Nhật, Pháp, Ý, lập-tức rút hết quân - hạm ở Trường - giang ra. Nói rằng Trung - quốc hiện nay đã dẹp xong cuộc nội-loạn rồi, các hữu-bang không cần phải quân-hạm đến để bảo-hộ kiều-dân nữa. Và chẳng các hữu-bang cứ phải quân-hạm đến đóng mồi ở Trung-quốc, thực có trái với công-pháp quốc-tế vậy.

Đối với các trai-khoản ngoại-quốc thì hội-đồng tài-chính của chính-phủ quốc-dân tuyên-bố rằng không chịu trách-nhiệm về các trái - khoản của chính-phủ Bắc-kinh.

Đối về việc tu-ước thì chính-phủ quốc-dân đã yêu-cầu liệt-cường lập lại các giao-ước mới, để thế tất cả các giao - ước cũ. Chính-phủ quốc-dân lại tuyên-bố rằng: Phạm các điều-ước Trung-Ban, Trung-Bồ, Trung-Ý, Trung-Đan, đã hết hạn, thì từ nay các kiều-dân các nước ấy phải chịu dưới quyền bảo-hộ nước Trung-hoa cho đến ngày có điều-ước mới.

Điều - ước Trung-Nhật thì người Nhật còn viện lẽ muốn gia hạn mười năm nữa, cực-lực phản-đối, làm ngăn-trở việc tu-ước.

Việc vận-dộng bãi bỏ các điều-ước bất - bình - đẳng ấy là một việc rất quan - hệ cho tiền-đồ thống - nhất của nước Trung - hoa. Nếu cái kế hoạch phá - hoại tu - ước của người

Nhật mà thành-công thì các nước khác tất cũng hùa vào phản-kháng không chịu lập lại các điều-ước, thực làm ngăn-trở cho nước Trung-hoa, không những là có quan-hệ đến cái địa-vị thống-nhất độc-lập của Trung-hoa, mà đối với nước Nhật, Trung-hoa cũng bị lằm nõi thiệt-thòi nữa.

Song chính-phủ quốc-dân cũng khéo vận-dộng về đường ngoại-giao, được ngay nước Mĩ tán-thành trước tiên, khiến cho cái âm-mưu bí-kế của người Nhật muốn ngăn-trở việc tu-ước phải bị thất-bại.

Xem như tờ thông-diệp của nước Mĩ đưa cho chính-phủ Trung-hoa rằng: «Mới vài tháng nay thời-cực Trung-hoa tiến-bộ rất chóng. Nước Mĩ tôi rất mong nước Trung-hoa sớm gây dựng được chính-phủ trung-ương có thể đại-biểu được cả toàn-quốc, để đôi bên mở cuộc đàm-phán cho hồi-phục cái quyền quan - thuế tự-chủ của Trung-hoa. Gần đây chính-phủ Trung-ương đã có thể hoàn-toàn phụ trách cho cả nước Trung-hoa, thì vấn-đề tu-ước của hai nước Trung Mĩ, có thể cùng nhau đàm-phán được rồi. Và nước Mĩ tôi vẫn nghĩ rằng nước Trung-hoa muốn bước lên cái địa-vị độc-lập tự chủ, thì thế nào cũng phải bỏ hết những điều-ước bó-buộc...» Hiện nay Trung Mĩ đã tiếp-hợp ký xong cái điều-ước mới về ngạch quan-thuế Trung Mĩ rồi. Cái điều quan-hệ nhất có nói: Cái ngạch quan-thuế bảy giờ bải đi không có hiệu-lực nữa, và công-nhân cho Trung-hoa cái quyền đặt một ngạch quaa-thuế riêng bắt đầu thi-hành từ tháng giêng sang năm.

Việc Trung Mĩ tự-ước mà kết-quả mau chóng như thế, làm cho dư-luân người Nhật nhao-nhao rằng: «Nước Mĩ mà vội tu-ước với Trung-hoa như vậy, là muốn chiếm lấy cái địa-vị liên-

tu trong trường quốc-tế ở Trung-hoa.»

Một nhà báo Anh thì bảo rằng: «Cái chính-sách của chính-phủ Mĩ đối với Trung-hoa thật là dich-dàng, nước Anh cũng nên bắt-chước lắm. Nếu không biểu-linh về việc tu-ước với Trung-hoa ngay, thì không sao ngăn được Trung-hoa về sự cưỡng-bách Liệt-cường nhượng-bộ sau này». Nước Anh nếu cũng biểu-linh về việc tu-ước, thì nước

Nhật thành ra đứng vào cái địa - vị cô-lập.

Việc tu-ước này mà đã được nước Mĩ tâu-thành trước tiên, mà nước Pháp, nước Ban, nước Bồ, nước Ý, nước Đan-mạch cũng ưng thì nước Nhật dẫu hiềm-giáo đến đâu cũng không làm ngăn - trở được. Cái tiền-dồ thống-nhất độc-lập của Trung-hoa chẳng cũng đáng mừng lắm thay!

Việc trong nước

Vấn-đề nhân-công ở Đông-Pháp.

— Các nước có thuộc-địa ngày nay, nước nào cũng phải lo đến vấn-đề nhân-công cần dùng để mở-mang khai-khẩn các thuộc-địa. Như nước Tỉ-lợi-thì, có thuộc-địa Congo, đất nhiều người ít, đối với vấn-đề nhân-công rất lấy làm khốn-nạn, nên phải thực-dân, phải doanh-nghiệp nước Tỉ đã nói lên một câu thiết-tha như sau này: «Trước khi giồng cà-phê hay cây dầu, phải giồng lấy người đã.»

Ở Đông-Pháp thì vấn-đề nhân-công không đến nỗi khó-khẩn như thế, vì dân-số sánh với diện-tích thì cái mật-độ trung-bình là 28 người một cây-lô-mét vuông. Mãi cho đến mấy năm gần đây, còn có người yên-trì cho rằng ở Đông-Pháp không cần phải lo đến khoản nhân-công; hoặc có kẻ dự-liệu biết rằng việc kinh-tế mỗi ngày một mở-mang to-tát, cần phải tinh trước về vấn-đề nhân-công, thì thiếc - hạ cho những người ấy là lo xa vô-ích. Xem ra dư-luận trong bao lâu bị hoặc về cái họa dân-mãn ở mấy tỉnh trung-châu Bắc-kỳ, như tỉnh Năm-định tỉnh ra mỗi cây-lô-mét vuông có tới 596 người, như thế thì nhiều quá thật, cho nên thiên-hạ cứ tưởng lầm cho toàn-xứ dẫu dẫu cũng là dân đông cả, không lo gì đến vấn-đề nhân-công hết; thiên-hạ sở-

đĩ tin rằng thế nào cũng đủ người làm cho các công-cuộc kinh-tế trong bản-xứ, là cũng bởi rằng không ngờ các công-cuộc ấy mở-mang ra mau chóng to-tát như thế.

Trong suốt cõi Đông-Pháp từ khi chiến-tranh đến giờ, việc gì cũng phát đạt mau lắm. Việc khai-khẩn, việc công-chính càng ngày càng cần đến người làm, số nhân-công dùng bao nhiêu cũng hết. Khắp các nơi, chỗ nào cũng cần đến nhân-công mà chỉ trông vào mấy nơi dân-mãn như các tỉnh trung-châu Bắc-kỳ và mấy tỉnh phía bắc Trung-kỳ. Rồi kể liền ở Nam-kỳ, ở phía nam Trung-kỳ và các cao-nguyên xứ Mọi, thấy thiên-hạ đua nhau khai-khẩn ruộng đất, càng ngày càng nhiều. Đồng - thời ở Bắc - kỳ và phía bắc Trung-kỳ cũng xoay ra giồng-giọt nhiều thứ mới, nhân-công cũng phải cần dùng nhiều hơn trước.

Muốn biết số nhân-công cần cho việc khai-khẩn trong các xứ Đông-Pháp, thì nên biết diện-tích những ruộng đất khai-khẩn ở mỗi xứ là bao nhiêu. Ở Nam-kỳ, các ruộng đất của người An-Nam giồng cấy có 2.100.000 mẫu tây, trong số đó thì 1.775.000 mẫu cấy lúa; các đồn - điền của người Tây được 408.987 mẫu tây, trong số đó thì

được 243.543 mẫu đã khai-khẩn rồi. Ngoài-giã, từ tháng 7 năm 1925 đến giờ còn có đơn xin khẩn đất tới 710.000 mẫu tây, trong số đó thì 568.000 mẫu là do người bản-xứ xin; hiện đã cho khẩn 190.000 mẫu, riêng về phần người bản-xứ là 150.000 mẫu. Ở Trung-kỳ thì đơn xin khẩn tới nay là 247.255 mẫu tây. Ở Bắc-kỳ thì các đồn-diên tây tổng - cộng là 27.845 mẫu tây, và hiện nay có đơn xin chừng 20.000 mẫu nữa. Ở Cao-miên thì các đất xin khẩn hiện nay tới 140.000 mẫu tây. Sự khai-khẩn những diện-tích rộng như thế, cũng không có trở-ngại gì cho việc cây-cấy thường của người dân, vì các đất hoang khai-khẩn được nhiều thì trong xứ càng được thêm giàu có, tình-cảnh người dân càng được tấn-tới hơn, càng nhiều người mua thêm được ruộng đất, tức là cách làm giàu độc-nhất vô - nhị ở xứ này.

Nghề nông đã mở-mang như thế, các công-nghệ, các hải-cảng cũng càng ngày càng bành-trướng lên, cần đến nhân-công để làm thợ ở các tỉnh-thành, các công-xưởng cũng nhiều. Việc khai mỏ trong khi chiến-tranh và vào hồi giá bạc bấp-bông đã bị đình-dốn trong ít lâu, nay lại khôi-phục lại mà có ý phát-dạt hơn trước nhiều. Sau nữa lại còn các việc công-chính lớn, như việc đạo-lộ, việc hỏa-xa, cũng cần đến nhiều phu nhiều thợ lắm.

Bấy nhiêu công-việc cần đến nhân-công như thế thì làm thế nào đối-phó cho khắp được? Cứ lý-thuyết, đem dân-số với diện-tích các xứ Đông-Pháp mà so-sánh (cái mật-độ dân-số trung-bình cho năm xứ trong cõi Đông-Pháp là: Nam-kỳ 73 người một cây-lô-mét vuông, Bắc-kỳ 70, Trung-kỳ 35, Cao-miên 15, Ai-lao 4), thì vấn-đề xem ra không khó gì. Cứ thực - tế thì thật không phải là dễ: Người dân không thể đem dịch xứ nọ sang xứ kia như dịch quân cờ trên

bàn cờ vậy. Tuy vậy mà trong bao nhiêu lâu những người Pháp có lợi-quyền ở Đông-Pháp vẫn mơ - mộng không hiểu lẽ đó, cứ bằng-cứ ở số dân kể trên kia, vẫn tưởng rằng trong cõi hẽ có nơi cào thiêu nhân-công thì liền dịch ngay dân ở chỗ đông người đến được. Không biết rằng sự di-dân ấy có lắm nỗi khó - khăn vô - cùng.

Trước nhất có một sự trở-ngại về đường tinh-thần: là người bản-dân có lòng mến chốn quê-hương, thường ít chịu bỏ làng mà di-tha-phương cầu-thực. Còn lẽ nữa, là những nơi nào có dân-cư rồi thì mộ nhân-công ở nơi khác đến làm ăn hoặc còn dễ, chứ nếu vào những nơi còn hoang-mãng, thì nhất-dân mộ mấy nghìn phu đến cho làm ăn ở đấy thật là khó lắm. Vậy thì việc mộ, việc nuôi, việc dùng nhân-công, phải tổ-chức thế nào cho thỏa-hợp, thì cái vấn-đề nhân-công mới có thể giải-quyết được và sự khai-khẩn xứ Đông-Pháp mới được tuần-tự tấn-tới vậy.

Từ khi thiên - hạ hiểu cái vấn-đề nhân-công ở Đông-Pháp có điều khó-khẩn như thế, bấy giờ mới lưu-tâm nghiên-cứu. Chính-phủ đặt ra ở Nam-kỳ và ở Bắc-kỳ hai sở Thanh-tra lao-động để làm cái cơ-quan sưu-tập các tài-liệu về vấn-đề nhân-công và dự-thảo các thể-lệ nên thi-hành. Về phần các Viện canh - nông, viện thương-mại cũng lần-lượt điều-tra nghiên-cứu về vấn-đề ấy.

Chính-phủ có cử một viên quan cai - trị đã từng làm việc lâu ở các miền có ruộng đất khai - khẩn, là ông HENRI FOURNIER, điều-tra kỹ về vấn - đề ấy. Cứ kết - quả việc điều-tra ấy thì hiện ở Nam - kỳ có 29.000 người phu mộ làm ở các sở đồn-diên. Ở Cao-miên hiện mới có 2.500 người, nhưng cứ diện-tích đất xin khẩn thì phải cần đến 25.000 người mới đủ.

Còn ở Trung-kỳ thì ông FOURNIER ước rằng muốn khai-khẩn cả các đất đã cho ở vùng cao - nguyên xứ Mọi, đất ấy hiện nay chưa làm được mấy tí, thì phải cần đến hơn 30.000 phu mới đủ. Tuy-nhiên cứ xem như hiện nay giá cao-su sút kém, những đất xin để trồng cao-su có lẽ chưa khai-khẩn gấp đến ngay, thì cái số phu cho Trung-kỳ và Cao-miên đó, tưởng cũng chưa cần đến với.

Nhân các phương - diện điều-tra nghiên - cứu mà chia ra hai phái ý-kiến khác nhau. Một phái thì không muốn cho Chính-phủ can-thiệp vào, yêu-cầu cho các thể-lệ đặt ra được khoan-dung rộng-rãi. — Một phái thì lại muốn cho thể-lệ Nhà-nước đặt ra phải rõ-ràng tường-lập, để cho kẻ chủ mộ với kẻ phu mộ biết rõ quyền-lợi trách-nhiệm của mình.

Tuy - nhiên Chính-phủ đứng giữa không thể theo hẳn về phái nào được. Chính-phủ biết rằng tình-thế bên này không giống như bên Pháp, không thể nhất-dân đem những luật-lệ lao-dộng ở Pháp sang thi-hành ở đây được. Cái cơ sở dĩ-nhiên là kẻ lao-dộng bên này hãy còn khờ-dại lắm, chưa hiểu quyền-lợi mà cũng chưa biết trách-nhiệm của mình. Cho nên Chính-phủ đặt ra luật-lệ là phải chủ-ý bảo-hộ cho bọn đó, giữ quyền-lợi cho mà cũng bắt-buộc phải tuân theo cho đúng lời giao-kèo nữa.

Chính-phủ cũng các hội-ngộ đã điều-tra kỹ-càng rồi, bấy giờ mới thảo ra một bản thể-lệ về lao-dộng, ký Hội-đồng Chính-phủ năm ngoài đem ra thảo-luận, tuy có thêm khoản kinh-phí cho công khổ, nhưng đại-khải hội-đồng ưng thuận và duyệt-y cả. Nay thì kẻ chủ mộ và kẻ phu mộ đã biết rõ quyền-lợi trách-nhiệm của mình rồi; trong thể-lệ đã định rõ cách mộ thế nào, cách vận-tải xứ nọ sang xứ kia thế nào và

cách làm ăn ở các sở đồn-diễn thế nào; Chính-phủ lại đảm - nhận trông nom cho các phu mộ và coi-sóc cho tờ giao-ước của hai bên thi-hành được đúng. Sau hết có một điều đặc-sắc trong thể-lệ mới này, là Chính-phủ lo cho cái tình cầu-thả của kẻ lao-dộng, đặt ra lệ để dành, bắt các phu mộ mỗi tháng phải để dành ra bao nhiêu trừ vào tiền lương, để đến khi mãn-hạn, hoặc về làng, hoặc làm ăn ở ngay đấy, thì trả lại cho để làm vốn.

Thể-lệ đặt ra đã chu-tất như thế, mà khi tuyên-bố ra cũng có kẻ bài-bác, phần nhiều là ở bọn chủ mộ, trách rằng Chính-phủ làm như thế thì số kinh-phí của họ phải tăng lên nhiều; điều đó đã cố-nhiên rồi, nhưng họ có kinh-phí thêm lên mà họ được chắc-chắn hơn trước: việc mộ phu được Chính-phủ giám-đốc cho thì không có những sự lồi-thối thất-thường như trước; lại Chính-phủ thường trông-nom coi-sóc đến bọn phu mộ, là để giữ-gìn cho được yên-đàn làm ăn, khỏi nhiễm phải những cái tư-tưởng quá-khích ở ngoài; thế thực là lợi cho kẻ dùng nhân-công nhiều lắm.

Còn về phương-diện nhân-công, thì như trên kia đã nói, kẻ lao-dộng ở xứ này còn khờ-dại lắm, Chính-phủ đã đảm-nhận cái trách-nhiệm bảo-hộ cho thì xin bảo-hộ cho hết sức. Thể-lệ của Chính-phủ ban-bố ra vẫn là chu-đáo lắm, nhưng cốt là ở cách thi-hành. Hiện nay việc mộ nhân-công, việc chở nhân-công và dùng nhân-công ở các sở đồn-diễn Nam-kỳ, và nhất là Tân-đảo, còn có nhiều điều cưỡng-bách áp-ức, kẻ lao-dộng lấy làm phàn-nản lắm. Cứ xem như mấy cái thăm-kích xảy ra ở mấy sở cao-su Nam-kỳ thì đủ biết. Nhân mấy việc đó và nhân những lời kêu-ca của dân-gian, Chính-phủ Bắc-kỳ mới rồi đã phải phái một viên quan An-nam cùng với sở thanh-tra lao-dộng Nam-

ký đi khám xét các đồn-diền có dùng người Bắc; hiện quan phái-viên đã về Bắc, tất đã trình bày các điều cho quan thủ-hiến Bắc-kỳ rồi. Chính-phủ nay đã biết rõ cái tình-tệ thế nào, nên kíp tìm phương bổ-cứu, đặt cách thế nào cho các thể-lệ bảo-hộ nhân-công thi-hành được đúng, thế là ơn cho dân lắm.

Hiện nay việc mộ phu ở Bắc-kỳ có nhiều điều cưỡng-bách áp-ức lắm. do nơi các chủ mộ cai mộ làm xằng, xin Chính-phủ nên đặc-biệt chú-ý.

..

Lược-thuật việc trong tháng. —

Ngày 15-16 tháng 7 ở Bắc-kỳ có trận bão to, chiếc tàu *Cap Lay* của Công-ti *Chargeurs réunis* ở Tây sang đã gần đến bến Hải-phòng, bị gió đánh vào vịnh Hạ-long, đập phải một hòn cù-lao ở gần đảo Các-bà, vỡ đắm. Hành-khách và thuyền-viên chừng hơn 200 người, phần nhiều trôi được lên hòn cù-lao khỏi chết; còn bị đắm mất ước 50 người vừa Tây vừa Nam. Thật là một cái tai-nạn không ngờ, vì tàu đã sắp tới bến.

Giữa khi mưa bão to đó thì nước sông Nhị-hà cũng các chi-lưu đều lên cao lắm, có một vài hôm đã lấy làm lo. Nhưng đề các nơi mới đắp cao lên từ vụ lụt năm 1926 đều đứng vững được cả, nên được vô-sự. Nay nước đã xuống; thế là năm nay thoát nạn.

Hạ-tuần tháng 7, ở kinh-dô Nam-vang (*Pnom-penh*) làm lễ gia-miên vua Cao-miên Monivong. Lễ trọng-thể lắm, có quan quyền Toàn-quyền MONGUILLOT chủ lễ. Các xứ có phái đại-biên về dự. Vua Ai-lao thân-hành đến dự lễ.

Đầu tháng 8 có tin quan MONGUILLOT về Pháp nghỉ dưỡng-bệnh. Kể thức-giá cho rằng quan MONGUILLOT buồn vì không được tin thực-thụ, nên không

muốn ở bên này nữa. Có sắc-lệnh cử quan Thống-sứ Bắc-kỳ ROBIN quyền lĩnh chức Toàn-quyền thay quan MONGUILLOT, và cử quan Đồng-lý phủ Thống-sứ DOUGUET quyền chức Thống-sứ Bắc-kỳ thay quan ROBIN.

Giới-thiệu sách mới

1. — *Tình-sử*. NGUYỄN-QUANG-ÔNH biên-dịch. Mới xuất-bản quyền thượng, 93 bài, 212 trang. Giá 4 hào rưỡi. Bán ở Vĩnh-hưng-long thư-quán, 49-51 Phố Hàng Đường, Hà-nội.

2. — *Hàm cái đời nay*. Nhật-kỷ sự vợ. Hoat-kê tiểu-thuyết Tàu LAC-KHOÉ dịch, TRẦN DƯƠNG-LÊ duyệt. (Tức là tiểu-thuyết *Hồ cái già* đã đăng trong bản-chí, in thành sách), 128 trang. Bản hiệu sách Nam-ký, 17 boulevard Francis Garnier, Hà-nội, giá 5 hào.

..

Nam-Phong Tùng-Thư

Mới xuất bản :

Chính-trị nước Pháp, quyền nhất, nói về Hiến-pháp, Nội-các, Nghị-viện, và cách hành-chính ở các quận-huyện thị-tỉnh. PHẠM QUYÊN biên-dịch. — Bán ở Đông-kinh ấn-quán, giá 4 hào.

Quyển nhì nói về cách tổ-chức quyền tư-pháp và có Tự-vượng các danh-từ về pháp-chính đương tn.

Xin nhắc rằng «Nam-Phong Tùng-Thư», ngoài quyển *Chính-trị nước Pháp*, đã xuất-bản được 4 quyển: 1^o *Văn-minh luận*; 2^o *Ba tháng ở Paris*; 3^o *Văn-học nước Pháp*; 4^o *L'Idéal du Sage dans la Philosophie confucéenne*. — Mỗi quyển đều giá 4 hào, bán ở Đông-kinh ấn-quán, 80-82 Phố Hàng Gai, Hà-nội.